



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

DDCI
HẢI PHÒNG
2022



Đơn vị chủ trì, quản lý và thực hiện

UBND thành phố Hải Phòng

Cục Thống kê thành phố Hải Phòng

Economica Vietnam

Nhóm chuyên gia

Phạm Minh Tuyết

Phạm Tiến Dũng

Nguyễn Thúy Nhị

Trần Thị Phương

Lê Duy Bình

Lê Quỳnh Chi



ĐIỂM ĐẾN THÀNH CÔNG

CHUYÊN ĐỔI SỐ - NÂNG TẦM GIÁ TRỊ



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG



Để tham khảo báo cáo đầy đủ, hồ sơ, dữ liệu chi tiết về DDCI Hải Phòng,
đề nghị truy cập trang web:

<https://haiphong.ddci.org.vn/>

Hoặc quý vị có thể sử dụng điện thoại di động, máy tính bảng để quét mã QR dưới đây:



Tháng 3/2023

LỜI CẢM ƠN

Chi số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2022 là công trình đánh giá thực tiễn năm thứ ba về năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại các Sở, ban, ngành và địa phương của thành phố Hải Phòng.

Kết quả đánh giá DDCI Hải Phòng năm 2022 là việc thực hiện giữa ba cơ quan Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Cục Thống kê thành phố Hải Phòng và đơn vị tư vấn. Cục Thống kê thực hiện khảo sát DDCI Hải Phòng 2022. Đơn vị tư vấn đề xuất xây dựng báo cáo phương pháp luận, Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2022; phân tích dữ liệu, hoàn thiện báo cáo đánh giá và xếp hạng DDCI 2022. Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt báo cáo phương pháp luận, Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2022; phê duyệt kết quả điểm số, xếp hạng và Báo cáo kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thành phố Hải Phòng năm 2022.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn các ý kiến chỉ đạo và sự ủng hộ của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành, cũng như lãnh đạo tại các địa phương của thành phố đã ủng hộ quá trình triển khai thực hiện đánh giá DDCI.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo của Cục Thống kê thành phố, nhóm chuyên gia và các cán bộ khảo sát của Cục Thống kê đã trực tiếp tổ chức công việc khảo sát và nhập dữ liệu từ hoạt động điều tra tại từng địa phương. Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự nỗ lực của các cán bộ Cục Thống kê và tinh thần trách nhiệm của các điều tra viên để đảm bảo cuộc điều tra được thực hiện khách quan, chất lượng và đúng tiến độ thời gian.

Xin đặc biệt cảm ơn những góp ý quý báu về phương pháp luận từ các chuyên gia Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam gồm ông Đậu Anh Tuấn (Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phạm Ngọc Thạch (Phó Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phan Đức Hiếu (Chuyên gia kinh tế) cũng như rất nhiều các chuyên gia khác.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn và ghi nhận những ý kiến đóng góp về nội dung và chuyên môn của nhóm triển khai DDCI, cán bộ các Sở, ban, ngành và địa phương, các Hiệp hội Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, các Hội Doanh nghiệp - Doanh nhân quận, huyện và các cơ quan khác trong quá trình hoàn thiện phương pháp luận và triển khai Kế hoạch.

Các nhận định và ý kiến đánh giá trình bày trong báo cáo này là của Nhóm nghiên cứu, không nhất thiết đại diện cho quan điểm của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	4
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	6
DANH MỤC HỘP, HÌNH, BẢNG, BIỂU ĐỒ	8
CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG	12
1.1. Giới thiệu chung về DDCI Hải Phòng năm 2022.....	12
1.2. DDCI Hải Phòng năm 2022 và những điểm mới.....	13
1.3. Phương pháp triển khai DDCI Hải Phòng năm 2022.....	14
1.4. Phương pháp chọn mẫu.....	16
1.5. Thống kê mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022.....	17
1.6. Hệ thống chỉ số, chỉ tiêu thành phần trong DDCI Hải Phòng năm 2022.....	19
1.7. Đặc điểm khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022.....	21
CHƯƠNG II: CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH.....	24
2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh.....	24
2.2. Đánh giá chung về quá trình chuyển đổi số.....	26
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH NĂM 2022	31
3.1. Kết quả điểm số DDCI năm 2022.....	31
3.2. Sự thay đổi kết quả của các Sở, ban, ngành.....	33
3.3. Thay đổi điểm số các CSTP	35
3.4. Kết quả các chỉ số thành phần DDCI.....	36
CHƯƠNG IV: KẾT QUẢ DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022	62
4.1. Kết quả điểm số DDCI năm 2022.....	62
4.2. Sự thay đổi kết quả DDCI.....	65
4.3. Thay đổi điểm số của các CSTP.....	66
4.4. Kết quả các chỉ số thành phần DDCI.....	67
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	91
PHỤ LỤC.....	93

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BQL KKT	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng
CCHC	Cải cách hành chính
CNTT	Công nghệ thông tin
CSTP	Chỉ số thành phần
DDCI	Department and District Competitiveness Index (Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương)
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
DN	Doanh nghiệp
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
GD&ĐT	Giáo dục & Đào tạo
GTVT	Giao thông vận tải
HKD	Hộ kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
KH&CN	Khoa học & Công nghệ
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
LĐ-TB&XH	Lao động - Thương binh & Xã hội
NN&PTNT	Nông thôn & Phát triển nông thôn
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PCI	Provincial Competitiveness Index (Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh)
QLNN	Quản lý nhà nước
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân

VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VH&TT	Văn hóa và Thể thao

DANH MỤC HỘP, HÌNH, BẢNG, BIỂU ĐỒ

Danh mục hộp, hình, bảng

Bảng 1.1. Phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022.....	17
Bảng 1.2. Phiếu khảo sát DDCI Hải Phòng cấp địa phương năm 2022.....	18
Hình 4.1. Bản đồ phân phối điểm DDCI cấp địa phương năm 2022.....	64
Bảng 4.1. Điểm số đánh giá quy trình thực hiện các TTHC ở các địa phương.....	69

Danh mục biểu đồ

Biểu đồ 1.1. Tỷ lệ DN/HTX theo lĩnh vực trong DDCI cấp Sở, ban, ngành.....	22
Biểu đồ 1.2. Tỷ lệ DN/HTX theo lĩnh vực trong DDCI cấp địa phương.....	22
Biểu đồ 2.1. Tình hình kinh doanh của DN, HTX, HKD trong năm 2022-2021.....	24
Biểu đồ 2.2. Triển vọng kinh doanh của các DN, HTX, HKD trong DDCI 2022-2021.....	25
Biểu đồ 2.3. Tỷ lệ DN, HTX, HKD đánh giá về việc triển khai ứng dụng CNTT/chuyển đổi số.....	27
Biểu đồ 3.1. Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022.....	32
Biểu đồ 3.2. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành trong DDCI trong năm 2021-2022.....	33
Biểu đồ 3.3. Thay đổi thứ hạng của các Sở, ban, ngành trong năm 2021-2022.....	34
Biểu đồ 3.4. Sự thay đổi điểm số của các CSTP trong DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2021-2022.....	36
Biểu đồ 3.5. Điểm số CSTP gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC.....	37
Biểu đồ 3.6. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành ở CSTP gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC trong năm 2021-2022.....	38
Biểu đồ 3.7. Tỷ lệ số lần DN/HTX bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.....	38
Biểu đồ 3.8. Tỷ lệ DN/HTX phải bỏ ra để hoàn thành tất cả các thủ tục cần thiết để chính thức đi vào hoạt động trong 2020-2022.....	39
Biểu đồ 3.9. Điểm số CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT.....	40
Biểu đồ 3.10. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành ở CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT trong năm 2020-2022.....	41
Biểu đồ 3.11. Tỷ lệ mức độ DN/HTX thực hiện dịch vụ công trực tuyến ở các Sở, ban, ngành trong năm 2020-2022.....	42
Biểu đồ 3.12. Điểm số CSTP tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành.....	44
Biểu đồ 3.13. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành ở CSTP tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành trong năm 2021-2022.....	45
Biểu đồ 3.14. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá về chất lượng của các cuộc đối thoại, tham gia ý kiến của các Sở, ban, ngành.....	46
Biểu đồ 3.15. Điểm số CSTP chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật.....	47
Biểu đồ 3.16. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành trong CSTP chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật trong năm 2021-2022.....	48
Biểu đồ 3.17. Tỷ lệ DN/HTX phải tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra.....	49
Biểu đồ 3.18. Điểm số CSTP chi phí không chính thức.....	50
Biểu đồ 3.19. Mức thay đổi điểm số CSTP chi phí không chính thức của các Sở, ban, ngành trong năm 2021-2022.....	51
Biểu đồ 3.20. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá xu hướng tăng/giảm chi phí không chính thức trong năm 2020-2022.....	52
Biểu đồ 3.21. Điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng.....	53
Biểu đồ 3.22. Mức thay đổi điểm số CSTP Cạnh tranh bình đẳng của các Sở, ban, ngành trong năm 2021-2022.....	53
Biểu đồ 3.23. Điểm số CSTP hỗ trợ sản xuất kinh doanh.....	54

Biểu đồ 3.24. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành ở CSTP hỗ trợ sản xuất kinh doanh trong năm 2021-2022	55
Biểu đồ 3.25. Tỷ lệ DN/HTX được mời tham gia các chương trình hỗ trợ SXKD trong năm 2021-2022	56
Biểu đồ 3.26. Điểm số CSTP hiệu quả thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế.....	57
Biểu đồ 3.27. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành ở CSTP hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế trong năm 2021-2022.....	58
Biểu đồ 4.1. Kết quả DDCI Hải Phòng cấp địa phương năm 2022.....	64
Biểu đồ 4.2. Mức thay đổi điểm số của các địa phương trong DDCI năm 2021 và năm 2022	65
Biểu đồ 4.3. Mức thay đổi thứ hạng của các địa phương trong DDCI cấp địa phương năm 2021-2022	66
Biểu đồ 4.4. Mức thay đổi điểm của các CSTP trong DDCI cấp địa phương năm 2021-2022	67
Biểu đồ 4.5. Điểm số CSTP gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC.....	67
Biểu đồ 4.6. Mức thay đổi điểm số của CSTP gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC ở các địa phương trong năm 2021-2022	68
Biểu đồ 4.7. Tỷ lệ số lần HKD phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.....	69
Biểu đồ 4.8. Điểm số CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT.....	71
Biểu đồ 4.9. Mức thay đổi điểm số của CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT ở các địa phương trong năm 2021-2022.....	71
Biểu đồ 4.10. Mức độ HKD thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong năm 2021-2022.....	72
Biểu đồ 4.11. Điểm số CSTP tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương.....	73
Biểu đồ 4.12. Mức thay đổi điểm số của CSTP tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương ở các địa phương trong năm 2021-2022	74
Biểu đồ 4.13. Tỷ lệ HKD tham gia các cuộc đối thoại, lấy ý kiến về các chính sách trong năm 2021-2022	75
Biểu đồ 4.14. Điểm số CSTP chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật.....	75
Biểu đồ 4.15. Mức thay đổi điểm số của CSTP chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật ở các địa phương trong năm 2021-2022.....	76
Biểu đồ 4.16. Tỷ lệ HKD đánh giá về thời gian thực hiện TTHC so với quy định.....	77
Biểu đồ 4.17. Điểm số CSTP chi phí không chính thức	78
Biểu đồ 4.18. Mức độ thay đổi điểm số của CSTP chi phí không chính thức ở các địa phương trong năm 2021-2022	78
Biểu đồ 4.19. Tỷ lệ HKD đánh giá về xu hướng tăng/giảm chi phí không chính thức trong năm 2021-2022	80
Biểu đồ 4.20. Điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng.....	81
Biểu đồ 4.21. Mức thay đổi điểm số của CSTP cạnh tranh bình đẳng ở các địa phương trong năm 2021-2022.....	81
Biểu đồ 4.22. Điểm số CSTP hỗ trợ SXKD	82
Biểu đồ 4.23. Mức thay đổi điểm số của CSTP hỗ trợ SXKD ở các địa phương trong năm 2021-2022	83
Biểu đồ 4.24. Tỷ lệ HKD được mời tham gia vào các chương trình hỗ trợ SXKD.....	84
Biểu đồ 4.25. Điểm số của CSTP hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự.....	85
Biểu đồ 4.26. Mức thay đổi điểm số của CSTP hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự ở các địa phương trong năm 2021-2022.....	85
Biểu đồ 4.27. Điểm số của chỉ tiêu “UBND quận, huyện đã giải quyết hiệu quả các vụ việc liên quan tới an ninh trật tự”	87
Biểu đồ 4.28. Điểm số CSTP tiếp cận đất đai.....	88
Biểu đồ 4.29. Mức thay đổi điểm số của CSTP tiếp cận đất đai ở các địa phương trong năm 2021-2022	88

Biểu đồ 4.30. Tỷ lệ HKD đánh giá tính chủ động của các địa phương trong giải quyết các vấn đề về đất đai.....89



CHƯƠNG I

GIỚI

THIỆU

CHUNG

CHƯƠNG I:

GIỚI THIỆU CHUNG



1.1. Giới thiệu chung về DDCI Hải Phòng năm 2022

Năm 2020, lần đầu tiên thành phố Hải Phòng triển khai đánh giá DDCI và thu về những kết quả tương đối tích cực. Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục duy trì và đẩy mạnh tinh thần cải cách, hàng năm đều thực hiện đánh giá DDCI. Năm 2021, Hải Phòng mạnh mẽ vươn lên vị trí thứ 2 của bảng xếp hạng PCI với 70,61 điểm. DDCI Hải Phòng năm 2022 triển khai nhằm mục đích đánh giá tính sáng tạo và kết quả điều hành của các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, từ đó góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của Hải Phòng. Cách thực hiện này được đánh giá là một bước đi mạnh mẽ và nỗ lực cải cách của Hải Phòng hướng tới cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh một cách toàn diện.

Kết quả khảo sát năm 2021 nhận được sự quan tâm và đánh giá cao của các lãnh đạo thành phố về ý nghĩa và tác động lan tỏa. Tại hội thảo công bố kết quả DDCI 2021, ông Lê Anh Quân - Phó Chủ tịch Thường trực UBND thành phố Hải Phòng khẳng định: “Việc đánh giá DDCI năm thứ 2 với chủ đề “Cải cách không giới hạn” tiếp tục là một bước đi mạnh mẽ và nỗ lực cải cách của Hải Phòng hướng tới cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh một cách toàn diện. DDCI Hải Phòng năm 2021 tiếp tục tập hợp các đánh giá về cảm nhận của các cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD), bao gồm là các DN, HTX, HKD về công tác điều hành kinh tế của các Sở, ban, ngành và địa phương sẽ có những đánh giá, điều chỉnh thích hợp, nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại thành phố”.

Việc đánh giá DDCI năm thứ 2 với chủ đề “Cải cách không giới hạn” tiếp tục là một bước đi mạnh mẽ và nỗ lực cải cách của Hải Phòng hướng tới cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh một cách toàn diện.

Ông Lê Anh Quân - Phó Chủ tịch Thường trực UBND thành phố Hải Phòng

Chúng tôi tin tưởng và kỳ vọng vào việc đánh giá chỉ số DDCI sẽ tạo động lực để thành phố Hải Phòng làm tốt hơn nữa việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

Ông Nguyễn Trung Tuyên - Giám đốc Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng CDS

Cộng đồng DN, HTX, HKD cũng khẳng định sự tin tưởng và nỗ lực của thành phố trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thông qua triển khai DDCI. Ông Nguyễn Trung Tuyên - Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng CDS cho biết: “Thông qua chỉ số DDCI, chúng tôi có thể phản ánh được chân thực chất lượng và thái độ phục vụ của cán bộ, công chức cũng như cơ quan quản lý nhà nước khi đến làm các TTHC. Chúng tôi tin tưởng và kỳ vọng vào việc đánh giá chỉ số DDCI sẽ tạo động lực để thành phố Hải Phòng làm tốt hơn nữa việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; là cơ sở để DN chúng tôi

tin tưởng vào công tác chỉ đạo của các Sở, ngành, các cấp chính quyền trong nỗ lực vì sự phát triển của thành phố Hải Phòng”.¹

Với sự tham gia đánh giá của hơn 2.500 DN, HTX, HKD, DDCI đã tập hợp được những ý kiến, đánh giá tương đối sát thực tế về môi trường đầu tư, kinh doanh tại thành phố. DDCI đang dần trở thành một trong những công cụ hữu ích cho các cơ quan quản lý nhà nước trong đề xuất lập danh sách để thực hiện những chính sách cải cách thiết thực nhất cho cộng đồng kinh doanh.

1.2. DDCI Hải Phòng năm 2022 và những điểm mới

Phát triển và bổ sung một số câu hỏi mới: Trong phiếu khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022 đã rà soát, loại bỏ các chỉ tiêu không còn quan trọng, bổ sung một số câu hỏi mới để các DN/HTX/HKD đóng góp ý kiến thêm về những vấn đề chính mà họ thấy cần cải thiện trong thời gian tới. Những ý kiến này được tổng hợp và đề xuất (nếu có) trong báo cáo cuối cùng.

Cải tiến và hoàn thiện những CSTP hiện có theo phương pháp luận PCI năm 2021: Năm 2021, PCI đã có những điều chỉnh về các chỉ số và chỉ tiêu. Tuy nhiên nếu so sánh với phương pháp luận trước đây của DDCI Hải Phòng thì các CSTP đã có những lồng ghép từ những năm đầu thực hiện. Ví dụ như việc cấp phép trong đánh giá gia nhập thị trường, cạnh tranh bình đẳng giữa các nhóm đối tượng như DNNN, DN FDI, DN “thân hữu” với chính quyền và DN nhỏ và vừa, đánh giá mức độ sử dụng dịch công trực tuyến của DN, đánh giá việc thực hiện các cam kết đối thoại của các cơ quan nhà nước và lãnh đạo. Do đó, DDCI Hải Phòng vẫn tiếp tục cập nhật và hoàn thiện để phản ánh tốt nhất những chuyển động cải cách thực tế tại thành phố. Những CSTP hiện có cũng đã được chỉnh lý và hoàn thiện hơn. Cụ thể như sau:

- CSTP “Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép” đã được điều chỉnh thành “Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC” giúp đánh giá toàn diện hơn quá trình thực hiện TTHC ở các cơ quan từ lúc bắt đầu tìm hiểu thực hiện đến khi nhận kết quả. Phiếu khảo sát Sở, ban, ngành được bổ sung thêm câu hỏi về mức độ phức tạp của các giấy tờ/thủ tục mà các DN/HTX phải thực hiện thêm ở các cơ quan và tác động đến kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- CSTP “Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật” đã được bổ sung thêm các chỉ tiêu liên quan đến hiệu quả của việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong việc cắt giảm chi phí và thời gian cho DN/HTX.
- CSTP “Cạnh tranh bình đẳng” đã được điều chỉnh để phản ánh chính xác hơn về cảm nhận của người trả lời, nhấn mạnh tình trạng phân biệt đối xử giữa các DN lớn, DN FDI, DN “thân hữu” với chính quyền so với DN nhỏ và vừa.
- CSTP “Tính minh bạch và ứng dụng CNTT” đã được điều chỉnh để phản ánh đúng và rõ hơn về những tiêu chí liên quan. Các tiêu chí về thực hiện dịch vụ công trực tuyến được bổ sung, đánh giá về hiệu quả thực hiện. Ngoài ra, trong vài trường hợp, cách đặt câu hỏi được điều chỉnh để người đọc dễ hiểu hơn và đánh giá cảm nhận một cách chính xác.
- CSTP “Tính năng động và hiệu lực của cơ quan” và CSTP “Vai trò của người đứng đầu” đã gộp thành chỉ số “Tính năng động và tiên phong của cơ quan” vừa thể hiện được vai trò của người đứng đầu cơ quan trong công tác điều hành, vừa thể hiện sự linh hoạt của cả cơ quan và người lãnh đạo trong việc tạo thuận lợi cho môi trường kinh doanh, tránh việc trùng lặp các chỉ tiêu và đưa ra những câu hỏi thực tế, DN/HTX hoàn toàn có đủ hiểu biết để đưa ra nhận định và trả lời.
- CSTP “Hiệu lực thực thi văn bản pháp luật và thiết chế pháp lý” đổi thành “Hiệu lực thực thi văn bản pháp luật và hiệu lực thiết chế”. Trong đó, chỉ số này có điều chỉnh, cắt bớt một số chỉ tiêu về cơ chế khiếu nại, bổ sung thêm chỉ tiêu về hoạt động tiếp và đối thoại DN, HTX, HKD.

¹ <https://diendandoanhnghiep.vn/ddci-hai-phong-cai-cach-khong-gioi-han-225490.html>

Như vậy sau khi rà soát, Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh đối với khối Sở, ban, ngành giảm 01 Chỉ số, cắt bỏ 26 chỉ tiêu cũ, bổ sung 21 chỉ tiêu mới; Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh đối với khối Sở địa phương giảm 01 Chỉ số, cắt bỏ 35 chỉ tiêu cũ, bổ sung 25 chỉ tiêu mới. Sau khi điều chỉnh, bổ sung, Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh đối với khối Sở, ban, ngành gồm 08 chỉ số thành phần với 53 chỉ tiêu; Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh đối với địa phương gồm 09 chỉ số thành phần với 85 chỉ tiêu.

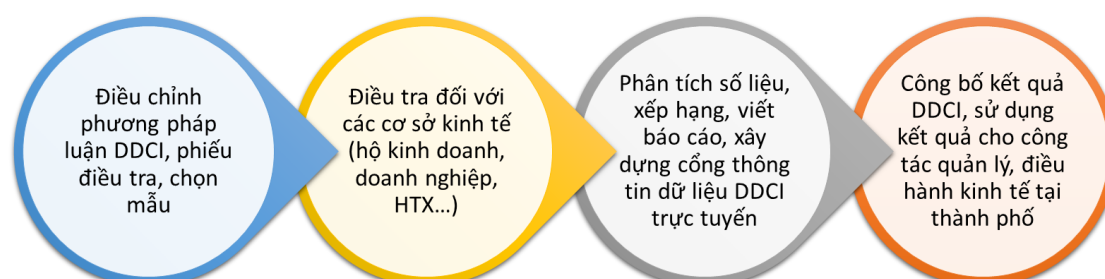
Vừa cập nhật vừa duy trì các CSTP: Trong quá trình nghiên cứu phương pháp luận PCI 2021 và thực tế rút kinh nghiệm từ 2 năm thực hiện DDCI, DDCI Hải Phòng đã rà soát, loại bỏ những chỉ tiêu không còn phù hợp, bổ sung những chỉ tiêu mới nhưng cơ bản vẫn giữ những chỉ tiêu và CSTP cơ bản. Bộ chỉ số DDCI Hải Phòng năm 2022 vừa phản ánh kịp thời nhịp độ cải cách của các cơ quan tại thành phố, với các chỉ tiêu phù hợp, đo lường được chất lượng quản lý, điều hành; vừa giữ được tính ổn định qua thời gian, là căn cứ để so sánh cho các cơ quan đánh giá chính xác những thay đổi, biến động về chất lượng điều hành kinh tế và kiểm nghiệm mối liên hệ với hiệu quả kinh doanh của DN/HTX/HKD.

Đẩy mạnh khảo sát trực tuyến: Việc khảo sát trực tuyến trên nền tảng platform đã được tăng cường sử dụng. Đề hình thức này được triển khai hiệu quả, hoạt động truyền thông đã được đẩy mạnh, đặc biệt là sự hỗ trợ của các cán bộ điều tra để hướng dẫn và theo dõi tiến độ và chất lượng phiếu trả lời. Ngoài ra, hình thức gửi thư điện tử đến các DN, HTX, HKD ngoài danh sách mẫu để thu thập thêm ý kiến đánh giá cũng được xem xét thực hiện.

1.3. Phương pháp triển khai DDCI Hải Phòng năm 2022

❖ Quy trình triển khai DDCI Hải Phòng năm 2022

Quy trình triển khai DDCI Hải Phòng năm 2022 được chia thành bốn bước chính như sau:



Bước 1: Điều chỉnh Phương pháp luận DDCI và phiếu điều tra: Việc hiệu chỉnh phương pháp luận chỉ số DDCI Hải Phòng năm 2022 dựa trên việc nghiên cứu tình hình thực tiễn, rút kinh nghiệm từ phương pháp luận PCI 2021, việc xây dựng phương pháp luận và quá trình triển khai điều tra, khảo sát, kết quả phân tích DDCI Hải Phòng năm 2020 và 2021. Việc hiệu chỉnh phương pháp luận chỉ số DDCI Hải Phòng năm 2022 đồng thời với việc hiệu chỉnh lại các công cụ khảo sát và phân tích, xử lý dữ liệu.

Bước 2: Tiến hành điều tra đối với các cơ sở kinh tế (DN/HTX/HKD): DDCI Hải Phòng năm 2022 khảo sát các DN/HTX/HKD thông qua khảo sát trực tuyến và trực tiếp. Các phiếu thu về được rà soát, giám sát nhằm đảm bảo chất lượng phiếu trả lời, sau đó được làm sạch, phê duyệt và nhập liệu vào hệ thống xử lý dữ liệu.

Bước 3: Phân tích số liệu và xây dựng báo cáo xếp hạng: Đơn vị tư vấn thực hiện tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu khảo sát, điều tra DDCI Hải Phòng năm 2022, tính toán điểm số và xếp hạng các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, từ đó xây dựng báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt về DDCI Hải Phòng năm 2022.

Bước 4: Phê duyệt và công bố kết quả đánh giá DDCI: Căn cứ văn bản trình duyệt của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố phê duyệt và tổ chức công bố kết quả điểm số, xếp hạng và Báo cáo kết quả đánh giá DDCI Hải Phòng năm 2022. Sau đó, đơn vị tư vấn thực hiện chia sẻ dữ liệu thống kê, báo

cáo phân tích, đánh giá, kết quả điểm số và xếp hạng DDCI Hải Phòng năm 2022 trên môi trường Internet.

❖ Đối tượng tham gia khảo sát

DDCI cấp Sở, ban, ngành

Đối tượng trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành của Hải Phòng năm 2022 chủ yếu là DN và HTX. Trong một số trường hợp, các HKD có thể lựa chọn tham gia đánh giá phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành khi các HKD đó thực sự có tương tác về quản lý điều hành hoặc thực hiện TTHC với Sở, ban, ngành. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thống nhất, trong các tài liệu về sau sẽ sử dụng thuật ngữ “DN/HTX” để đại diện chung cho các đối tượng đánh giá DDCI cấp Sở, ban, ngành.

DDCI cấp địa phương

Đối tượng trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương của Hải Phòng năm 2022 chủ yếu là các HKD. Ngoài ra, các HTX hoặc DN có đăng ký hoặc hoạt động ở quận, huyện và có tương tác với chính quyền địa phương cũng có thể lựa chọn trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thống nhất, các tài liệu về sau sẽ sử dụng thuật ngữ “HKD” để đại diện chung cho các đối tượng đánh giá DDCI cấp địa phương.

❖ Đối tượng đánh giá

DDCI cấp Sở, ban, ngành

DDCI cấp Sở, ban, ngành của Hải Phòng năm 2022 tiến hành đánh giá 21 Sở, ban, ngành, cụ thể như sau: (1) Sở Kế hoạch và Đầu tư, (2) Sở Tài chính, (3) Sở Tài nguyên và Môi trường, (4) Sở Xây dựng, (5) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (6) Sở Giao thông Vận tải, (7) Sở Khoa học và Công nghệ, (8) Sở Giáo dục và Đào tạo, (9) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, (10) Sở Công Thương, (11) Sở Tư pháp, (12) Thông tin và Truyền thông, (13) Sở Y tế, (14) Sở Văn hóa và Thể thao, (15) Sở Du lịch, (16) Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, (17) Công an thành phố, (18) Cục Thuế thành phố, (19) Cục Hải quan thành phố, (20) Bảo hiểm xã hội thành phố, (21) Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh thành phố Hải Phòng.

DDCI cấp địa phương

DDCI cấp địa phương của Hải Phòng năm 2021 tiếp tục đánh giá chất lượng điều hành của 15 quận, huyện trên địa bàn thành phố gồm: (1) Hồng Bàng, (2) Ngô Quyền, (3) Lê Chân, (4) Kiến An, (5) Hải An, (6) Đồ Sơn, (7) Dương Kinh, (8) An Dương, (9) An Lão, (10) Cát Hải, (11) Kiến Thụy, (12) Thủy Nguyên, (13) Tiên Lãng, (14) Vĩnh Bảo, (15) Bạch Long Vĩ.

Lưu ý: Theo Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 16/3/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc Thực hiện phân tích kết quả khảo sát, điều tra và công bố kết quả đánh giá DDCI năm 2021, triển khai đánh giá DDCI năm 2022 của thành phố Hải Phòng. DDCI cấp địa phương của Hải Phòng năm 2022 vẫn tiến hành khảo sát, đánh giá, chấm điểm huyện Bạch Long Vĩ, tuy nhiên không đưa kết quả khảo sát, đánh giá, chấm điểm của huyện Bạch Long Vĩ vào xếp hạng DDCI cấp địa phương của Hải Phòng năm 2022 để công bố mà sẽ ghi nhận kết quả khảo sát, đánh giá, chấm điểm đó mang ý nghĩa tham khảo nội bộ.

Tuy nhiên theo Công văn số 549/UBND-KTHT của UBND huyện Bạch Long Vĩ về việc cung cấp dữ liệu điện tử về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện thủ tục hành chính hoặc dịch vụ công điện tử từ ngày 01/10/2021 đến ngày 30/09/2022, sau khi rà soát các thông tin thực hiện, UBND huyện Bạch Long Vĩ không có DN/HTX/HKD thực hiện thủ tục hành chính hoặc dịch vụ công. Do đó, huyện Bạch Long Vĩ sẽ không có mẫu khảo sát trong triển khai DDCI Hải Phòng năm 2022 và không có kết quả năm 2022.

❖ **Cách thức tiếp cận điều tra**

Điều tra trực tuyến là phương pháp chủ yếu

DDCI Hải Phòng năm 2022 đẩy mạnh hình thức khảo sát trực tuyến trên nền tảng platform đối với nhóm đối tượng chủ yếu là các DN/HTX ở phiếu Sở, ban, ngành với tỉ lệ 100%.

Kết hợp khảo sát trực tiếp

Phương pháp phỏng vấn trực tiếp các DN, HTX, HKD theo danh sách mẫu đã được lựa chọn cũng được kết hợp song song trong điều tra DDCI Hải Phòng năm 2022. Nhóm đối tượng chủ yếu của phương pháp khảo sát trực tiếp là các HKD ở phiếu khảo sát cấp địa phương do khả năng tiếp cận công nghệ hạn chế hơn so với nhóm DN/HTX. Tuy nhiên, hình thức khảo sát trực tuyến vẫn được khuyến khích với các HKD đủ khả năng tham gia. Năm 2022, tỉ lệ khảo sát trực tuyến của các HKD ở phiếu địa phương đạt 14,59%.

Như vậy, tỉ lệ khảo sát trực tuyến trong khảo sát toàn thành phố đạt 71,84%, còn lại tỉ lệ khảo sát trực tiếp là 28,16%.

2.2.5. Thời gian điều tra

Thời gian điều tra khảo sát: tháng 12 năm 2022.

Thời hiệu của các thông tin, dữ liệu về cảm nhận, chấm điểm của DN/HTX/HKD đối với các nội dung được khảo sát là đối với năm 2022.

1.4. Phương pháp chọn mẫu

Danh sách mẫu khảo sát được tổng hợp từ danh sách tổng hợp các DN/HTX/HKD đã làm thủ tục hành chính tại các Sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện do các đơn vị này cung cấp; danh sách DN/HTX/HKD đang hoạt động do Cục Thống kê thành phố cung cấp cùng với danh sách DN/HTX/HKD có thực hiện nghĩa vụ nộp thuế do Cục Thuế thành phố cung cấp. Để tránh tình trạng danh sách chỉ có những DN/HTX/HKD có quá trình thực hiện TTHC tốt, không phát sinh vấn đề được lựa chọn, đơn vị tư vấn kết hợp cùng danh sách các DN/HTX/HKD do Cục Thống kê và Cục Thuế thành phố cung cấp để bổ sung thêm mẫu vào danh sách khảo sát với những trường hợp thiếu mẫu hoặc cần mẫu bổ sung. Những DN/HTX/HKD này vẫn đảm bảo đúng các tiêu chí chọn mẫu, đủ hiểu biết về các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện để đánh giá chính xác và khách quan.

Việc chọn mẫu sẽ thực hiện theo các bước như sau:

- Bước 1: Tổng hợp, rà soát và xác minh lại danh sách mẫu từ 3 đầu mối cung cấp. Đơn vị tư vấn sẽ loại bỏ các mẫu trùng lặp (do 1 DN/HTX/HKD có thể thực hiện nhiều thủ tục hành chính khác nhau ở 1 cơ quan) và làm sạch danh sách để tránh trùng mẫu (tránh trường hợp một DN/HTX/HKD đánh giá nhiều lần một đơn vị).
- Bước 2: Dựa trên số lượng mẫu tổng thể được tổng hợp, đơn vị tư vấn sẽ tiến hành xây dựng khung chọn mẫu bằng cách tính toán tỉ lệ và số lượng phân bổ mẫu dự kiến cho 2 phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành và DDCI cấp địa phương.
- Bước 3: Tiến hành chọn mẫu theo tỷ lệ đảm bảo các nguyên tắc cơ bản như có ý nghĩa thống kê (tức là số DN/HTX/HKD đạt được mức tối thiểu đối với từng đơn vị) và phù hợp với tỷ lệ DN/HTX/HKD thực hiện TTHC hoặc đang hoạt động ở địa phương (đơn vị nào có nhiều DN/HTX/HKD thực hiện TTHC/đang hoạt động ở địa phương thì lấy mẫu nhiều hơn đơn vị có ít DN/HTX/HKD thực hiện TTHC/đang hoạt động ở địa phương).

Trong quá trình chọn mẫu này, đơn vị tư vấn đồng thời xây dựng một số lượng mẫu dự phòng để thay thế trong trường hợp không thể liên lạc được DN/HTX/HKD hoặc DN/HTX/HKD không hợp tác trả lời phiếu khảo sát.

Cụ thể, phương pháp chọn mẫu cho từng bộ phiếu như sau:

Chọn mẫu điều tra đối với phiếu DDCI cấp Sở, ban, ngành

Các DN/HTX được lựa chọn để đánh giá những lĩnh vực mà họ đã từng làm việc hoặc có đủ hiểu biết về các Sở, ban, ngành thông qua 24 mẫu phiếu đánh giá 24 lĩnh vực của 21 Sở, ban, ngành. Mẫu khảo sát sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên và theo tỉ lệ DN/HTX có tương tác với Sở, ban, ngành (theo danh sách mẫu mà các Sở, ban, ngành đã cung cấp trước đó). Đối với một số Sở, ban, ngành có ít DN/HTX tương tác, danh sách mẫu sẽ ưu tiên lấy mẫu trước và lấy mẫu gần như toàn bộ danh sách mà Sở, ban, ngành cung cấp cũng như bổ sung thêm dựa trên phân loại ngành nghề đặc thù có tương tác và hiểu biết về Sở, ban, ngành đó. Đồng thời, nhằm cân đối tỉ lệ phân bố mẫu giữa các Sở, ban, ngành, mẫu khảo sát cũng giới hạn số lượng mẫu đối với các Sở, ban, ngành có số lượng DN/HTX tương tác lớn (Thuế, Bảo hiểm xã hội, Hải quan...) cho phù hợp.

Mẫu điều tra cho DDCI cấp Sở, ban, ngành được lựa chọn trên nguyên tắc đảm bảo bao quát các lĩnh vực chức năng quản lý nhà nước, điều hành kinh tế và dịch vụ công của Sở, ban, ngành.

Chọn mẫu điều tra đối với phiếu DDCI cấp địa phương

Phương pháp chọn mẫu khảo sát của DDCI cấp địa phương cũng là phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên nhưng theo cách phân tầng đồng tỉ lệ tại mỗi địa phương để đảm bảo tính đại diện của tất cả các nhóm HKD theo số lượng, ngành nghề sản xuất kinh doanh. Tỉ lệ này được tính toán dựa trên tỉ lệ số HKD ở địa phương đó trên tổng số HKD của thành phố. Với các địa phương có số lượng HKD thấp, mẫu HKD sẽ được điều chỉnh nhằm đảm bảo số lượng mẫu tối thiểu về mặt thống kê và cân đối với các địa phương có số lượng HKD lớn.

1.5. Thống kê mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

DDCI Hải Phòng năm 2022 tiếp tục đánh giá năng lực quản lý, điều hành của 2 nhóm: Sở, ban, ngành và địa phương. Khảo sát năm 2022 nhận được sự quan tâm của các đơn vị với số lượng phiếu thu về 2.578 phiếu, trong đó có 1.728 phiếu Sở, ban, ngành và 850 phiếu địa phương.

❖ Mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng cấp Sở, ban, ngành

Bảng 1.1. Phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022

Lĩnh vực	Số phiếu	Tỉ lệ %
Thuế	165	9,55 %
BHXXH/ BHYT	152	8,80 %
Hải quan	150	8,68 %
GTVT	140	8,10 %
ĐKKD	132	7,64 %
Xây dựng	129	7,47 %

Lĩnh vực	Số phiếu	Tỉ lệ %
Lao động - TB&XH	125	7,23 %
Quản lý KCN/KKT	120	6,94 %
Công an (Lĩnh vực khác ngoài PCCC)	77	4,46 %
CA/PCCC	66	3,82 %
Công Thương	53	3,07 %
NN&PTNT	51	2,95 %
Y tế	43	2,49 %
KH&CN	39	2,26 %
Đầu tư	35	2,03 %
TTTT, Viễn thông	32	1,85 %
Tài chính	32	1,85 %
Văn hóa, Thể thao	31	1,79 %
GD&ĐT	30	1,74 %
Tài nguyên - Môi trường	30	1,74 %
Ngân hàng nhà nước	28	1,62 %
Đất đai	27	1,56 %
Tư pháp	25	1,45 %
Du lịch	16	0,93 %
Tổng	1.728	100%

Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

❖ Mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng cấp địa phương

Bảng 1.2. Phiếu khảo sát DDCI Hải Phòng cấp địa phương năm 2022

Địa phương	Số phiếu	Tỉ lệ %
Huyện Thủy Nguyên	110	12,94 %

Địa phương	Số phiếu	Tỉ lệ %
Quận Lê Chân	105	12,35 %
Quận Ngô Quyền	80	9,41 %
Huyện Vĩnh Bảo	75	8,82 %
Huyện An Dương	70	8,24 %
Huyện Kiến Thụy	63	7,41 %
Huyện Tiên Lãng	62	7,29 %
Huyện An Lão	50	5,88 %
Quận Kiến An	50	5,88 %
Quận Hồng Bàng	45	5,29 %
Quận Hải An	45	5,29 %
Quận Dương Kinh	35	4,12 %
Huyện Cát Hải	30	3,53 %
Quận Đồ Sơn	30	3,53 %
Tổng	850	100%

Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

1.6. Hệ thống chỉ số, chỉ tiêu thành phần trong DDCI Hải Phòng năm 2022

Vai trò nhiệm vụ, chức năng quản lý của các Sở, ban, ngành có sự khác biệt rất lớn so với các cơ quan chính quyền cấp địa phương. Bên cạnh đó, đối tượng phục vụ cũng như đối tượng có quan hệ tương tác thường xuyên giữa các Sở, ban, ngành và chính quyền địa phương cũng rất khác nhau. Trong khi các đối tượng phục vụ chính của các Sở, ban, ngành là doanh nghiệp (và một phần nhỏ là các HTX, HKD) thì các địa phương, đối tượng phục vụ chính lại là HKD (và một phần là với các DN, HTX). Vì lý do này để đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng, DDCI được xây dựng gồm hai bộ chỉ số: (i) bộ chỉ số DDCI đối với cấp Sở, ban, ngành và (ii) bộ chỉ số DDCI cấp địa phương. Các chỉ số thành phần này có tính phổ quát chung và phù hợp với tất cả các đơn vị và do vậy là thang điểm chung với tất cả các đối tượng trong từng nhóm cơ quan chính quyền được đánh giá. Những chỉ số này được mô tả tóm tắt dưới đây:

- **(1) Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC:** Chỉ số này liên quan đến tất cả các TTHC mà các cơ sở kinh tế phải thực hiện trong quá trình hoạt động hoặc để đi vào hoạt động hoặc để dự án của mình đi vào hoạt động, như đăng ký kinh doanh, thủ tục đầu tư, thủ tục đăng ký lao động, thuế, bảo hiểm xã hội, cấp phép đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, môi trường... và việc cung cấp dịch vụ công, TTHC nói chung của sở, ban, ngành và địa phương.

- (2) *Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin*: Chỉ số này đánh giá khả năng và sự dễ dàng khi DN, HTX, HKD có thể tiếp cận những thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh và mức độ hữu dụng của ứng dụng CNTT trong cung cấp thông tin tới các đối tượng kinh doanh.
- (3) *Tính năng động và tiên phong của các cơ quan chính quyền*: Nội dung CSTP này tập trung vào các vấn đề như sự năng động, sáng tạo, tính tiên phong, chủ động, tích cực của lãnh đạo và các cơ quan chính quyền trong thực hiện các quy định chính sách của pháp luật và UBND thành phố và hiệu quả trong giải quyết các vướng mắc, khó khăn để tạo thuận lợi cho các DN/HTX/HKD.
- (4) *Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật*: Chi phí này đo lường thời gian, chi phí mà các DN/HTX/HKD phải bỏ ra khi thực hiện TTHC và tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh, cụ thể được đo lường bằng thời gian hay số lần đi lại cho việc tìm hiểu quy định, thủ tục, chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ, liên lạc, tiếp xúc với cơ quan có liên quan để thực hiện TTHC hoặc quy định của pháp luật, hoặc bằng thời gian DN phải dành cho việc tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra bởi các cơ quan quản lý.
- (5) *Chi phí không chính thức*: Chỉ số này đánh giá về phạm vi và mức độ của các khoản chi phí không chính thức mà các DN/HTX/HKD phải bỏ ra khi thực hiện các TTHC, khi thực hiện các quy định pháp luật hoặc trong quá trình tương tác với các cơ quan chính quyền trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- (6) *Cạnh tranh bình đẳng*: Chỉ số thành phần này đề cập đến sự đối xử công bằng giữa các cơ sở kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh khi gia nhập thị trường, khi tiếp cận các cơ hội kinh doanh, nguồn lực cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh, khi tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ. Cạnh tranh bình đẳng trong phạm vi khảo sát DDCI đưa ra được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các đối tượng kinh doanh với nhau theo hình thức sở hữu, theo quy mô của cơ sở sản xuất kinh doanh hay theo mức độ thân hữu với cơ quan chính quyền (ví dụ giữa DNNN, DN FDI với các cơ sở kinh doanh thuộc khu vực tư nhân, giữa DN/HTX/HKD lớn với DN/HTX/HKD nhỏ, giữa DN/HTX/HKD với DN/HTX/HKD “thân hữu” với chính quyền, giữa HKD với DN, HTX, giữa DN/HTX/HKD trong địa phương và ngoài địa phương).
- (7) *Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh*: Nội dung chỉ số này tập trung đến các lĩnh vực thuộc chức năng của các Sở, ban, ngành và địa phương trong việc thu hút đầu tư, tạo điều kiện giúp các cơ sở kinh tế phát triển tốt nhất và đo lường mức độ hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, các chương trình, chính sách hỗ trợ có tác động tới hoạt động kinh doanh của các DN/HTX/HKD.
- (8) *Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế*: Chỉ số này được xây dựng nhằm đánh giá hiệu quả của các cơ quan chính quyền trong việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật, chính sách (một nội dung quan trọng của thể chế) và cơ chế xử lý các khiếu nại, tố cáo từ phía cộng đồng dân doanh và các nhà đầu tư liên quan tới quá trình thực thi các quy định pháp luật.
Ngoài ra, riêng với DDCI cấp địa phương của Hải Phòng còn đánh giá thêm khía cạnh “an ninh trật tự” trong việc đảm bảo an ninh trật tự đảm bảo môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn, giảm thiểu các trường hợp gây nhiễu, phiền hà cho các DN/HTX/HKD hoạt động trên địa bàn từ góc độ an ninh, trật tự.
- (9) *Tiếp cận đất đai*: Chỉ số này chỉ áp dụng đối với DDCI cấp địa phương (quận, huyện). Chỉ số này chỉ đo lường mức độ thuận lợi có được địa điểm kinh doanh và tính minh bạch, hiệu quả của cơ chế giải quyết các thủ tục, quy trình về đất đai tại các quận, huyện trên địa bàn thành phố.

Các chỉ số thành phần của DDCI

DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

Chỉ số thành phần của DDCI được sử dụng nhằm đánh giá năng lực điều hành của cấp Sở, ban, ngành bao gồm 8 CSTP như sau:

1. Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC*
2. Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin
3. Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành
4. Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật
5. Chi phí không chính thức
6. Cạnh tranh bình đẳng
7. Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh
8. Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế

DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG

Chỉ số thành phần của DDCI được sử dụng nhằm đánh giá năng lực điều hành của cấp địa phương gồm 9 CSTP như sau:

1. Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC**
2. Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin
3. Tính năng động và tiên phong của các cơ quan chính quyền địa phương
4. Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật
5. Chi phí không chính thức
6. Cạnh tranh bình đẳng
7. Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh
8. Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự
9. Tiếp cận đất đai

*, **: Trong bộ chỉ số DDCI Hải Phòng, chỉ số “gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC” được hiểu là chỉ số liên quan đến tất cả các thủ tục mà các cơ sở kinh tế phải thực hiện để đi vào hoạt động hoặc đề dự án của mình đi vào hoạt động. Cách tiếp cận này phù hợp với xu thế chung và được sử dụng nhiều trong các phương pháp đánh giá như chỉ số “khởi sự kinh doanh” trong báo cáo Doing business của World Bank, chỉ số “gia nhập thị trường” trong báo cáo PCI của VCCI, chỉ số “khởi sự doanh nghiệp” trong báo cáo APCI của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ.

1.7. Đặc điểm khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

❖ Đặc điểm mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022 cấp Sở, ban, ngành

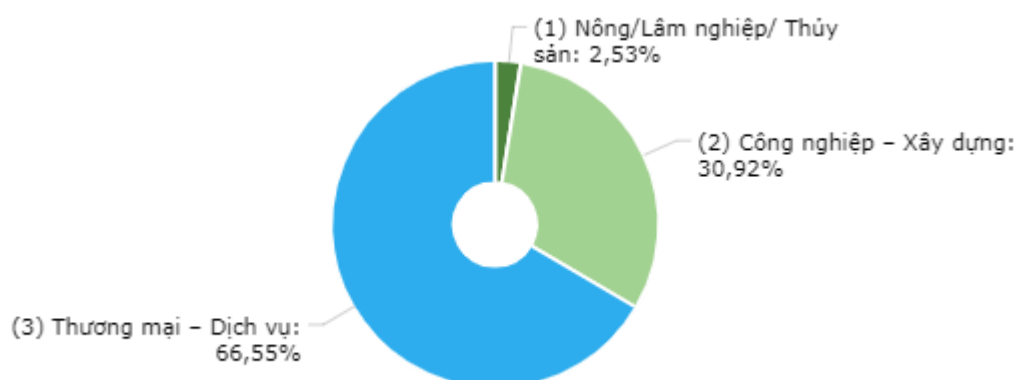
DDCI Hải Phòng cấp Sở, ban, ngành được tổng hợp từ 1.728 các cơ sở SXKD. Trong đó, phần lớn là các DN tham gia chiếm 96,65%, còn lại 2,35% là các HTX và 1% còn lại là các tổ hợp tác và một số ít HKD tham gia khảo sát. Cụ thể, DN khu vực tư nhân trong nước chiếm phần lớn với 71,84%, DN có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 14,23%, DNNN chiếm 6,67% và còn lại khoảng 7% DN thuộc loại hình khác.

Theo giới tính, chủ DN/HTX tham gia khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022 phần lớn là do nam giới làm chủ, chiếm 65,93%, gấp khoảng 2 lần so với tỉ lệ 34,07% DN/HTX do nữ giới làm chủ.

Theo lĩnh vực ngành nghề, thương mại - dịch vụ vẫn là ngành nghề kinh doanh chiếm tỉ trọng lớn nhất trong phân phối mẫu (66,55%), tiếp theo là ngành công nghiệp - xây dựng (30,92%) và nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 2,53%. Tỉ lệ này cũng khá tương đồng với dân mẫu khảo sát DDCI các năm trước.

Xét theo thời gian thành lập, các DN/HTX tham gia khảo sát được thành lập trong khoảng 2-5 năm gần đây chiếm 19,15%, từ 6-10 năm là 20,72% và cách đây trên 10 năm là 40,98%. Tỉ lệ DN/HTX mới được thành lập trong vòng 2 năm gần đây là 19,15%.

Biểu đồ 1.1. Tỷ lệ DN/HTX theo lĩnh vực trong DDCI cấp Sở, ban, ngành



❖ *Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022*

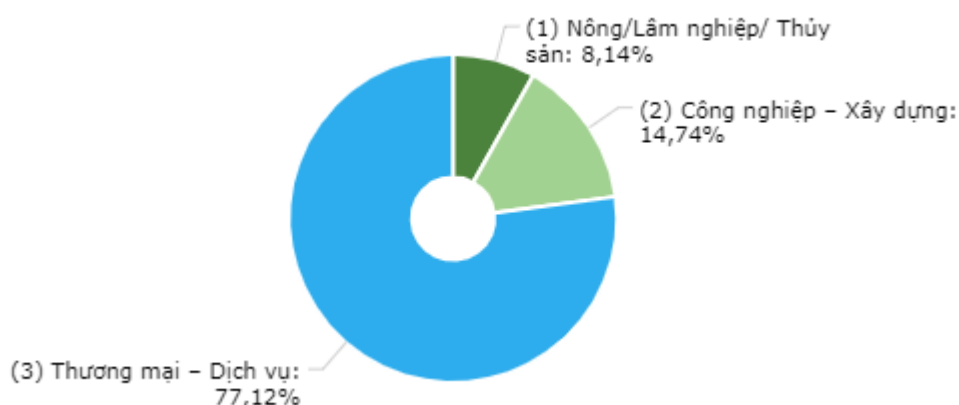
❖ **Đặc điểm mẫu khảo sát DDCI cấp địa phương**

DDCI cấp địa phương năm 2022 đã khảo sát 850 cơ sở SXKD (chủ yếu là HKD chiếm 94,38%, một số ít là DN/HTX chiếm 5,62%) từ 14 quận, huyện trong thành phố. Trong tổng mẫu, có 61,99% HKD do nam giới làm chủ, 38,01% do nữ giới làm chủ.

Nhằm đảm bảo các cơ sở SXKD được lựa chọn mang tính đại diện, năm đăng ký kinh doanh của các HKD trong mẫu khảo sát được phân bổ khá đồng đều. Trong đó, chiếm tỷ lệ thấp nhất là các HKD đăng ký trong 2 năm gần đây (6,49%), do phần nào các khó khăn trong bối cảnh dịch bệnh. Tỷ lệ HKD hoạt động trên 10 năm chiếm tỷ lệ khá lớn (40,14%).

Xét theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chiếm tỷ lệ lớn trong mẫu điều tra là các HKD trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ, chiếm tới 77,12%, tiếp theo là các HKD trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng 14,74%, các HKD trong lĩnh vực nông/lâm nghiệp/ thủy sản chiếm 8,14%.

Biểu đồ 1.2. Tỷ lệ DN/HTX theo lĩnh vực trong DDCI cấp địa phương



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022



CHƯƠNG II

CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH



CHƯƠNG II:

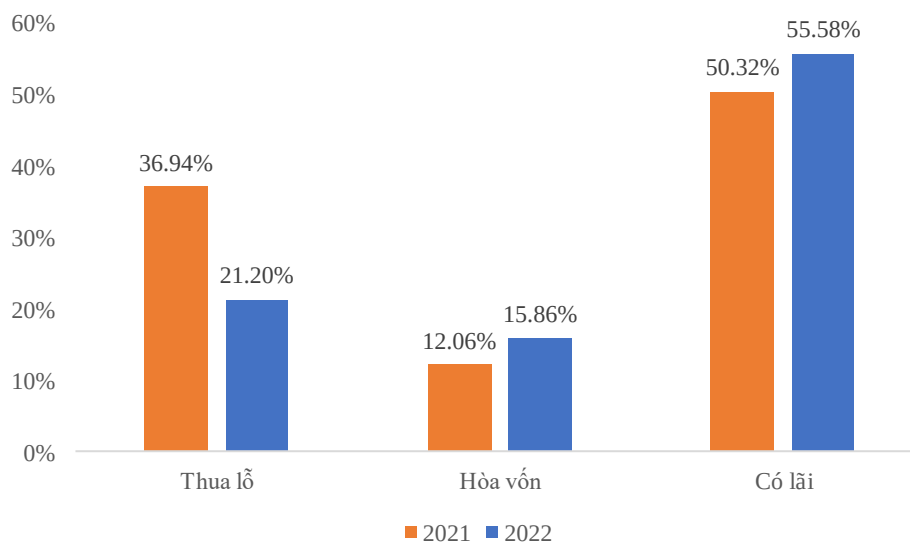
CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH

2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh

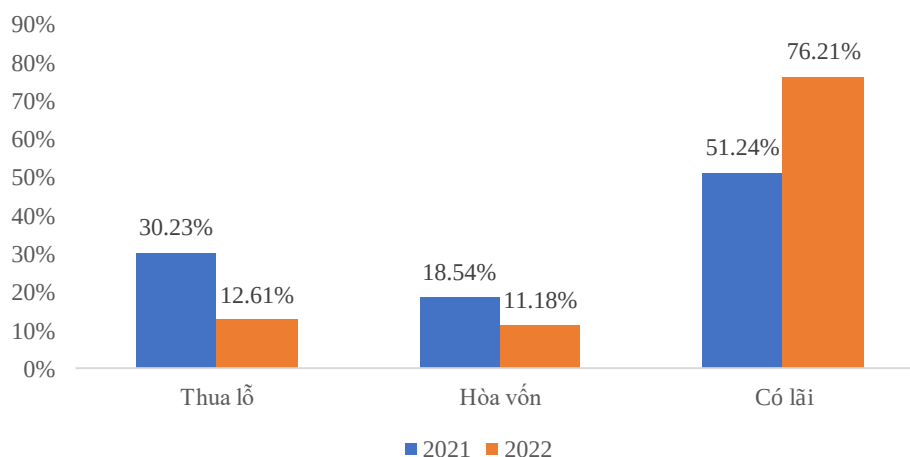
Bức tranh kinh doanh của cộng đồng sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố đang dần hé những gam màu sáng trong năm 2022, nhờ sự phục hồi của nền kinh tế hậu Covid-19 trong giai đoạn “bình thường mới”. Số liệu khảo sát từ DDCI Hải Phòng năm 2022 cho thấy phần lớn các DN, HTX, HKD kinh doanh có lãi. Cụ thể, đối với khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành, tỉ lệ DN/HTX hoạt động có lãi đạt 55,58%, cao hơn mức 50,32% năm 2021 và năm 2020. DN/HTX báo hòa vốn chiếm tỉ lệ 15,86%, cao hơn 12,06% năm 2021. Tỉ lệ kinh doanh thua lỗ là 21,2% năm 2022, đã giảm xuống tương đối so với 36,94% năm 2021. Đối với phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương, năm 2022 tiếp tục cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ với tỉ lệ HKD kinh doanh có lãi đạt 76,21%, tăng khoảng 25% so với mức 51,24% của năm 2021. Tỉ lệ kinh doanh hòa vốn và thua lỗ cũng giảm xuống so với năm 2021, đạt lần lượt là 11,18% và 12,61% trong năm 2022. Những con số trên đã cho thấy năm 2022 là năm có những điểm sáng phục hồi đối với cộng đồng SXKD ở thành phố trên đà ổn định và tốt hơn so với các năm trước.

Biểu đồ 2.1. Tình hình kinh doanh của DN, HTX, HKD trong năm 2022-2021

DN/HTX



HKD



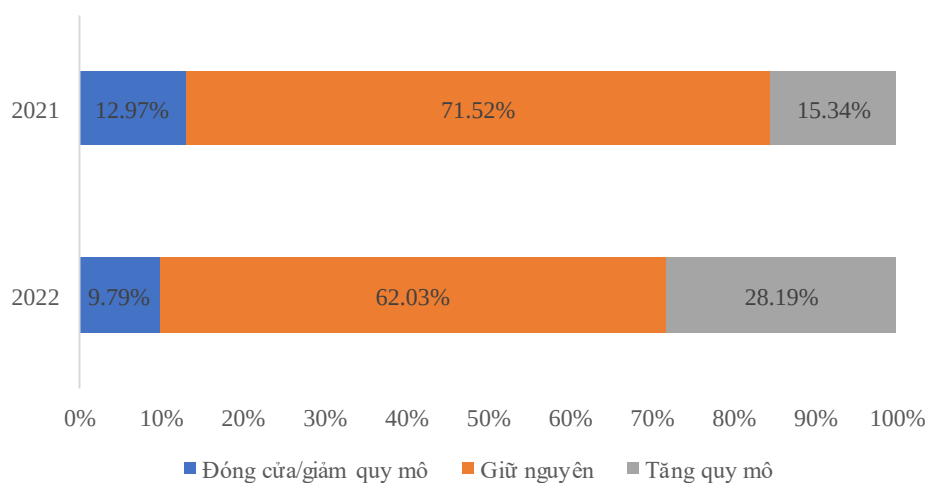
Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Ecomica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2022

Năm 2022 được nhận định là năm bắt đầu phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế hậu Covid-19, tuy nhiên những biến động về thị trường và các yếu tố khách quan khác cũng ảnh hưởng khá nhiều đến triển vọng kinh doanh của các DN, HTX, HKD. Kết quả khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022 cho thấy sự lạc quan và niềm tin kinh doanh đang dần tăng lên của cộng đồng SXKD. Trong dữ liệu DDCI cấp Sở, ban, ngành, tỉ lệ DN/HTX mở rộng quy mô đã tăng lên 28,19% trong năm 2022 so với 15,34% năm 2021. Tỉ lệ DN/HTX đóng cửa/ giảm quy mô cũng giảm từ 12,97% năm 2021 xuống 9,79% năm 2022. Song phần lớn các DN/HTX cũng thận trọng duy trì quy mô kinh doanh như hiện tại.

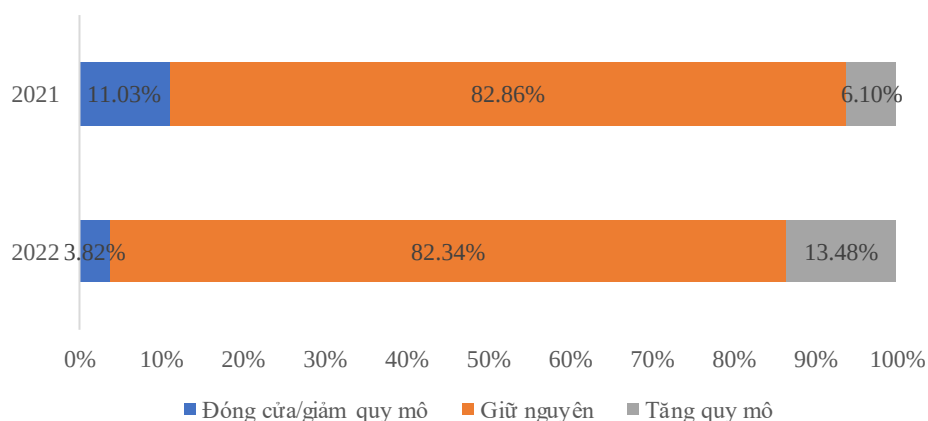
Đối với khảo sát DDCI Hải Phòng cấp địa phương, triển vọng kinh doanh của khối này cũng khá tương đồng với các DN/HTX. Tỉ lệ HKD mở rộng quy mô tăng gấp đôi so với năm 2021, từ 6,1% năm 2021 lên 13,48% năm 2022. Tỉ lệ HKD kinh doanh thua lỗ phải đóng cửa hay giảm quy mô cũng giảm đáng kể xuống 3,82% năm 2022 so với mức 11,03% năm 2021. Tuy nhiên cũng như các DN/HTX khác thì phần lớn các HKD vẫn giữ nguyên quy mô, chưa có ý định thay đổi.

Biểu đồ 2.2. Triển vọng kinh doanh của các DN, HTX, HKD trong DDCI 2022-2021

DN/HTX



HKD



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Ecomica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2022

Nhìn chung, bức tranh kinh doanh năm 2022 đã xuất hiện nhiều gam màu sáng với niềm tin lạc quan của cả cộng đồng DN, HTX, HKD, cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế và quyết tâm phát triển, đương đầu với các thách thức, biến đổi của các DN, HTX, HKD.

2.2. Đánh giá chung về quá trình chuyển đổi số

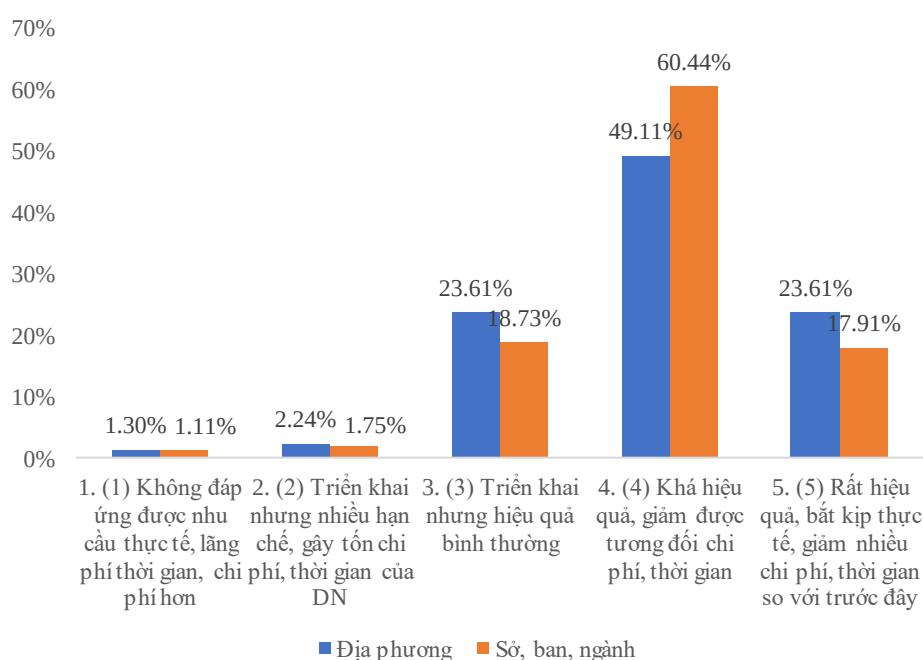
Chuyển đổi số đang là xu hướng tất yếu diễn ra trên toàn cầu, đặc biệt khi đại dịch Covid-19 đã thay đổi khá lớn cách thức vận hành vốn có. Tại Việt Nam, từ năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 479/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Thông qua chương trình chuyển đổi số quốc gia, Việt Nam đã mở cửa đón nhận công nghệ toàn cầu vào năm 2020 và nhận định chuyển đổi số là một trong những động lực tăng trưởng. Cùng với đó, thành phố Hải Phòng cũng đặt ra các chỉ tiêu chuyển đổi số của thành phố cao hơn mặt bằng chung của cả nước. Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng đã ban hành Nghị quyết số 03- NQ/TU ngày 26/10/2021 về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, đặt ra các mục tiêu lớn cho tầm nhìn 10 năm: phấn đấu hoàn thành mục tiêu xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số chiếm 35% GRDP thành phố; năng suất lao động hằng năm tăng ít nhất 16%; tạo ra các giá trị tăng trưởng mới từ kinh tế số, với ba trụ cột kinh tế: công nghiệp công nghệ cao, cảng biển - logistics, du lịch - thương mại, tạo nền tảng vững chắc để đến năm 2030 Hải Phòng trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, văn minh, bền vững. Thành phố đã có nhiều hành động cụ thể thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 3 Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XIV về “Chủ trương đầu tư dự án thực hiện một số nội dung đề xây dựng chính quyền số thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025” và chương trình phối hợp hành động thúc đẩy chuyển đổi số thành phố Hải Phòng trong giai đoạn 2022-2025 giữa Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Bộ Thông tin và Truyền thông.

Năm 2022 là năm khởi đầu cho quá trình chuyển đổi số của thành phố Hải Phòng tầm nhìn đến năm 2030. Với sự chỉ đạo quyết liệt và sự nỗ lực vào cuộc của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị, công cuộc chuyển đổi số tại thành phố đã có những tín hiệu lạc quan với kỳ vọng sẽ là “cú huych” để Hải Phòng phát triển nhanh, bền vững. Dịch vụ công trực tuyến tăng trưởng mạnh thể hiện qua tỉ lệ hồ sơ trực tuyến toàn thành phố tăng theo từng tháng (trung bình 55%/năm). Công dịch vụ công quốc gia đánh giá dịch vụ công trực tuyến của Hải Phòng giải quyết đúng hạn trên 98%. Những nỗ lực nêu trên được kỳ vọng sẽ tạo thay đổi đột phá trong xếp hạng chính quyền số thành phố Hải Phòng, đưa Hải Phòng thành nhóm tỉnh, thành phố dẫn đầu về chuyển đổi số.

Kết quả khảo sát DDCI góp phần củng cố những nhận định trên khi có tỉ lệ cao các DN, HTX, HKD đánh giá cao việc triển khai chuyển đổi số/ ứng dụng CNTT ở các cơ quan. Ở khối Sở, ban, ngành, có 78,35% các DN/HTX cho rằng đáp ứng tương đối hiệu quả, giảm được chi phí và thời gian, 18,73%

DN/HTX triển khai nhưng hiệu quả bình thường và chỉ có một tỉ lệ nhỏ 2,86% DN/HTX cho rằng việc triển khai chưa mang lại hiệu quả thiết thực. Đối với các HKD đánh giá về chuyển đổi số ở các địa phương, phần lớn các HKD cho biết hiệu quả triển khai tốt, chiếm 72,72%. 23,61% HKD khác thì cho rằng dừng ở mức bình thường và 3,54% HKD còn lại đánh giá khá kém về hiệu quả triển khai chuyển đổi số. Có thể thấy, đa số các DN, HTX, HKD đều tin tưởng và khá hài lòng về việc triển khai chuyển đổi số/ ứng dụng CNTT, cho thấy sự đồng đều và nỗ lực thực hiện cải cách, đổi mới trong cung cấp dịch vụ công thông qua chuyển đổi số.

Biểu đồ 2.3. Tỉ lệ DN, HTX, HKD đánh giá về việc triển khai ứng dụng CNTT/chuyển đổi số

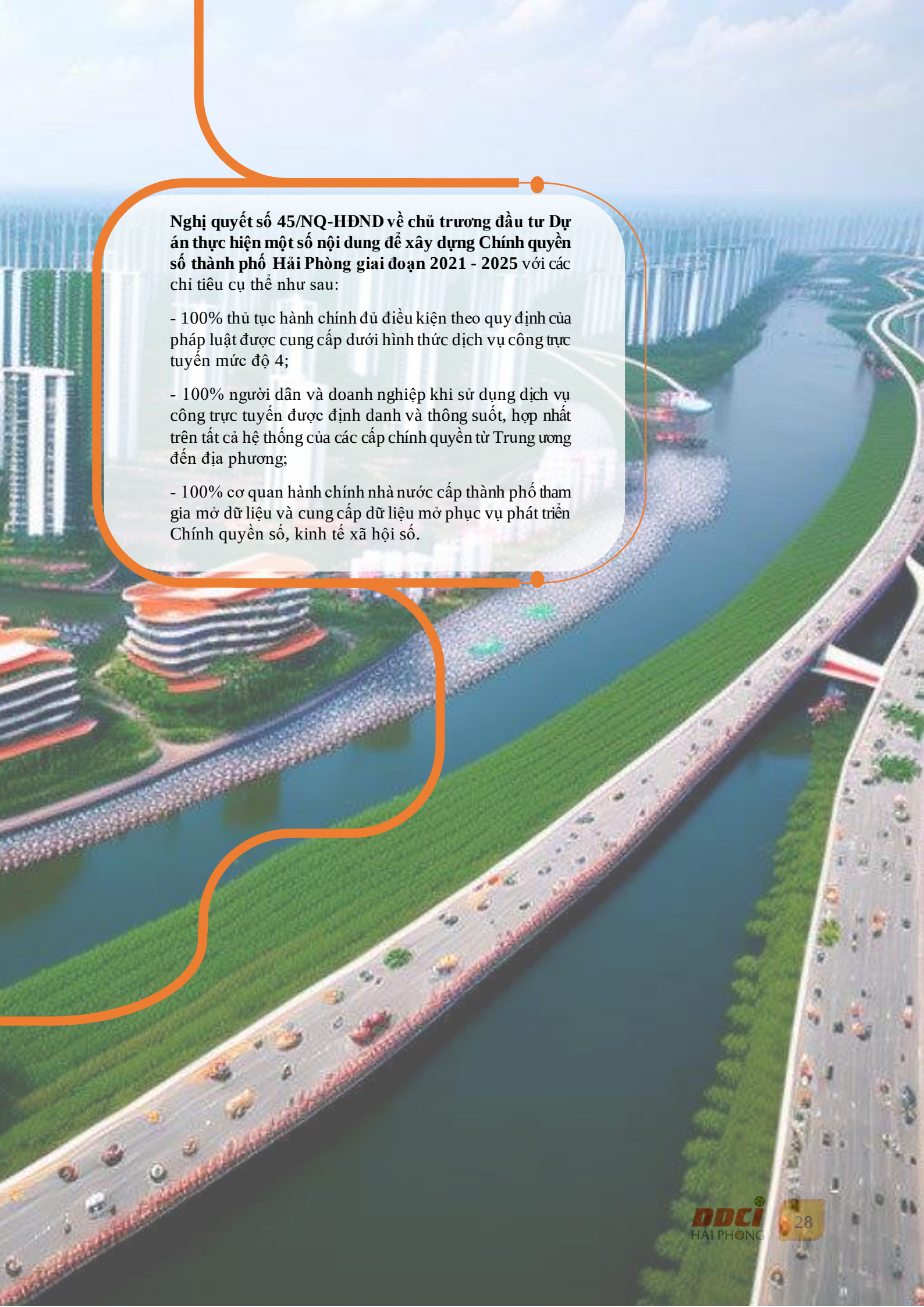


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Đi sâu vào hỏi về quá trình thực hiện TTHC, các cơ sở SXKD chủ yếu thực hiện TTHC trực tuyến (chiếm khoảng 79,03% với 61,61% DN/HTX kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp, 17,42% làm hoàn toàn trực tuyến). 4,01% DN/HTX thuê tư vấn, luật sư thực hiện và 16,84% DN/HTX làm trực tiếp và sử dụng dịch vụ bưu chính.

Đánh giá chung về quá trình thực hiện TTHC ở các địa phương, có hơn một nửa HKD làm trực tiếp, chiếm 54,85% và một tỉ lệ nhỏ HKD làm trực tiếp và nộp qua bưu chính và thuê bên tư vấn thực hiện. Còn lại 41,49% HKD thực hiện dịch vụ công trực tuyến, cụ thể là 36,64% HKD vừa làm dịch vụ công trực tuyến vừa làm trực tiếp và 4,85% HKD làm dịch vụ công trực tuyến hoàn toàn.

Như vậy, xét về khả năng tiếp nhận CNTT/ dịch vụ công trực tuyến, các DN/HTX vẫn có lợi thế hơn trong việc tiếp cận và thực hiện TTHC trực tuyến so với các HKD song tỉ lệ các cơ sở này tự thực hiện hoàn toàn trực tuyến chưa cao. Điều này cho thấy các cơ quan trong thời gian tới cần hướng dẫn các cơ sở SXKD, đặc biệt là nhóm các cơ sở có quy mô nhỏ, ít giao dịch, làm việc về quy trình thực hiện dịch vụ công, khuyến khích thực hiện ở mức độ dịch công toàn trình.

An aerial photograph of a coastal city, likely Haiphong, Vietnam. A wide river flows through the center, bordered by green grass and a multi-lane highway with many cars. In the background, there are modern buildings and a large bridge. The sky is blue with some clouds.

Nghị quyết số 45/NQ-HĐND về chủ trương đầu tư Dự án thực hiện một số nội dung để xây dựng Chính quyền số thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

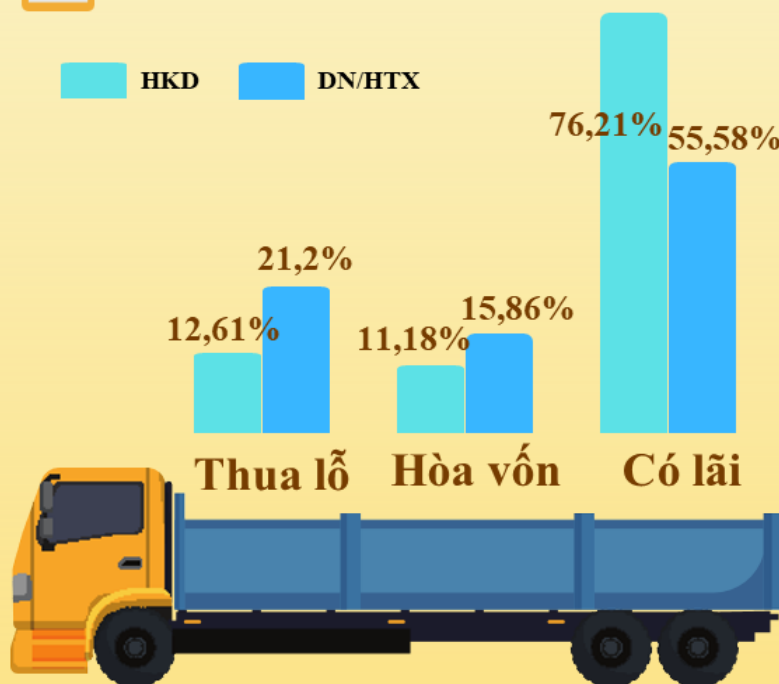
- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4;
- 100% người dân và doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và thông suốt, hợp nhất trên tất cả hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương;
- 100% cơ quan hành chính nhà nước cấp thành phố tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế xã hội số.

DDCI HẢI PHÒNG 2022

CẢM NHẬN VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH

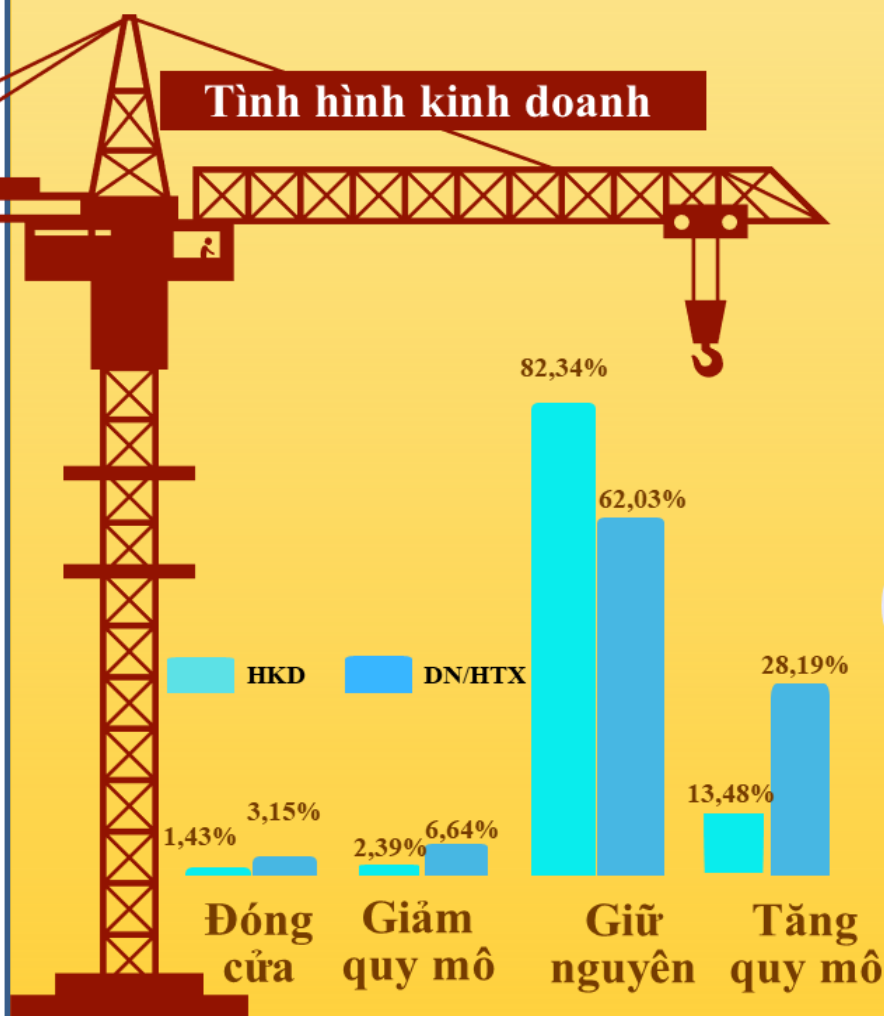


Tình hình kinh doanh

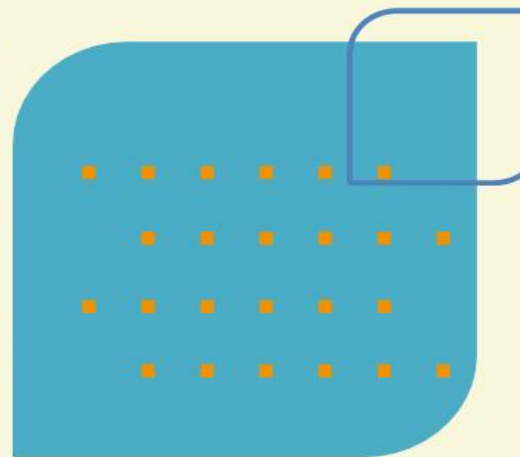


Hơn 70%
DN/HTX/HKD đánh
giá việc ứng dụng
CNTT hiệu quả

Tình hình kinh doanh



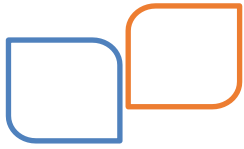
Hơn 97%
DN, HTX, HKD hài
lòng về chất lượng
điều hành, quản lý



CHƯƠNG III

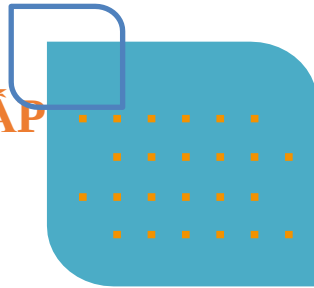
KẾT QUẢ DDCI CẤP

SỞ, BAN, NGÀNH



CHƯƠNG III

KẾT QUẢ DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH NĂM 2022



3.1. Kết quả điểm số DDCI năm 2022

Kết quả khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022 đã có những cải thiện, khi các Sở, ban, ngành đều thuộc nhóm điểm khá hoặc tốt trong phổ điểm từ 73,25 điểm đến 82,16 điểm với mức điểm trung bình toàn thành phố là 76,39 điểm, tăng nhẹ 0,09 điểm so với năm 2021. Điểm số năm nay được phân chia làm 2 nhóm chính gồm:

- ❖ *Nhóm điều hành tốt là các cơ quan có điểm số từ 80 điểm đến dưới 90 điểm:* Năm 2021 chỉ có một cơ quan thuộc nhóm tốt thì năm 2022 đã tăng lên 2 đơn vị xếp hạng trong nhóm “tốt”. Sở Du lịch được đánh giá 82,16 điểm, là cơ quan được đánh giá kết quả tốt nhất. Xếp sau với mức điểm 80,41 điểm là Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh Hải Phòng ở vị trí thứ hai.

Sở Du lịch là một trong những cơ quan được cộng đồng DN/HTX đánh giá cao về sự sáng tạo, bứt phá và cập nhật những xu thế mới, bắt kịp những chuyển động thực tế, tạo ra sức ảnh hưởng lớn và tác động tích cực đến hình ảnh của du lịch Hải Phòng. Đặc biệt là ứng dụng và bản đồ Haiphong foodtour đã thực sự gây ấn tượng thúc đẩy du lịch ẩm thực Hải Phòng và có nhiều sáng kiến đột phá như mở rộng hướng tiếp cận thông tin trên nhiều nền tảng khác nhau như các trang mạng xã hội (Facebook, Instagram, Tiktok) với lượt tương tác cao, thu hút nhiều sự quan tâm. Bên cạnh đó về cải cách TTHC, Sở Du lịch Hải Phòng đã thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với 100% thủ tục hành chính mức độ 4; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với 14 thủ tục hành chính².



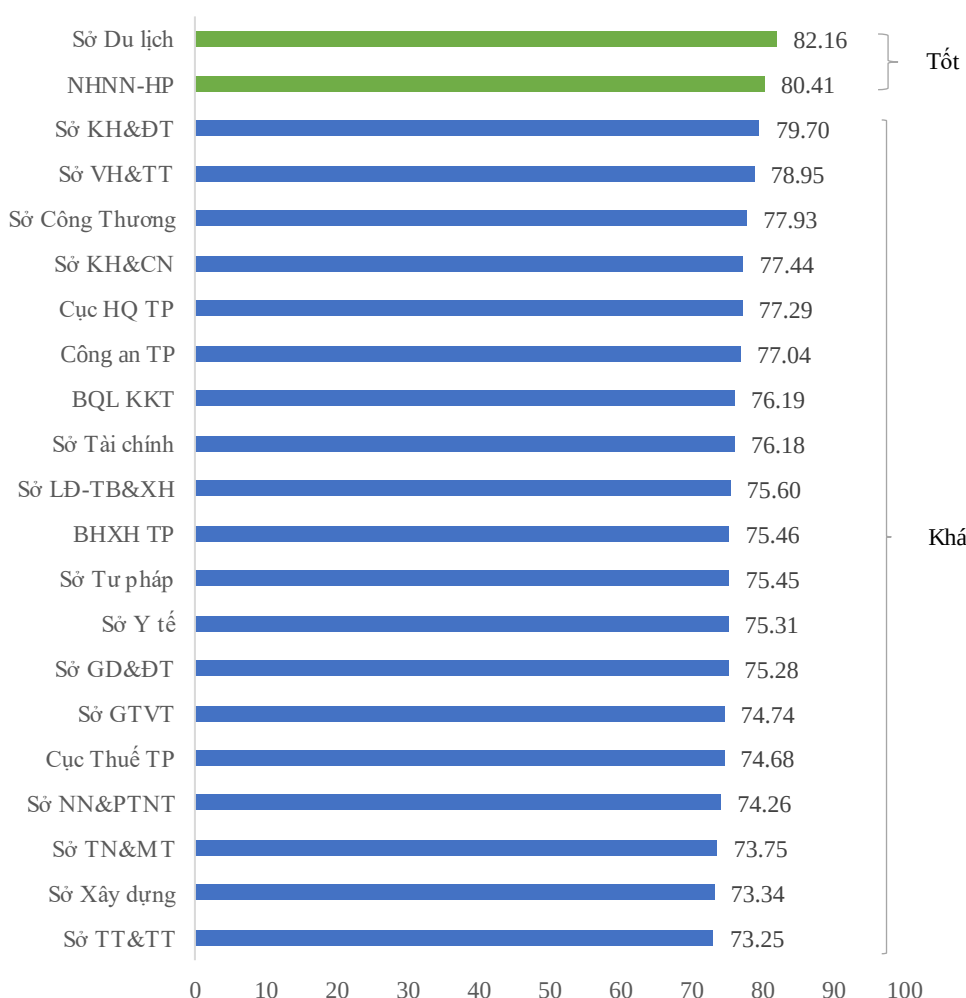
NHNN - Chi nhánh Hải Phòng là cơ quan có nhiều hoạt động hỗ trợ DN như đẩy mạnh chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp; tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19; triển khai các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện có hiệu quả chủ đề năm 2022 và các giải pháp phục hồi phát triển kinh tế-xã hội theo chỉ đạo của NHNN Việt Nam và thành phố; hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ, giúp doanh nghiệp giảm bớt chi phí kinh doanh tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khôi phục hoạt động sản xuất, kinh doanh sau đại dịch. NHNN - Chi nhánh Hải Phòng đẩy nhanh chuyển đổi số, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ công

² https://vietnamtourism.gov.vn/post/45707?fbclid=IwAR2zfkil9jPDS1WHFmSp0JS9tkxB5U29O0k-YNbZ3atBQR0IdSHQJU5fs_o

trên địa bàn thành phố. Hiện tại, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có 370 TTHC, và có: 58/370 TTHC được cung cấp, tích hợp mức độ toàn trình, 312/370 TTHC triển khai dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam³.

- ❖ *Nhóm điều hành khá gồm các cơ quan có mức điểm trong khoảng 73-79 điểm:* Sở Kế hoạch và Đầu tư đạt 79,7 điểm xếp vị trí thứ ba, Sở Văn hóa và Thể thao xếp vị trí thứ 4 với 78,95 điểm. Các cơ quan với mức điểm 77 gồm Sở Công Thương, Sở KH&CN, Cục Hải quan TP, Công an TP, BQL KKT, Sở Tài chính ở mức điểm 76 điểm. Nhóm các cơ quan có mức 75 điểm gồm Sở LĐ-TB&XH, BHXH TP, Sở Tư pháp, Sở Y tế và Sở GD&ĐT. Hai cơ quan là Cục Thuế TP và Sở NN&PTNT ở nhóm 74 điểm. Ba cơ quan đứng ở nhóm cuối bảng là Sở TN&MT, Sở Xây dựng và Sở TT&TT.

Biểu đồ 3.1. Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Có thể thấy các Sở, ban, ngành có điểm số chênh lệch không quá lớn, bám khá sát nhau. Khoảng cách giữa đơn vị đứng đầu và đứng cuối là 8,91 điểm theo thang điểm 100. Điều này cho thấy, chất lượng quản lý của các Sở, ban, ngành được đánh giá khá đồng đều, điều quan trọng là những thay đổi nhỏ về điểm số cũng có khả năng thay đổi thứ hạng và vươn lên của các Sở, ban, ngành. Sự bứt phá của các cơ quan thuộc nhóm đầu thường gặp khó khăn hơn so với các đơn vị còn lại. Nếu các nỗ lực cải cách không

³ <https://aita.gov.vn/ngan-hang-nha-nuoc-cung-cap-danh-muc-dich-vu-cong-truc-tuyen-toan-trinh-dich-vu-cong-truc-tuyen-mot-phan-thuoc-tham-quyen-giai-quyet-cua-ngan-hang-nha-nuoc-viet-nam>

được duy trì liên tục, rất dễ làm nản lòng các cơ sở SXKD, đặc biệt trong bối cảnh có nhiều biến động và khó khăn như hiện nay. Với những nền tảng đã đạt được trước đó, các DN/HTX ngày càng kì vọng và đặt niềm tin cao hơn vào các cấp chính quyền trong tạo điều kiện, môi trường kinh doanh tốt nhất cho các DN/HTX/HKD.

3.2. Sự thay đổi kết quả của các Sở, ban, ngành

3.2.1. Thay đổi điểm số

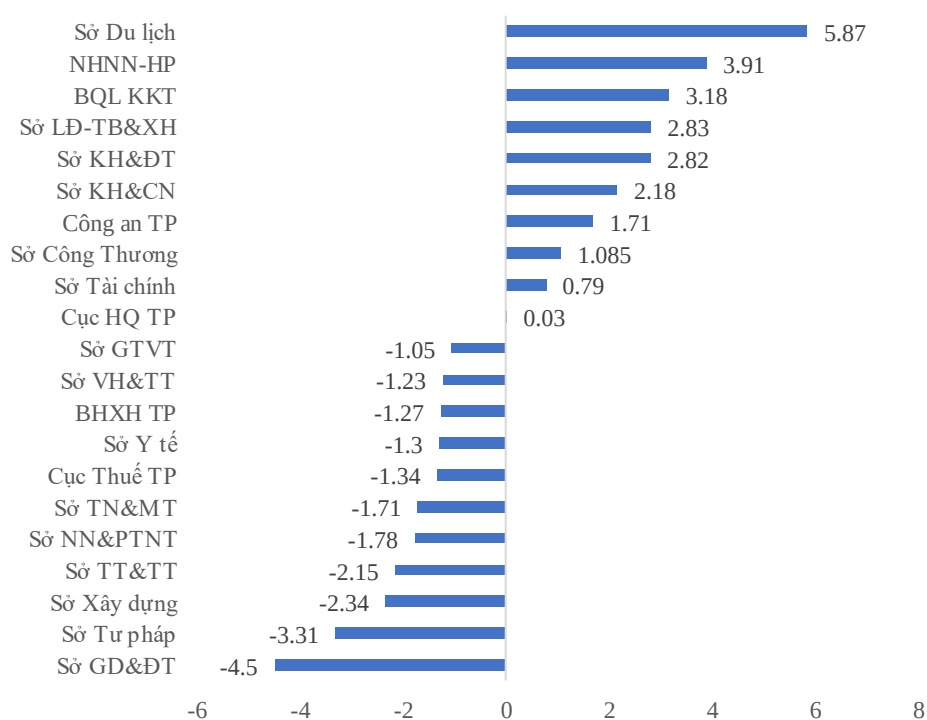
Kết quả điểm số trung bình của DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022 của thành phố đạt 76,39 điểm, tăng nhẹ 0,09 điểm so với năm 2021, cho thấy những cải thiện tích cực trong điều hành quản lý của các cơ quan của thành phố. Khoảng cách giữa các đơn vị trong năm 2022 không chênh nhau quá nhiều, cho thấy mức độ cạnh tranh cao về mặt điểm số. Năm 2022 chứng kiến nhiều Sở, ban, ngành có sự thay đổi đáng kể so với năm 2021, có 10 cơ quan tăng điểm và 11 cơ quan giảm điểm.

- Nhóm cơ quan có điểm số tăng: Sở Du lịch tăng cao nhất với 5,87 điểm. Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh Hải Phòng và BQL KKT tăng hơn 3 điểm; các cơ quan tăng điểm nhẹ so với năm trước như Sở LĐ-TB&XH, Sở KH&ĐT, Sở KH&CN, Công an TP, Sở Công Thương, Sở Tài chính và Cục Hải quan TP.

- Nhóm cơ quan giảm điểm: Sở giảm điểm nhiều nhất là Sở GD&ĐT giảm 4,5 điểm và Sở Tư pháp giảm 3,31 điểm; các cơ quan khác giảm mức điểm từ 1-2 điểm so với năm 2021.

Có thể thấy, cải thiện điểm số năm 2022 diễn ra mạnh mẽ ở nhóm giữa và cuối bảng năm 2021, nhóm ở vị trí đầu bảng năm 2021 như Sở GD&ĐT, Sở Tư pháp ít có cải thiện hơn. Điều này cho thấy áp lực dẫn đầu là rất lớn khi phải luôn giữ cho mình động lực đổi mới liên tục theo thời gian cùng với những sáng kiến đột phá, điển hình như Sở Du lịch thì các cơ quan hoàn toàn có thể cải thiện được đánh giá của các DN/HTX và nâng cao điểm số.

Biểu đồ 3.2. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành trong DDCI trong năm 2021-2022



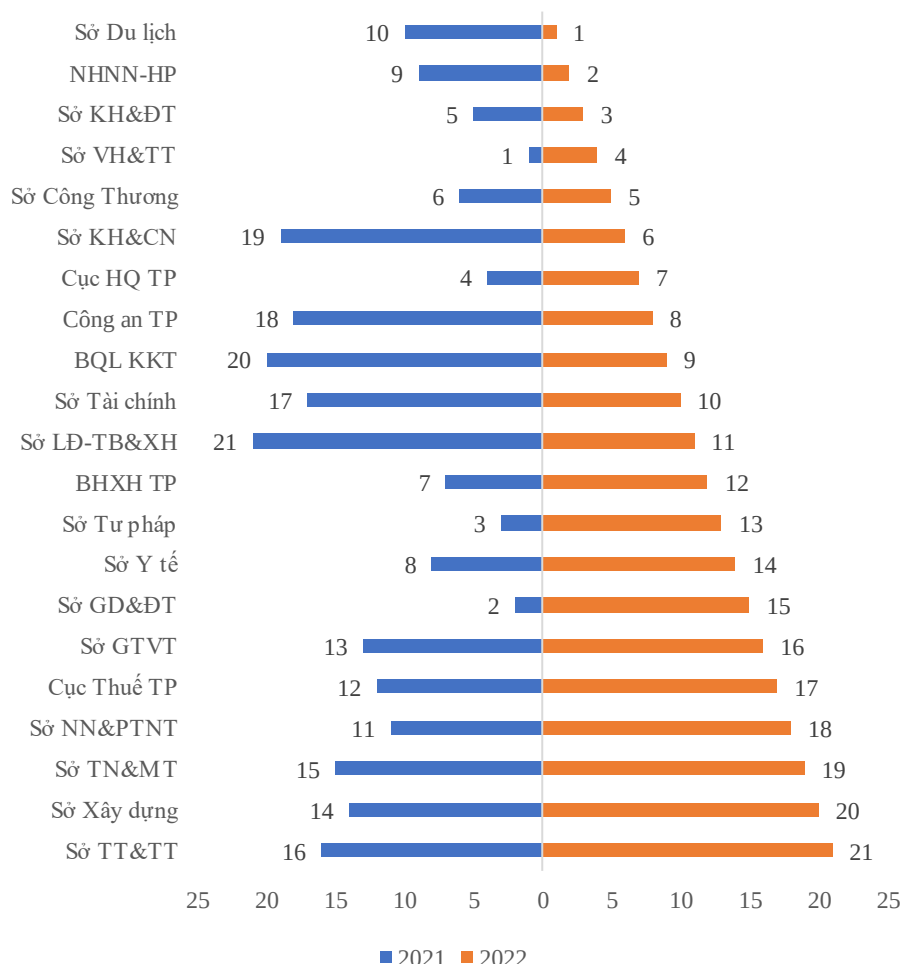
Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

3.2.2. Thay đổi về thứ hạng

Sự vươn lên của các đơn vị ở nhóm giữa và cuối bảng năm 2021 đã tạo nhiều hoán đổi thứ hạng, nhất là khi sự chênh lệch điểm số của các đơn vị luôn bám đuổi sát nhau, cụ thể:

- Nhóm cơ quan thăng hạng trong năm 2022 có 9/21 Sở, ban, ngành cải thiện thứ hạng gồm: Sở KH&CN, BQL KKT, Công an TP, Sở Du lịch, NNNH-HP, Sở LĐ-TB&XH, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT.

Biểu đồ 3.3. Thay đổi thứ hạng của các Sở, ban, ngành trong năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Trong năm 2022, một số cơ quan có nhiều bứt phá, bao gồm:

Sở KH&CN đã sắp xếp, kiện toàn, bố trí đủ cán bộ tại bộ phận “một cửa”; hơn 17.600 hồ sơ TTHC tại bộ phận một cửa được giải quyết đúng hạn, hồ sơ TTHC trực tuyến luôn đạt tỉ lệ hơn 99,8%, không có hồ sơ giải quyết quá hạn, thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn so với quy định 10 ngày, với số ngày trung bình được rút ngắn 6,6 ngày. Sở KH&CN với phương châm hướng đến phục vụ tốt hơn DN, phân tích rõ các nguyên nhân, điểm yếu, rút kinh nghiệm để khắc phục những hạn chế trong thực hiện DDCI.

Sở KH&ĐT đã thực hiện thủ tục đăng ký DN với 100% hồ sơ nộp online và rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN thành lập mới còn 1,5 ngày làm việc (giảm 50% so với quy định); đã thực hiện một số sáng kiến như mô hình “Hỗ trợ DN FDI chuẩn bị hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư”; mô hình “Hỗ trợ nhà đầu tư trong nước chuẩn bị hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư” để hỗ trợ DN, nhà đầu tư chuẩn bị và hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định; đã đưa ra sáng kiến thực hiện đồng bộ tại thành phố với mô hình “Kết nối thủ tục giấy phép kinh doanh có điều

kiện” để hỗ trợ DN khi thực hiện các thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện tại các Sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện. Bên cạnh đó, Sở KH&ĐT đã ứng dụng các công nghệ hiện đại như DN, nhà đầu tư có thể quét mã QR Code để đăng nhập vào website của Sở (<https://haiphongdpi.gov.vn>) để tải các biểu mẫu và trình tự thực hiện TTHC về đăng ký DN, đầu tư; sử dụng Hệ thống trả lời tự động bằng trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực đăng ký DN, đầu tư trên Cổng thông tin điện tử của Sở KH&ĐT.

Công an TP đã đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường thực hiện dịch vụ công trực tuyến, giúp cắt giảm thời gian cho DN/HTX như triển khai bộ nhận diện TTHC bằng QR Code đến 100% Công an xã, phường, thị trấn, đồn, đội, trạm. Bảng mã QR Code này được dán niêm yết tại các địa điểm tiếp công dân, nơi giải quyết TTHC hoặc các khu vực dân cư để người dân dễ tiếp cận, tìm hiểu khi có nhu cầu sử dụng các dịch vụ công⁴. Kết quả DDCI năm 2022 chỉ ra một số chỉ số thành phần có cải thiện tích cực như chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật; hiệu quả thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế; tính minh bạch và tiếp cận thông tin.

BQL KKT có sáng kiến xây dựng Hệ thống quản lý và điều hành của BQL KKT Hải Phòng (e-HEZA), giúp số hóa trên 500 nghìn trang tài liệu, trên 100 nghìn file tài liệu, 52 TTHC thuộc 8 lĩnh vực đầu tư lao động, tài nguyên, môi trường, thương mại, xuất nhập khẩu, xây dựng, quy hoạch; thực hiện liên kết dữ liệu giữa các phòng có thủ tục hành chính, kết nối hệ thống đường truyền dung lượng lớn, tốc độ cao. Hệ thống e-HEZA của Ban Quản lý Khu kinh tế đã nhận được sự tương tác và sử dụng của hơn 350 doanh nghiệp, đạt trên 50% các doanh nghiệp được Ban Quản lý Khu kinh tế cấp tài khoản⁵.

Sở LĐ-TB&XH trong năm 2022 tích cực đơn giản hóa thực hiện TTHC, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến và khuyến khích các DN/HTX sử dụng. Tính đến năm 2022, Sở LĐ-TB&XH có 200 TTHC trực tuyến, trong đó có 90/200 TTHC thực hiện ở mức độ toàn trình⁶. Sở LĐ-TB&XH được các DN/HTX đánh giá khá tích cực ở một số khía cạnh so với năm 2021 như chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật; hiệu quả thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế.

- Nhóm cơ quan giảm thứ hạng trong năm 2022 có 12/21 cơ quan gồm: Sở GD&ĐT, Sở Tư pháp, Sở NN&PTNT, Sở Xây dựng, Sở TT&TT, Cục Thuế, Sở Y tế, BHXH TP, Sở VH&TT, Cục Hải quan TP, Sở GTVT.

So sánh với kết quả năm 2021, có thể thấy nhóm các Sở, ban, ngành ở nhóm giữa và cuối năm 2021 đã có sự cải thiện nhanh chóng và vươn lên ở nhóm đầu bảng năm 2022, trong khi đó nhóm đầu bảng năm 2021 lại có tốc độ cải thiện chậm hơn nên chưa duy trì được thứ hạng hoặc giảm thứ hạng. DDCI là một chặng đường cải cách liên tục và dài lâu, chính vì vậy, để xác định được xu hướng và đề ra các cải cách cần xét trên khoảng thời gian dài hạn hơn. Chính vì vậy, thông điệp mà DDCI muốn gửi đến các cơ quan trong 3 năm triển khai là: Cải cách là cuộc hành trình, không phải điểm đến. Với quan điểm này, rõ ràng công cuộc cải cách không phải chỉ là một dự án có khởi đầu và kết thúc, nó nên là một tầm nhìn có định hướng và chiến lược lâu dài mà thành phố hướng đến. Do đó, cải cách là một cuộc hành trình, với đích đến là liên tục chuyển động, như thông điệp DDCI đã từng truyền tải “Cải cách không giới hạn”.

3.3. Thay đổi điểm số của các CSTP

Trong 8 CSTP, chỉ số chi phí không chính thức và chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật là hai chỉ số được đánh giá tốt nhất, khi đều đạt từ 8 điểm trở lên. Tiếp theo là các chỉ số về hiệu quả thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế và tính năng động và tiên phong của Sở, ban,

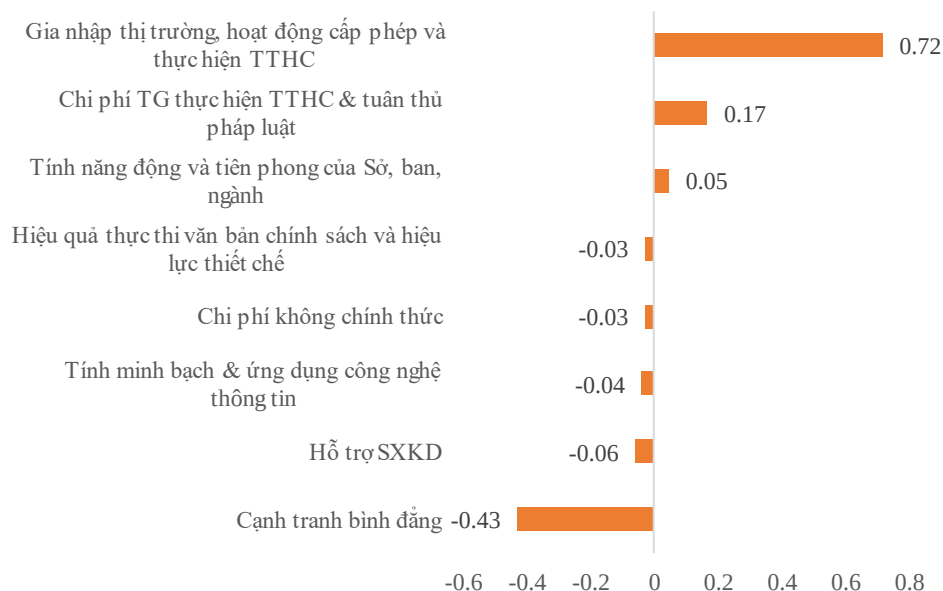
⁴ <https://bocongan.gov.vn/tin-tuc/cong-an-hai-phong-cong-bo-10-bo-nhan-dien-thu-tuc-hanh-chinh-bang-ma-qr-code-t33079.html>

⁵ <http://www.heza.gov.vn/news/khai-truong-he-thong-quan-ly-va-dieu-hanh-cua-ban-quan-ly-khu-kinh-te-hai-phong-eheza>

⁶ <https://dichvucong.haiphong.gov.vn/Trang-chu/moduleId/398/controller/TTHC/action/TraCuuTTHC>

ngành. Các chỉ số còn lại gồm gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC, cạnh tranh bình đẳng, tính minh bạch và ứng dụng CNTT và hỗ trợ SXKD cần nhiều nỗ lực hơn từ các cơ quan để cải thiện.

Biểu đồ 3.4. Sự thay đổi điểm số của các CSTP trong DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Xét về mức cải thiện điểm so với năm 2021, chỉ có 3 chỉ số có cải thiện điểm là chỉ số gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC; chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật và tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành. Ngược lại, chỉ số cạnh tranh bình đẳng giảm điểm khá nhiều, các chỉ số khác như hỗ trợ SXKD, tính minh bạch và ứng dụng CNTT, chi phí không chính thức và hiệu quả thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế giảm điểm nhẹ so với năm 2021. Cũng cần lưu ý rằng việc tăng/ giảm điểm ở một số chỉ số thành phần xuất phát từ một số thay đổi trong điều chỉnh hệ thống chỉ số, chỉ tiêu của DDCI năm 2022 nhưng về cơ bản vẫn phản ánh đúng thực tế diễn ra vì số lượng điều chỉnh không nhiều và vẫn duy trì các chỉ tiêu cốt lõi.

3.4. Kết quả các chỉ số thành phần DDCI

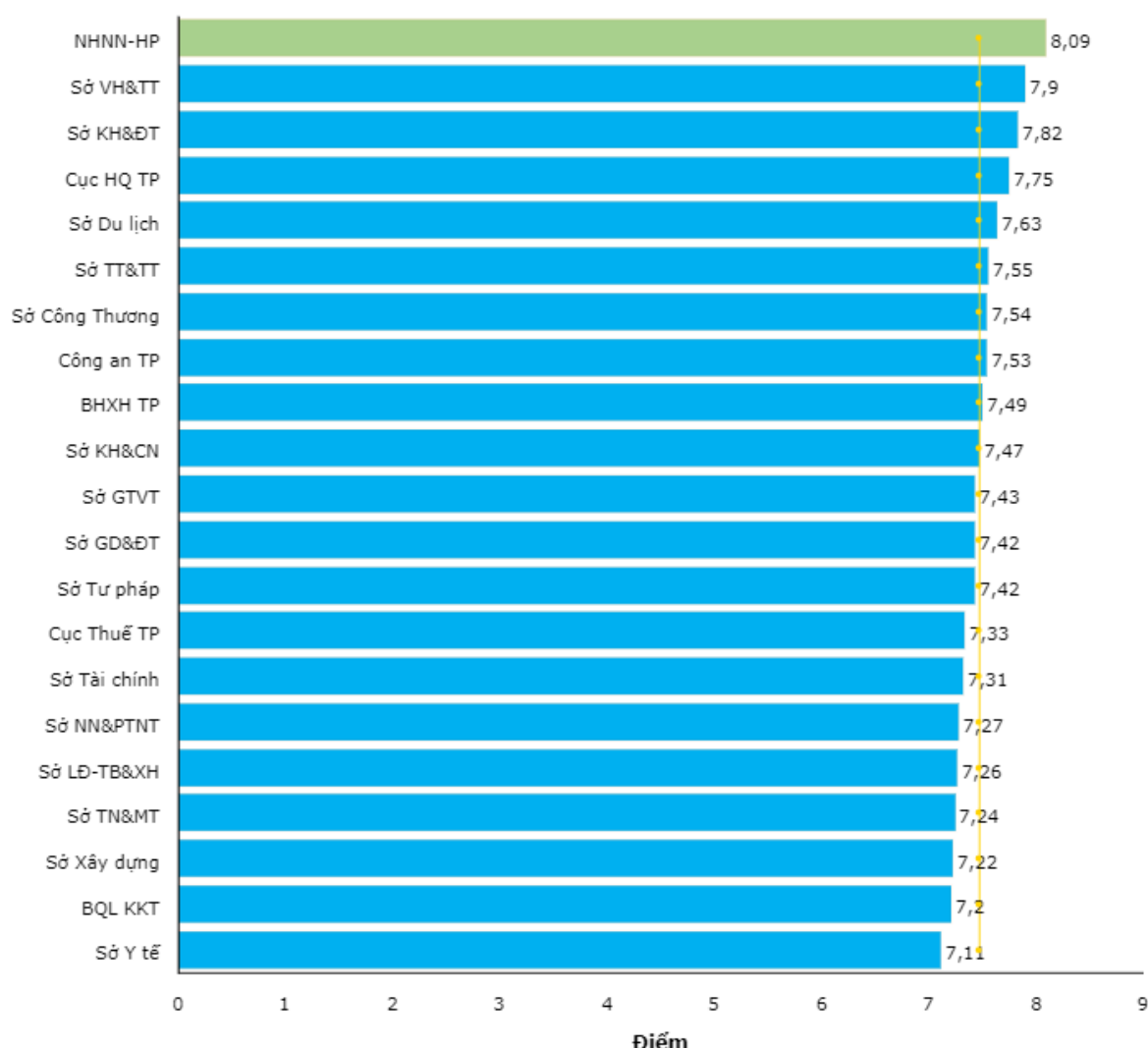
3.4.1. Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC

Năm 2022, chỉ số gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC có sự thay đổi so với năm 2021 khi mở rộng hơn, cho phép các cơ sở SXKD đánh giá về toàn bộ các TTHC mà các cơ sở SXKD thực hiện ở các cơ quan được đánh giá. Điều này phản ánh đầy đủ và bao quát hơn thực tế quy trình thực hiện TTHC. Quan sát DDCI trong 3 năm cho thấy, chỉ số gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC đang dần được cải thiện khi điểm số của chỉ số này năm 2022 đạt 7,47 điểm, là CSTP có mức độ cải thiện nhiều nhất trong 8 CSTP, tăng 0,72 điểm so với năm 2021.

So với 2 năm trước, chỉ số gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC năm 2022 đã có sự chuyển biến rõ rệt về gam màu khi gam màu nóng đã chuyển dần sang nhóm gam màu xanh. Các Sở, ban, ngành đều được đánh giá trên mức điểm khá 7 điểm. Trong đó, NHNH - Chi nhánh Hải Phòng là cơ quan được xếp hạng cao nhất và là cơ quan duy nhất đạt mức đánh giá tốt với 8,09 điểm. Tiếp theo là Sở VH&TT, Sở KH&ĐT, Cục Hải quan TP cũng thuộc nhóm thứ hạng cao. Sở KH&ĐT với những nỗ lực trong thời gian qua cùng với nhiều sáng kiến như triển khai 100% đăng ký kinh doanh trực tuyến, đẩy mạnh triển khai các tiện ích phục vụ tổ chức, cá nhân tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đăng ký DN, tổ chức xúc tiến đầu tư cấp huyện nhằm thu hút các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp

tại một số địa phương và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động. Những nỗ lực đó đã giúp Sở cải thiện 11 bậc về thứ hạng. Trong khi đó, một số cơ quan theo đánh giá của DN/HTX vẫn còn gặp nhiều khó khăn và rào cản trong quá trình gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC như Sở Y tế, BQL KKT, Sở Xây dựng, Sở TN&MT và Sở LĐ-TB&XH.

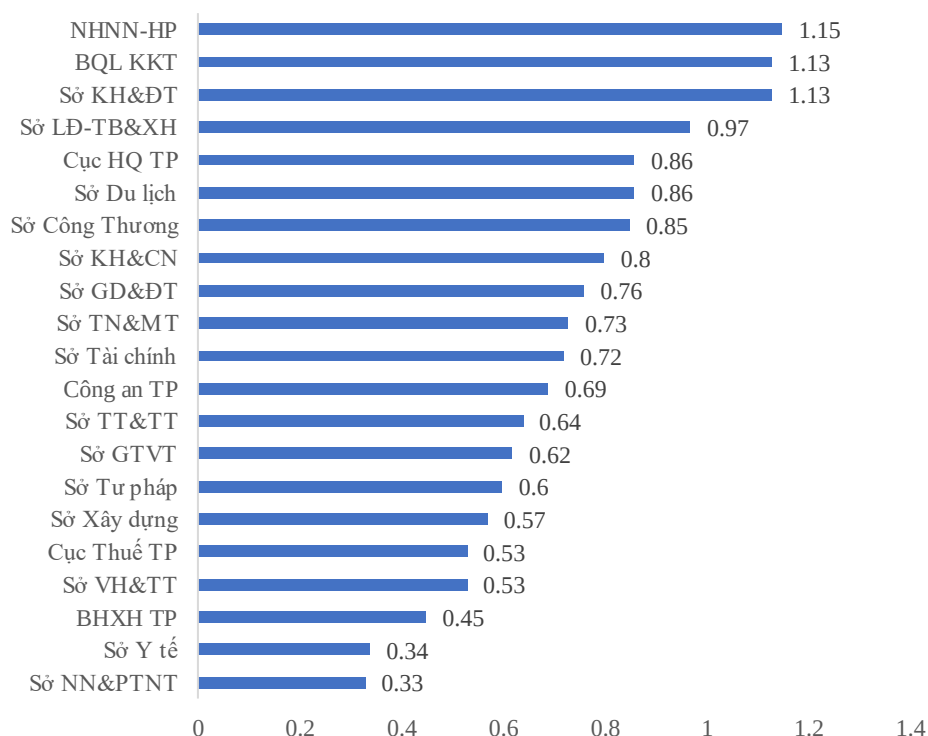
Biểu đồ 3.5. Điểm số CSTEP gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Kết quả khảo sát DDCI năm 2022 cho thấy, tất cả các cơ quan được đánh giá đều có sự cải thiện về điểm số so với năm 2021. Trong đó, NHNN - Chi nhánh Hải Phòng, BQL KKT và Sở KH&ĐT là những đơn vị có cải thiện nhiều nhất với hơn 1 điểm; các cơ quan khác có điểm số tăng nhẹ hơn như Sở NN&PTNT, Sở Y tế và BHXX TP. Khoảng cách điểm số giữa cơ quan đứng đầu và cuối bảng không quá lớn, được rút ngắn hơn so với năm 2021. Đặc biệt, chênh lệch điểm số giữa hai cơ quan đứng cạnh thứ hạng rất nhỏ, cho thấy việc thay đổi thứ hạng ở các Sở, ban, ngành trong năm tới tương đối tiềm năng.

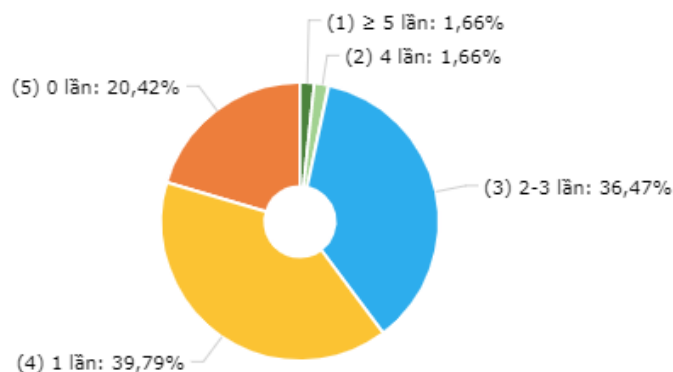
Biểu đồ 3.6. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành ở CSTP gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC trong năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Những nội dung cốt lõi của chỉ số gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC vẫn được duy trì để theo dõi và so sánh kết quả theo thời gian. Theo đánh giá của DN/HTX tham gia khảo sát, rào cản lớn nhất mà DN/HTX gặp phải khi thực hiện các quy trình thực hiện TTHC chính là thời gian tìm hiểu các quy định, trình tự, TTHC gia nhập thị trường tại các Sở, ban, ngành. Kết quả chỉ ra có 15,49% DN/HTX phải mất trên 7 ngày để tìm hiểu thủ tục, tỉ lệ DN/HTX bỏ ra 5-6 ngày là 12,43%, DN/HTX mất 3-4 ngày trung bình chiếm 27,67%, còn lại khoảng 2 ngày là 44,37%. Điểm số của chỉ tiêu này vẫn ở nhóm trung bình khá 6,17 điểm, mặc dù có cải thiện 0,65 điểm so với năm 2021 nhưng trong tất cả các chỉ tiêu của CSTP này vẫn là chỉ tiêu thấp điểm nhất, cho thấy các DN/HTX vẫn gặp nhiều khó khăn trong quá trình tìm hiểu. Chỉ tiêu này tiếp tục cần nhiều nỗ lực của các cơ quan về hỗ trợ quá trình hướng dẫn DN/HTX thực hiện và đa dạng hóa các hình thức cung cấp thông tin.

Biểu đồ 3.7. Tỉ lệ số lần DN/HTX bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

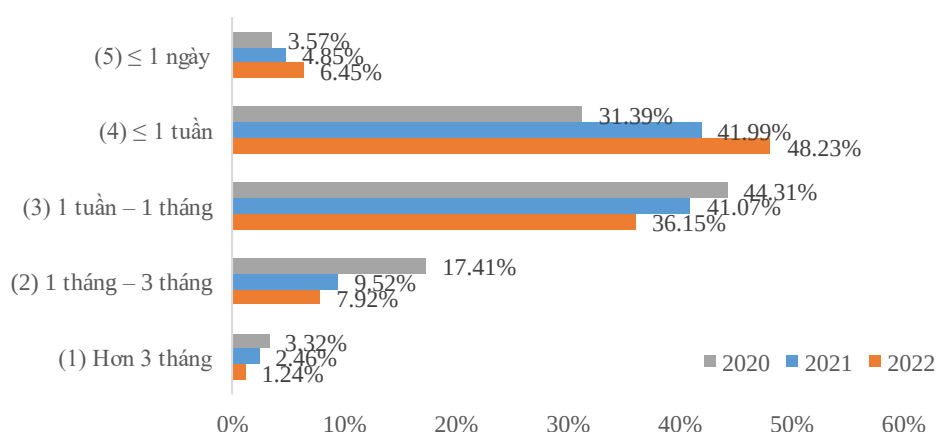
Theo quan sát DDCI các năm trước, phần lớn các cơ quan đều trả hồ sơ đúng hạn và DN/HTX không phải mất quá nhiều lần đi lại để nhận được kết quả. Do đó, DDCI 2022 đã điều chỉnh lại câu hỏi để bám sát thực tế cũng như bộ tiêu chí đánh giá mới của PCI năm 2021. Chỉ tiêu số lần các DN/HTX bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ để được chấp nhận là hồ sơ hợp lệ đã được bổ sung. Kết quả cho thấy, gần 80% các DN/HTX phải sửa đổi, bổ sung ít nhất một lần và chỉ có 20,42% DN/HTX cho biết nộp đúng hồ sơ yêu cầu. Cụ thể, có 39,79% DN/HTX cho biết phải chỉnh sửa hồ sơ 1 lần; 36,47% DN/HTX chỉnh sửa hồ sơ 2-3 lần; 3,32% DN/HTX chỉnh sửa hồ sơ từ 4 lần trở lên. Tỷ lệ này cao và tập trung ở một số lĩnh vực như đăng ký kinh doanh, giao thông vận tải, lao động, bảo hiểm xã hội.

Việc hướng dẫn của các Sở, ban, ngành khi yêu cầu DN/HTX phải làm việc với nhiều cơ quan khác để bổ sung hồ sơ được các DN/HTX đánh giá khá tích cực. Phần lớn các DN/HTX ghi nhận việc hướng dẫn của các Sở, ban, ngành tương đối rõ ràng, đầy đủ, chiếm 76,35% các DN/HTX tham gia khảo sát. Song, vẫn còn hơn 19% DN/HTX cho biết dù được hướng dẫn nhưng vẫn phải làm việc vài lần mới làm xong bộ hồ sơ và hơn 4% DN/HTX còn phản ánh tình trạng không được hướng dẫn hoặc hướng dẫn sơ sài, tồn tại ở một số lĩnh vực như xây dựng, phòng cháy chữa cháy, thuế, hải quan và bảo hiểm xã hội.

Nhằm phản ánh chính xác các khía cạnh của chỉ số này, khảo sát đã yêu cầu các DN/HTX đánh giá chi tiết về quá trình thực hiện TTHC ở các cơ quan như chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX; thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức; quy trình, thủ tục giải quyết TTHC đúng như văn bản quy định. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá tích cực trong năm 2022 cũng ở mức cao khoảng 78%, với mức điểm tốt gần 8 điểm, tăng điểm nhẹ so với năm 2021.

Đánh giá chung về tổng thời gian DN/HTX bỏ ra để hoàn thành tất cả các thủ tục cần thiết (từ khi chính thức tìm hiểu thủ tục đến khi nhận được kết quả cuối cùng) được cải thiện so với các năm 2021. Tỷ lệ DN/HTX mất hơn 3 tháng làm thủ tục giảm từ 2,46% năm 2021 xuống còn 1,24% năm 2022, điểm số của chỉ tiêu này cũng tăng từ 6,75 điểm năm 2021 lên 6,97 điểm, tiệm cận khá gần với mức điểm khá. Tuy nhiên, vẫn còn gần 6% DN/HTX chia sẻ về tác động tiêu cực của những khó khăn khi thực hiện gia nhập thị trường, xin giấy phép có thể gây cho DN/HTX phải trì hoãn hoặc hủy bỏ kế hoạch kinh doanh ở một số lĩnh vực như thuế, xây dựng, hải quan, đăng ký kinh doanh, đất đai, đăng ký, đăng kiểm (của Công an TP).

Biểu đồ 3.8. Tỷ lệ DN/HTX phải bỏ ra để hoàn thành tất cả các thủ tục cần thiết để chính thức đi vào hoạt động trong 2020-2022



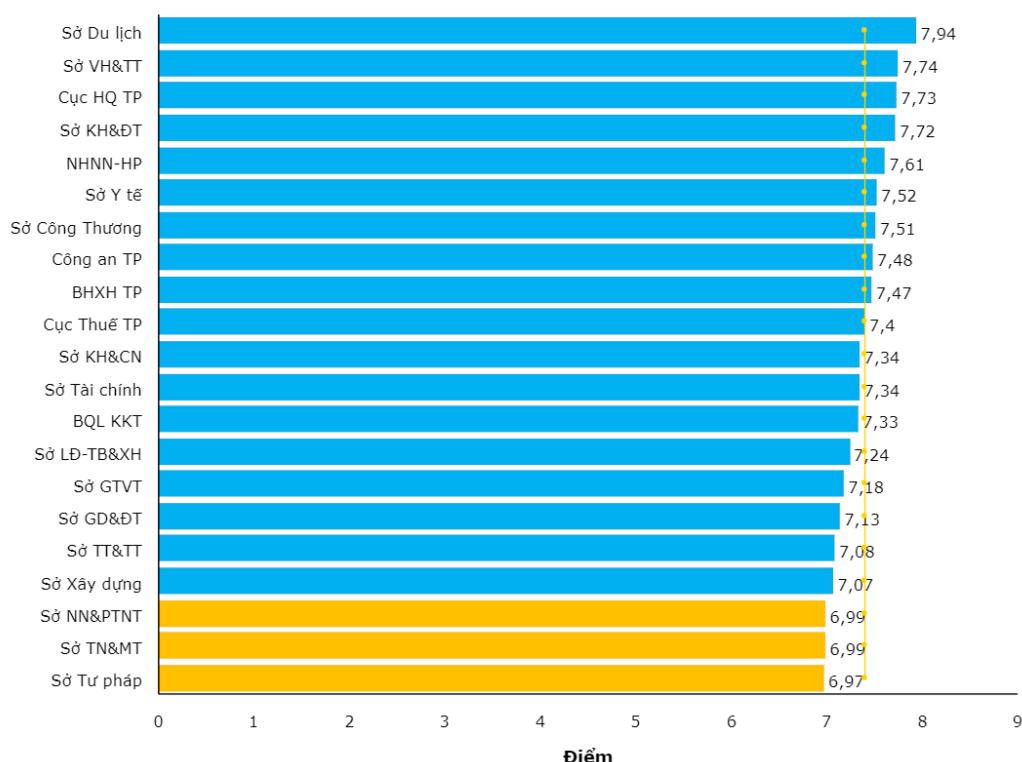
Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Các kết quả trên phản ánh xu hướng tích cực nói chung của hoạt động cải cách gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC ở Hải Phòng. Dù vậy, hoạt động cải cách cần được đẩy mạnh hơn nữa ở những khía cạnh thời gian tìm hiểu quy trình, số lần bổ sung, sửa đổi hồ sơ. Ngoài ra, mức độ

chuyển động chưa đồng đều ở các cơ quan và vẫn còn một tỉ lệ đáng kể DN/HTX chưa nhận thấy có sự cải thiện qua thời gian. Điều này đòi hỏi các cơ quan cần tiếp tục nỗ lực không ngừng để duy trì những thành tựu cải cách, đồng thời đẩy mạnh đơn giản hóa quy trình thực hiện TTHC, gia nhập thị trường và cấp phép tại thành phố.

3.4.2. Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin

Biểu đồ 3.9. Điểm số CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Việc đánh giá tính minh bạch và ứng dụng CNTT theo các tiêu chí của DDCI cho rằng một cơ quan có hệ thống văn bản pháp luật, thông tin dễ tiếp cận sẽ cho phép DN/HTX thực hiện hoạt động kinh doanh một cách đơn giản, ít tốn kém, từ đó là động lực để cải thiện chất lượng môi trường kinh doanh tại thành phố. Năm 2022, kết quả chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT chưa có nhiều cải thiện rõ nét, vẫn tiếp tục là chỉ số thuộc nhóm cuối của 8 CSTP. Điểm số trung bình của chỉ số này đạt 7,37 điểm, giảm nhẹ so với mức 7,41 điểm năm 2021 do có nhiều cơ quan hơn thuộc nhóm gam màu nóng. Cụ thể, có 3 cơ quan ở nhóm cuối bảng xếp hạng, thuộc nhóm điểm trung bình khá dưới 7 điểm là Sở NN&PTNT, Sở TN&MT và Sở Tư pháp. Mặc dù vậy, mức điểm của các cơ quan này lại tiệm cận khá gần với nhóm điểm khá. Do đó, khả năng cải thiện điểm số và phân loại xếp hạng của nhóm này là khá lớn. Trong khi đó, Sở Du lịch được các DN/HTX đánh giá khá tốt, đứng đầu ở chỉ số này với 7,94 điểm. Tiếp theo là các cơ quan với mức 7,7 điểm như Sở VH&TT, Cục Hải quan TP và Sở KH&ĐT.

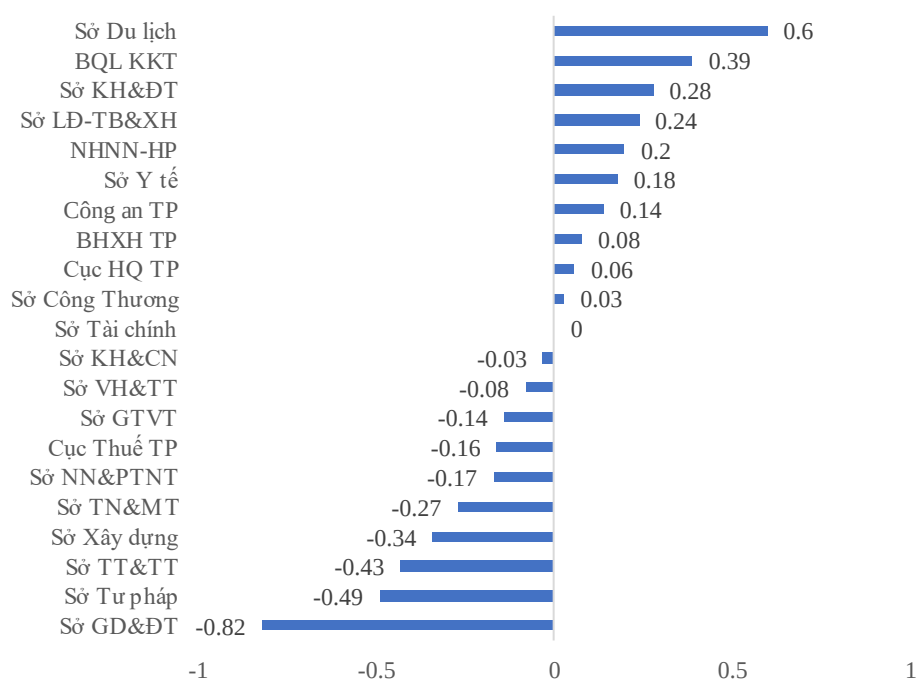
So sánh với kết quả năm 2021, kết quả năm 2022 ở chỉ số này có sự thay đổi ở nhiều cơ quan, có 9/21 cơ quan tăng điểm, 1 cơ quan không thay đổi và 11/21 cơ quan giảm điểm, vì vậy điểm số trung bình của chỉ số này giảm nhẹ. Các Sở, ban, ngành có nhiều tiến bộ, được các DN/HTX ghi nhận như Sở Du lịch tăng 0,6 điểm, BQL KKT tăng 0,39 điểm, Sở KH&ĐT tăng 0,28 điểm, Sở LĐ-TB&XH tăng 0,24 điểm. Đây là những cơ quan có sự cải thiện đáng kể so với các năm trước khi tăng cường ứng dụng CNTT

“Việc thực hiện TTHC và gửi báo cáo qua hệ thống e-Heza đã giúp giảm bớt thời gian nộp hồ sơ so với trước đây và thực hiện cũng nhanh chóng, dễ dàng.

DN khảo sát trong lĩnh vực BQL KKT

trong việc cung cấp thông tin cho các DN/HTX, giúp các cơ quan trên tăng nhiều bậc ở chỉ số này. Trong đó, BQL KKT đã đưa vào sử dụng hệ thống quản lý và điều hành của BQL KKT (e-Heza), rút ngắn thời gian và quy trình giải quyết TTHC cho DN. Trong khi đó, một số cơ quan như Sở GD&ĐT, Sở Tư pháp và Sở TT&TT giảm điểm khá nhiều, ảnh hưởng đến thứ hạng năm 2022. Khoảng cách điểm số giữa cơ quan đứng đầu và đứng cuối của chỉ số này trong năm 2022 được rút ngắn dần so với các năm trước, xuống còn 0,94 điểm, cho thấy các cơ quan đều đang nỗ lực không ngừng trong mục tiêu cải thiện chất lượng cung cấp thông tin và tăng cường chuyển đổi số ở khắp các cấp, các ngành.

Biểu đồ 3.10. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành ở CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT trong năm 2020-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

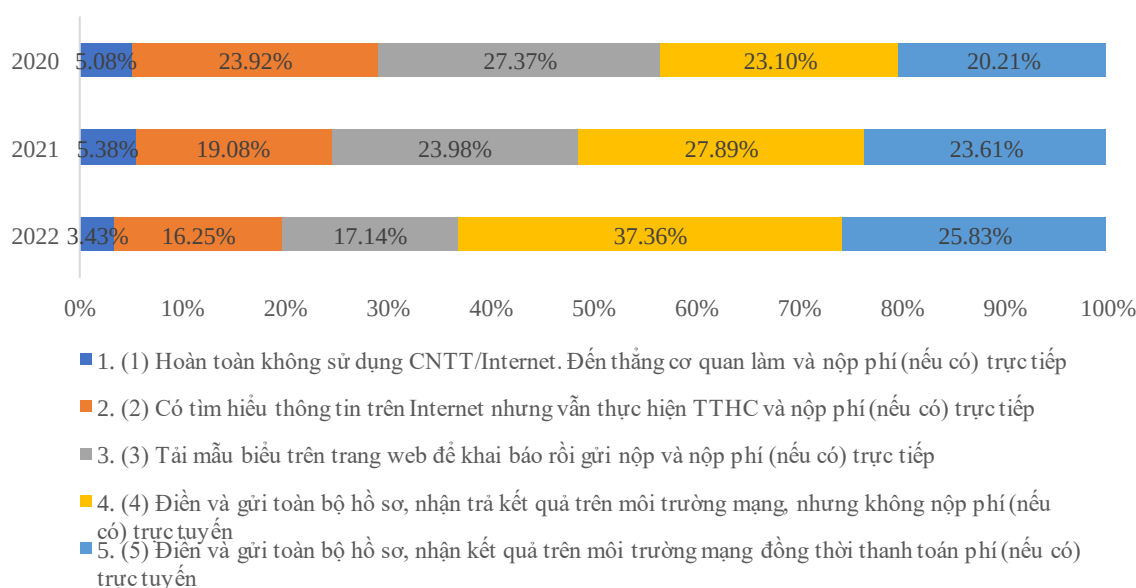
Đi sâu vào phân tích các chỉ tiêu của CSTP, có thể thấy các chỉ tiêu có sự cải thiện trong năm 2022 nhưng có một số chỉ tiêu giảm điểm so với năm 2021. Đánh giá về mức độ thuận lợi khi tiếp cận với các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật, TTHC, cơ chế chính sách mới, có 67,69% DN/HTX đánh giá tiếp cận khá dễ dàng, cao hơn mức 60,26% DN/HTX năm 2021 và 54,62% năm 2020. Tỷ lệ khó tiếp cận hoặc không tiếp cận khá thấp, chiếm 5,77%. Điểm số của chỉ tiêu này được cải thiện, tăng từ 7,4 điểm năm 2021 lên 7,56 điểm năm 2022. Được đánh giá cao nhất ở chỉ số này là việc DN/HTX cho rằng chất lượng công bố thông tin, hướng dẫn về thực hiện TTHC hoặc công việc có liên quan đã đầy đủ, công khai và rõ ràng hơn với gần 73% DN/HTX đồng tình cao. Việc công bố và cung cấp thông tin của các cơ quan cần được công bố đầy đủ và chính xác, kịp thời và liên tục, đồng thời đảm bảo công bằng đối với các đối tượng tiếp nhận.

Trên thực tế, việc hiểu rõ các văn bản, quy định pháp luật cần các DN/HTX phải có trình độ nhất định để có thể hiểu rõ và thực hiện, nhưng phần lớn các DN/HTX đều là DN/HTX vừa và nhỏ, còn hạn chế về năng lực nên phát sinh nhiều bất cập, vướng mắc trong quá trình tìm kiếm thông tin, vì vậy tính cải cách của chỉ số này chưa phát huy trên thực tế. Đặc biệt, các DN/HTX tham gia khảo sát cũng cho biết về việc gặp khó khăn nhận thông tin khi yêu cầu các cơ quan cung cấp các thông tin không sẵn có và cho rằng vẫn cần phải có “mối quan hệ” mới có thể tiếp cận được các thông tin, tài liệu quan trọng. Điểm số của các chỉ tiêu này cải thiện khá chậm khi so sánh với các năm trước. Một số cơ quan mà DN/HTX đánh giá cần phải chủ động cung cấp thông tin hơn nữa cho DN/HTX là Sở Tư pháp, Sở TN&MT, Sở Xây dựng và Cục Thuế TP.

Dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng CNTT đã và đang được thành phố quan tâm và đẩy mạnh cải cách trong nhiều năm qua. Kết quả khảo sát cho thấy, trang web của các cơ quan là phương thức cung cấp thông tin quan trọng về TTHC. Mức độ hữu ích của thông tin trên trang web của các cơ quan đối với việc tìm kiếm thông tin của DN/HTX được 73,88% DN/HTX đánh giá tích cực và chỉ có khoảng 6% DN/HTX cho rằng chưa hữu ích như TT&TT và Tư pháp; 2 cơ quan được DN/HTX đánh giá cao trang web là Sở Du lịch và Sở KH&ĐT đều đạt trên mức điểm tốt 8 điểm. Đây là những cơ quan đã có nhiều nỗ lực trong việc thúc đẩy, xây dựng nội dung đổi mới và cập nhật liên tục lên trang web và các phương tiện khác. Sở Du lịch Hải Phòng với slogan “Mang Hải Phòng đến gần bạn hơn” ngoài việc tiếp cận thông qua các kênh chính thống như trang web của Sở. Sở Du lịch còn có trang fanpage Sở Du lịch Hải Phòng với hơn 11.000 lượt thích và hơn 12.000 người theo dõi, tài khoản Tiktok với hơn 27.300 lượt thích và hơn 4.700 lượt theo dõi và cả tài khoản Instagram. Sở KH&ĐT sử dụng Hệ thống trả lời tự động bằng trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực đăng ký DN, đăng ký đầu tư; các thông tin hướng dẫn thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư cập nhật đầy đủ, kịp thời. Đây chính là một trong những điển hình mà các cơ quan có thể học hỏi để cải thiện chất lượng cung cấp thông tin. Đặc biệt, các cơ quan ở nhóm cuối cần tăng cường các nỗ lực phổ biến thông tin tốt hơn về thủ tục do ngành mình quản lý. Việc phổ biến thông tin sẽ có kết quả tốt hơn nếu thông tin về TTHC và các thông tin khác liên quan đến thủ tục này được cung cấp đầy đủ, dễ hiểu và cập nhật thường xuyên với nhiều cách làm đổi mới, đa dạng.

Đánh giá chi tiết về mức độ thực hiện dịch vụ công trực tuyến, chỉ tiêu này năm 2022 duy trì xu hướng cải thiện tích cực so với các năm trước khi đạt thang điểm khá với 7,13 điểm. Kết quả khảo sát DDCI năm 2022 cho thấy có 25,83% DN/HTX đã thực hiện hoàn toàn dịch vụ công và thanh toán phí trực tuyến, 37,36% DN/HTX thực hiện trực tuyến nhưng vẫn trả phí trực tiếp, còn lại 36,81% DN/HTX vẫn làm trực tiếp. Các cơ quan có tỉ lệ DN/HTX thực hiện dịch vụ công trực tuyến cao là BHXH TP, Cục Thuế TP, Cục HQ TP. Đây đều là những cơ quan cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, 4 gần như cao nhất trong toàn lĩnh vực của thành phố và liên tục duy trì điểm số cao trong nhiều năm đánh giá. Trong khi đó, DN/HTX ở một số lĩnh vực như GD&ĐT, Tư pháp, Xây dựng, TN&MT vẫn thực hiện nhiều TTHC ở mức độ chưa toàn trình.

Biểu đồ 3.11. Tỷ lệ mức độ DN/HTX thực hiện dịch vụ công trực tuyến ở các Sở, ban, ngành trong năm 2020-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Sở Du lịch Hải Phòng giới thiệu bản đồ số Hải Phòng City Tour, Sàn giao dịch du lịch trực tuyến và phát động chiến dịch quảng bá #HelloHaiPhong trên nền tảng TikTok

Sở Du lịch đã tạo ra nhiều sản phẩm, hình ảnh hấp dẫn, thu hút du khách, kích thích tăng trưởng, hỗ trợ phục hồi và phát triển du lịch trong bối cảnh bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 như tuyên truyền về các điểm đến của thành phố trên các website: dulichhaiphong.gov.vn; sodulich.haiphong.gov.vn và các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Youtube đã thu hút được sự quan tâm theo dõi của đông đảo khách du lịch và người dân... Tiếp nối những thành công đó, Sở Du lịch tiếp tục tổ chức sự kiện nhằm quảng bá, giới thiệu các sản phẩm du lịch mới, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch để hỗ trợ, phục hồi và phát triển du lịch thành phố.

Không chỉ ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực cải cách hành chính, năm 2022 cũng đánh dấu bước đột phá của ngành du lịch Hải Phòng khi cho ra mắt bản đồ số Hải Phòng City Tour, Sàn giao dịch du lịch trực tuyến và phát động chiến dịch quảng bá #HelloHaiPhong trên nền tảng TikTok với tên chính thức “Haiphongtourismofficial”. Đây được cho là một bước mở rộng hoạt động quảng bá du lịch trên các nền tảng số, trong chương trình, phạm vi chuyển đổi số thuộc lĩnh vực du lịch. Bên cạnh đó, Sở Du lịch cũng phối hợp với Traveloka, Siêu ứng dụng du lịch và tiện ích sống hàng đầu Đông Nam Á ra mắt sàn giao dịch du lịch Hải Phòng trực tuyến với mục đích đồng hành cùng các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn thành phố trong việc số hóa hoạt động kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục sau đại dịch Covid-19.

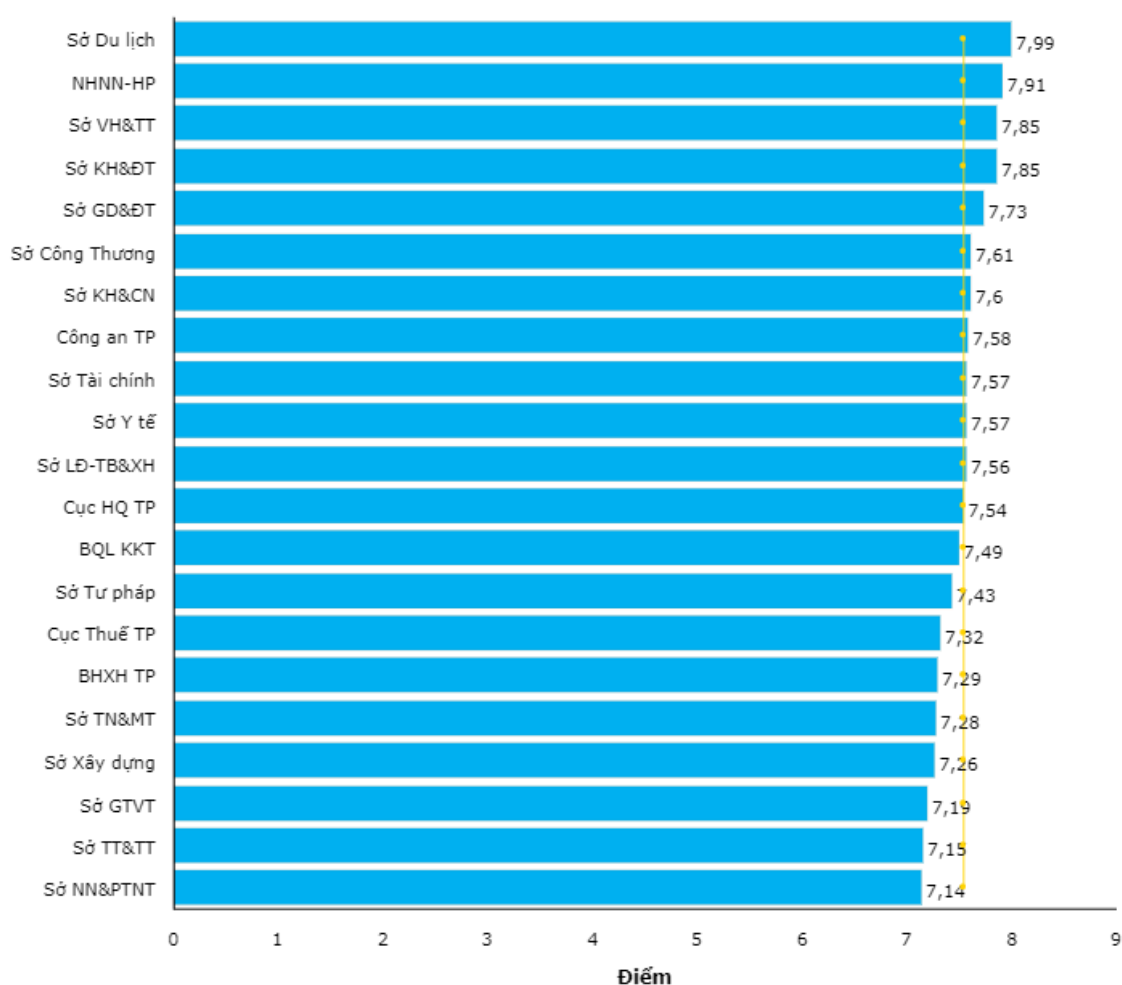
Nguồn: <https://haiphong.gov.vn/Du-lich/So-Du-lich-Hai-Phong-gioi-thieu-ban-do-so-Hai-Phong-City-Tour-San-giao-dich-du-lich-truc-tuyen-va-phat-dong-chien-dich-quang-ba>

Xác định chuyển đổi số là động lực phát triển, thành phố đã đưa nội dung này vào một trong những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Trong nội dung khảo sát DDCI năm 2022, khảo sát cũng đã yêu cầu DN/HTX đánh giá mức độ ứng dụng CNTT/ sử dụng phương thức mới, chuyển đổi số, công nghiệp 4.0 của các cơ quan. Kết quả có 59,01% DN/HTX đánh giá cao việc ứng dụng CNTT/ phương thức mới hiệu quả song vẫn còn một số ít DN/HTX (2,23%) cho rằng vẫn chưa ứng dụng các phương thức mới trong quá trình làm việc. Việc ứng dụng CNTT cũng giúp DN/HTX tra cứu tình trạng và tiến độ xử lý hồ sơ hiệu quả là một trong những lợi ích thiết thực mà quy trình này mang lại, giúp rút ngắn thời gian và đơn giản hóa quy trình thực hiện. Do đó, việc các cơ quan tăng cường cung cấp các dịch vụ công mức độ 4/ dịch vụ công toàn trình là một trong những yếu tố quan trọng cải thiện thành tích, thể hiện sự nỗ lực trong công tác cải cách TTHC, ứng dụng CNTT hướng tới phục vụ chuyên nghiệp, góp phần thực hiện Chính phủ số, quốc gia số.

Với đặc thù của hệ thống văn bản pháp luật hiện nay, phần lớn các quy định chưa thể áp dụng được ngay, mà phải chờ có hướng dẫn, giải thích. Do đó, việc cung cấp các thông tin, hướng dẫn chi tiết, đầy đủ sẽ tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh và ngược lại. Tương tự, việc hướng dẫn nhanh chóng, phù hợp với các quy định sẽ giúp DN/HTX nhận biết/hiểu rõ quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo sản xuất kinh doanh thông suốt, ngược lại sẽ gây ra lúng túng, vướng mắc trong áp dụng pháp luật và ảnh hưởng đến hoạt động của DN/HTX. Vì vậy, có thể thấy rằng minh bạch thông tin và đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong tiếp cận thông tin sẽ tác động lớn đến môi trường đầu tư, kinh doanh. Hoạt động cải cách có hiệu quả hay không, thời gian tìm hiểu thủ tục có được rút ngắn hay không phụ thuộc vào cách cung cấp thông tin mà các Sở, ban, ngành mang lại cho DN/HTX.

3.4.3. Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành

Biểu đồ 3.12. Điểm số CSTP tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành



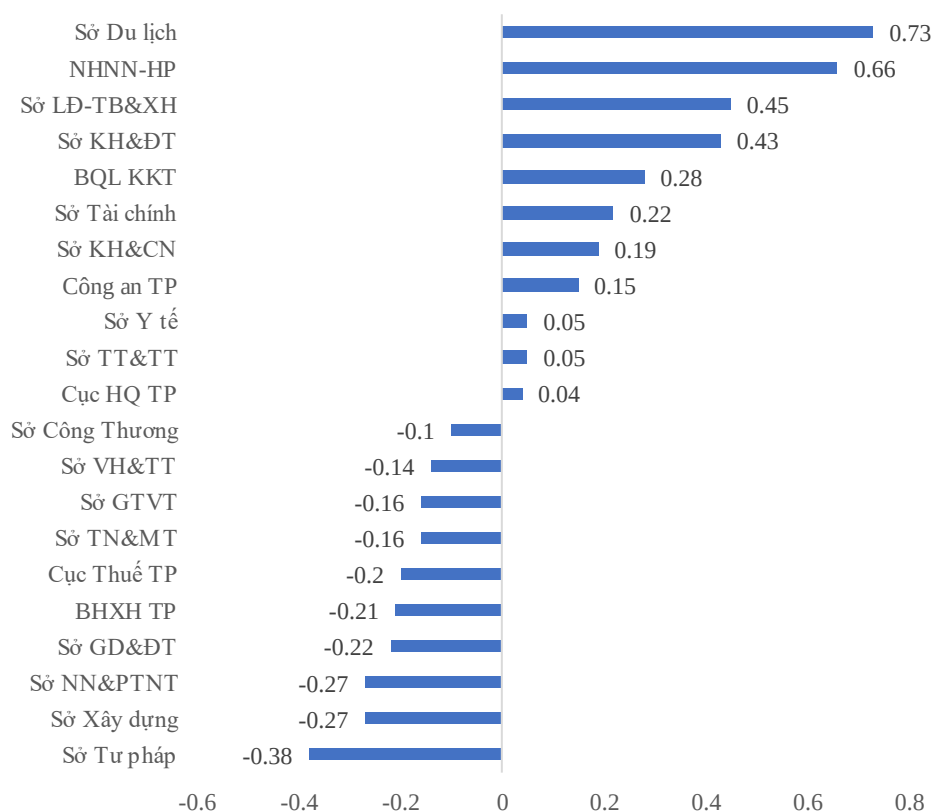
Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Tính năng động và tinh thần tiên phong, đổi mới sáng tạo trong quá trình điều hành là một trong những nội dung quan trọng được PCI đánh giá hàng năm và được lồng ghép trong Bộ chỉ số DDCI Hải Phòng các năm. Năm 2022, để bám sát các thay đổi trong phương pháp luận mới của PCI năm 2021, chỉ số tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành và chỉ số vai trò người lãnh đạo đã được rút gọn thành một chỉ số tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành. Chỉ số mới này vẫn duy trì những chỉ tiêu cũ quan trọng và điều chỉnh phù hợp với cách tiếp cận mới của PCI. Trong báo cáo năm 2022, điểm số so sánh của chỉ số tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành sẽ so sánh với chỉ số tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành năm 2021 do có nhiều chỉ tiêu quan trọng được duy trì.

Điểm số của chỉ số này trong năm 2022 tiếp nối những kết quả tích cực của các năm trước khi nhận được nhiều phản hồi khá tích cực của các DN/HTX về tinh thần năng động, tiên phong và hiệu quả trong giải quyết các công việc. Kết quả năm 2022 cho thấy toàn bộ các cơ quan được đánh giá đều thuộc nhóm điểm khá, trong dải điểm từ 7 đến dưới 8 điểm với khoảng cách chênh lệch điểm số không quá lớn, chỉ 0,85 điểm giữa cơ quan đứng đầu và đứng cuối bảng xếp hạng. Điều này cho thấy tinh thần phục vụ, truyền lửa cải cách được các cơ quan tiếp tục “giữ lửa” nhưng vẫn có sự cạnh tranh giữa các cơ quan, một tín hiệu đáng mừng về sự thay đổi đang diễn ra tại thành phố. Các cơ quan thuộc nhóm đầu ở chỉ số này gồm Sở Du lịch với 7,99 điểm, NHNN - Chi nhánh Hải Phòng với 7,91 điểm, tiếp theo là Sở VH&TT và Sở KH&ĐT đạt mức điểm 7,85 điểm. Những cơ quan cần nỗ lực hơn trong quá trình điều hành để đáp ứng được kì vọng của DN trong giải quyết các vấn đề thực tiễn phát triển kinh

tế là Sở TT&TT và Sở NN&PTNT vì nhóm các cơ quan này chưa có nhiều cải thiện so với các năm trước.

Biểu đồ 3.13. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành ở CSTP tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành trong năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

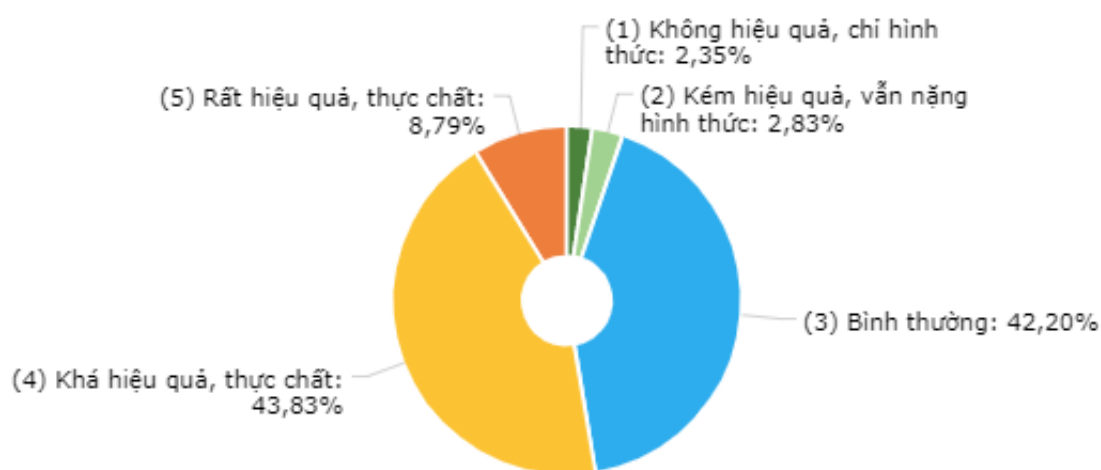
Kết quả khảo sát năm 2022 chỉ ra sự cải thiện chưa đồng đều ở nhiều cơ quan. Năm 2022 có 11/21 cơ quan tăng điểm so với năm 2021. Trong đó, Sở Du lịch và NHNN - Chi nhánh Hải Phòng là 2 cơ quan có cải thiện nhiều nhất, tăng lần lượt 0,73 điểm và 0,66 điểm, đưa hai cơ quan này từ nhóm cuối bảng năm 2021 lên nhóm đầu bảng năm 2022. Ngược lại là các cơ quan có điểm số giảm khá nhiều như Sở Tư pháp giảm 0,38 điểm, Sở Xây dựng và Sở NN&PTNT giảm 0,27 điểm. Việc chưa nhận được những đánh giá tích cực trong năm 2022 như các cơ quan khác đã ảnh hưởng đến việc giảm điểm và giảm thứ hạng so với năm 2021 của các Sở, ban, ngành trên. Kết quả cũng cho thấy đề duy trì thứ hạng ổn định, ngoài việc cải thiện điểm số thì tốc độ cải thiện điểm số cũng rất quan trọng khi có nhiều cơ quan dù ở nhóm cuối nhưng với nỗ lực cao đã lội ngược dòng trên bảng xếp hạng khá thành công.

Đi sâu vào phân tích các chỉ tiêu chi tiết, kết quả DDCI năm 2022 ghi nhận nhiều kết quả tích cực của các DN/HTX về tính năng động và tiên phong của các Sở, ban, ngành. Năm 2022, có 81,86% DN/HTX trả lời khảo sát đồng ý về nhận định “Thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các DN/HTX”, chỉ tiêu này đạt 7,97 điểm, tăng nhẹ so với mức 7,94 điểm năm 2021, tiếp tục duy trì xu hướng cải thiện tới thang điểm tốt. Khi quy định của Trung ương và thành phố chưa rõ ràng, có 77,11% DN/HTX cho rằng các Sở, ban, ngành đã sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/ quyết định, giải quyết các vấn đề phát sinh mới và tham mưu UBND thành phố các đề xuất phù hợp. Đặc biệt, đánh giá về hiện tượng trì hoãn/ chậm trễ hay đùn đẩy trách nhiệm khi thực hiện các quyết định/ chủ trương của UBND thành phố và cấp Trung ương, có 81,68% DN/HTX cho rằng ít xảy ra ở các cơ quan đánh giá, chỉ còn một tỉ lệ thấp khoảng 2% DN/HTX cho rằng vẫn còn xảy ra, đáng lưu ý ở một số lĩnh vực

như Y tế, Hải quan và GTVT. Bên cạnh đó, việc thực hiện chủ trương, chính sách của ngành, thành phố trong việc tạo thuận lợi cho DN hoạt động được 82,3% DN/HTX cho rằng là ổn định và nhất quán, đạt 8,02 điểm. Nhiều cơ quan được đánh giá năng động, có nhiều sáng kiến, giải pháp hỗ trợ trong quá trình thực hiện và giải quyết các vấn đề cho DN/HTX như Sở KH&ĐT, Sở Du lịch, Sở VH&TT. Điểm số của các chỉ tiêu trên đều có giá trị tiệm cận khá gần với mức điểm tốt 8 điểm.

Năm 2022, các chỉ tiêu đánh giá về lãnh đạo trong công tác quản lý, điều hành được thể hiện qua các khía cạnh tinh thần dám quyết/ dám làm và dám chịu trách nhiệm trong việc thực thi các quy định, chính sách và tiên phong thực hiện cải cách; lãnh đạo giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý các trường hợp những nhiễu, khó khăn cho các cơ sở SXKD và mức độ tin tưởng và ủng hộ đối với lãnh đạo của các cơ quan trong quá trình điều hành, cải thiện môi trường kinh doanh. Khảo sát cho thấy khoảng 80% DN/HTX đánh giá tích cực về vai trò của người lãnh đạo ở các cơ quan. Điểm số của các chỉ tiêu này đều đang tiến khá sát tới mức điểm tốt.

Biểu đồ 3.14. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá về chất lượng của các cuộc đối thoại, tham gia ý kiến của các Sở, ban, ngành



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

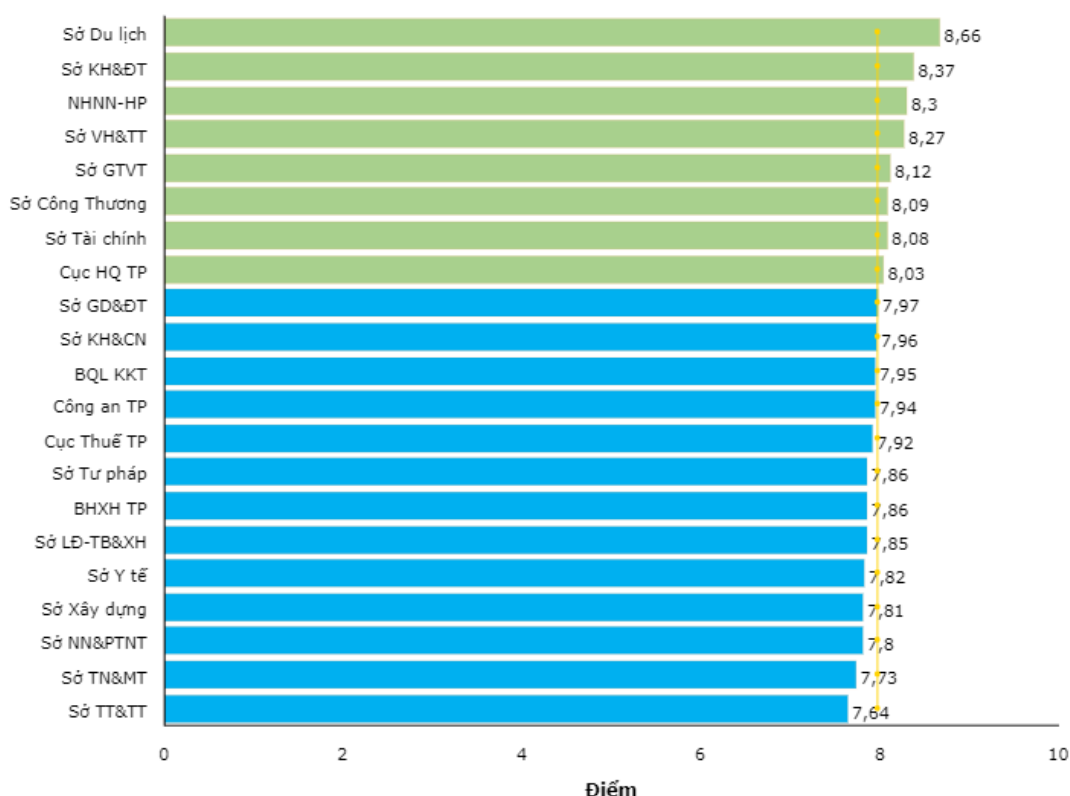
Mặc dù các con số trên cho thấy sự tiến bộ và cải thiện của các cơ quan nhưng các chỉ tiêu liên quan tới hoạt động tham vấn DN/HTX chưa có nhiều cải thiện. Đây vẫn là nhóm các chỉ tiêu thấp điểm nhất, kéo điểm số trung bình của chỉ số này giảm điểm. Kết quả khảo sát năm 2022 có 23,5% DN/HTX cho biết chưa từng được mời tham gia đóng góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển, 21,33% DN/HTX ít khi được mời tham gia góp ý kiến và chỉ có 15,68% DN/HTX thường xuyên được tham gia. Điểm số của chỉ tiêu này chỉ đạt 5,11 điểm, mức điểm trung bình, có cải thiện hơn mức 4,61 điểm năm 2021, xuất phát từ việc các Sở, ban, ngành đều nỗ lực tăng cường hoạt động đối thoại với các DN/HTX trong năm 2022 để giải quyết các khó khăn vướng mắc. Hiệu quả và chất lượng của các buổi đối thoại được hơn một nửa DN/HTX (52,62%) đánh giá tương đối tốt và thực chất, 42,2% DN/HTX đánh giá ở mức bình thường và chỉ có 5,18% DN/HTX cho rằng chưa có nhiều hiệu quả thiết thực. Kết quả khảo sát trong các năm 2020-2022 đều phản ánh chất lượng tham vấn DN/HTX trong quá trình soạn thảo và xin ý kiến chưa cao. Mặc dù các cơ quan có cố gắng nhưng việc lấy ý kiến công khai về dự thảo các văn bản thường không đem lại hiệu quả rõ rệt. Do thời gian chuẩn bị ngắn, các buổi đối thoại công khai trên website của các cơ quan thường ít được chia sẻ rộng rãi với các tài liệu chuẩn bị đi kèm, vì vậy việc tìm hiểu và góp ý của các DN/HTX chưa được sâu sát. Bên cạnh đó, việc lấy ý kiến mới chỉ có phần lớn các ý kiến từ các DN/HTX lớn, thường xuyên làm việc với các cơ quan nên tỉ lệ tham gia đối thoại còn khá thấp. Việc các DN/HTX không biết và không có cơ hội tham gia ý kiến đối với các hội thảo, hội nghị khiến cho các quy trình ban hành văn bản và hiệu quả áp dụng thực tế kém

đi, tạo ra các quy định bất hợp lý, gây vướng cho DN/HTX. Các cơ quan nhà nước cần chủ động đẩy nhanh hơn nữa quá trình xây dựng các văn bản pháp lý, cần tiếp tục cải thiện chất lượng công tác lấy ý kiến thực chất và hiệu quả hơn thông qua nâng cao chất lượng các tài liệu giải trình và tham vấn rộng rãi. Các ý kiến góp ý của DN/HTX cần được giải trình rõ ràng, công khai, để tạo niềm tin cho DN/HTX, tránh gây nản lòng khi các ý kiến không được tiếp thu và giải thích rõ ràng.

3.4.4. Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật

Trong thời gian qua, hoạt động thúc đẩy cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của Chính phủ đã có nhiều tác động tích cực, bãi bỏ, sửa đổi nhiều quy định bất hợp lý, gây vướng mắc, bất cập cho DN/HTX. Chính phủ đang đẩy mạnh cải cách môi trường đầu tư, kinh doanh thông qua một loạt các Nghị quyết như Nghị quyết số 19/NQ-CP (được ban hành từ năm 2014 đến năm 2018), Nghị quyết số 02/NQ-CP (ban hành hàng năm từ năm 2019 đến năm 2022), nhiều hoạt động cải cách đã diễn ra sôi nổi, theo hướng cởi mở, tạo thuận lợi cho cộng đồng SXKD. UBND thành phố ban hành nhiều văn bản để đẩy mạnh cải cách hành chính, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh như Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 16/11/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp. Điều này cũng thể hiện rõ qua xu hướng cải thiện điểm số qua các năm thực hiện DDCI của chỉ số chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật.

Biểu đồ 3.15. Điểm số CSTP chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật

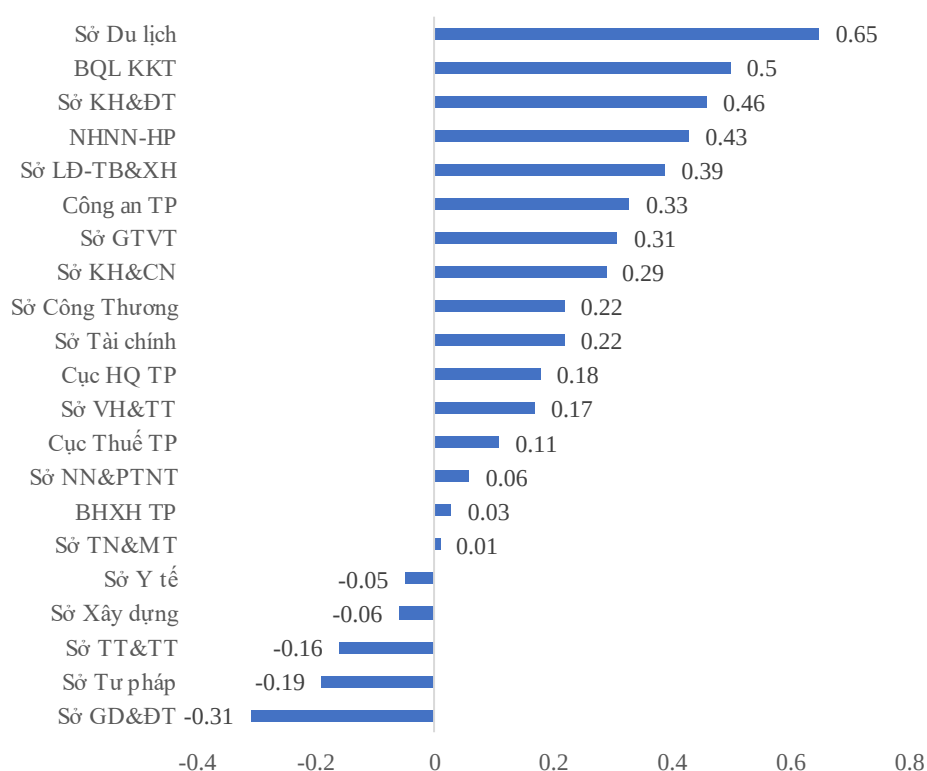


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Điểm số trung bình năm 2022 của chỉ số này là năm đầu tiên đạt mức điểm tốt - 8 điểm. Kết quả cho thấy đã xuất hiện nhiều cơ quan có điểm số đạt mức tốt hơn so với năm 2021, gồm 8 cơ quan: Sở Du lịch đứng đầu với 8,66 điểm, tiếp theo là các cơ quan: Sở KH&ĐT, NHNN - Chi nhánh Hải Phòng, Sở VH&TT, Sở GTVT, Sở Công Thương, Sở Tài chính và Cục HQ TP. Đây đều là những cơ quan được các DN/HTX đánh giá có nhiều cải cách, cắt giảm thời gian thực hiện TTHC tương đối tốt cho các DN/HTX. Các cơ quan còn lại đều nằm trong dải điểm khá từ 7,64 điểm - 7,97 điểm. Chênh lệch giữa

các cơ quan cũng không có nhiều khoảng cách lớn, tuy nhiên giữa cơ quan đứng đầu và đứng cuối lại nói rộng hơn so với các năm trước. Điều này một mặt phản ánh việc các cơ quan cạnh tranh về điểm số mặt khác cho thấy chưa có sự cải thiện đồng đều, cần sự nỗ lực cải cách nhanh hơn ở nhóm cuối bảng.

Biểu đồ 3.16. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành trong CSTP chỉ phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật trong năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

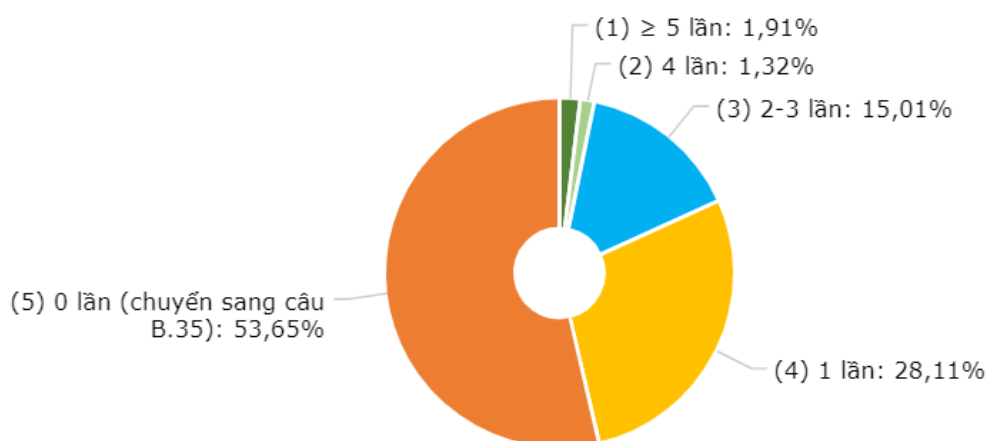
Xu hướng chuyển động tích cực trên được phần nào thể hiện qua sự cải thiện của phần lớn các cơ quan trong năm 2022, khi có 16/21 cơ quan tăng điểm và chỉ có 5/21 giảm điểm. Trong đó, nhóm tăng điểm nhanh chóng trong năm 2022 so với năm 2021 là Sở Du lịch tăng 0,65 điểm, BQL KKT tăng 0,5 điểm, Sở KH&ĐT và NHNN - Chi nhánh Hải Phòng tăng hơn 0,4 điểm. Với mức cải thiện nhanh như vậy đã giúp các cơ quan này thăng hạng lên các vị trí cao hơn, trong top các cơ quan điểm cao hoặc lên nhóm giữa bảng như BQL KKT. Ngược lại, Sở Tư pháp, Sở GD&ĐT và Sở TT&TT không duy trì được nhịp độ cải cách đã giảm điểm đáng kể, dẫn tới ảnh hưởng thứ hạng. Tương tự như các chỉ số khác, nhóm cuối bảng xếp hạng năm 2021 là nhóm có nhiều sự thay đổi đáng kể nhất khi cải thiện cả điểm số và thứ hạng, còn nhóm đầu bảng năm 2021 chưa duy trì được phong độ ổn định, giảm thứ hạng, không còn trong nhóm dẫn đầu năm 2022.

Đánh giá chung về thời gian thực hiện TTHC ở các cơ quan so với quy định, có 65,7% DN/HTX thực hiện đúng thời gian và 6,76% DN/HTX cho biết được rút ngắn hơn thời gian và chỉ có hơn 3% DN/HTX cho biết vẫn mất thời gian thực hiện. Điểm số của chỉ tiêu này cũng tăng từ mức 6,7 điểm năm 2021 lên 7,56 điểm năm 2022. Ghi nhận các nỗ lực cải cách, sáng kiến của các cơ quan nhằm cắt giảm chi phí thời gian cho DN/HTX khi tuân thủ các quy định pháp luật với 91,34% ý kiến đồng tình, cao hơn 0,16 điểm so với năm 2021. Mô hình tiêu biểu có thể kể đến Sở Du lịch. Để tạo điều kiện cho các cơ sở kinh doanh, lưu trú dịch vụ du lịch, Sở Du lịch Hải Phòng đã ứng dụng chuyển đổi số vào hoạt động cải cách hành chính. Cụ thể, nâng cấp thủ tục hành chính đối với việc công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch hạng 1-3 sao với cơ sở lưu trú du lịch từ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 lên dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; giảm thời gian thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

từ 5 ngày làm việc xuống còn 4 ngày làm việc; giảm thời gian thực hiện thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành từ 5 ngày làm việc xuống 3 ngày làm việc.

Một trong những khía cạnh đánh giá quan trọng của chỉ số này là hoạt động thanh tra, kiểm tra của các Sở, ban, ngành. Khảo sát DDCI năm 2022 cho thấy số lần thanh tra, kiểm tra riêng mà DN/HTX phải tiếp trong năm tiếp tục có xu hướng giảm khi có 53,65% DN/HTX không phải tiếp, 28,11% DN/HTX chỉ phải tiếp 1 lần và chỉ có một tỉ lệ nhỏ DN/HTX phải tiếp trên 5 lần (1,9%), tiếp tục giảm so với 2 năm trước. Tuy nhiên, DN/HTX phản ánh vẫn còn tình trạng phải đón tiếp nhiều lần ở một số ngành, lĩnh vực như Lao động, Bảo hiểm xã hội, Quản lý KKT, Thuế, Xây dựng. Điểm số của chỉ tiêu này đạt 8,55 điểm năm 2022, giảm nhẹ so với 8,71 điểm năm 2021. Phản hồi các đánh giá về chất lượng của các hoạt động thanh tra, kiểm tra có sự thay đổi đáng kể, Tỉ lệ DN/HTX đánh giá thời gian thanh tra, kiểm tra không mất quá nhiều thời gian của DN/HTX là 42,55% và 64,2% DN/HTX cho biết nội dung thanh tra, kiểm tra khá rõ ràng, thuận lợi. Mặc dù vẫn còn tỉ lệ nhỏ DN/HTX (khoảng 3%) cho biết còn tình trạng cán bộ thanh tra, kiểm tra lợi dụng cơ hội để nhũng nhiễu DN/HTX, tập trung ở một số lĩnh vực như Hải quan, BHXH, Phòng cháy chữa cháy. Những cải thiện này cho thấy chi phí tuân thủ trên đang có chiều hướng giảm bớt, tín hiệu tích cực cho môi trường đầu tư, kinh doanh ở thành phố.

Biểu đồ 3.17. Tỉ lệ DN/HTX phải tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra



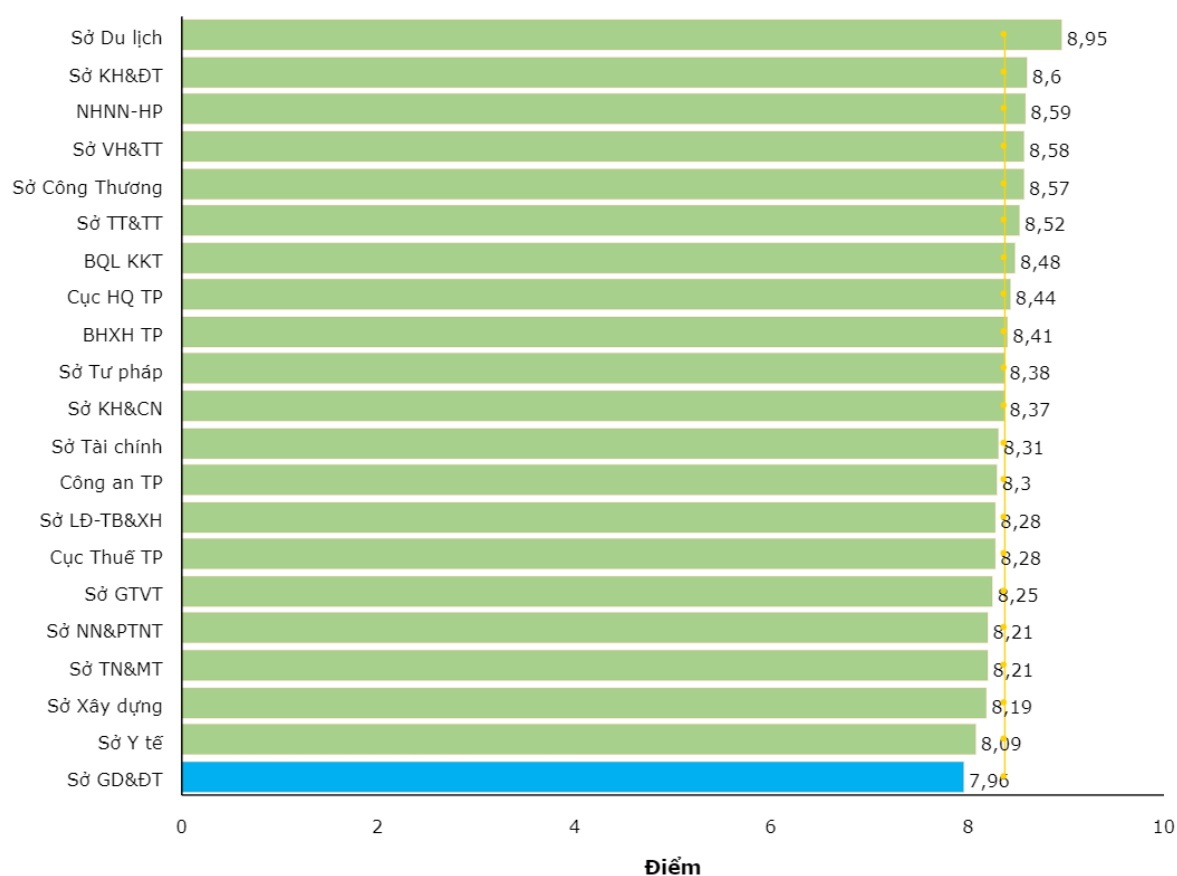
Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Trong phương pháp luận PCI 2021, chỉ số chi phí thời gian đã bổ sung nhiều câu hỏi liên quan tới thực hiện dịch công trực tuyến, một trong những giải pháp hữu hiệu giúp cắt giảm chi phí thời gian cho DN/HTX. Bộ chỉ số DDCI Hải Phòng năm 2022 đã lồng ghép các nội dung trên và đưa vào đánh giá. Kết quả cho thấy những điểm khá tích cực khi nhóm chỉ tiêu này đều đạt mức điểm tốt, trên 8 điểm. Các DN/HTX đều đồng tình cao về việc thực hiện thủ tục trực tuyến dễ dàng, đơn giản, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí, không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được cung cấp trước đó so với phương pháp truyền thống. Những nỗ lực nổi bật trong việc ứng dụng mạnh mẽ CNTT vào cung cấp dịch vụ công đang dần trở nên phổ biến hơn khi DN/HTX có thể thực hiện hầu hết các TTHC trên các nền tảng trực tuyến.

Các kết quả phân tích trên đang củng cố thêm cho tín hiệu tích cực về việc cắt giảm thời gian cho DN/HTX, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện đáng kể. Các kết quả này cho thấy sự ghi nhận của cộng đồng cơ sở SXKD đối với những tiến bộ của các cơ quan nhà nước về chất lượng giải quyết TTHC chính cho DN/HTX. Các cơ quan cần tiếp tục duy trì những kết quả tích cực như vậy trong các năm tiếp theo.

3.4.5. Chi phí không chính thức

Biểu đồ 3.18. Điểm số CSTP chi phí không chính thức

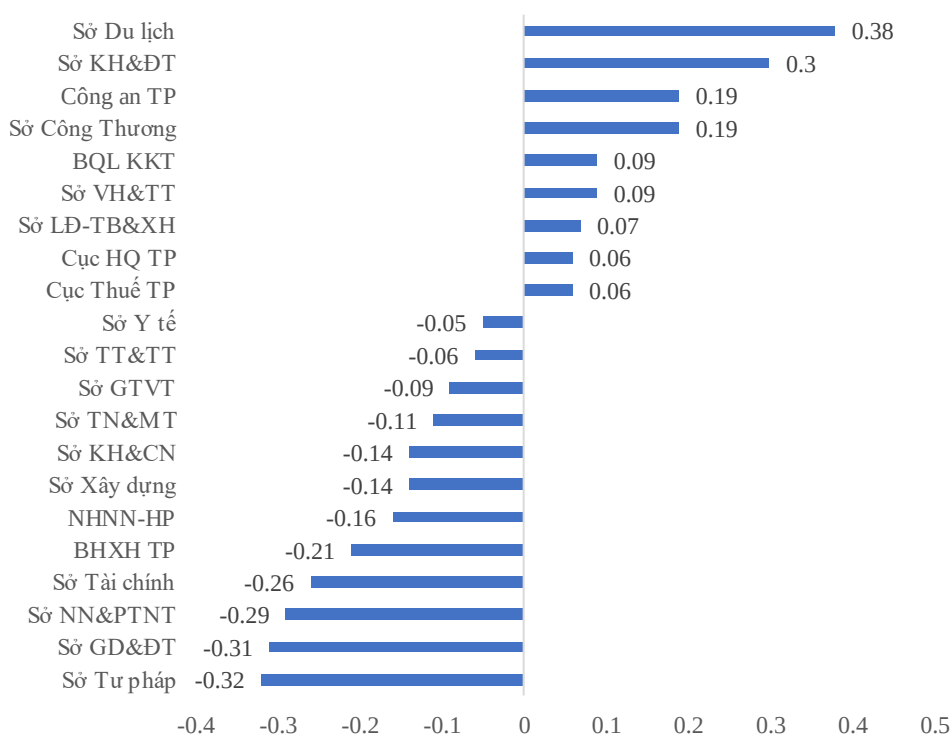


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Chi phí không chính thức là một thước đo các khoản chi phí mà các cơ sở SXKD phải chi trả và các trở ngại do những chi phí không chính thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của họ. Việc duy trì chỉ số trong nhiều năm qua cho thấy quyết tâm và cam kết bền vững của thành phố về việc chống tham nhũng. Nhìn chung, điểm số chỉ số chi phí không chính thức ở các cơ quan tiếp tục được duy trì trong năm thứ 3 liên tiếp ở nhóm chỉ số cao điểm, mức điểm tốt với điểm số trung bình là 8,38 điểm. So sánh giữa các cơ quan vẫn có sự chênh lệch điểm số nhất định. Khoảng cách giữa cơ quan đứng đầu và đứng cuối là 0,99 điểm, có dấu hiệu nới rộng hơn so với 2 năm trước, cũng phần nào thể hiện qua sự phân hóa xếp hạng ở các cơ quan. Năm 2022 có 20/21 cơ quan thuộc nhóm điểm tốt, trên 8 điểm, trong đó có Sở Du lịch đang dẫn đầu chỉ số này với 8,95 điểm, tiệm cận khá gần với mức điểm rất tốt. Duy nhất có Sở GD&ĐT đứng cuối bảng xếp hạng, thuộc nhóm điểm khá với 7,96 điểm. Mặc dù vậy, các cơ quan vẫn bám đuổi khá sát khi có nhiều cơ quan ở cùng một dải điểm, chênh lệch không lớn.

So sánh kết quả DDCI năm 2022 và năm 2021, điểm số trung bình các cơ quan năm 2022 đạt 8,38 điểm, giảm 0,03 điểm so với mức 8,41 điểm năm 2021. Nguyên nhân này là do nhiều cơ quan giảm điểm so với năm 2021, tập trung vào các vấn đề DN/HTX dù có chi trả các khoản chi phí không chính thức nhưng công việc không được xử lý và tâm lý bi quan về các khoản chi phí này đang có xu hướng tăng lên. Năm 2022 có 12/21 cơ quan giảm điểm và chỉ có 9/21 cơ quan tăng điểm. Sở Du lịch và Sở KH&ĐT là những cơ quan được đánh giá thực hiện ngày càng nghiêm túc trong việc đẩy lùi chi phí không chính thức khi tăng hơn 0,3 điểm so với năm 2022, giúp nhanh chóng tăng thứ hạng trên bảng xếp hạng, thuộc nhóm đầu bảng trong chỉ số này ở năm 2022. Ngược lại là các cơ quan chưa duy trì được những kết quả của các năm trước nên giảm thứ hạng nhiều như Sở Tư pháp, Sở GD&ĐT, Sở NN&PTNT, giảm khoảng 0,3 điểm so với năm 2021.

Biểu đồ 3.19. Mức thay đổi điểm số CSTP chi phí không chính thức của các Sở, ban, ngành trong năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

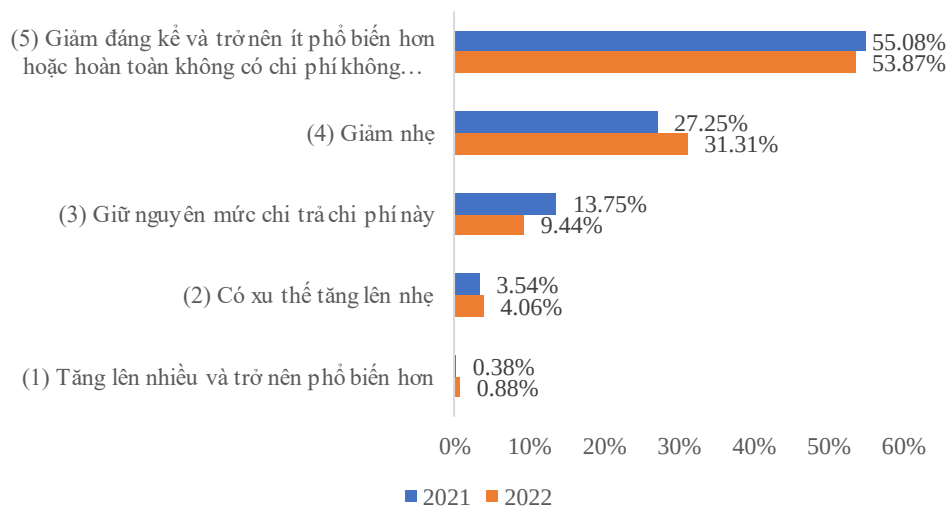
Mặc dù điểm số trung bình của chỉ số này có biến động trong năm 2022 so với năm 2021 và 2020 nhưng vẫn có nhiều chỉ tiêu có xu hướng cải thiện tích cực. Một trong số đó là chỉ tiêu mức độ phổ biến của chi phí không chính thức (chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định của Nhà nước) đang trở nên ít xảy ra khi có hơn một nửa DN/HTX (53,21%) cho rằng hoàn toàn không có chi phí không chính thức và chỉ có khoảng 6% DN/HTX cho biết tình trạng này vẫn còn phổ biến trong lĩnh vực của họ như BHXX, Thuế, Xây dựng, Lao động, GTVT, Hải quan. Điểm số của chỉ tiêu này đạt 8,68 điểm, cao nhất trong 3 năm thực hiện DDCI.

Bên cạnh đó, quy mô của các khoản chi trả chi phí không chính thức cũng được đưa ra cho DN/HTX đánh giá. Theo đó, kết quả khảo sát cho thấy quy mô của các khoản này cũng giảm đáng kể theo thời gian khi tỉ lệ DN/HTX phải bỏ ra hơn 5% thu nhập giảm từ 4,47% năm 2020 xuống còn 3,43% năm 2022. Điểm số của chỉ tiêu này cũng tăng lên 9,37 điểm trong năm 2022.

Tuy nhiên, điểm mờ trong bức tranh của chỉ số này có liên quan đến việc nhiều DN/HTX cho biết họ phải chi trả các khoản chi phí không chính thức nhưng công việc lại không được giải quyết đúng như mong muốn. Tỉ lệ DN/HTX cho rằng sẽ không bao giờ được xử lý hoặc hiếm khi được xử lý như mong muốn lên tới 21,15%. Điểm số của chỉ tiêu này giảm từ 6,84 điểm năm 2021 xuống 6,79 điểm năm 2022 và kéo điểm số chung của cả chỉ số tụt giảm. Điều này cho thấy việc chi trả chi phí không chính thức như vậy vừa gây tổn kém chi phí cho DN/HTX, vừa tạo ra những tiền lệ xấu trong khi công việc không được giải quyết. Điều này cũng có thể lý giải một phần từ khảo sát các năm trước đây cho thấy vẫn còn khá nhiều DN/HTX chủ động chi trả cho cán bộ dù không được yêu cầu vì tâm lý đặt nhiều “kỳ vọng” vào việc xử lý công việc nhanh chóng hơn. Ngoài ra, tỉ lệ DN/HTX cho rằng chi phí không chính thức đang có xu hướng gia tăng cũng thay đổi, từ 3,93% năm 2021 lên 4,88% năm 2022. Điểm số của chỉ tiêu này cũng giảm từ 8,71 điểm năm 2021 xuống 8,67 điểm năm 2022. Do đó, nghiêm túc chấn chỉnh và giám sát các hoạt động thực hiện giao dịch với DN/HTX cũng như tuyên truyền cho DN/HTX

về văn hóa làm việc, phục vụ minh bạch cần được đẩy mạnh ở các cấp, các ngành. Điểm số chỉ tiêu này tuy còn thấp nhưng cũng chính là động lực cho các Sở, ban, ngành chú trọng cải thiện nhiều hơn.

Biểu đồ 3.20. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá xu hướng tăng/giảm chi phí không chính thức trong năm 2020-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

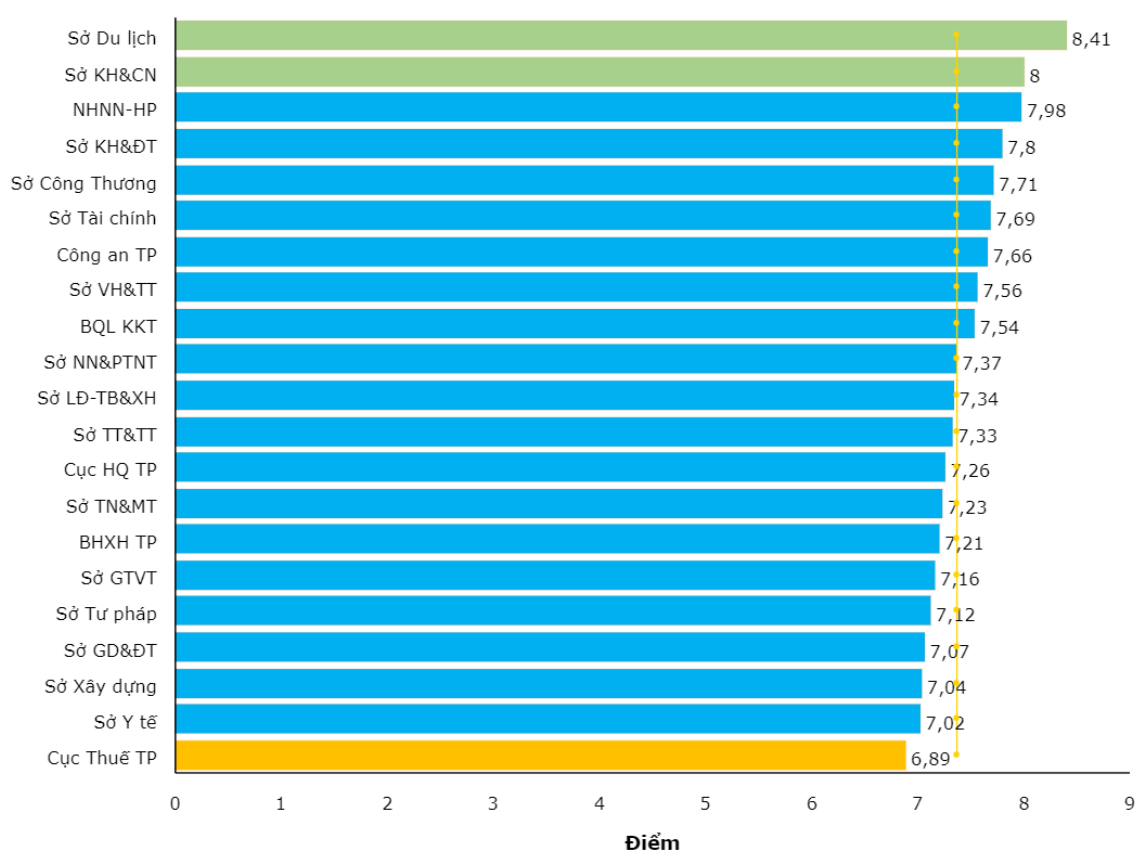
Kết quả khảo sát DDCI về chỉ số này cho thấy cả những điểm sáng và điểm mờ đan xen. Mặc dù chi phí không chính thức chưa thực sự giảm mạnh mẽ, nhưng những nỗ lực đẩy lùi vừa qua đang đi đúng hướng. Xét theo tính chất tương tác giữa các DN/HTX và các cơ quan, chi phí không chính thức trong khảo sát DDCI mới dừng lại chủ yếu ở quy mô nhỏ, dành cho các hoạt động thực hiện TTHC. Do đó, để đẩy lùi chi phí không chính thức vẫn cần những nỗ lực bền bỉ để duy trì kết quả đạt được một cách bền vững ở tất cả các cơ quan.

3.4.6. Cạnh tranh bình đẳng

Cách tiếp cận về cạnh tranh bình đẳng trong DDCI Hải Phòng triển khai các năm qua khá phù hợp với cách tiếp cận PCI năm 2021. Đó chính là đánh giá khả năng xây dựng môi trường kinh doanh, bình đẳng giữa các nhóm đối tượng kinh doanh như DNNN, DN FDI và DN tư nhân; giữa các DN/HTX lớn, DN/HTX thân hữu với chính quyền và DN/HTX nhỏ. Kết quả khảo sát DDCI năm 2022 cho thấy, những nỗ lực của các cấp chính quyền cần được đẩy mạnh hơn nữa trong việc hỗ trợ các nhóm DN/HTX nhỏ trong quá trình hoạt động và làm việc với các cơ quan Nhà nước. Điểm số trung bình của chỉ số này đạt 7,45 điểm, với sự phân nhóm điều hành khá rõ ràng. Cụ thể, nhóm điều hành đạt kết quả tốt có 2/21 cơ quan, trong đó Sở Du lịch và Sở KH&CN đạt trên 8 điểm, dẫn đầu ở chỉ số này. Các cơ quan còn lại có mức điểm khá dao động trong khoảng từ 7 đến 7,8 điểm. Riêng Cục Thuế TP là cơ quan mà DN/HTX phản ánh vẫn còn nhiều khía cạnh chưa thực sự bình đẳng khi điểm số ở mức trung bình khá với 6,89 điểm. Chênh lệch điểm số cũng thay đổi theo hướng nói rộng hơn khi có sự phân hóa khá rõ ràng ở một số cơ quan nhóm đầu và cuối. Điều này càng cho thấy, các cơ quan ở nhóm cuối bảng sẽ phải nỗ lực cao trong năm tới để cải thiện điểm số và thứ hạng bắt kịp các cơ quan khác.

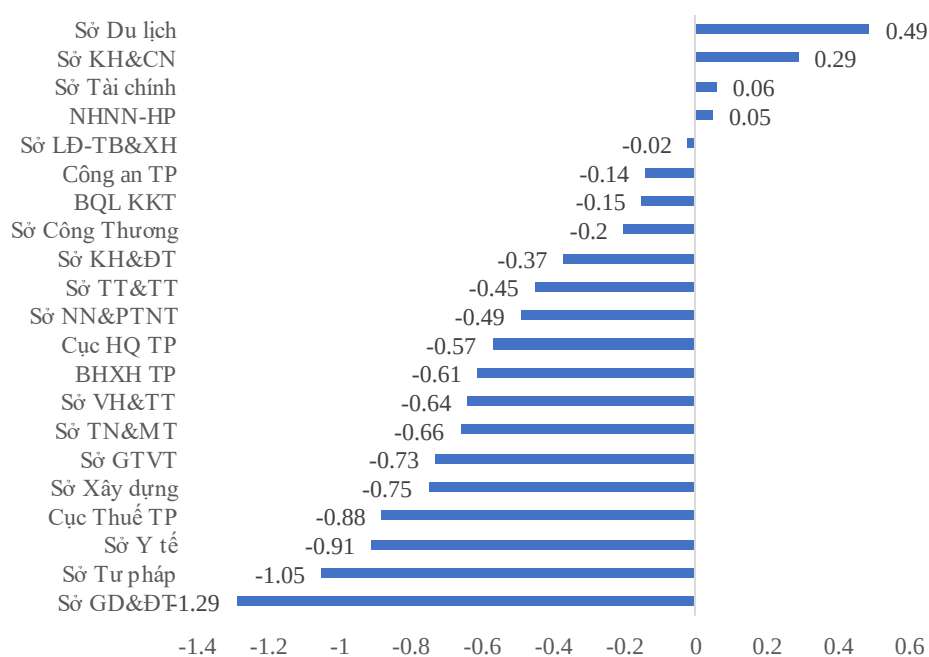
So với năm 2021, điểm trung bình của chỉ số này năm 2022 giảm 0,43 điểm với phần lớn các cơ quan đều giảm điểm tương đối ở chỉ số này. Kết quả DDCI năm 2022 cho thấy chỉ có 4/21 cơ quan tăng điểm gồm Sở Du lịch tăng 0,49 điểm, Sở KH&CN tăng 0,29 điểm; Sở Tài chính và NHNN - chi nhánh Hải Phòng có tăng nhẹ hơn 0,05 điểm. Còn lại các cơ quan đều giảm điểm khá mạnh và sâu như Sở GD&ĐT, Sở Tư pháp giảm hơn 1 điểm. Sự thay đổi điểm số như vậy dẫn đến xáo trộn khá nhiều trong bảng xếp hạng. Các cơ quan nhóm đầu năm 2021 đã không duy trì thứ hạng tốt mà giảm khá nhiều bậc, trong khi đó nhóm giữa và cuối bảng lại tăng tốc và vươn lên nhanh chóng ở vị trí dẫn đầu.

Biểu đồ 3.21. Điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Biểu đồ 3.22. Mức thay đổi điểm số CSTP Cạnh tranh bình đẳng của các Sở, ban, ngành trong năm 2021-2022



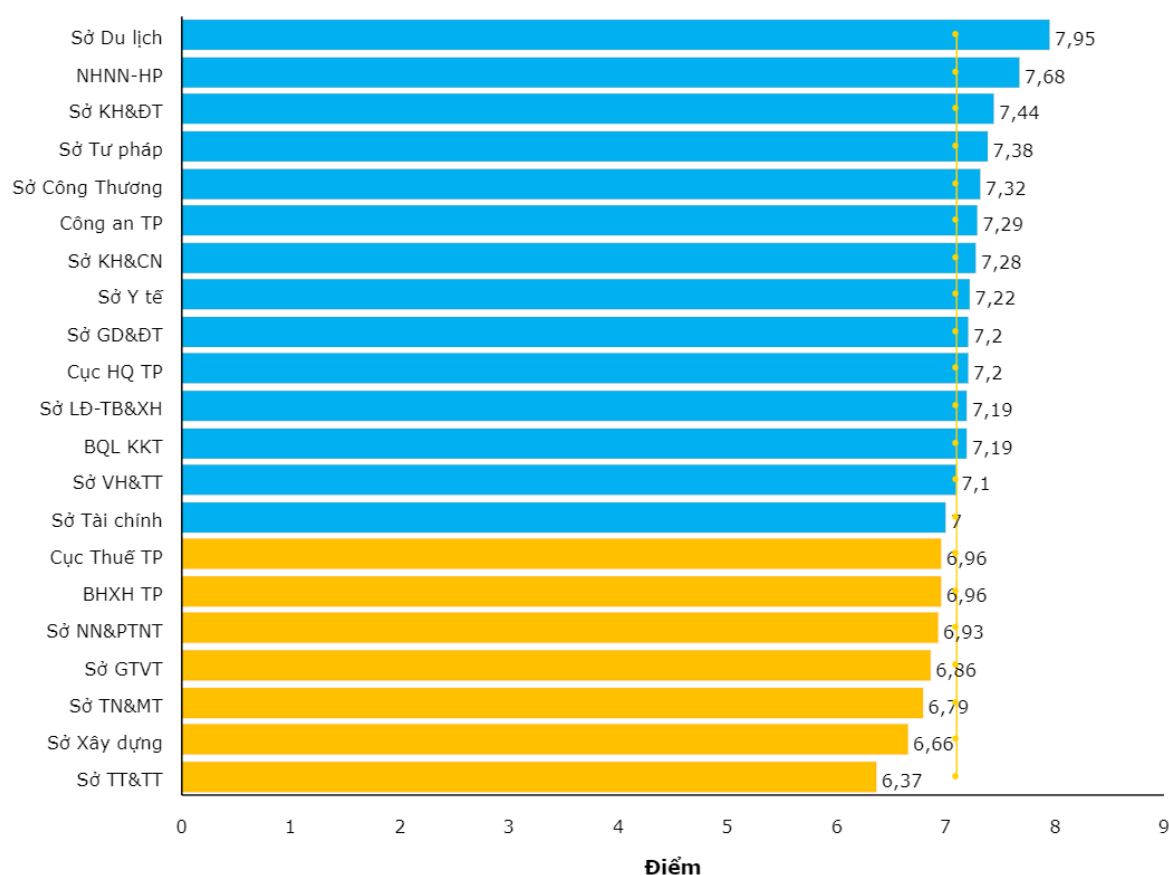
Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Kết quả khảo sát DDCI năm 2022 cũng chỉ ra các chỉ tiêu tổng hợp chỉ số cạnh tranh bình đẳng đều giảm điểm so với năm 2021. Dù vậy, kết quả cho thấy phần lớn các DN/HTX đều đồng ý về các nhận định liên quan đến cạnh tranh bình đẳng với tỉ lệ khoảng 60% DN/HTX tham gia khảo sát. Cụ thể, 61,3% DN/HTX đồng tình về việc “không có việc ưu ái thực hiện TTHC đối với các DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền”; 60,22% DN/HTX cho rằng “thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ được chia sẻ bình đẳng cho các DN/HTX”. Với nhận định “không ưu tiên giải quyết, kiến nghị, khó khăn đối với DN FDI, DN lớn, DN thân hữu so với DN vừa và nhỏ” và “không “nhẹ tay” trong công tác thanh tra, kiểm tra với DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền, tỉ lệ DN/HTX đồng ý lần lượt là 61,62% và 63,83%. Điều này phần nào phản ánh thực trạng DN/HTX vừa và nhỏ chưa nhận được nhiều sự quan tâm từ các cơ quan và chưa được tiếp cận đầy đủ với các thông tin về SXKD so với các DN FDI, DN/HTX lớn. Điểm số của các chỉ tiêu trên dao động ở mức 7,4 - 7,5 điểm, giảm so với mức điểm tiệm cận tốt ở năm 2021.

Các kết quả này cho thấy sự ghi nhận của cộng đồng SXKD đối với những nỗ lực tạo dựng môi trường bình đẳng của các cơ quan nhà nước, tuy nhiên đối với nhóm các DN/HTX vừa và nhỏ, các cơ quan nên dành nhiều sự quan tâm hơn nữa vì đây là nhóm đối tượng có năng lực còn hạn chế trong tiếp cận các thông tin.

3.4.7. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh

Biểu đồ 3.23. Điểm số CSTP hỗ trợ sản xuất kinh doanh

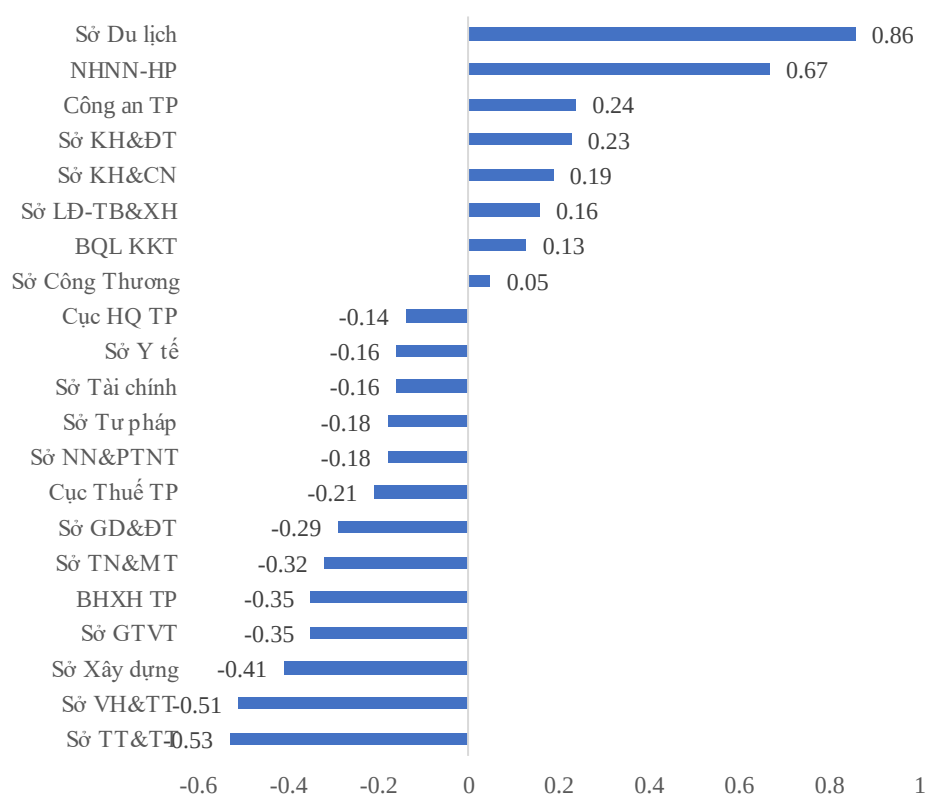


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Trong bối cảnh DN/HTX đang cần các giải pháp hỗ trợ phục hồi sau dịch bệnh, chỉ số hỗ trợ sản xuất kinh doanh có thể xem là một công cụ hữu ích cho các cơ quan Nhà nước đánh giá lại các chính sách hỗ trợ được thực hiện. Những chỉ đạo của thành phố và sự thực thi của các Sở, ban, ngành và chính

quyền địa phương thời gian qua đã tạo thuận lợi cho môi trường đầu tư, kinh doanh, giúp các DN/HTX phục hồi nhanh chóng. Tuy nhiên cũng như các năm trước, chỉ số này tiếp tục nằm trong nhóm các CSTP có điểm số thấp và có cải thiện chậm. Điểm số của chỉ số này chỉ đạt mức khá 7,14 điểm do vẫn còn nhiều cơ quan nằm ở nhóm điểm trung bình khá. Kết quả chỉ số này có 14/21 cơ quan thuộc nhóm chất lượng hỗ trợ sản xuất kinh doanh ở mức khá với Sở Du lịch và NHNN - chi nhánh Hải Phòng là 2 cơ quan đứng đầu toàn khối. 6 cơ quan đứng cuối bảng ở chỉ số này với mức điểm nằm trong khoảng từ 6,3 - dưới 7 điểm gồm: Cục Thuế TP, BHXH TP, Sở NN&PTNT, Sở GTVT, Sở TN&MT, Sở Xây dựng và Sở TT&TT. Khoảng cách giữa cơ quan đứng đầu và đứng cuối là 1,37 điểm, nói rộng hơn so với 2 năm trước. Dải điểm năm nay phân tách rõ ràng hơn khi có nhiều cơ quan nằm trong nhóm điểm số trung bình khá so với năm 2021.

Biểu đồ 3.24. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành ở CSTP hỗ trợ sản xuất kinh doanh trong năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

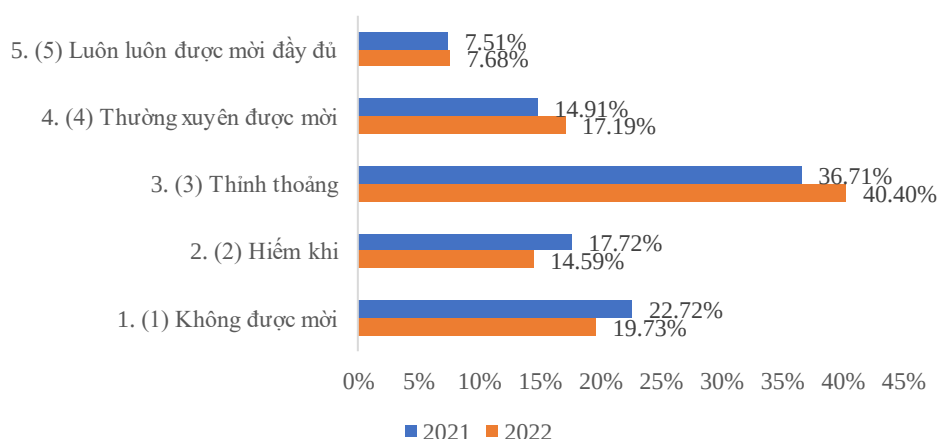
Phân tích sự thay đổi theo thời gian, điểm số trung bình của chỉ số này năm 2022 giảm nhẹ so với năm 2021, khi giảm từ 7,2 điểm năm 2021 xuống 7,14 điểm năm 2022. Nếu như năm 2021 có phần lớn các cơ quan đều cải thiện điểm số tích cực thì năm 2022 có nhiều cơ quan chưa được các DN/HTX đánh giá cao về hiệu quả hỗ trợ. Kết quả khảo sát DDCI năm 2022 chỉ có 8/21 cơ quan tăng điểm. Sở Du lịch và NHNN-HP là 2 cơ quan có tốc độ tăng điểm mạnh mẽ, lần lượt tăng 0,86 điểm và 0,67 điểm, đưa 2 cơ quan này từ nhóm cuối năm 2021 vươn lên nhóm đầu bảng trong năm 2022. Điều này được thể hiện qua việc các DN/HTX đánh giá cao những biện pháp hỗ trợ SXKD có hiệu quả thiết thực như Sở Du lịch đã tổ chức nhiều hoạt động thúc đẩy quảng bá du lịch thành phố, tổ chức nhiều lớp tập huấn cho các HKD và DN/HTX. NHNN - Chi nhánh Hải Phòng đã triển khai thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19; hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ, giúp doanh nghiệp giảm bớt chi phí kinh doanh tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khôi phục hoạt động sản xuất, kinh doanh sau đại dịch. Ngược lại nhiều cơ quan chưa được đánh giá cao về hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ SXKD, giảm điểm và thứ hạng so

với năm 2021 như Sở TT&TT, Sở VH&TT, Sở XD, Sở GTVT và BHXH TP. Tất nhiên vẫn cần thời gian để hiệu quả của các chính sách, biện pháp hỗ trợ SXKD phát huy tác động do đó các cơ quan cần kiên trì các chính sách hỗ trợ và tạo thuận lợi cho môi trường sản xuất kinh doanh.

Đánh giá về kết quả triển khai các hoạt động hỗ trợ SXKD, chỉ số này tiếp cận ở nhiều khía cạnh quan trọng như việc cung cấp thông tin của các cơ quan, thủ tục nhận hỗ trợ, mức độ tham gia của các cơ sở SXKD, tác động của các hoạt động hỗ trợ. Kết quả đánh giá của các DN/HTX về tác động của các chương trình hỗ trợ nâng cao hoạt động SXKD chưa thực sự hiệu quả khi có 67,41% DN/HTX phản hồi tích cực, giảm so với 73,72% DN/HTX năm 2021. Điểm số chỉ tiêu này cũng giảm từ 7,68 điểm năm 2021 xuống 7,57 điểm năm 2022. Cụ thể, các chỉ tiêu về hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ trong các trường hợp chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như Covid-19) và các chương trình, chính sách cho DNNVV, DN/HTX do phụ nữ, nhóm yếu thế làm chủ và khuyến khích các mô hình đổi mới đều giảm điểm so với năm 2021, đạt lần lượt là 7,61 điểm và 7,57 điểm năm 2022.

Điểm tiếp tục đáng lưu ý ở chỉ số này là tỉ lệ DN/HTX nhận thông báo hoặc được mời tham gia vào các chương trình hỗ trợ DN/HTX còn khá khiêm tốn. Tỉ lệ DN/HTX cho biết không được mời/ hiếm khi được mời tham gia vẫn duy trì ở mức cao là 34,46% năm 2022. Tuy ở mức cao nhưng so với kết quả 2 năm trước, điểm số chỉ tiêu này có cải thiện nhẹ tăng lên 5,72 điểm so với 5,32 điểm năm 2021 và 5,41 điểm năm 2020. Trong năm 2022 vừa qua, phần lớn các cơ quan đều đã tổ chức nhiều cuộc đối thoại và trao đổi giúp tháo gỡ khó khăn cho DN/HTX hậu Covid-19 để giúp DN/HTX bắt kịp hoạt động trong bối cảnh “bình thường mới”.

Biểu đồ 3.25. Tỉ lệ DN/HTX được mời tham gia các chương trình hỗ trợ SXKD trong năm 2021 - 2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Ngoài ra, trong số các DN/HTX tham gia đánh giá, tỉ lệ DN/HTX đánh giá thủ tục để được hưởng các chương trình hỗ trợ SXKD ở mức dễ dàng thực hiện là 45,24%, 43,5% DN/HTX đánh giá ở mức bình thường và hơn 11% DN/HTX cho biết thủ tục phức tạp. Nhóm các thủ tục phức tạp hưởng hỗ trợ tập trung nhiều ở lĩnh vực như Xây dựng, Hải quan, Thuế, BHXH, GTVT, Lao động và TN&MT. Điểm số chỉ tiêu này cũng ở mức trung bình khá, cần cải thiện nhiều trong thời gian tới. Nhìn chung, tỉ lệ DN/HTX được hưởng các chính sách vẫn ở mức thấp và các DN/HTX phần lớn tham gia khảo sát là DNNVV nên mức độ khó khăn khi thực hiện các quy trình hưởng hỗ trợ sẽ gặp nhiều khó khăn trên thực tế vì năng lực tiếp cận và thực hiện còn hạn chế. Việc đánh giá hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ SXKD là rất có ý nghĩa nhằm phục vụ cho việc đưa ra các điều chỉnh phù hợp trong bối cảnh các DN/HTX đang rất cần những hỗ trợ kịp thời và thiết thực để phục hồi hoạt động. Song, thực tế cho thấy tác động và khả năng tiếp nhận của DN/HTX về các chính sách, chương trình hỗ trợ còn khá khiêm tốn, gây ra những trở ngại nhất định cho các DN/HTX trong quá trình tìm hiểu, nắm bắt thông tin và tận

dụng lợi ích từ các hoạt động hỗ trợ. Do đó, vẫn rất cần các chính sách và biện pháp hỗ trợ có chất lượng, hiệu quả thực tế từ phía các cơ quan Nhà nước. Lưu ý là nhấn mạnh vào hoạt động tuyên truyền giới thiệu về các chính sách, chương trình hỗ trợ cũng như thiết lập các kênh tiếp nhận thủ tục, quy trình hồ sơ đơn giản. Kế hoạch số 95/KH-UBND về việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2025 cho thấy những hành động cụ thể của thành phố và là văn bản quan trọng khẳng định cam kết của thành phố về phát triển khu vực kinh tế tư nhân (mà trong đó đại đa số là các doanh nghiệp nhỏ và vừa), với mục tiêu đưa doanh nghiệp khu vực này trở thành một động lực quan trọng cho phát triển kinh tế ở thành phố.

Tóm lại, tiếp tục đẩy mạnh chương trình cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, với trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp là một trong những giải pháp thiết thực, quan trọng nhất để có thể hỗ trợ hiệu quả cộng đồng doanh nghiệp song song với việc thực hiện các chính sách hỗ trợ trực tiếp đến các đối tượng thụ hưởng, nhằm giảm bớt khó khăn và tạo điều kiện thuận lợi, tạo niềm tin và động lực cho cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình phục hồi sản xuất, kinh doanh và phát triển bền vững.

Kế hoạch số 95/KH-UBND về việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2025 với những nội dung cơ bản sau:

Đối tượng hỗ trợ: DNNVV được xác định theo tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, được thành lập và hoạt động trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Các hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh, có nhu cầu phát triển chuyển đổi thành doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

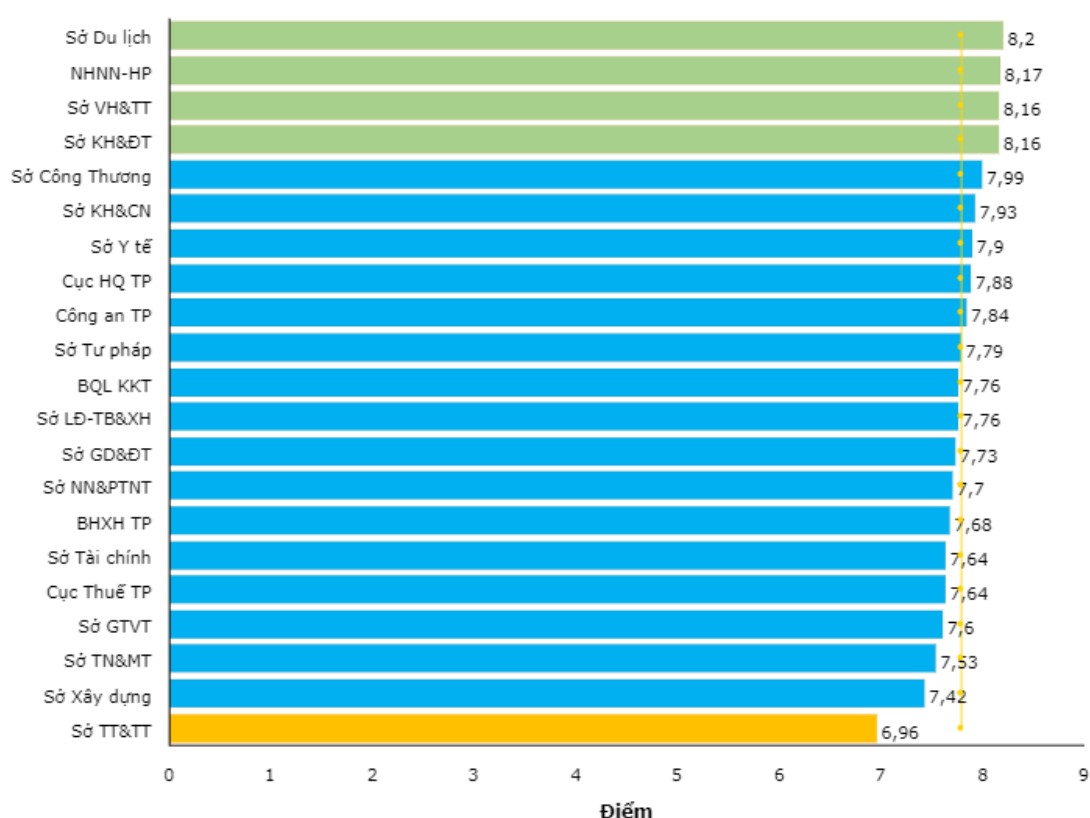
Các nội dung hỗ trợ:

1. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng
2. Thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố
3. Hỗ trợ thuế, kế toán
4. Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung
5. Hỗ trợ mở rộng thị trường
6. Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý
7. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực
8. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh
9. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo
10. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị
11. Tăng cường cho vay từ Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa
12. Hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

3.4.8. Hiệu quả thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế

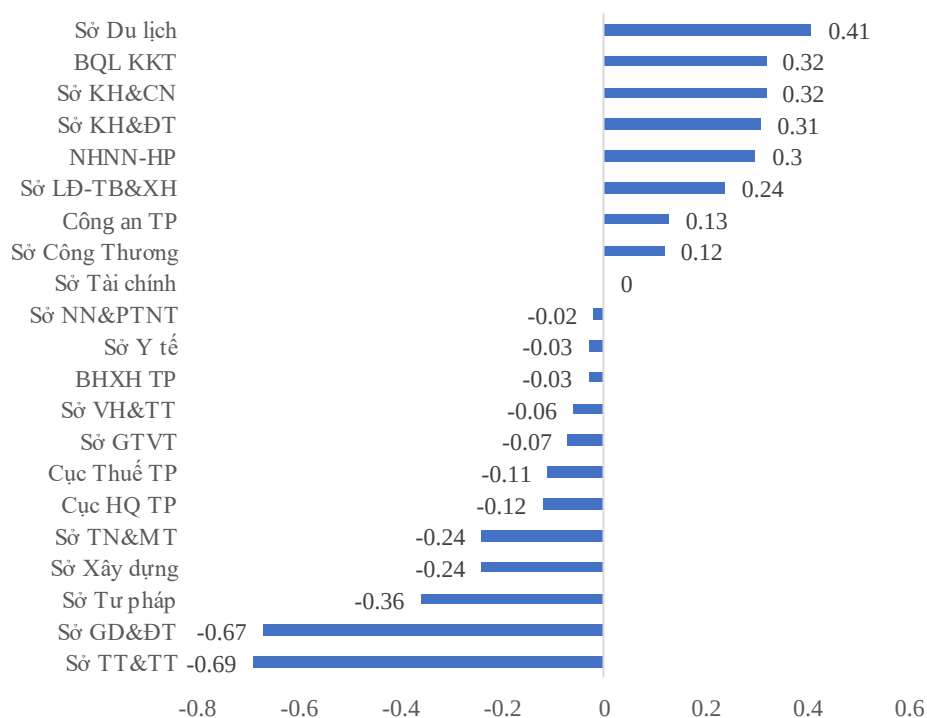
Việc thực thi các văn bản chính sách hiệu quả được đánh giá là tạo bước chuyển biến tích cực trong nâng cao chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các Sở, ban, ngành. Chỉ số này trong phương pháp luận DDCI năm 2022 cũng được điều chỉnh lại cho phù hợp với phương pháp luận PCI năm 2021. Điểm số trung bình của chỉ số này đạt 7,78 điểm, giảm nhẹ so với mức 7,81 điểm năm 2022. Dải điểm của chỉ số này phân bổ thành 3 nhóm: nhóm cơ quan điều hành tốt gồm Sở Du lịch, NHNN - Chi nhánh Hải Phòng, Sở VH&TT và Sở KH&ĐT; nhóm cơ quan điều hành khá gồm 16 cơ quan với điểm số từ 7,42 điểm - 7,99 điểm và duy nhất Sở TT&TT ở nhóm trung bình khá với 6,96 điểm. Các cơ quan có điểm số khá sát nhau, tuy nhiên khoảng cách chênh lệch giữa cơ quan đứng đầu và đứng cuối trong bảng xếp hạng giãn rộng hơn so với các năm trước là 1,24 điểm. Điều này cho thấy các cơ quan ở nhóm cuối cần nỗ lực hơn trong việc nâng cao hiệu quả thực thi để nhận về nhiều phản hồi tích cực hơn từ phía các DN/HTX.

Biểu đồ 3.26. Điểm số CSTP hiệu quả thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Biểu đồ 3.27. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành ở CSTP hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế trong năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Quan sát sự thay đổi điểm số theo thời gian, năm 2022 có chiều hướng giảm điểm ở nhiều cơ quan hơn so với năm 2021. Các cơ quan có sự cải thiện điểm số gồm Sở Du lịch, BQL KKT, Sở KH&CN, Sở KH&ĐT, NHNN - Chi nhánh Hải Phòng, Sở LĐ-TB&XH, Công an TP và Sở Công Thương. Sở Tài chính chưa ghi nhận cải thiện và các Sở, ngành còn lại đều giảm điểm so với năm 2021. Trong đó, giảm nhiều nhất là Sở GD&ĐT giảm 0,67 điểm và Sở TT&TT giảm 0,69 điểm. Nhóm đầu bảng có sự thay đổi đáng kể về thứ hạng do không giữ vững được nhịp độ cải cách. Ngược lại, các cơ quan nhóm cuối bảng năm 2021 đã nhanh chóng vươn lên cải thiện điểm số và thứ hạng.

Đánh giá về hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật triển khai, thực thi, tỉ lệ DN/HTX cho rằng đã triển khai hiệu quả, nghiêm túc là 70,52%, tăng dần qua các năm khảo sát. Để công tác triển khai có hiệu quả thì việc tuyên truyền, phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật cũng cần phải làm tốt ở các cấp, các ngành. Khảo sát cho thấy có 71,48% DN/HTX nhận định rằng các cơ quan đã làm tương đối hiệu quả các nội dung trên. Điểm số chỉ tiêu này đạt 7,73 điểm, tăng nhẹ so với năm 2021. Một số lĩnh vực như Thuế, Hải quan và Xây dựng cần lưu ý về việc phổ biến chính sách, văn bản pháp luật tới các DN/HTX rộng rãi hơn. Các chính sách có tính chất thúc đẩy phát triển kinh tế, hỗ trợ sản xuất kinh doanh nhưng đến khi triển khai lại gặp “vướng”, sẽ khiến tinh thần tiến bộ, đồng hành cùng DN, thể hiện trong các văn bản trên chưa được hiện thực hóa vào đời sống kinh tế. Bên cạnh đó, các DN/HTX khi tiếp cận với những văn bản quy phạm pháp luật còn mất nhiều thời gian để tự tìm hiểu các vấn đề kỹ thuật. Do đó, các cơ quan sẽ cần đóng vai trò lớn hơn trong việc tuyên truyền rộng rãi về chính sách, cũng như thiết lập các kênh tiếp nhận nhanh phản hồi của DN/HTX để có giải pháp hỗ trợ.

Các nội dung liên quan đến cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp dân là những chỉ dấu quan trọng để đánh giá chỉ số này. Nhìn chung, các chỉ tiêu này đều có nhiều tiềm năng để cải thiện trong thời gian tới khi điểm số đều đạt mức đánh giá trên 7,8 điểm. Cụ thể, có 75,68% DN/HTX đồng ý về việc các cơ quan đã hỗ trợ pháp lý, có kênh/cơ chế tiếp nhận thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo cho các DN/HTX khi họ có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại. Cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, minh bạch, công bằng, không phải khiếu nại vượt cấp được 76,62% DN/HTX ghi nhận. Tỉ lệ DN/HTX đánh giá tốt hoạt động tiếp và đối thoại DN/HTX hiệu quả đạt 74,66%.

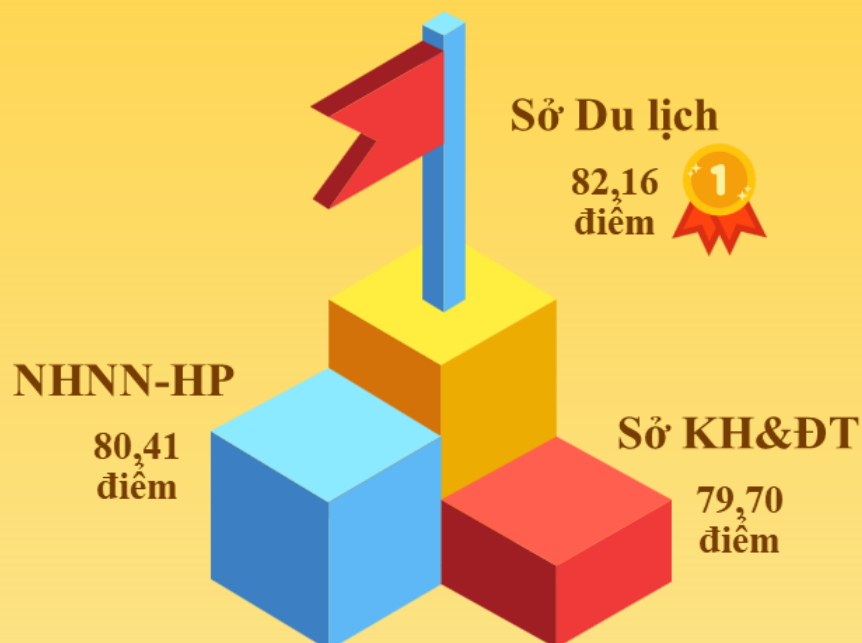
Nhìn chung, các DN/HTX vẫn đánh giá khá tích cực về việc triển khai hiệu quả chính sách, văn bản pháp luật và thiết chế của các cơ quan. Những con số trên cũng cho phép các cơ quan có thể kì vọng vào hiệu quả của các chính sách trong các năm tiếp theo sẽ có sự khởi sắc đáng kể. Tuy nhiên, các Sở, ban, ngành cũng cần có nhiều nỗ lực cải thiện hơn trong việc đẩy mạnh tuyên truyền các văn bản chính sách mới và minh bạch hơn nữa trong quá trình giải quyết các kiến nghị, khiếu nại của DN/HTX.

DDCI HẢI PHÒNG 2022

NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ, BAN, NGÀNH



Điểm số DDCI 2022
trung bình Sở ban ngành



Một số CSTP tích cực

8,38 điểm

Chi phí không chính thức

8,0 điểm

**Chi phí thời gian thực hiện TTHC và
tuân thủ quy định pháp luật**

CÁC CHỈ SỐ CẦN CẢI THIỆN

**Tính minh bạch và
ứng dụng CNTT**



**Hỗ trợ sản xuất
kinh doanh**





CHƯƠNG IV

KẾT QUẢ DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG



CHƯƠNG IV

KẾT QUẢ DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

4.1. Kết quả điểm số DDCI năm 2022

Theo Quyết định số 4105/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo phương pháp luận và ban hành Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thành phố Hải Phòng năm 2022, do huyện Bạch Long Vĩ không có phát sinh TTHC với các cơ sở SXKD nên không thực hiện đánh giá. Dựa trên phương pháp luận về xây dựng bộ chỉ số DDCI cấp địa phương, mỗi chỉ tiêu đã được chuẩn hóa theo thang điểm 1-10, sau đó điểm chỉ số thành phần được tính trên điểm trung bình của tất cả các chỉ tiêu. Sau khi các chỉ số thành phần được chuẩn hóa, điểm số tổng hợp DDCI sẽ được chuẩn hóa về thang điểm 100 và phân nhóm để xếp hạng các địa phương. Theo kết quả phân tích DDCI, điểm số của các địa phương được phân nhóm như sau:

- ❖ Nhóm điều hành rất tốt: trong 3 năm đánh giá, năm 2022 xuất hiện địa phương đầu tiên đạt mức điểm trên 90 điểm là quận Dương Kinh, đứng đầu bảng xếp hạng địa phương với 93,17 điểm. Dương Kinh là một điển hình tốt khi liên tiếp cải thiện từ vị trí không khả quan trong bảng xếp hạng năm 2020, lên vị trí đứng đầu năm 2022 và có điểm số tốt nhất trong bảng xếp hạng DDCI năm 2022.

Với những nỗ lực trong thời gian qua, quận Dương Kinh đã được các cơ sở SXKD đánh giá tích cực ở hầu hết các khía cạnh, đặc biệt trong cắt giảm chi phí và thời gian thực hiện TTHC, tạo thuận lợi môi trường đầu tư, kinh doanh. Ủy ban nhân dân quận đã ban hành Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh quận Dương Kinh (DDCI) năm 2022-2023 với những mục tiêu và giao nhiệm vụ cụ thể cho các phòng chuyên môn. Quận Dương Kinh đã thực hiện các mô hình “Hỗ trợ các thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa”, “Hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt” từ tháng 8/2022 để hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn khi thực hiện thủ tục hành chính; thay đổi thái độ phục vụ, nhiệt tình của cán bộ công chức khi giao tiếp với thông điệp “Lan tỏa nụ cười”.

- ❖ Nhóm “tốt” là những địa phương có điểm số từ 80 điểm trở lên. Ở vị trí nhóm tốt năm 2022 có 6 địa phương: quận Ngô Quyền, huyện Tiên Lãng, quận Hồng Bàng, quận Kiến An, quận Hải An và huyện Cát Hải. Năm 2022 cũng đánh dấu sự tiến bộ của quận Kiến An và Hải An thuộc nhóm tốt, sự quay trở lại của huyện Cát Hải và giữ vững phong độ của quận Ngô Quyền và huyện Tiên Lãng trong nhóm đầu bảng.

Quận Ngô Quyền được đánh giá là quận luôn đi đầu trong ứng dụng CNTT, hướng tới nền cải cách hành chính hành động và phục vụ. Năm 2022, quận Ngô Quyền đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức 16/16 chỉ tiêu thành phố giao, 16/17 chỉ tiêu HĐND quận giao. Nhiệm vụ chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, toàn diện, số lượng hồ sơ thực hiện dịch vụ công trực tuyến (mức độ 3,4) đạt 21.437 hồ sơ, gấp 10 lần năm 2021, đạt tỷ lệ 71,4%.

Quận Hồng Bàng đã chọn chủ đề năm của quận năm 2022 là “Tăng cường kỷ cương thu, chi ngân sách - Thực hiện chuyển đổi số - Đột phá phát triển đô thị”, trong đó tập trung vào các nội dung chuyển đổi số như đẩy nhanh tiến độ số hóa thủ tục hành chính, cập nhật cơ sở dữ liệu phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức. Quận Hồng Bàng được các HKD đánh giá tích cực và có cải thiện ở một số chỉ số như cắt giảm chi phí không chính thức, tạo dựng môi trường cạnh tranh bình đẳng, triển khai văn bản pháp luật hiệu quả và tạo thuận lợi trong tiếp cận đất đai.

Quận Kiến An được đánh giá tốt ở khía cạnh hiệu lực thực thi văn bản chính sách và ANTT, cắt giảm chi phí không chính thức và tính năng động, tiên phong của chính quyền địa phương có cải thiện hơn so với năm 2021. Tuy nhiên tỷ lệ hồ sơ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của quận mới đạt 58,33%, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Để tiếp tục cải thiện thứ hạng, quận Kiến An vẫn sẽ cần nhiều nỗ lực trong việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

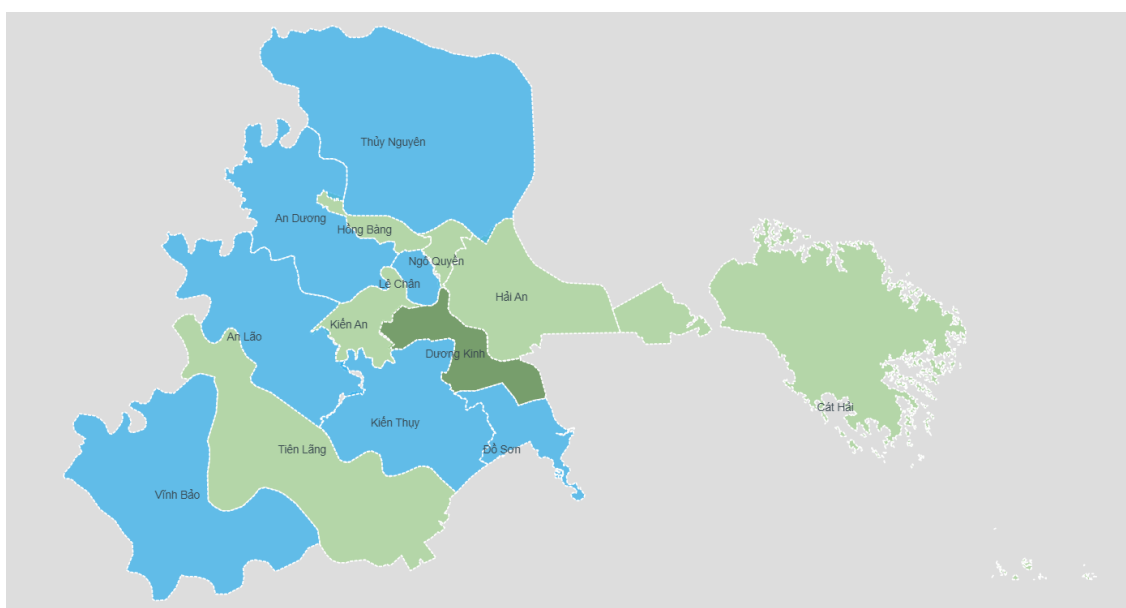
Quận Hải An có sự cải thiện trong cải cách hành chính với sự đầu tư vào bộ phận một cửa để tiếp nhận và giải quyết hồ sơ. Quận Hải An đã triển khai nhiều sáng kiến như ứng dụng mô hình kết nối cộng đồng trong CCHC; hướng dẫn và trả kết quả tại nhà đối với hồ sơ TTHC thuộc lĩnh vực Thương binh - Xã hội; thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng công tác địa chính, xây dựng... Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến ở mức độ 3, 4 ở trong nhóm cao khối quận, huyện.

Huyện Cát Hải trở lại nhóm xếp hạng tốt khi được ghi nhận có cải thiện ở một số chỉ số như hiệu lực thực thi văn bản chính sách và ANTT được đảm bảo, chi phí không chính thức được cắt giảm và các thủ tục gia nhập thị trường đã đơn giản hơn so với trước đây. Một số CSTP như tính minh bạch và ứng dụng CNTT, cạnh tranh bình đẳng, hỗ trợ SXKD và chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật vẫn cần cải thiện nhiều hơn nữa.

- ❖ Nhóm khá là những địa phương có điểm số từ 70 tới 80 điểm, bao gồm huyện Thủy Nguyên, quận Đồ Sơn, huyện An Dương, quận Lê Chân, huyện Kiến Thụy, huyện Vĩnh Bảo và huyện An Lão.

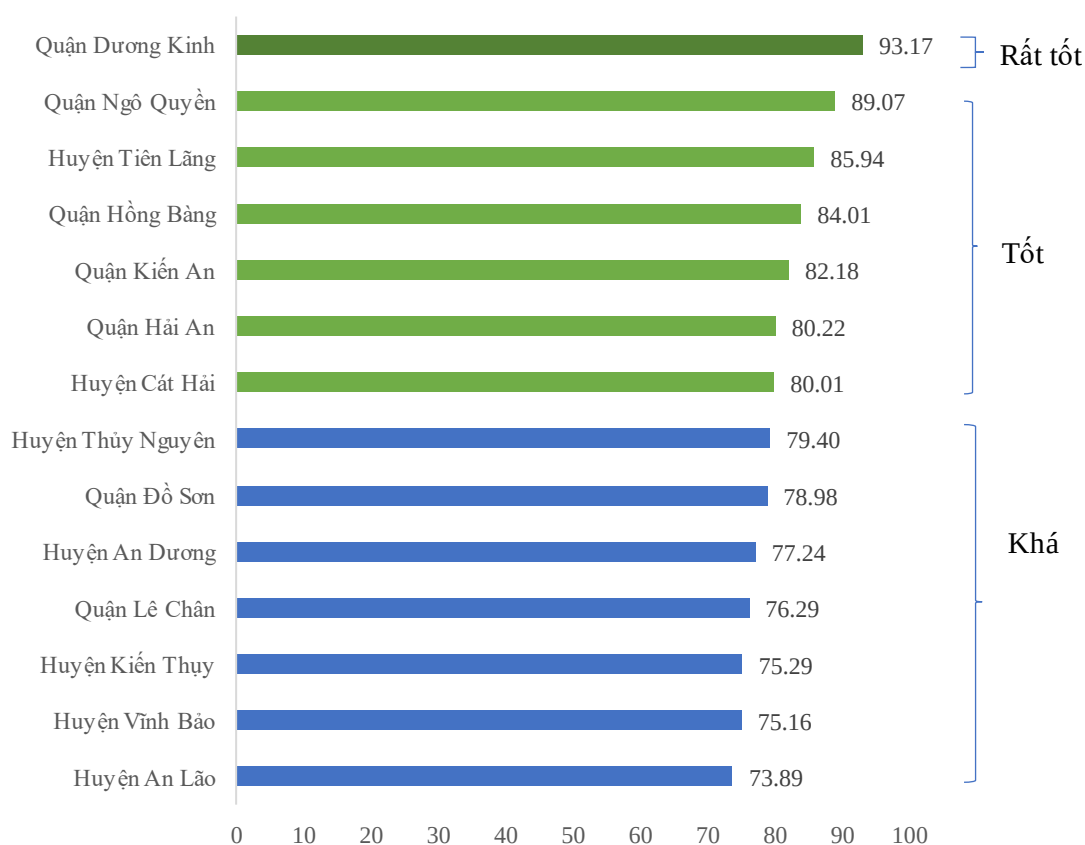
Điểm đáng tiếc là một số địa phương chưa duy trì được và giảm thứ hạng đáng kể như huyện An Lão và huyện Vĩnh Bảo. Đây là 2 địa phương trong năm 2021 ở nhóm dẫn đầu nhưng năm 2022 bị giảm khá nhiều thứ hạng. Nguyên nhân chủ yếu tập trung vào một số khía cạnh mà nhiều HKD hoạt động ở các địa phương này chưa hài lòng như việc tiếp cận đất đai còn nhiều khó khăn, xử lý các vấn đề liên quan tới đất đai còn gây cho nhiều cơ sở SXKD chưa hài lòng, gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC còn nhiều rào cản, thời gian thực hiện TTHC chưa cải thiện nhiều. Các địa phương còn lại như huyện Thủy Nguyên và quận Lê Chân có cải thiện nhẹ so với năm 2021 nên thứ hạng chưa có nhiều thay đổi đáng kể.

Hình 4.1. Bản đồ phân phối điểm DDCI cấp địa phương năm 2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Biểu đồ 4.1. Kết quả DDCI Hải Phòng cấp địa phương năm 2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

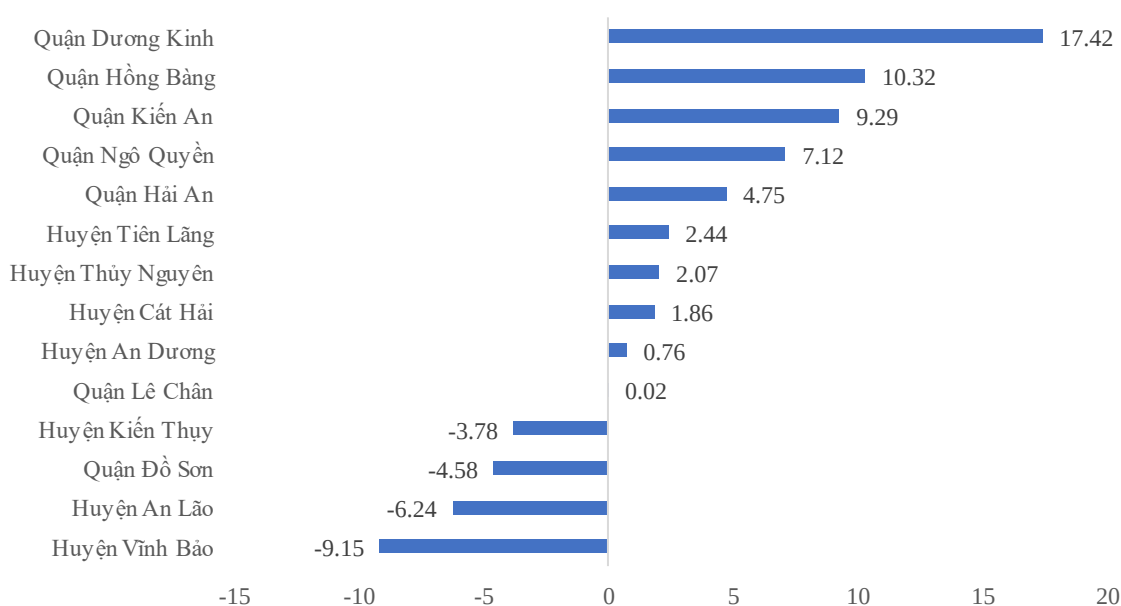
4.2. Sự thay đổi kết quả DDCI

4.2.1. Thay đổi về điểm số

Kết quả điểm số năm 2022 đã có sự thay đổi kết quả so với các năm trước. Điểm số trung bình chung của khối địa phương đã có sự cải thiện tích cực hơn so với khối Sở, ban, ngành khi tăng từ 78,88 điểm năm 2021 lên 80,78 điểm năm 2022, mức điểm thuộc chất lượng tốt. Phân tích theo mức tăng/giảm điểm giữa hai năm 2021 và năm 2022, có 10/14 địa phương tăng điểm và 4 địa phương giảm điểm. Trong nhóm tăng điểm, 05 quận Dương Kinh, Hồng Bàng, Kiến An, Ngô Quyền, Hải An là những quận có tiến bộ nhanh chóng trên đà tăng trưởng điểm số. Bằng những sáng kiến cải cách, nỗ lực đổi mới, các địa phương trên trong những năm đầu triển khai DDCI thường ở nhóm cuối bảng nhưng đã dần cải thiện chất lượng điều hành và lọt nhóm điều hành tốt trong năm 2022. Trong khi đó, một số địa phương gồm Kiến Thụy, Đồ Sơn, An Lão và Vĩnh Bảo lại giảm điểm, dẫn đến thứ hạng bị ảnh hưởng khá nhiều như huyện An Lão và Vĩnh Bảo.

Với sự phân nhóm cao hơn các năm trước, khoảng cách của các địa phương cũng chưa có nhiều cải thiện. Nếu như năm 2021, chênh lệch điểm số giữa địa phương đứng đầu và cuối bảng xếp hạng là 11,42 điểm thì trong năm 2022, con số này tăng lên 19,28 điểm, do có sự gia tăng số lượng địa phương ở nhóm dẫn đầu. Một mặt kết quả này phần nào cho thấy sự nỗ lực cải thiện điểm số của các địa phương thuộc nhóm cuối bảng xếp hạng. Mặt khác, khảo sát cũng chỉ ra sự khó khăn thực tế trong cải thiện môi trường kinh doanh tại các địa phương thuộc nhóm đầu của bảng xếp hạng. Tín hiệu này đã được chỉ ra từ khảo sát năm 2020, khi dự địa cải cách của các địa phương thuộc nhóm đầu còn nhiều nhưng không được tận dụng tốt. Chính vì vậy, điểm số của một số địa phương có phần giảm so với các năm trước, khiến thứ hạng không đạt kì vọng nhưng lại trở thành động lực lớn để bắt đầu.

Biểu đồ 4.2. Mức thay đổi điểm số của các địa phương trong DDCI năm 2021 và năm 2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

4.2.2. Thay đổi về thứ hạng

Phân tích về thứ hạng trên bảng xếp hạng, kết quả DDCI cấp địa phương năm 2022 có những thay đổi nhất định khi nhóm địa phương ở cuối bảng năm 2021 có sự tăng tốc mạnh mẽ, cải thiện thứ hạng nhiều, vươn lên ở nhóm dẫn đầu năm 2022. Nhóm dẫn đầu năm 2021 bị đẩy xuống nhóm giữa và cuối bảng trong năm 2022. Đây là 2 xu hướng trái ngược, dẫn đến thứ hạng trong năm 2022 có sự thay đổi đáng kể của các địa phương. Cụ thể:

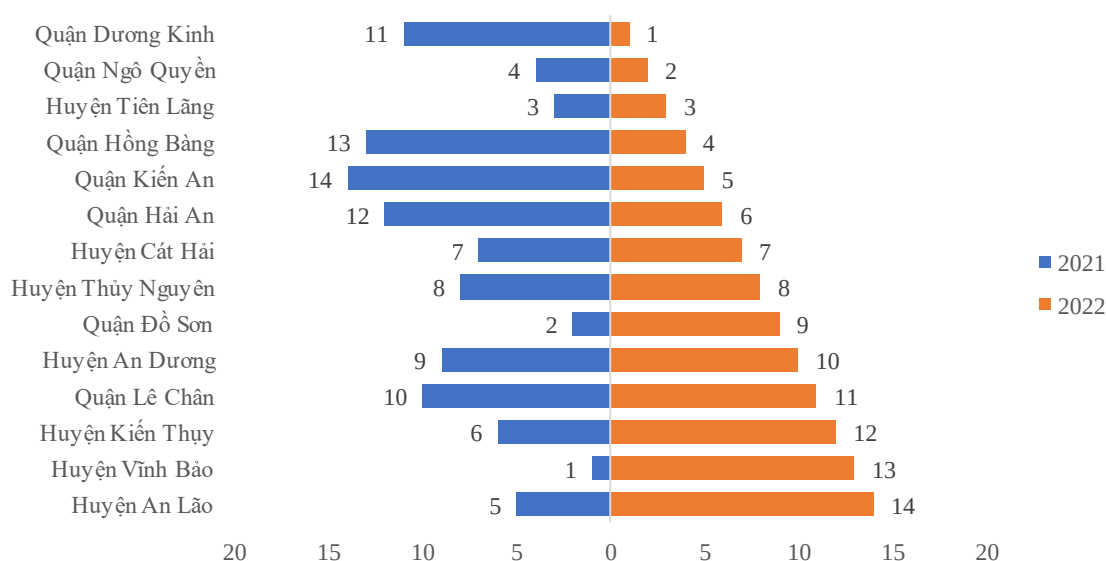
- Nhóm các địa phương thăng hạng có 5/14 địa phương đã cải thiện được vị trí của mình gồm: Quận Dương Kinh tăng 10 bậc lên vị trí thứ nhất, quận Kiến An và quận Hồng Bàng tăng 9 bậc thuộc nhóm điều hành tốt, quận Hải An tăng 6 bậc và quận Ngô Quyền tăng 2 bậc. Nhóm này xuất phát từ tốc độ cải thiện điểm số khá nhanh như quận Dương Kinh, Hồng Bàng và Kiến An hoặc ở nhóm địa phương có nền điểm tốt như quận Ngô Quyền và Hải An.

- Nhóm các địa phương giảm thứ hạng gồm 6 địa phương: huyện Vĩnh Bảo giảm 12 bậc, huyện An Lão giảm 9 bậc, quận Đồ Sơn giảm 7 bậc, quận Lê Chân và huyện An Dương giảm 1 bậc.

- Nhóm địa phương giữ nguyên thứ hạng có 3 địa phương: huyện Thủy Nguyên xếp thứ 8/14, huyện Cát Hải xếp thứ 7/14 và huyện Tiên Lãng duy trì vị trí thứ 3 trong nhóm đầu. Nhóm này chỉ có cải thiện nhẹ so với năm 2021 nhưng lại có nền điểm tương đối ổn định so với các địa phương khác, nên vị trí chưa có được sự bứt phá như các địa phương ở nhóm thăng hạng. Để vươn lên các vị trí cao hơn, yêu cầu đặt ra với các địa phương ở nhóm này là cần tăng tốc cải cách, tránh hiện tượng chững lại như hiện nay.

Kết quả trên phản ánh phần nào những thách thức từ việc duy trì cải thiện điểm số. Nhóm ở cuối bảng xếp hạng có thể tham khảo các mô hình nổi bật như quận Dương Kinh, quận Ngô Quyền, ngoài ra có thể tận dụng cơ hội từ không gian cải thiện lớn để thực hiện nhiều giải pháp sáng tạo. Trong khi đó, áp lực của các địa phương ở nhóm đầu cũng gia tăng khi phải giữ vững được thứ hạng, giữ cho động lực cải cách luôn ở trong nhóm dẫn đầu. Nếu không duy trì được, khả năng để các cơ quan khác vươn lên là rất lớn, khi kết quả các năm trước đã chứng minh.

Biểu đồ 4.3. Mức thay đổi thứ hạng của các địa phương trong DDCI cấp địa phương năm 2021-2022

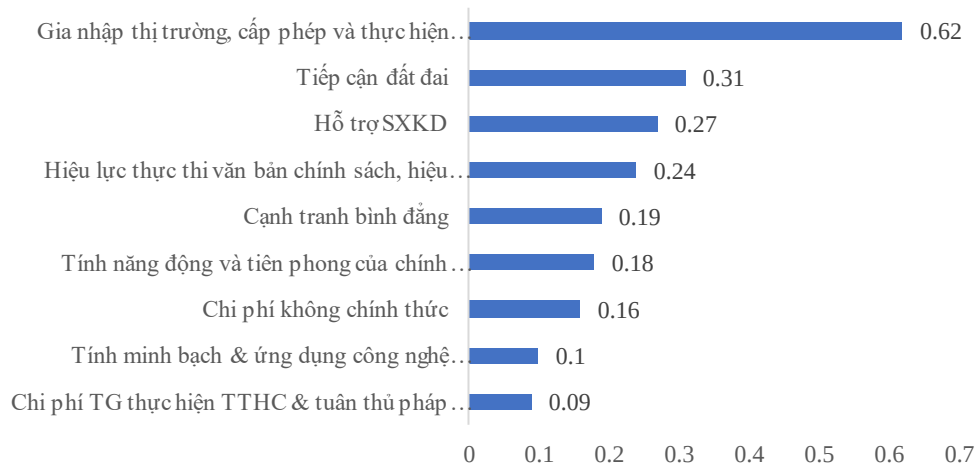


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

4.3. Thay đổi điểm số của các CSTP

Xét trên các khía cạnh đánh giá của các chỉ số thành phần, các địa phương trong năm 2022 được đánh giá tương đối tích cực ở một số khía cạnh. Trong đó, các chỉ số có điểm số cao nhất là chỉ số chi phí không chính thức; hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và ANTT; cạnh tranh bình đẳng; chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật và tiếp cận đất đai. Ngược lại, chỉ số gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC; tính năng động và tiên phong của địa phương; hỗ trợ SXKD và tính minh bạch và ứng dụng CNTT là các chỉ số cần phải nỗ lực cải thiện chung ở tất cả các địa phương trong việc tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của các HKD.

Biểu đồ 4.4. Mức thay đổi điểm của các CSTP trong DDCI cấp địa phương năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Phân tích kết quả của năm 2021 và năm 2022, các chỉ số đều có cải thiện tích cực. Chỉ số gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC có mức tăng điểm cao nhất, tăng 0,62 điểm. Tiếp cận đất đai và hỗ trợ SXKD cũng có cải thiện tương đối. Tuy nhiên chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật và tính minh bạch và ứng dụng CNTT cải thiện vẫn khá chậm. Sự tăng giảm về mặt điểm số giữa 2 năm 2021 và 2022 có phần do sự thay đổi về các chỉ tiêu, cách xây dựng chỉ số, bên cạnh những thay đổi thực chất về chất lượng điều hành trên thực tế.

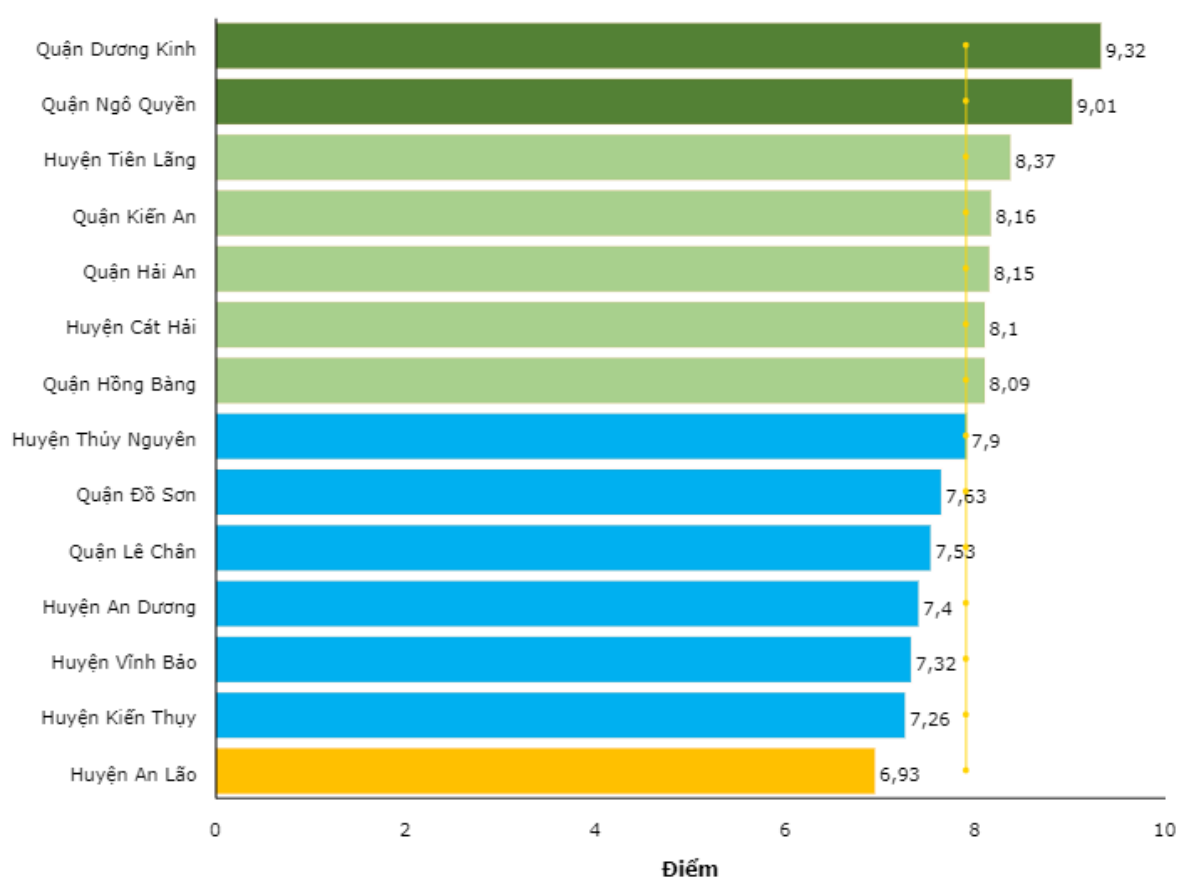
4.4. Kết quả các chỉ số thành phần DDCI

4.4.1. Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC

Chỉ số gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC tăng điểm rõ rệt, là chỉ số có cải thiện nổi bật của khối địa phương trong năm 2022. Xét theo điểm trung bình chung của các địa phương, chỉ số này tăng điểm liên tục từ 7,25 điểm năm 2020, lên 7,32 điểm năm 2021 và đạt 7,94 điểm năm 2022. Phân tích theo phân loại nhóm, năm 2022, kết quả DDCI ghi nhận nhiều địa phương đạt mức điểm tốt và rất tốt. Nhóm có kết quả trên 9 điểm có quận Dương Kinh và Ngô Quyền dẫn đầu với điểm số lần lượt là 9,32 điểm và 9,01 điểm. Đây là những địa phương được các HKD đánh giá khá tích cực về việc chuyên môn và thái độ phục vụ của cán bộ khi tiếp xúc với các HKD. Nhóm địa phương có điểm số ở nhóm tốt gồm huyện Tiên Lãng, quận Kiến An, quận Hải An, huyện Cát Hải và quận Hồng Bàng với điểm số từ 8,0 - 8,37 điểm. Có 6 địa phương có điểm số ở nhóm khá gồm huyện Thủy Nguyên, quận Đồ Sơn, quận Lê Chân, huyện An Dương, huyện Vĩnh Bảo và huyện Kiến Thụy. Huyện An Lão đạt 6,93 điểm, thuộc nhóm trung bình khá, do các thủ tục về lĩnh vực đất đai - địa chính, nhiều HKD phản ánh gặp nhiều khó khăn khi thực hiện. Khoảng cách giữa đơn vị đứng đầu và đứng cuối là 2,39 điểm, được nói rộng hơn so với các năm trước do có sự phân nhóm rõ ràng. Điều này cho thấy điểm số của gia nhập thị trường đã được cải thiện, tốc độ cải cách giữa các địa phương cũng cạnh tranh hơn. Mỗi quận, huyện đều nỗ lực giải quyết các vấn đề liên quan đến gia nhập thị trường, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các HKD. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến điểm số của cả khối địa phương tăng trong năm vừa qua.

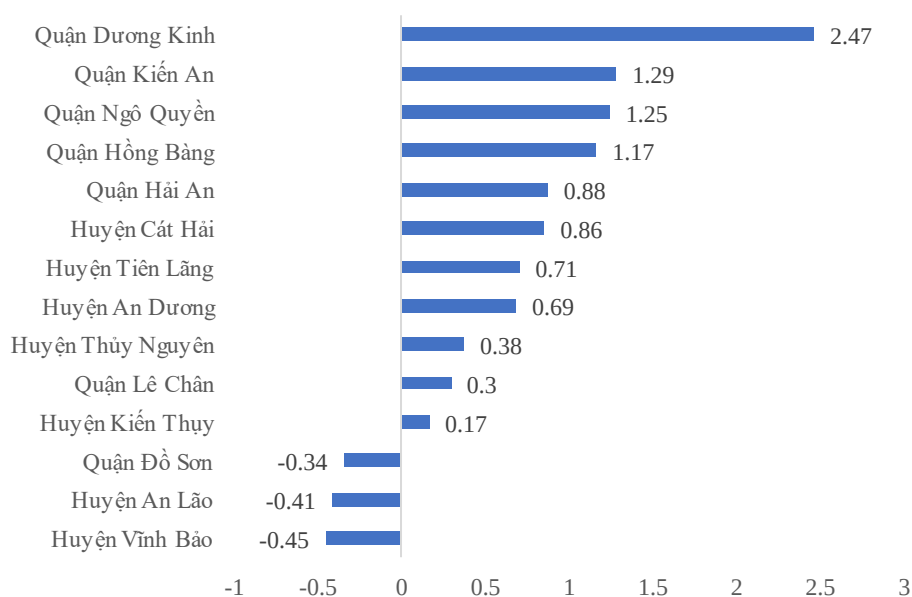
Xét về mức độ cải thiện điểm số, kết quả khảo sát DDCI cấp địa phương cho thấy có 11/14 địa phương tăng điểm ở chỉ số này. Trong đó, quận Dương Kinh, quận Kiến An, quận Ngô Quyền và quận Hồng Bàng có mức tăng hơn 1 điểm. Sự cải thiện nhanh chóng này giúp các đơn vị trên lọt vào nhóm có điểm số tốt trên bảng xếp hạng. Trong khi đó, 3 địa phương là quận Đồ Sơn, huyện An Lão và huyện Vĩnh Bảo giảm khoảng 0,3 - 0,4 điểm. Tuy mức giảm không nhiều nhưng các địa phương khác đều có tốc độ tăng điểm nhanh chóng nên thứ hạng của các địa phương này bị ảnh hưởng khá tiêu cực.

Biểu đồ 4.5. Điểm số CSTP gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Biểu đồ 4.6. Mức thay đổi điểm số của CSTP gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC ở các địa phương trong năm 2021-2022

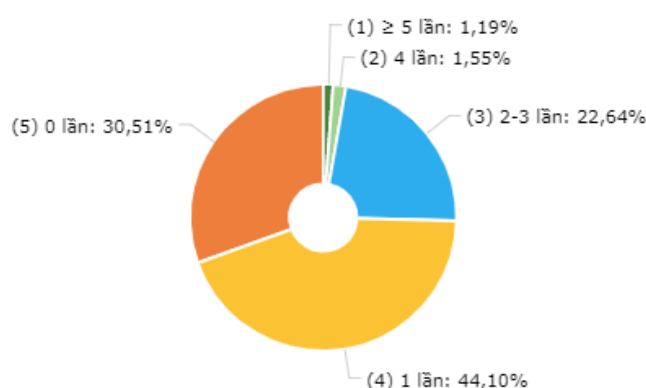


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Điểm đáng khích lệ trong các chỉ tiêu của chỉ số này là thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với các cơ sở SXKD; chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp của cán bộ, công chức cũng như quy trình, thủ tục giải quyết TTHC đúng như văn bản quy định. Các chỉ tiêu trên được điều chỉnh và bổ sung vào chỉ số để phản ánh đầy đủ các khía cạnh khi các HKD thực hiện TTHC ở các cơ quan. Kết quả khảo sát có hơn 87% HKD hài lòng về sự phục vụ của các địa phương trong quá trình thực hiện thủ tục gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC nói chung. Điểm số của nhóm chỉ tiêu này cũng đạt kết quả khá quan trên 8,4 điểm, cao nhất trong số các chỉ tiêu cấu thành.

Đánh giá sâu về chỉ tiêu tổng thời gian mà các cơ sở SXKD dành cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự TTHC, 16,29% HKD cho biết chỉ mất dưới 1 ngày, 45,81% HKD dành từ 1-2 ngày để tìm hiểu và 24,09% HKD bỏ ra 3-4 ngày và vẫn còn 13,81% HKD phải mất hơn 5 ngày để hiểu rõ quy trình thực hiện. Đáng lưu ý, tỉ lệ HKD phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ ít nhất 1 lần là gần 70%. Tỉ lệ này tập trung cao ở một số địa phương là huyện An Lão, huyện An Dương, huyện Kiến Thụy và quận Lê Chân. Các con số trên cho thấy dù trên thực tế việc nộp hồ sơ và giải quyết hồ sơ cho các cơ sở SXKD ở các cấp chính quyền đã được cải thiện đáng kể, thường trước hoặc đúng hạn nhưng thời gian các cơ sở SXKD bỏ ra tìm hiểu cũng như quá trình thực hiện hồ sơ vẫn gặp nhiều khó khăn khi chưa hiểu rõ quy trình, hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung do chưa hợp lệ. Đây chính là điểm lưu ý mà báo cáo DDCI muốn nhấn mạnh tới các cơ quan khi xem xét các khía cạnh của chỉ số và tìm hiểu nguyên nhân để có giải pháp cải thiện từ gốc của vấn đề trong thời gian tới, thay vì chỉ tập trung duy nhất vào thời gian giải quyết hồ sơ đã được chấp thuận hợp lệ trên hệ thống.

Biểu đồ 4.7. Tỉ lệ số lần HKD phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Phân tích nhóm TTHC chủ yếu được thực hiện ở các quận, huyện, kết quả khảo sát năm 2022 cho thấy các địa phương đều có sự cải thiện nhất định. Các lĩnh vực như đăng ký kinh doanh, công thương, nông nghiệp, văn hóa - thể thao - du lịch tiếp tục có điểm số tốt theo thời gian, đã đạt mức điểm tốt, trên 8 điểm. Trong khi đó, các lĩnh vực lâu nay bị đánh giá kém hơn như xây dựng, tài nguyên - môi trường, đất đai - địa chính vẫn nằm trong nhóm điểm khá. Như vậy xét trong cùng các nhóm TTHC, thủ tục liên quan tới đất đai - địa chính tiếp tục chậm biến chuyển, vẫn còn nhiều đánh giá tiêu cực hơn so với các lĩnh vực khác.

Bảng 4.1. Điểm số đánh giá quy trình thực hiện các TTHC ở các địa phương

Tiêu chí	2022	2021	2020
1. Đăng ký kinh doanh	8,19	7,96	7,42
2. Giấy phép xây dựng (trong thẩm quyền của quận, huyện)	7,78	7,69	7,06

Tiêu chí	2022	2021	2020
3. Giấy chứng nhận thực hiện các quy định an toàn thực phẩm	8,01	7,62	7,13
4. Giấy phép kinh doanh/giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành nghề có điều kiện thuộc lĩnh vực công thương (như sản xuất kinh doanh rượu, bia, thuốc lá, khí dầu mỏ, hóa lỏng...)	7,99	7,66	7,09
5. Giấy phép thực hiện các quy định về tài nguyên - môi trường	7,67	7,57	7,00
6. Đất đai - địa chính	7,22	n/a	n/a
7. Nông nghiệp	8,17	n/a	n/a
8. Văn hóa - thể thao - du lịch	8,21	n/a	n/a

Nguồn: Cục Thống kê Thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2022

Tổng thời gian trung bình mà các HKD hoàn tất các thủ tục để chính thức đi vào hoạt động đã được cắt giảm dần theo thời gian. Tỷ lệ HKD chỉ mất khoảng 1 ngày hoàn thành, tăng từ 2,42% năm 2021 lên 14,11% năm 2022. Điểm số của chỉ tiêu sau 2 năm chỉ thuộc nhóm trung bình khá, đã đạt mức điểm khá với 7,48 điểm trong năm 2022.

Cải thiện quy trình thực hiện TTHC nói chung và rút ngắn thời gian gia nhập thị trường sẽ thu hút thêm nhiều cơ sở SXKD, nhà đầu tư gia nhập thị trường, từ đó đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố. DDCI nỗ lực thúc đẩy các cơ quan quan tâm tới việc rút ngắn thời gian cho các cơ sở SXKD và những nỗ lực trên đang đem lại những thay đổi tích cực đến chỉ số này và môi trường kinh doanh của thành phố, qua cảm nhận của các HKD. Như vậy, kỳ vọng điểm số gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC của các địa phương sẽ tiếp tục được cải thiện trong các năm tiếp theo nếu như những tiến bộ trong năm 2022 được duy trì, cũng như các địa phương chú trọng hướng dẫn, hỗ trợ các HKD ngay từ khi thực hiện TTHC.

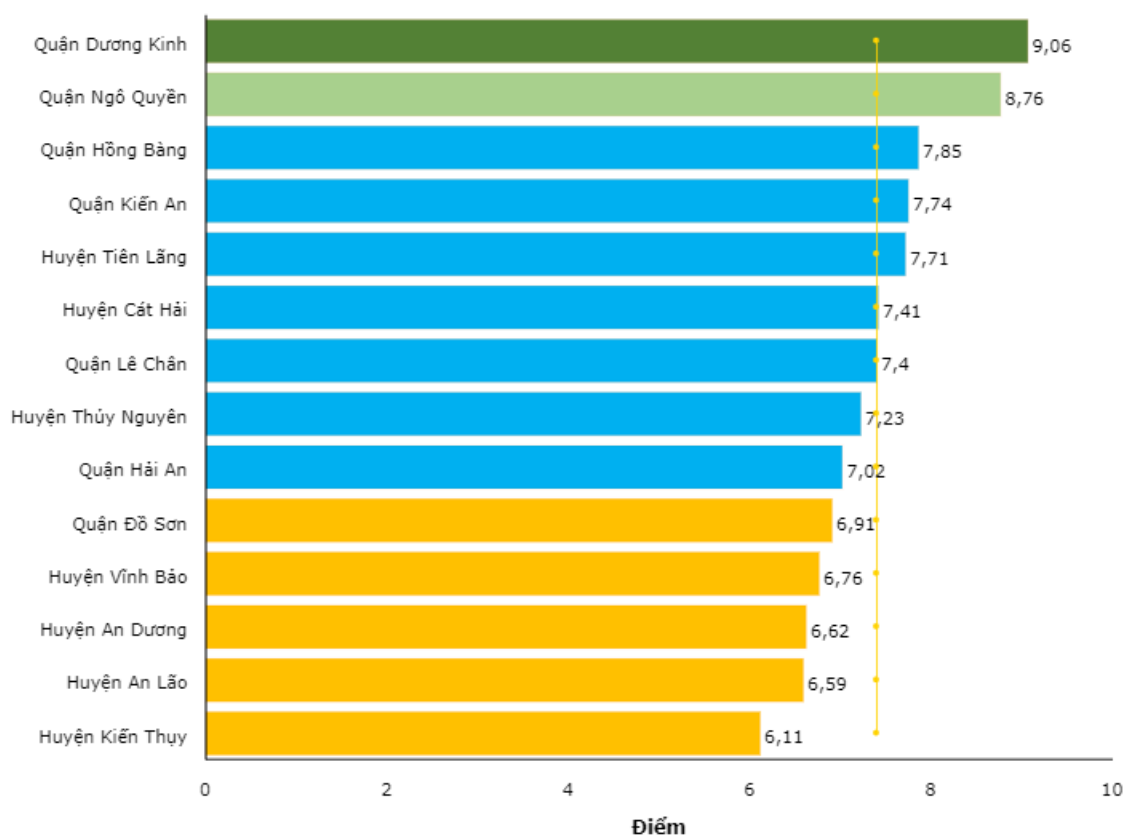
4.4.2. Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin

Một lần nữa, chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT cho thấy những tín hiệu kém tích cực so với các chỉ số khác tại các địa phương ở thành phố Hải Phòng năm 2022. Chỉ số này được ghi nhận 7,37 điểm, tổng điểm chung chỉ cải thiện 0,1 điểm so với năm 2021 nhưng vẫn ở nhóm điểm thấp nhất trong 3 năm thực hiện. Mặc dù kết quả năm 2022, quận Dương Kinh đạt 9,05 điểm và quận Ngô Quyền đạt 8,76 điểm nhưng vẫn còn 5 địa phương nằm trong nhóm điểm trung bình khá, dưới 7 điểm là quận Đồ Sơn, huyện Vĩnh Bảo, huyện An Dương, huyện An Lão và huyện Kiến Thụy. Nhóm các địa phương này cần nâng cao cải thiện ở một số khía cạnh như cung cấp thông tin kịp thời khi có yêu cầu từ các HKD và khuyến khích các HKD thực hiện dịch vụ công trực tuyến ở mức cao hơn. Dải điểm năm 2022 với mức độ phân hóa khá cao từ mức 6 điểm tới 9 điểm cho thấy việc thu hẹp khoảng cách giữa các địa phương ở nhóm cuối sẽ phải diễn ra mạnh mẽ hơn để bắt kịp tốc độ chuyển đổi chung của toàn thành phố.

So sánh bảng điểm CSTP về tính minh bạch và ứng dụng CNTT năm 2022 và năm 2021 của các địa phương, dễ dàng nhận ra điểm số của các địa phương không có nhiều thay đổi, thậm chí có phần sụt giảm nhiều so với các năm trước. Tình trạng này xảy ra nhiều ở nhóm các địa phương đã từng dẫn đầu như huyện Vĩnh Bảo giảm hơn 1 điểm, quận Đồ Sơn giảm 0,98 điểm, huyện An Lão giảm 0,84 điểm và huyện Tiên Lãng giảm nhẹ 0,07 điểm. Ở chiều ngược lại, quận Dương Kinh, quận Kiến An và quận Ngô Quyền là những địa phương được đánh giá khá cao khi triển khai tốt dịch vụ công trực tuyến cho các HKD với mức tăng điểm hơn 1 điểm so với năm 2021. Các địa phương còn lại tăng/giảm điểm không nhiều nên thứ hạng không có xáo trộn đáng kể. Chỉ số này sẽ ngày càng trở nên khó cải thiện hơn nếu thiếu đi hành động từ mỗi địa phương trong nhiệm vụ cải cách năng lực cạnh tranh, nhất là đẩy

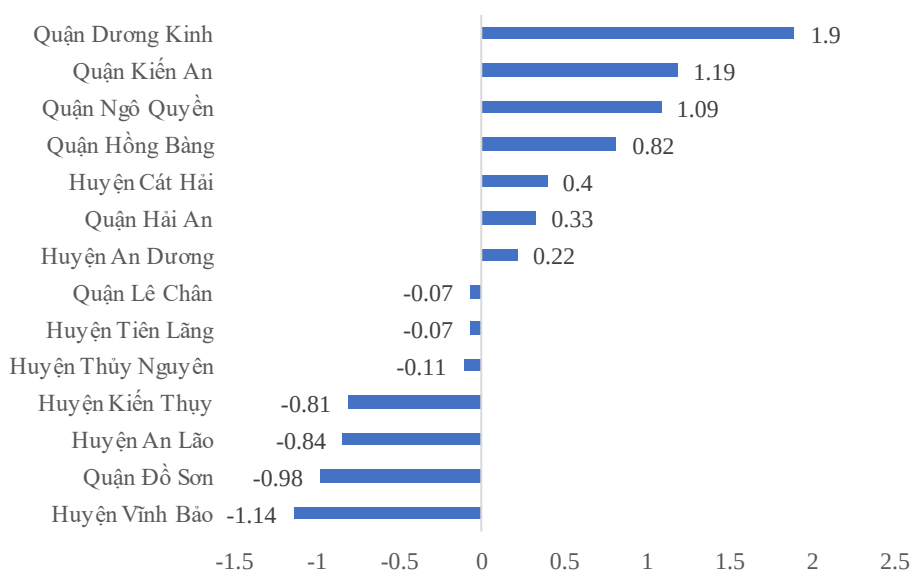
mạnh triển khai chuyển đổi số ở các cấp, các ngành để mang lại hiệu quả thiết thực và tác động tích cực lên môi trường đầu tư, kinh doanh.

Biểu đồ 4.8. Điểm số CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Biểu đồ 4.9. Mức thay đổi điểm số của CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT ở các địa phương trong năm 2021-2022



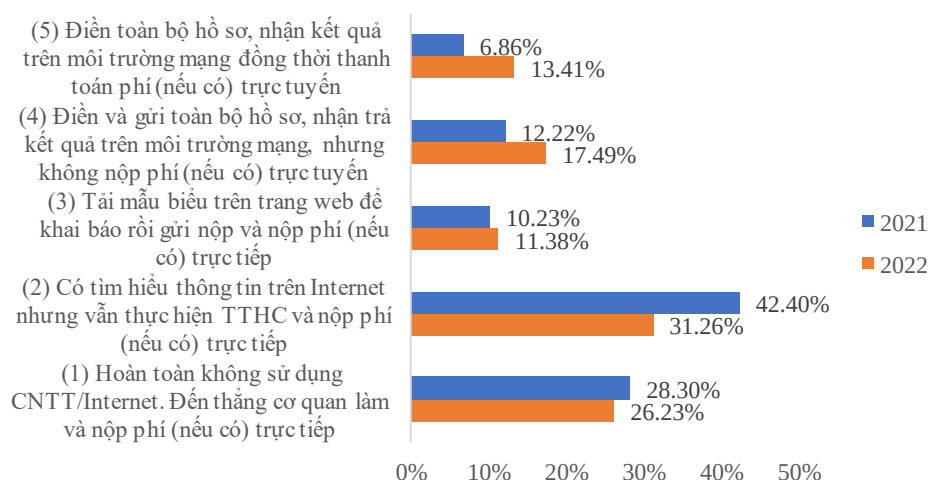
Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Xét theo các chỉ tiêu cấu thành, chỉ tiêu chất lượng công bố thông tin, hướng dẫn về thực hiện TTHC hoặc công việc có liên quan là điểm sáng rõ nét trong CSTP năm 2022. Cụ thể, có 82,35% HKD hài lòng về các thông tin được công bố trong năm qua, đạt 8,25 điểm, tăng 0,23 điểm so với năm 2021. Đánh giá chi tiết về các loại thông tin như văn bản quy pháp luật, TTHC, cơ chế chính sách mới; bản đồ, quy hoạch sử dụng đất; dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công; ngân sách, phần lớn các HKD cũng đều cho rằng có thể tiếp cận được. Điểm số các chỉ tiêu này có tăng nhẹ so với năm 2021. Tuy nhiên, điểm cần lưu ý tới các địa phương trong việc công bố rộng rãi cho các HKD về các khoản ngân sách thu chi, bản đồ quy hoạch của địa phương khi đây là các chỉ tiêu đánh giá kém hơn so với các chỉ tiêu khác. Đặc biệt, chính quyền các quận, huyện cũng cần cung cấp thông tin kịp thời hơn tới các HKD khi họ có yêu cầu cung cấp thông tin hoặc nếu chưa thể cung cấp ngay thì cần có thời hạn thông báo rõ ràng để các HKD theo dõi, tránh trường hợp các HKD không nhận được phản hồi.

Theo kết quả khảo sát DDCI các năm, các HKD cho rằng cổng thông tin điện tử của các cơ quan chưa đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin và nhiều HKD chưa truy cập, sử dụng các tính năng của các trang này. Năm 2022, chỉ tiêu này đã có cải thiện khi tỉ lệ HKD chưa biết đến hay sử dụng trang web của các cơ quan đã giảm từ 5,16% năm 2021 xuống còn 4,28% năm 2022. Điều này phản ánh phần nào thực tế hầu hết các HKD vẫn áp dụng thói quen và cách làm cũ khi tìm hiểu thông tin. Mặt khác, trang web của các quận, huyện vẫn còn thiếu hấp dẫn trong cung cấp thông tin, giao diện khó tìm kiếm đối với người sử dụng, thiếu vắng các hướng dẫn trực tiếp, thông tin ít cập nhật...

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT/ ứng dụng các phương thức mới trong quá trình thực hiện TTHC đang được các quận, huyện quan tâm và đưa vào thực hiện nghiêm túc. Song, kết quả phân tích cho thấy mức độ sử dụng của các HKD vẫn còn khá thấp, so sánh với các năm trước cũng chưa có những tiến bộ nổi bật. Xét về mặt điểm số, chỉ tiêu này tăng từ 4,52 điểm năm 2021 lên 5,21 điểm năm 2022 nhưng vẫn là chỉ tiêu đạt mức điểm trung bình. Trong số HKD tham gia khảo sát, chỉ có 13,41% HKD đã thực hiện TTHC ở mức độ toàn trình, tăng gần gấp đôi so với năm 2021 và 17,49% HKD thực hiện trực tuyến nhưng chưa nộp phí trực tuyến. Mặc dù các địa phương ở nhóm đầu của chỉ số này nhưng trong chỉ tiêu này điểm số vẫn còn khá thấp, đặc biệt là ở một số địa phương như huyện Kiến Thụy, huyện An Lão và huyện Cát Hải. Bên cạnh đó, việc ứng dụng CNTT/sử dụng nhiều phương thức mới, các xu thế của kinh tế số, chuyển đổi số, công nghiệp 4.0 (hỏi đáp trực tuyến trên trang web, email, mạng xã hội, hotline hỗ trợ...) để công khai thông tin và giải đáp thắc mắc cũng chưa được các HKD đánh giá tích cực.

Biểu đồ 4.10. Mức độ HKD thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong năm 2021-2022



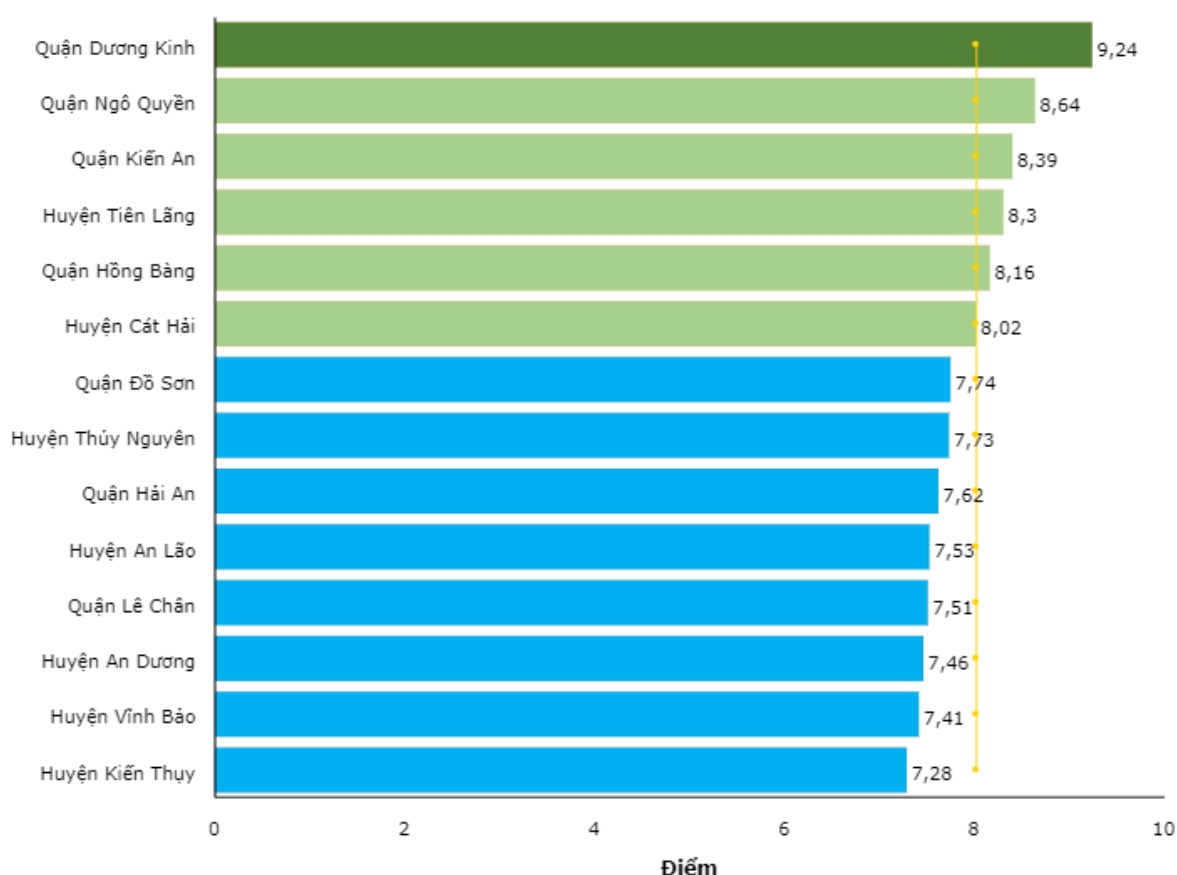
Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Nhìn chung, để cải thiện chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT cần thêm nhiều nỗ lực từ phía cơ quan nhà nước trong việc công bố thông tin và đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Ngoài ra, các địa phương cần có nhiều giải pháp tạo thuận lợi cho các HKD thực hiện dịch vụ công ở các mức độ cao hơn, nhất là trong quá trình hướng dẫn, giải đáp thắc mắc khi các HKD mới sử dụng dịch vụ. Việc tăng cường tuyên truyền hướng dẫn về sử dụng CNTT đến các HKD để họ biết và sẵn sàng sử dụng là một giải pháp hữu ích mà các địa phương có thể cân nhắc. Cuối cùng là sự chỉ đạo, thống nhất từ lãnh đạo đến các phòng, ban, bộ phận thực hiện. Quyết tâm thực hiện và kiên trì cải cách qua các năm là cách thức hữu hiệu để cải cách TTHC và áp dụng CNTT hiệu quả nhất trong chỉ số này.

4.2.3. Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương

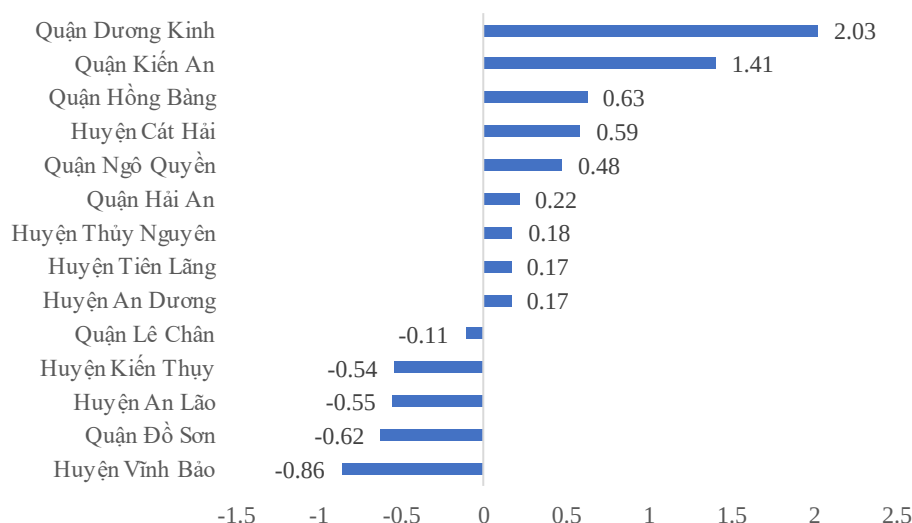
Chỉ số tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương có sự cải thiện không nhanh nhưng đều đặn ở nhóm ổn định qua các năm khảo sát. Năm 2022, điểm số của chỉ số tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương đạt 7,93 điểm, cao hơn mức 7,75 điểm năm 2021. Quận Dương Kinh tiếp tục là địa phương được đánh giá ở mức rất tốt với sự hài lòng của phần lớn các HKD tham gia khảo sát, cao nhất trong thành phố. Tiếp theo là các địa phương có điểm số thuộc nhóm tốt với dải điểm phân bố từ 8,02 - 8,64 điểm gồm các địa phương: quận Ngô Quyền, quận Kiến An, huyện Tiên Lãng, quận Hồng Bàng và huyện Cát Hải. 8 địa phương còn lại thuộc nhóm điểm khá và huyện Kiến Thụy được đánh giá 7,28 điểm ở vị trí cuối cùng trên bảng xếp hạng. Khoảng cách điểm số giữa cơ quan đứng đầu và đứng cuối là 1,96 điểm, có độ giãn rộng hơn so với các năm trước khi nhóm dẫn đầu năm 2022 có nhiều địa phương cải thiện nhanh hơn.

Biểu đồ 4.11. Điểm số CSTP tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Biểu đồ 4.12. Mức thay đổi điểm số của CSTP tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương ở các địa phương trong năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

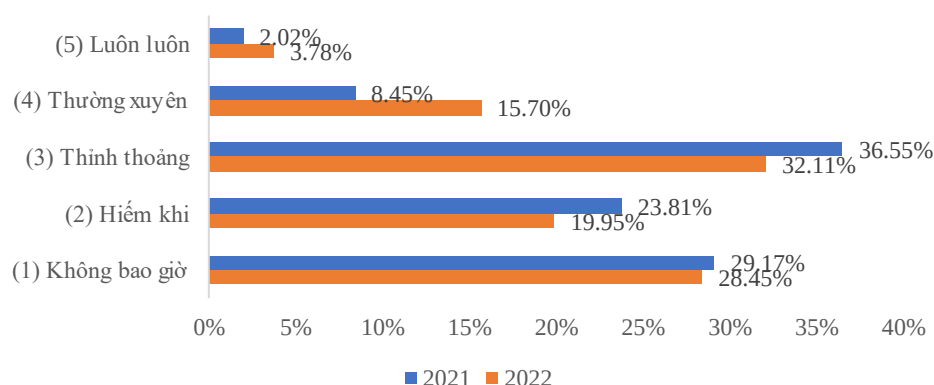
Các tiêu chí đánh giá về tính năng động của chính quyền các quận, huyện đã có chuyển biến khả quan trong thời gian qua có thể kể đến: (1) thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các cơ sở SXKD (8,4 điểm); (2) sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/ quyết định, giải quyết các vấn đề phát sinh mới và tham mưu UBND thành phố các đề xuất phù hợp (8,25 điểm); (3) không có hiện tượng trì hoãn/ chậm trễ hay đùn đẩy trách nhiệm khi thực hiện quyết định/ chủ trương của UBND thành phố và cấp TW (8,49 điểm); (4) thực hiện chủ trương, chính sách của ngành, thành phố trong việc tạo thuận lợi cho cơ sở SXKD hoạt động là ổn định, nhất quán (8,45 điểm). Dữ liệu DDCI năm 2022 cho thấy tỉ lệ HKD đồng ý về các nhận định này đều trên 85%. Đây cũng là nhóm chỉ tiêu có kết quả tích cực nhất trong số các chỉ tiêu cấu thành và đều cải thiện dần qua các năm khảo sát.

Khảo sát DDCI năm 2022 cũng lồng ghép chỉ số vai trò của người lãnh đạo vào trong chỉ số này với 3 chỉ tiêu được đánh giá quan trọng, gồm: (1) tinh thần dám quyết/ dám làm và dám chịu trách nhiệm trong việc thực thi các quy định, chính sách và tiên phong thực hiện cải cách; (2) giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý các trường hợp gây những nhiễu, khó khăn cho các cơ sở SXKD; (3) mức độ tin tưởng ủng hộ đối với lãnh đạo. Các HKD tham gia khảo sát cũng phản hồi khá tích cực về vai trò của người lãnh đạo ở các địa phương với hơn 87% HKD đồng ý về các nhận định trên. Đặc biệt, gần 80% HKD thể hiện sự tin tưởng ủng hộ đối với lãnh đạo các địa phương. Điểm số của nhóm chỉ tiêu này cũng đạt mức điểm tốt, dao động trên 8 điểm.

Bên cạnh những điểm sáng tích cực trên là những gam màu xám cần cải thiện trong thời gian tới. Đó chính là những nội dung liên quan tới công tác đối thoại với các cơ sở SXKD, một điểm nghẽn trong nhiều năm qua không riêng biệt ở một cơ quan nào. Kết quả khảo sát chỉ ra có 28,45% HKD chưa được mời tham gia đóng góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển ở địa phương, 19,95% HKD hiếm khi tham gia và 19,48% HKD cho biết thường được tham gia các buổi đối thoại. So sánh với các năm trước, tỉ lệ HKD tham gia đối thoại vẫn chưa có nhiều cải thiện. Ngoài việc đánh giá số lượng tham gia đối thoại, DDCI cũng đi sâu vào khảo sát chất lượng của các buổi đối thoại với các HKD đã từng tham gia. Tỉ lệ HKD đánh giá ở mức hiệu quả, thực chất là 64,13%, 33,49% HKD đánh giá bình thường và khoảng 2% HKD cho rằng không hiệu quả và mang tính hình thức nhiều hơn. Con số này phản ánh thực tế thời gian qua, các địa phương đều đã có nỗ lực nhất định trong việc tổ chức đối thoại với các cơ sở SXKD nhằm kịp thời nắm bắt và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Tuy nhiên,

số lượng tổ chức các buổi đối thoại chưa nhiều và chưa định kỳ, mức độ quan tâm của HKD về các hoạt động này còn thấp do chưa nhận thức được hết tầm quan trọng và tiếng nói của mình trong việc xây dựng chính sách, tạo dựng môi trường kinh doanh. Mặc dù hầu hết các HKD đều nhận thấy tác động của công tác đối thoại, giải trình, nhưng kết quả chưa có những cải thiện nổi bật, chưa mang lại thay đổi sâu sắc, dẫn đến điểm số chỉ ở mức khá, chưa bứt phá lên được điểm số tốt hơn.

Biểu đồ 4.13. Tỷ lệ HKD tham gia các cuộc đối thoại, lấy ý kiến về các chính sách trong năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Chỉ số tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương được đánh giá khá tốt về chất lượng điều hành nói chung, nhưng hiệu quả công tác đối thoại là chỉ tiêu gây nhiều trở ngại cho tiến trình tăng điểm số và thăng hạng năng lực cạnh tranh ở thành phố. Do đó, công tác đối thoại cần được quan tâm và thực hiện một cách bài bản hơn từ số lượng các cuộc đối thoại, xây dựng nội dung, truyền thông tới các cơ sở SXKD đến thực hiện các cam kết, thông báo về kết quả đạt được sau mỗi kì đối thoại.

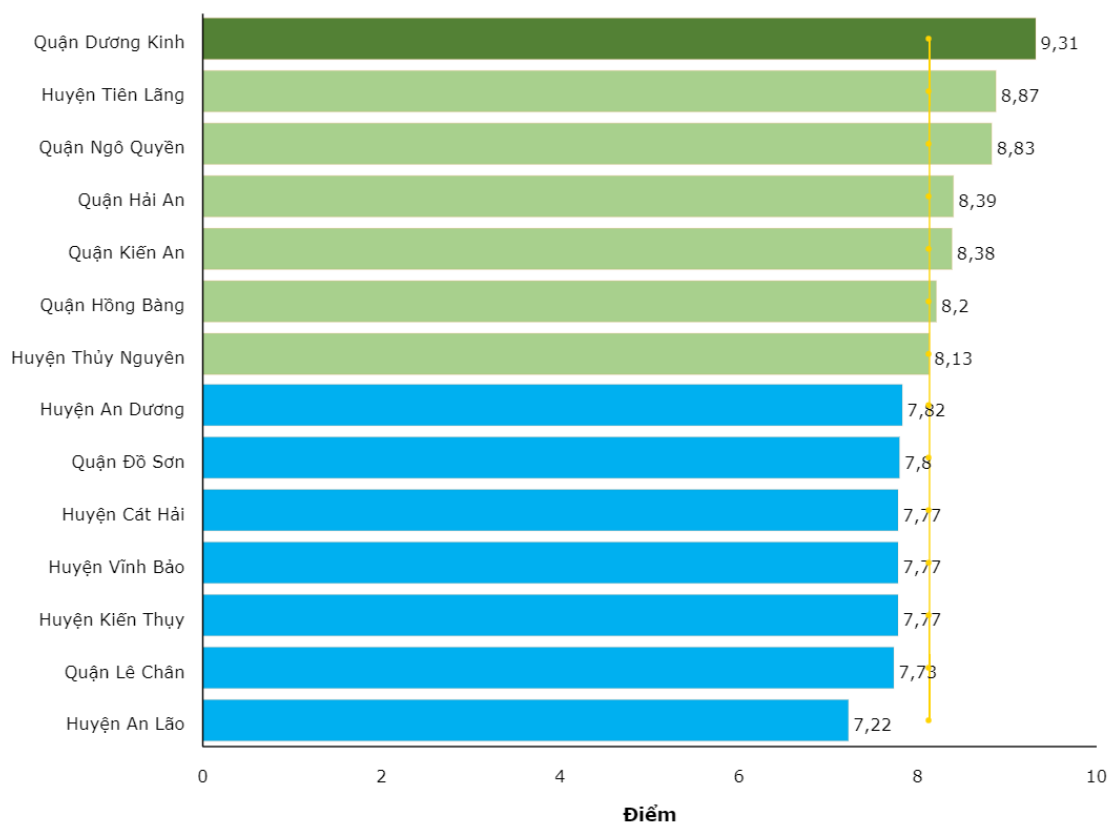
4.4.4. Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật

Cắt giảm chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công cuộc cải cách hành chính mà các cấp, các ngành đang triển khai. Cảm nhận của các HKD đối với chỉ số chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật, vẫn khá tích cực, cho thấy hướng đi đúng đắn và cần được tiếp tục phát huy trong thời gian tới. Điểm số trung bình chung của khối địa phương của chỉ số này đạt 8,14 điểm, mức điểm tốt và nằm trong nhóm những chỉ số có kết quả cao nhất. Gam màu tươi sáng cũng thể hiện rõ trong bảng phân bổ màu ở các địa phương. Có một nửa các quận, huyện đã nằm trong nhóm gam màu xanh lá thể hiện mức điểm tốt. Nổi bật nhất là quận Dương Kinh đạt 9,31 điểm, dẫn đầu khối địa phương với nhiều nỗ lực cải cách được HKD đánh giá cao, đặc biệt trong việc khuyến khích các cơ sở SXKD thực hiện TTHC trực tuyến. Nhóm địa phương xếp sau dù ở nhóm khá hay nhóm tốt cũng đều có mức điểm bám đuổi khá sát nhau, chênh lệch điểm số không đáng kể. Riêng huyện An Lão là địa phương đứng cuối với 7,22 điểm, có chênh lệch nhất định so với các địa phương khác.

Xét điểm số trong năm 2021-2022, điểm số trung bình của cả khối địa phương tăng nhẹ từ 8,05 điểm năm 2021 lên 8,14 điểm năm 2022. Nếu như năm 2021 ghi nhận hầu hết các địa phương đều có sự cải thiện điểm số đáng khích lệ thì sang năm 2022, dữ liệu phân tích cho thấy chỉ có 7 địa phương tăng điểm. Để đạt được thứ hạng tốt như vậy, quận Dương Kinh đã mạnh mẽ tăng trưởng hơn 1 điểm so với năm 2021. Các địa phương khác tiếp tục mức tăng ổn định là quận Kiến An, quận Hồng Bàng, quận Hải An và quận Ngô Quyền. Ở chiều hướng ngược lại, 7 địa phương giảm điểm gồm huyện Thủy Nguyên, quận Lê Chân, huyện Kiến Thụy, huyện Cát Hải, quận Đồ Sơn, huyện Vĩnh Bảo và huyện An Lão. Nguyên nhân giảm điểm của các địa phương này là do các HKD phản ánh gánh nặng tuân thủ pháp luật chưa có nhiều thay đổi so với các năm trước, việc thực hiện TTHC trực tuyến vẫn khá phức

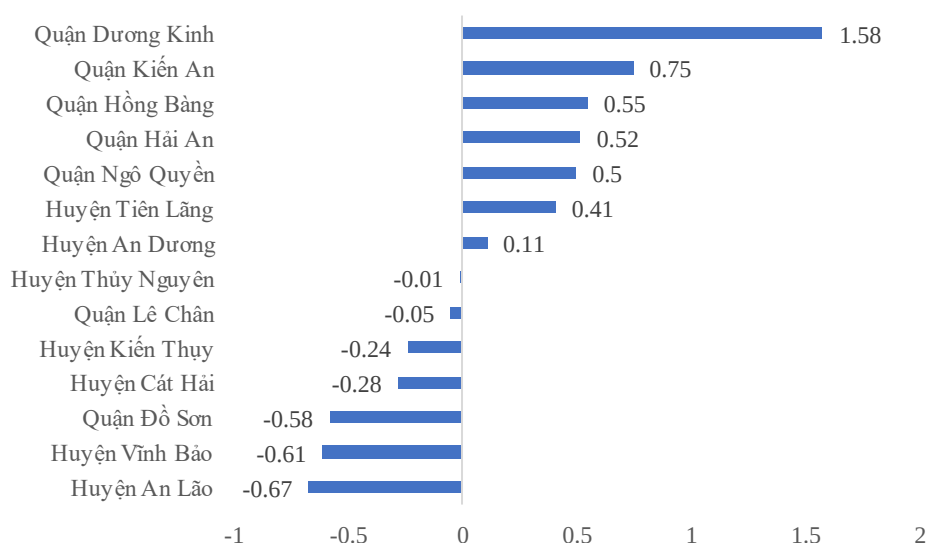
tạp. Theo đó, các địa phương có cải thiện thứ hạng tốt đang dần nhích về nhóm chất lượng tốt nhiều hơn. Các địa phương thuộc nhóm tốt của các năm trước vẫn chưa có nhiều sáng kiến cải cách đột phá, giảm điểm xuống nhóm điểm khá, càng làm tăng sự cạnh tranh điểm số ở nhóm khá trong năm 22.

Biểu đồ 4.14. Điểm số CSTP chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

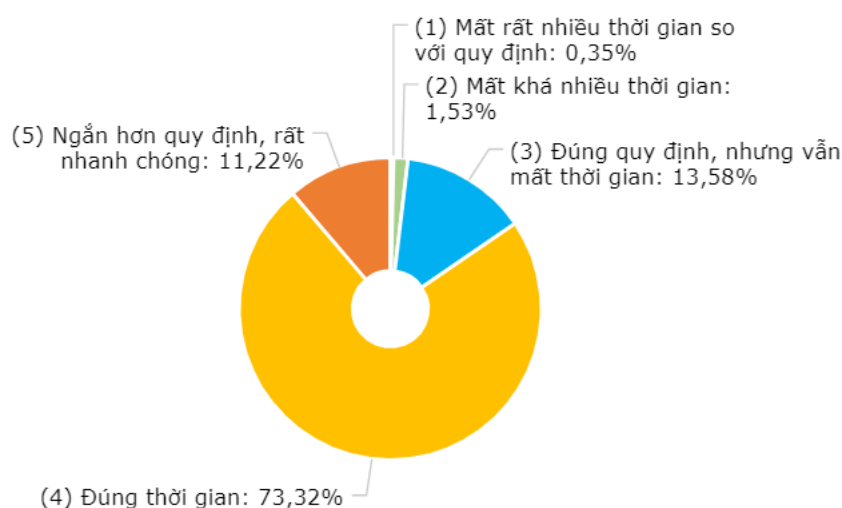
Biểu đồ 4.15. Mức thay đổi điểm số của CSTP chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật ở các địa phương trong năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Khảo sát về thời gian thực hiện TTHC ở địa phương so với quy định, có 11,22% HKD cho rằng rút ngắn hơn so với quy định, 73,32% HKD cho biết đúng thời gian và chỉ có khoảng 2% HKD vẫn mất nhiều thời gian. Điểm số chỉ tiêu này đạt 7,91 điểm, tiệm cận khá gần với mức điểm tốt, cao hơn mức 7,29 điểm năm 2021. Tín hiệu tích cực này được ghi nhận từ những nỗ lực cải cách, sáng kiến của các địa phương nhằm giảm bớt chi phí thời gian và tuân thủ cho các cơ sở SXKD khi có hơn 93% HKD đánh giá cao và ủng hộ. Điểm sáng này tập trung ở một số địa phương thuộc nhóm đầu bảng như quận Dương Kinh, huyện Tiên Lãng, quận Hồng Bàng và quận Hải An.

Biểu đồ 4.16. Tỷ lệ HKD đánh giá về thời gian thực hiện TTHC so với quy định



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Một trong những hạn chế mà điểm của chỉ số này cải thiện chậm là các nội dung liên quan tới thanh tra, kiểm tra. Cụ thể, tỷ lệ HKD không phải tiếp đoàn thanh tra, kiểm tra tăng từ 47,07% năm 2021 lên 49,82% năm 2022. Tỷ lệ HKD cho biết các cuộc thanh tra không tốn quá nhiều thời gian của HKD là 29,63%. Chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra có cải thiện so với các năm trước và ít xảy ra tình trạng cán bộ lợi dụng cơ hội để gây nhiễu loạn cho các HKD. Song, xu hướng cải thiện chậm về số lần thanh tra, kiểm tra chưa được cắt giảm mạnh và nội dung các cuộc thanh tra, kiểm tra này vẫn tạo gánh nặng cho các HKD, vì vậy điểm số của nhóm chỉ tiêu này vẫn thấp hơn mặt bằng chung các chỉ tiêu khác. Các kết quả đánh giá thủ tục thanh tra, kiểm tra tiếp tục chỉ ra đây là lĩnh vực cần thêm nhiều nỗ lực cải cách. Do đó, việc thực hiện tốt thanh tra, kiểm tra, giảm nhiễu loạn, phiền hà cho các HKD là rất cần thiết, thúc đẩy hoạt động SXKD và môi trường đầu tư, kinh doanh nói chung.

Trải nghiệm, đánh giá của các HKD về sự thay đổi từ phương thức truyền thống sang phương thức trực tuyến là thông tin quan trọng nhằm nhận diện những ý kiến của các HKD về hoạt động áp dụng công nghệ. Kết quả cho thấy có khoảng 77% HKD phản ánh thực hiện TTHC trực tuyến giúp giảm chi phí, thời gian, không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp. Tuy nhiên, có nhiều HKD ở một số địa phương cho biết việc thực hiện còn khá phức tạp so với cách làm truyền thống. Điều này một lần nữa lại nhấn mạnh đến sự tuyên truyền và vận động của các cấp chính quyền tới các HKD về quy trình thực hiện, cũng như có hướng dẫn dễ hiểu, dễ thực hiện và lợi ích thiết thực khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Những địa phương có điểm số cao trong chỉ số này cho thấy bất kỳ địa phương nào cũng có thể tạo nên điểm nhấn về cải cách TTHC. Bởi lẽ, xét trên mặt bằng chung về quy trình thủ tục thì các địa phương đều ngang nhau nhưng điểm khác biệt là địa phương nào thể hiện quyết tâm, tinh thần cầu thị, dám nghĩ và dám làm. Bên cạnh đó, đẩy mạnh truyền thông, chia sẻ thông tin hữu ích, bố trí hợp lý, kiên trì hướng dẫn HKD chuyển đổi sang mô hình dịch vụ công trực tuyến. Kết quả cải cách TTHC không thể thay

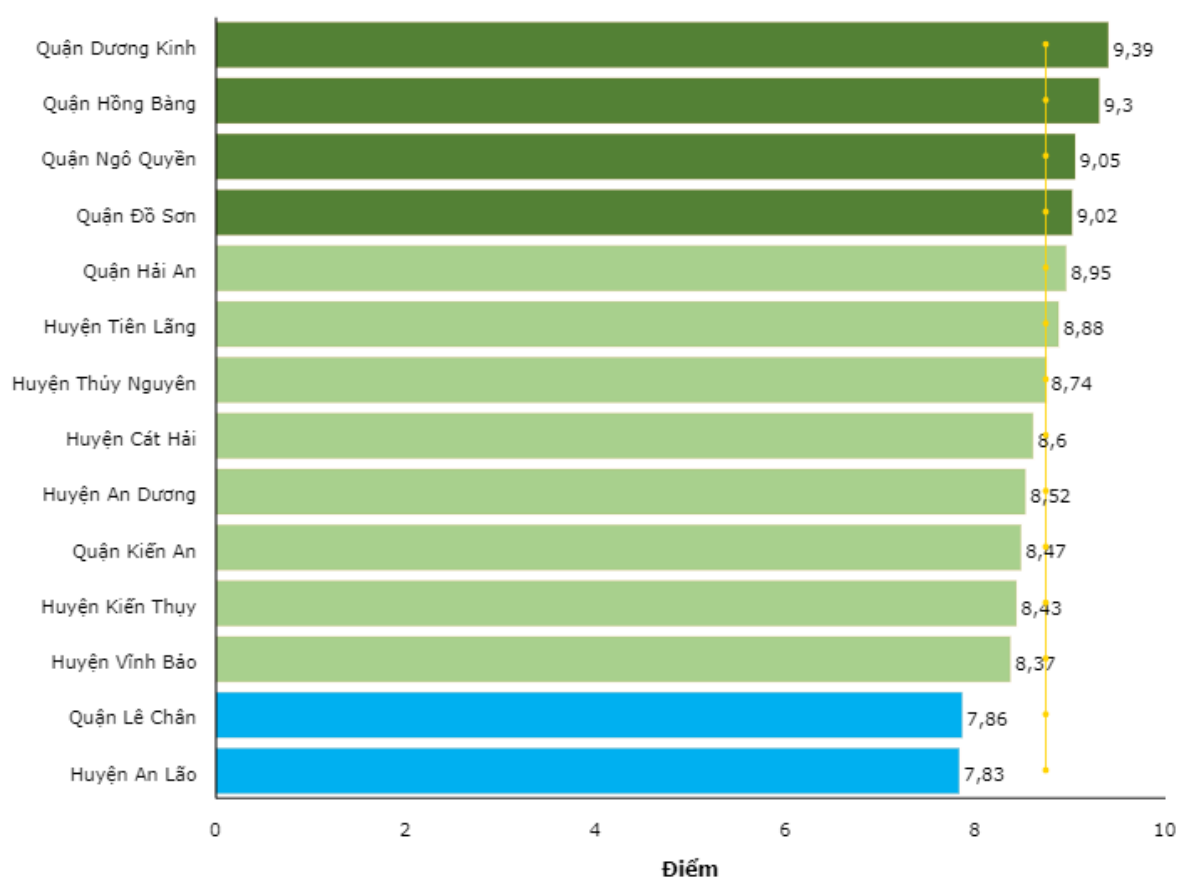
đổi “một sớm một chiều” nhưng những nỗ lực dài hạn sẽ mang lại bức tranh thay đổi tích cực cho các địa phương.

4.4.5. Chi phí không chính thức

Chi phí không chính thức vẫn là tiêu chí mà nhiều cơ sở SXKD quan tâm khi lựa chọn địa điểm đầu tư. Bởi vì chi phí này vẫn là một trở ngại, gánh nặng với nhiều cơ sở SXKD trong những năm qua. Chỉ số thành phần chi phí không chính thức đo lường những chi phí ngoài quy định của nhà nước, như chi phí lót tay, “tham nhũng vặt”... Đây là hiện tượng còn xảy ra tại nhiều địa phương trong cả nước.

Phân tích chi phí không chính thức tại thành phố mang một thông điệp hết sức quan trọng, ghi nhận một cách hệ thống những điểm tích cực trong năm 2022. Điểm số trung bình chung CSTP chi phí không chính thức tăng từ 8,51 điểm năm 2021 lên 8,67 điểm năm 2022, tiếp tục là chỉ số được đánh giá tốt nhất trong 9 CSTP. Nếu như năm 2021 có 2 địa phương nằm ở nhóm rất tốt trên 9 điểm thì năm nay tăng thêm 2 địa phương nữa trong nhóm này, gồm có 4 quận Dương Kinh, Hồng Bàng, Ngô Quyền và Đồ Sơn. Tiếp theo là các địa phương trong nhóm điểm tốt và điểm khá. Nhóm điểm tốt có 8 địa phương với phổ điểm từ 8,37 - 8,95 điểm và nhóm điểm khá có 2 địa phương là quận Lê Chân và huyện An Lão, đang ở nhóm cuối bảng xếp hạng. Khoảng cách chênh lệch giữa địa phương đứng đầu và đứng cuối là 1,56 điểm, chưa có dấu hiệu thu hẹp so với năm 2021. Điều này đồng nghĩa với việc gánh nặng chi phí không chính thức tại các địa phương nhóm cuối có phần nặng hơn so với các địa phương còn lại.

Biểu đồ 4.17. Điểm số CSTP chi phí không chính thức

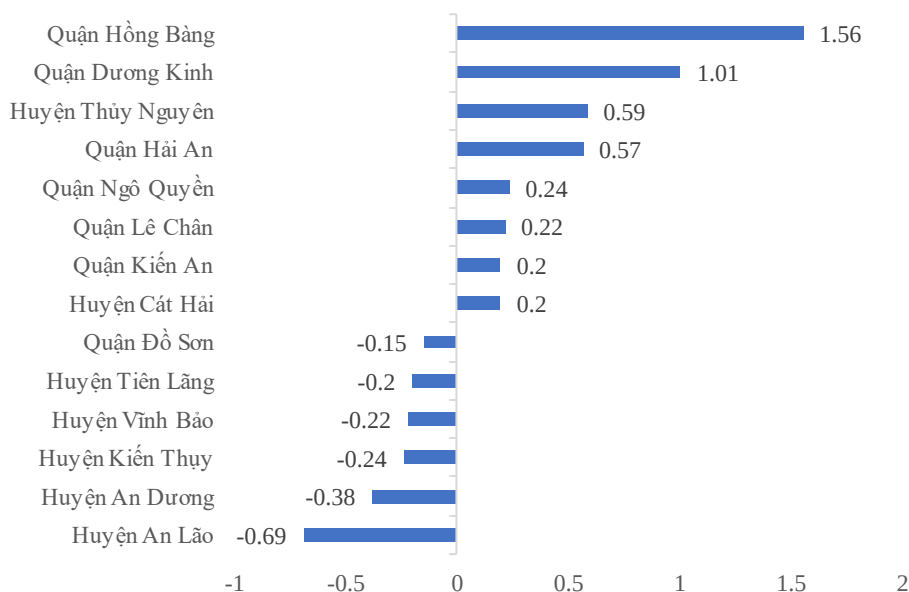


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

So sánh với kết quả khảo sát DDCI năm 2021, quận Hồng Bàng và quận Dương Kinh là 2 địa phương có tốc độ cải thiện nhanh với hơn 1 điểm, tiếp theo là huyện Thủy Nguyên và quận Hải An với mức

tăng hơn 0,5 điểm. Các địa phương ở chiều ngược lại giảm khá nhiều điểm là huyện An Lão giảm 0,69 điểm, giảm sâu so với các địa phương khác nên thứ hạng giảm từ vị trí thứ 8 xuống vị trí cuối cùng và nhiều địa phương khác giảm điểm như huyện An Dương, huyện Kiến Thụy, huyện Vĩnh Bảo, huyện Tiên Lãng và quận Đồ Sơn. Các địa phương cũng có xu hướng theo đuổi điểm số bám sát nhau khi nhìn theo góc độ chênh lệch điểm số từng địa phương. Mặc dù có những thay đổi ở nhiều địa phương cả theo chiều hướng tích cực và tiêu cực, nhưng nhìn chung xu hướng cải thiện điểm số diễn ra ở phần lớn các địa phương, cho thấy tinh thần quyết liệt đẩy lùi chi phí không chính thức được thực hiện nghiêm túc.

Biểu đồ 4.18. Mức độ thay đổi điểm số của CSTP chi phí không chính thức ở các địa phương trong năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

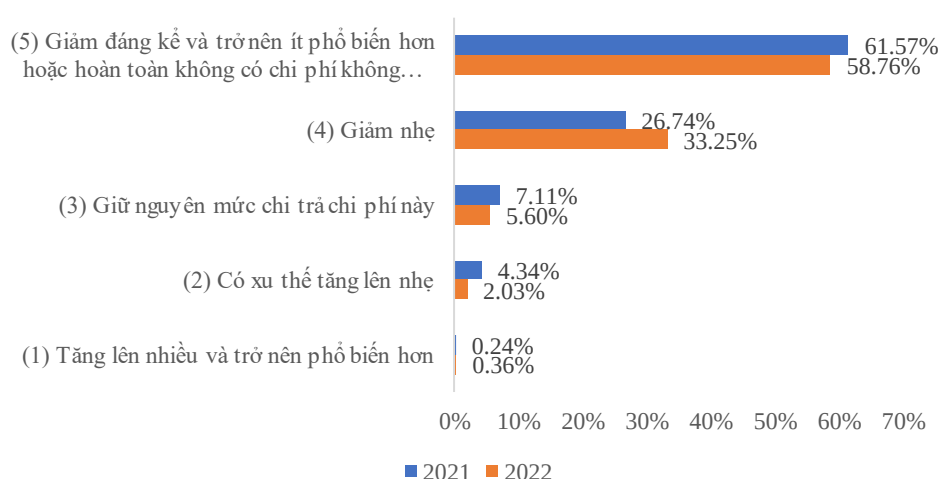
Xét về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức, kết quả DDCI năm 2022 chỉ ra rằng 45,31% cơ sở SXKD cho biết hoàn toàn không có chi phí không chính thức (tăng 1,86% so với trước đó), 42,31% cho rằng vẫn còn một vài trường hợp. Tỷ lệ HKD cho rằng chi phí không chính thức vẫn còn phổ biến chiếm một phần nhỏ, khoảng 1%, giảm đáng kể so với mức 4,61% năm 2021. Sau khi giảm nhẹ trong năm 2021 thì sang năm 2022, điểm số chỉ tiêu này đã có cải thiện, tăng lên 8,73 điểm. Bên cạnh các địa phương ghi nhận chiều hướng tích cực, một số địa phương cần cải thiện hơn nữa trong việc giảm mức độ phổ biến của chi phí không chính thức là quận Lê Chân, huyện Cát Hải và huyện An Dương.

DDCI năm 2022 tiếp tục so sánh về quy mô chi phí không chính thức của các địa phương và lĩnh vực. Theo kết quả khảo sát, các khoản chi phí không chính thức tiếp tục ở mức nhỏ trong tổng thu nhập của các SXKD, không gây áp lực lớn với họ. Tuy nhiên, với phạm vi khảo sát về các khoản chi trả thực hiện TTHC đơn giản thì mức quy mô nhỏ của chi phí này trong nhiều năm qua là có thể dự đoán được. Các địa phương cần tiếp tục cải thiện ở chỉ số này, nhất là khi các HKD cho biết dù đã chi trả chi phí không chính thức nhưng công việc vẫn không được giải quyết như mong muốn. Tình trạng này được phản ánh ở nhiều địa phương trong thành phố, bao gồm cả những địa phương thuộc nhóm đầu trong chỉ số này.

Khảo sát về mức độ phổ biến chi phí không chính thức trong các lĩnh vực quản lý ở các quận, huyện, sự cải thiện lớn nhất được ghi nhận ở các lĩnh vực văn hóa - thể thao - du lịch, nông nghiệp, đăng ký kinh doanh và công thương. Năm 2022, khoảng 90% HKD trả lời gần như không phải chi trả chi phí không chính thức khi thực hiện TTHC ở các lĩnh vực này. Điểm số của các chỉ tiêu này đều cao hơn so với năm 2021 và xấp xỉ ở mức 9 điểm. Đây là nhóm dịch vụ công có mức độ chi trả chi phí không chính

thức thấp nhất từ phía các HKD tham gia khảo sát. Lĩnh vực đáng quan ngại nhất vẫn là đất đai - địa chính, xây dựng và tài nguyên - môi trường. Mặc dù nếu so sánh với năm 2021 và 2020 thì các lĩnh vực này có cải thiện, song vẫn là nhóm chỉ tiêu có điểm số thấp hơn và tỉ lệ HKD hài lòng cũng thuộc nhóm thấp nhất. Năm 2022, tỉ lệ HKD cho biết thường xuyên phải chi trả các khoản chi phí không chính thức để thực hiện các thủ tục về đất đai - địa chính là khoảng 7%, về xây dựng là khoảng 2% và tài nguyên - môi trường là hơn 4%. Các con số trên một lần nữa chỉ ra sự cải thiện chưa đồng đều ở các lĩnh vực quản lý, có những lĩnh vực luôn ở nhóm tốt và có những lĩnh vực chưa vượt ra khỏi nhóm kém trong nhiều năm qua.

Biểu đồ 4.19. Tỉ lệ HKD đánh giá về xu hướng tăng/giảm chi phí không chính thức trong năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

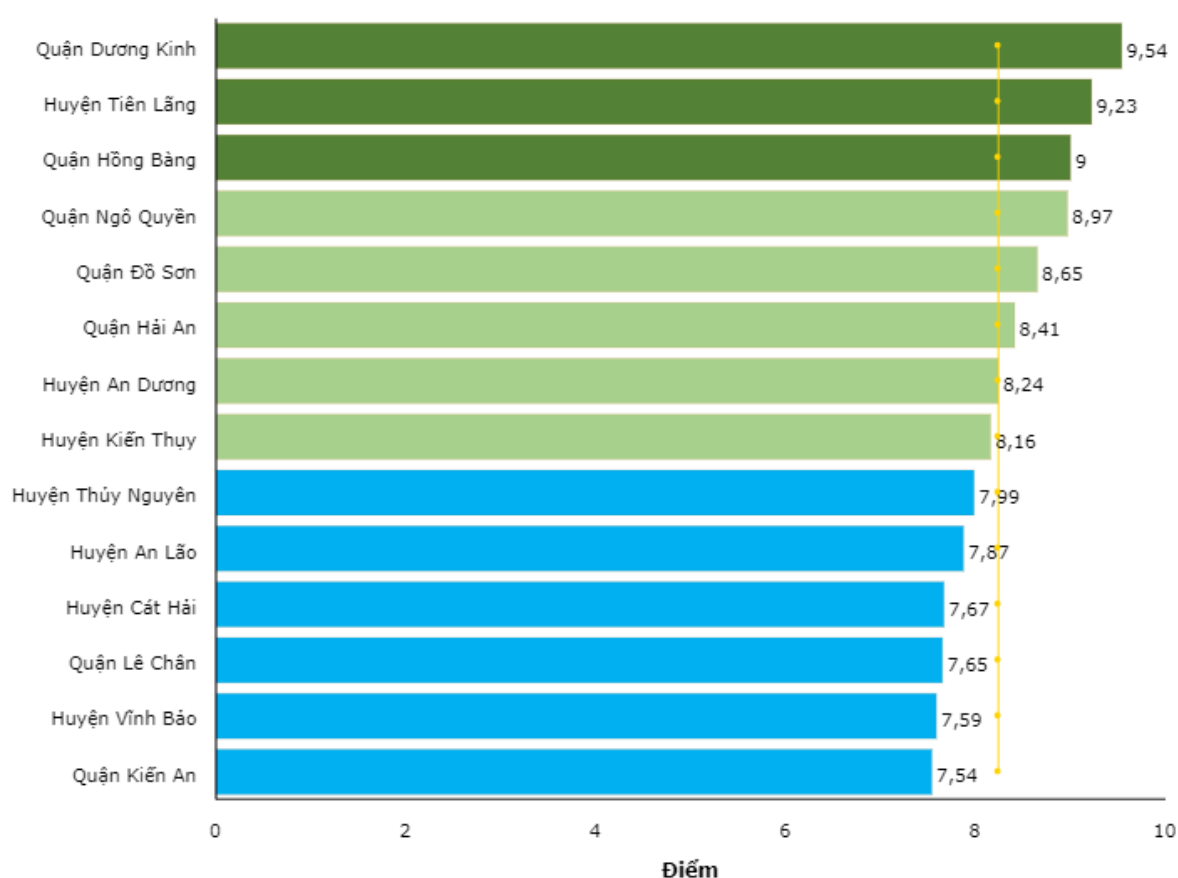
Xu hướng của chi phí không chính thức trong thời gian tới cũng được DDCI đặt câu hỏi, tìm hiểu. Kết quả thu về cho thấy những cảm nhận khá lạc quan của các cơ sở SXKD về công cuộc đẩy lùi tham nhũng mà các cấp chính quyền đã quyết liệt thực hiện trong thời gian qua. 92,01% HKD cho ý kiến tin tưởng vào chiều hướng tiếp tục được cắt giảm, nhưng vẫn còn 5,6% HKD cho rằng không có thay đổi và 2,39% HKD kém lạc quan khi cho rằng chi phí này sẽ tăng lên.

Xem xét các khía cạnh của chi phí không chính thức năm 2022 tại các địa phương cho thấy vẫn còn nhiều dư địa cải cách. Đặc biệt khi kết quả DDCI năm 2022 củng cố thêm các hoạt động phòng chống tham nhũng đã đem lại những kết quả tích cực và bổ sung những chỉ dấu quan trọng để thúc đẩy cải cách. Và hơn hết, đẩy lùi chi phí không chính thức vẫn là một công cuộc “dài hơi” cần sự nỗ lực và bền bỉ của các cấp, các ngành.

4.2.6. Cạnh tranh bình đẳng

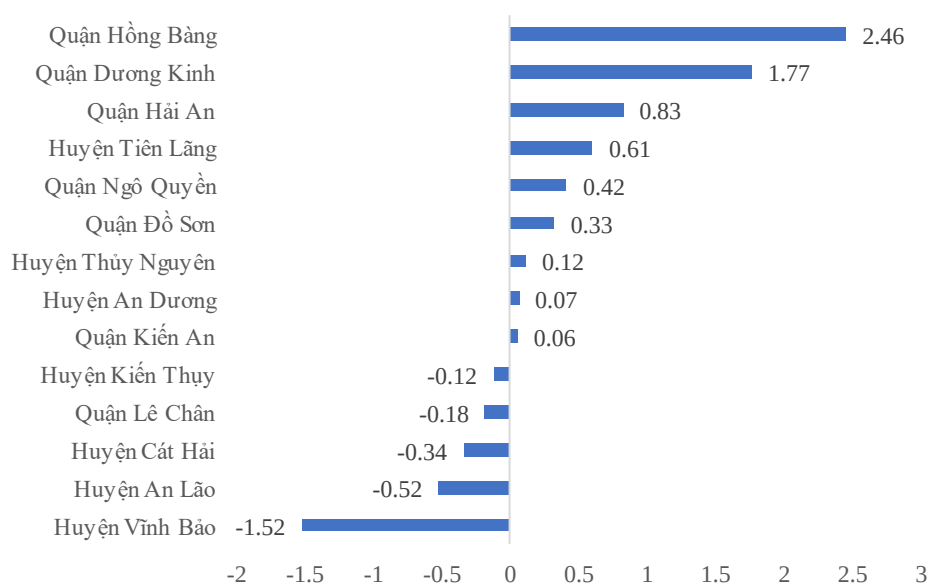
Một trong những nét chính nổi bật trong DDCI cấp địa phương là môi trường đầu tư, kinh doanh được đánh giá khá bình đẳng, cạnh tranh công bằng giữa các nhóm cơ sở SXKD. Năm 2022, điểm số trung bình của chỉ số này đạt mức điểm tốt là 8,32 điểm, cao hơn mức 8,13 điểm năm 2021. Gam màu điểm số vẫn giữ được màu xanh chủ đạo của nhóm xếp hạng tốt và rất tốt. Quận Dương Kinh, huyện Tiên Lãng và quận Hồng Bàng là 3 địa phương đứng đầu ở chỉ số này với trên 9 điểm. Xếp ngay sau là 5 địa phương trong nhóm tốt có quận Ngô Quyền, quận Đồ Sơn, quận Hải An, huyện An Dương và huyện Kiến Thụy. Có 6 địa phương ở nhóm điểm khá, trong đó quận Kiến An với 7,54 điểm, đứng vị trí cuối trên bảng xếp hạng. Khoảng cách điểm số giữa cơ quan đứng đầu và đứng cuối đã giảm từ 2,57 điểm năm 2021 xuống 2 điểm năm 2022, thể hiện xu hướng thu hẹp khoảng cách và cạnh tranh mạnh mẽ hơn về mặt điểm số của các địa phương.

Biểu đồ 4.20. Điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Biểu đồ 4.21. Mức thay đổi điểm số của CSTP cạnh tranh bình đẳng ở các địa phương trong năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

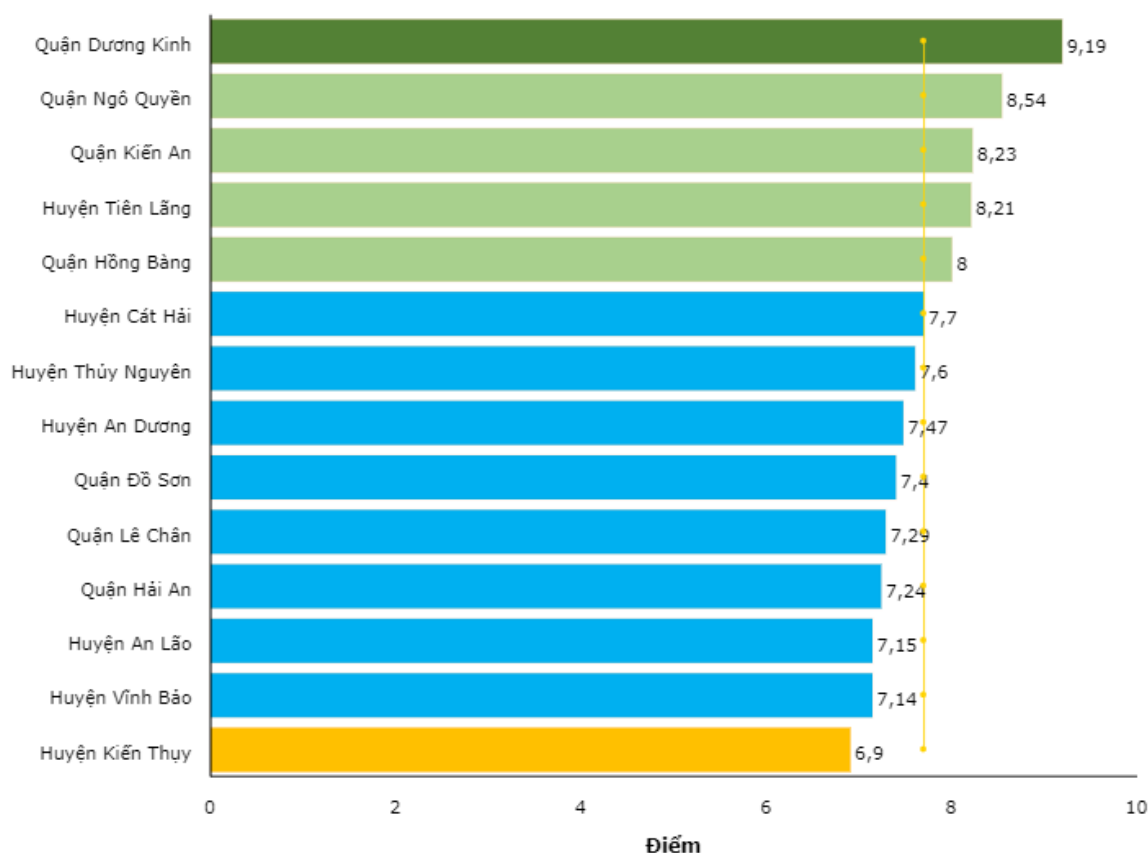
Những chuyển biến tích cực của chỉ số cạnh tranh bình đẳng được thể hiện qua phần lớn các địa phương đều có sự cải thiện về mặt điểm số. Nhiều địa phương ở nhóm cuối bảng xếp hạng năm 2021 nhưng năm 2022 đã có rất nhiều nỗ lực trong việc tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, được cộng đồng các cơ sở SXKD đánh giá tốt như quận Hồng Bàng tăng 2,46 điểm, từ vị trí cuối bảng năm 2021 vươn lên vị trí thứ 3 năm 2022, quận Dương Kinh tăng 1,77 điểm và quận Hải An tăng 0,83 điểm từ nhóm cuối bảng năm 2021 cũng thăng hạng lên nhóm dẫn đầu năm 2022. Ngược lại là những địa phương giảm điểm và giảm thứ hạng khi các HKD vẫn cảm thấy có sự ưu ái với một số nhóm DN, HKD lớn. Huyện Vĩnh Bảo giảm 1,52 điểm, huyện An Lão giảm 0,52 điểm, đây là 2 địa phương có mức giảm điểm khá nhiều, rời khỏi nhóm điểm số tốt xuống nhóm điểm số khá trong bảng xếp hạng.

DDCI Hải Phòng năm 2022 tiếp tục đánh giá chỉ số cạnh tranh bình đẳng dựa trên mức độ đồng ý về đối xử bình đẳng trong tiếp cận 4 tiêu chí cấu thành quan trọng gồm: tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ; thực hiện TTHC; giải quyết kiến nghị khó khăn và công tác thanh tra, kiểm tra. Đối xử bình đẳng này được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các cơ sở SXKD lớn, cơ sở SXKD thân hữu với chính quyền địa phương so với cơ sở SXKD vừa và nhỏ. Kết quả khảo sát DDCI năm 2022 tiếp tục xu hướng chuyển dịch tích cực theo thời gian khi điểm số của các chỉ tiêu này đều có cải thiện so với năm 2021. Tỷ lệ HKD đánh giá việc đối xử công bằng, bình đẳng trong tiếp cận các khía cạnh đánh giá đạt hơn 78%.

Các kết quả trên cho thấy sự ghi nhận của cộng đồng HKD đối với những tiến bộ của các cơ quan nhà nước ở địa phương về chất lượng cải thiện môi trường kinh doanh. Các địa phương cần tiếp tục duy trì những kết quả tích cực như vậy trong những năm tiếp theo.

4.4.7. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh

Biểu đồ 4.22. Điểm số CSTP hỗ trợ SXKD

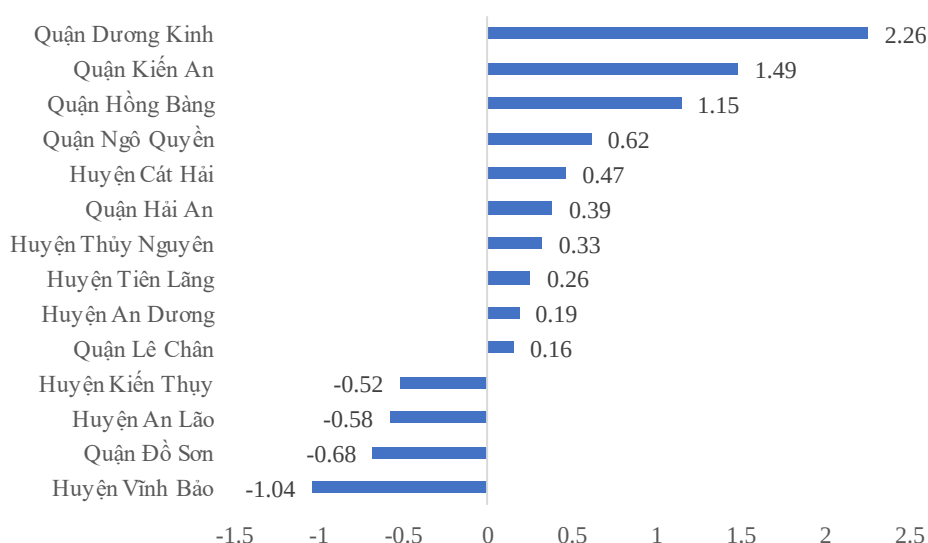


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Xu hướng nổi bật tiếp theo ghi nhận sự cải thiện của chỉ số hỗ trợ SXKD khi bức tranh tổng quát của chỉ số này tiếp tục giảm nhiệt, chuyển sang các gam màu xanh với nền điểm cao hơn. Số lượng địa phương thuộc nhóm điều hành tốt trở lên đã tăng từ 3 địa phương năm 2021 lên 5 địa phương trong năm 2022. Quận Dương Kinh với nhiều hoạt động hỗ trợ các HKD một cách hiệu quả đã vươn lên vị trí dẫn đầu và là địa phương duy nhất ở nhóm điểm số rất tốt, đạt 9,19 điểm. Tiếp theo là 4 địa phương trong phân bổ điểm số tốt gồm quận Ngô Quyền, quận Kiến An, huyện Tiên Lãng và quận Hồng Bàng. Phân bổ nhóm chất lượng khá trong khoảng điểm từ 7,1 - 7,7 điểm vẫn chiếm chủ đạo với 8 cơ quan, ngoại trừ huyện Kiến Thụy là địa phương duy nhất thuộc nhóm phân loại trung bình khá với 6,9 điểm. Với mức phân loại điểm khá rõ ràng như trên, không khó để nhận thấy sự chênh lệch về điểm số năm 2022 cao hơn so với các năm trước, thể hiện hiệu quả hỗ trợ SXKD đạt được thông qua cảm nhận của các HKD có sự khác biệt nhất định và nhóm địa phương đứng cuối cần nhiều nỗ lực cải thiện để có thể thay đổi tích cực các cảm nhận của các HKD.

Qua điều tra DDCI, hiệu quả hỗ trợ SXKD ở hầu hết các địa phương đều đã có sự cải thiện nhất quán theo thời gian. Đa số các địa phương ghi nhận điểm số năm 2022 tăng so với năm 2021. Quận Dương Kinh tăng 2,26 điểm, quận Kiến An tăng 1,49 điểm và quận Hồng Bàng tăng 1,15 điểm, đây là nhóm các địa phương có mức tăng trưởng điểm số cao nhất, đưa các địa phương này từ nhóm cuối bảng năm 2021 lên nhóm dẫn đầu năm 2022. Các địa phương còn lại với mức tăng duy trì đều đặn cũng giữ vững được thứ hạng ở nhóm giữa. Riêng 4 địa phương là huyện Kiến Thụy, huyện An Lão, quận Đồ Sơn và huyện Vĩnh Bảo giảm điểm so với năm 2021, do đó đã ảnh hưởng tới thứ hạng. Điều này phản ánh xu hướng chung đang diễn ra cải cách mạnh mẽ ở nhóm cuối bảng, trong khi nhóm đầu bảng đang có dấu hiệu chững lại hoặc vẫn đang tìm các giải pháp đổi mới hiệu quả.

Biểu đồ 4.23. Mức thay đổi điểm số của CSTP hỗ trợ SXKD ở các địa phương trong năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

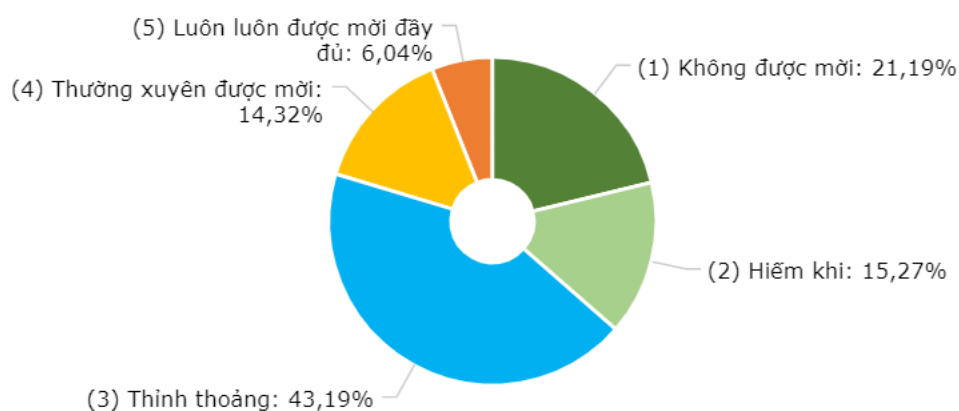
Một trong những nỗ lực nổi bật về cải cách hoạt động hỗ trợ SXKD là việc đẩy mạnh cung cấp thông tin triển khai các chương trình, sáng kiến hỗ trợ SXKD. Có 70,57% HKD cho biết các địa phương đã chủ động và tích cực cung cấp thông tin về các chương trình trên. Bên cạnh những địa phương được đánh giá cao thì một số địa phương cần cung cấp kịp thời và rộng rãi tới các HKD là huyện Kiến Thụy, huyện Cát Hải và huyện An Lão.

Trước ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, các cơ chế, chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất, kinh doanh sau đại dịch đã được triển khai liên tục và kịp thời. Các chính sách này đã có tác dụng hỗ trợ và thúc

đẩy xu hướng phục hồi tính cực của các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phân tích sâu về các hoạt động hỗ trợ SXKD, kết quả dữ liệu DDCI cũng cho thấy hiệu quả của hầu hết các hoạt động được các HKD đánh giá cao và ghi nhận. Cụ thể, hỗ trợ thuế (đạt 8,06 điểm), hỗ trợ vốn vay, tín dụng (8,03 điểm), hỗ trợ các trường hợp chịu ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (8,11 điểm) là những hoạt động được hơn 75% HKD đánh giá mang lại hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên, không phải tất cả các chính sách đều có hiệu quả và tác động nhanh chóng đến các HKD. Ở một số khía cạnh, DDCI vẫn ghi nhận nhiều hoạt động hỗ trợ cải thiện chậm và đánh giá kém hiệu quả hơn như khởi sự kinh doanh; xúc tiến thương mại, hỗ trợ liên kết, kết nối cung cầu, hỗ trợ tìm kiếm thị trường và hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, tuyển dụng lao động. Những nhóm giải pháp này được cho là thiếu vắng các giải pháp hỗ trợ cụ thể và tác động khó có thể thấy ngay trong thời gian ngắn hạn.

Năm 2022, mặc dù có những thành công đáng ghi nhận trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ SXKD, DDCI cũng chỉ ra một khía cạnh ít cải thiện nhất trong chỉ số này là tỉ lệ các HKD được mời tham gia các chương trình hỗ trợ SXKD ở các địa phương còn khá thấp, chỉ có hơn 20% HKD cho biết được mời tham gia đều đặn các chương trình này. Nguyên nhân một phần cũng được thể hiện qua việc các thủ tục để thụ hưởng vẫn còn phức tạp. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, thực tế thời gian qua cho thấy, chính sách tốt nhưng điều kiện nhiều bất cập, các HKD khó thụ hưởng. Ngoài ra, năng lực nội tại của phần lớn các HKD cũng khá hạn chế để tiếp nhận. Theo đó, để thúc đẩy các gói hỗ trợ, các cơ quan quản lý cần tiếp tục lắng nghe cộng đồng SXKD, có hệ thống giám sát, đánh giá kịp thời, có hướng dẫn cụ thể cho các HKD thực hiện. Việc cải thiện hiệu quả hỗ trợ sản xuất kinh doanh khó có thể thực hiện được chỉ trong “ngày một ngày hai” mà đòi hỏi phải có một nguồn lực lớn, cũng như nỗ lực phối hợp của các cấp, các ngành, địa phương và chính bản thân các cơ sở SXKD.

Biểu đồ 4.24. Tỉ lệ HKD được mời tham gia vào các chương trình hỗ trợ SXKD



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

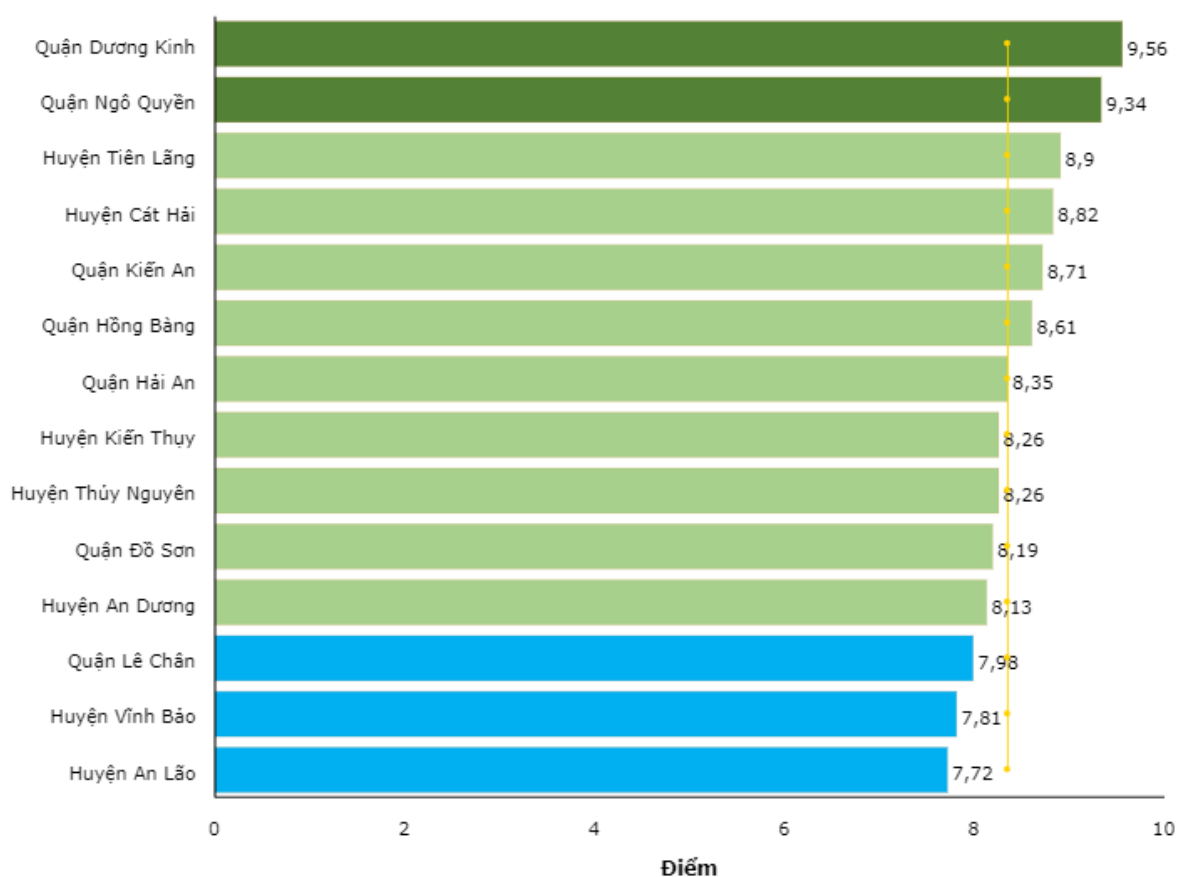
Năng lực cạnh tranh của mỗi cơ sở SXKD sẽ được cộng hưởng và gia tăng khi được chia sẻ đầy đủ trong sự kết nối với các hiệp hội ngành nghề, cũng như nhận được sự lắng nghe, hỗ trợ và tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, khó khăn của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, từ địa phương đến Trung ương. Sự quan tâm và cùng đồng hành, chia sẻ giá trị và trách nhiệm của các cơ quan quản lý với cộng đồng SXKD sẽ là yếu tố giúp triển khai các chính sách hỗ trợ SXKD mang lại tác động mạnh mẽ.

Như báo cáo đã đề cập ở trong chỉ số DDCI Sở, ban, ngành, ngoài những giải pháp hỗ trợ SXKD thì nâng cao chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng là gói hỗ trợ hiệu quả nhất và tốn ít chi phí nhất mà các cơ sở SXKD kì vọng ở các cơ quan nhà nước. Đây cũng là giải pháp căn bản, lâu dài, hiệu quả nhất về chi phí và cũng chính là nhiệm vụ chính trị của các cơ quan quản lý nhà nước mà Chính phủ đã giao cho các bộ, ngành và địa phương thực hiện liên tục từ năm 2014 tới nay thông qua những Nghị quyết số 19 và 02 hàng năm của Chính phủ.

4.4.8. Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế pháp lý và an ninh trật tự

Việc thực thi hiệu quả các quy định pháp luật cũng như việc giải quyết các vấn đề, khiếu nại, tố cáo nhanh chóng, thuận lợi và đúng pháp luật có thể giúp giảm đáng kể rủi ro và chi phí tuân thủ cho các cơ sở SXKD. Kết quả khảo sát HKD tại các địa phương cho thấy những tín hiệu tích cực ở chỉ số hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế. Điểm số trung bình của chỉ số này tiếp tục góp mặt trong nhóm CSTP đạt mức điểm tốt với 8,48 điểm năm 2022, tăng 0,24 điểm so với năm 2021. Bảng màu của chỉ số này cũng chuyển dần sang gam màu xanh với nhiều địa phương đã nằm trong nhóm chất lượng tốt hơn so với các năm trước. Hai địa phương được đánh giá tốt nhất ở chỉ số này là quận Dương Kinh và quận Ngô Quyền với trên 9 điểm. Nhóm chất lượng tốt có sự gia tăng thêm số lượng địa phương từ 8 địa phương năm 2021 lên 11 địa phương năm 2022. Với dải điểm từ 8,1 điểm - 8,9 điểm, đây là nhóm địa phương có điểm số cạnh tranh cao khi có mức chênh lệch điểm số thấp. Năm 2022 chỉ có 3 địa phương là quận Lê Chân, huyện Vĩnh Bảo và huyện An Lão ở nhóm khá nhưng điểm số đang tiệm cận khá gần với nhóm điểm số tốt. Trong thời gian tới, các địa phương này cần tập trung cải thiện chất lượng thực thi văn bản pháp luật và môi trường đầu tư kinh doanh thì khả năng đảo chiều là hoàn toàn có thể xảy ra khi huyện Vĩnh Bảo và huyện An Lão là những địa phương đã từng ở nhóm đầu bảng năm 2021.

Biểu đồ 4.25. Điểm số của CSTP hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự

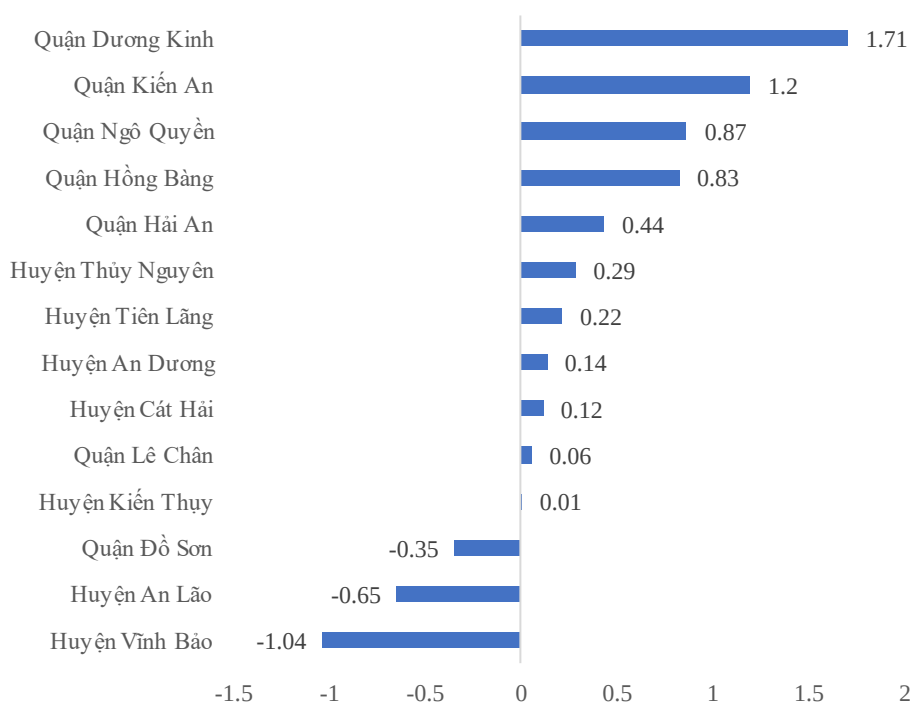


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

So với điểm số của năm 2021, kết quả khảo sát năm 2022 cho thấy những địa phương tăng thứ hạng nhanh chóng đều là các địa phương có nhiều cải thiện nhất, vươn lên từ nhóm giữa và cuối bảng năm 2021 lên nhóm dẫn đầu như quận Dương Kinh tăng 1,71 điểm, quận Kiến An tăng 1,2 điểm, quận Ngô Quyền và quận Hồng Bàng tăng hơn 0,8 điểm, cho thấy sự nỗ lực, quyết liệt cải thiện của các địa

phương này trong năm qua. Chỉ số này chỉ có 3 địa phương giảm điểm do cảm nhận của các HKD kém tích cực hơn so với năm 2021 là quận Đồ Sơn, huyện An Lão và huyện Vĩnh Bảo. Đây đều là nhóm các địa phương đứng đầu ở năm 2021 nhưng chưa duy trì được sự ổn định về mặt cải thiện chất lượng nên điểm số và thứ hạng bị ảnh hưởng. Điều này cũng cho thấy, các địa phương ở nhóm đầu bảng đối mặt với nhiều áp lực phải luôn cải cách không ngừng, nếu không sẽ rất dễ dàng bị bắt kịp.

Biểu đồ 4.26. Mức thay đổi điểm số của CSTP hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự ở các địa phương trong năm 2021-2022

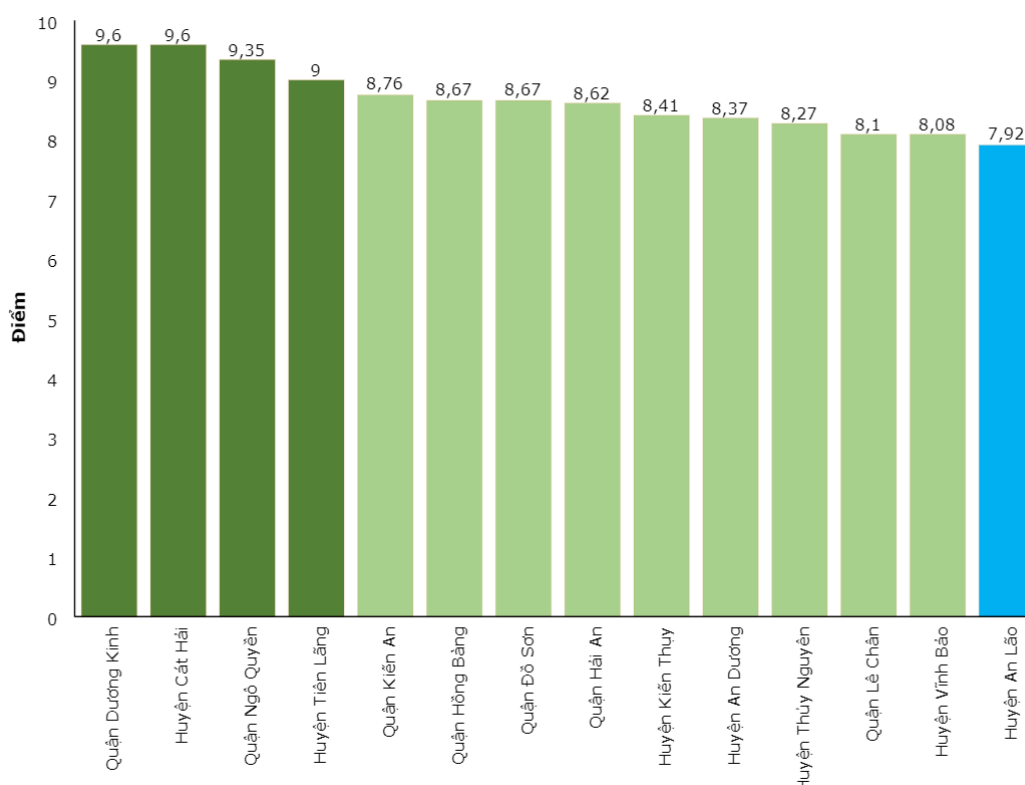


Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Đánh giá về hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật, có 81,56% HKD trả lời khảo sát ở mức hiệu quả và nghiêm minh và không có trường hợp nào đánh giá việc triển khai có sai phạm, kém hiệu quả. Bên cạnh những địa phương được đánh giá tốt thì một số địa phương cần nỗ lực cải thiện công tác triển khai các chính sách, văn bản pháp luật gồm huyện An Lão, huyện Vĩnh Bảo, quận Đồ Sơn và huyện Kiến Thụy, bởi vì nhiều HKD cho rằng mức độ triển khai mới chỉ đạt mức bình thường, thấp hơn so với các địa phương khác.

Mức độ hài lòng của các cơ sở SXKD về cơ chế giải quyết khiếu nại và tiếp dân có cải thiện. Có thể thấy, khi xem xét các khía cạnh trong diện đánh giá, các cơ sở SXKD tham gia khảo sát đánh giá tích cực về một số khía cạnh trong giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tỷ lệ HKD đồng ý với nhận định “cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, minh bạch, công bằng, không vượt cấp” đã tăng từ 82% năm 2021 lên 86,52% năm 2022. Tỷ lệ HKD đồng ý về nhận định “các cơ quan cấp quận, huyện luôn hỗ trợ pháp lý, có kênh/cơ chế tiếp nhận thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo” tăng lên 85,36% năm 2022 và 89,2% HKD cho biết hoạt động tiếp dân ở các quận, huyện tương đối hiệu quả. Các con số trên cho thấy niềm tin của các HKD về cơ chế giải quyết các vụ việc ngày càng được củng cố.

Biểu đồ 4.27. Điểm số của chỉ tiêu “UBND quận, huyện đã giải quyết hiệu quả các vụ việc liên quan tới an ninh trật tự”



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

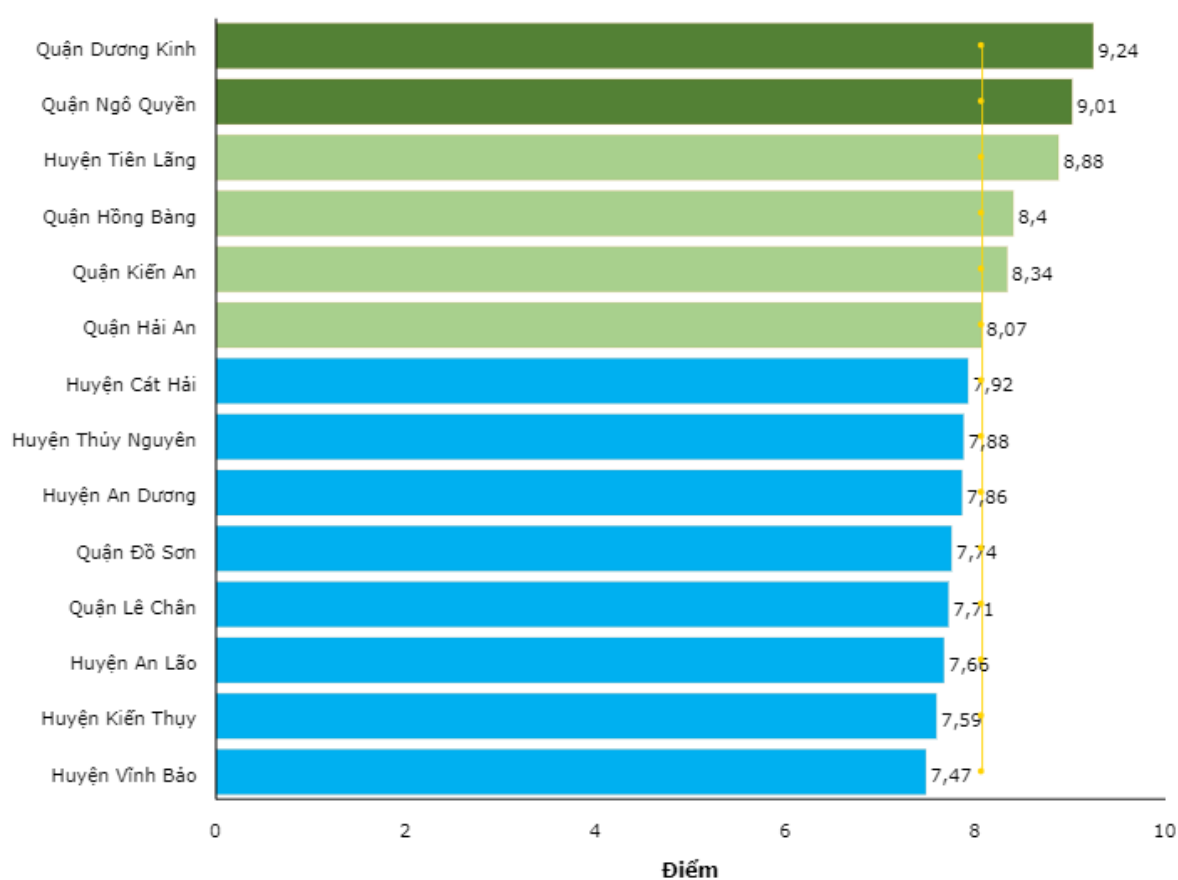
Môi trường an ninh trật tự cũng có sự cải thiện trong thời gian qua, theo đánh giá của các HKD. Cụ thể, tỉ lệ các HKD cho biết tình hình an ninh trật tự tại địa phương ổn định, không có các hiện tượng quấy nhiễu hoặc chi trả tiền cho các nhóm đối tượng là khoảng 92%. Chỉ còn một số địa phương cần quan tâm hơn nữa đến việc tạo điều kiện an ninh trật tự như huyện An Lão, huyện Vĩnh Bảo và quận Lê Chân.

4.4.9. Tiếp cận đất đai

Khả năng tiếp cận đất đai và địa điểm kinh doanh tại thành phố được cải thiện dần qua các năm. Năm 2020, CSTP này bắt đầu với mức điểm 7,81 điểm thì đến năm 2022, chỉ số này đã cải thiện đáng kể, tăng lên mức điểm tốt 8,13 điểm. Kết quả khảo sát DDCI năm 2022 vẫn cho thấy có những địa phương nổi bật lên ở chỉ số này so với các năm trước như quận Dương Kinh và quận Ngô Quyền đạt trên 9 điểm. Đây là 2 địa phương được đánh giá tiếp cận địa điểm kinh doanh tương đối thuận lợi và các TTHC về đất đai thực hiện dễ dàng hơn so với các địa phương khác. Nhóm địa phương có chất lượng chỉ số này ở nhóm tốt gồm huyện Tiên Lãng, quận Hồng Bàng, quận Kiến An và quận Hải An. Các địa phương còn lại ở nhóm khá với dải điểm từ 7,4 - 7,9 điểm. Điểm số của các địa phương tuy có sự phân cách lớn ở nhóm đứng đầu và đứng cuối bảng xếp hạng, nhưng nhìn chung khoảng cách này có thể thu hẹp lại trong thời gian tới nếu nhóm cuối bảng có nhiều cải thiện để nâng cao điểm số.

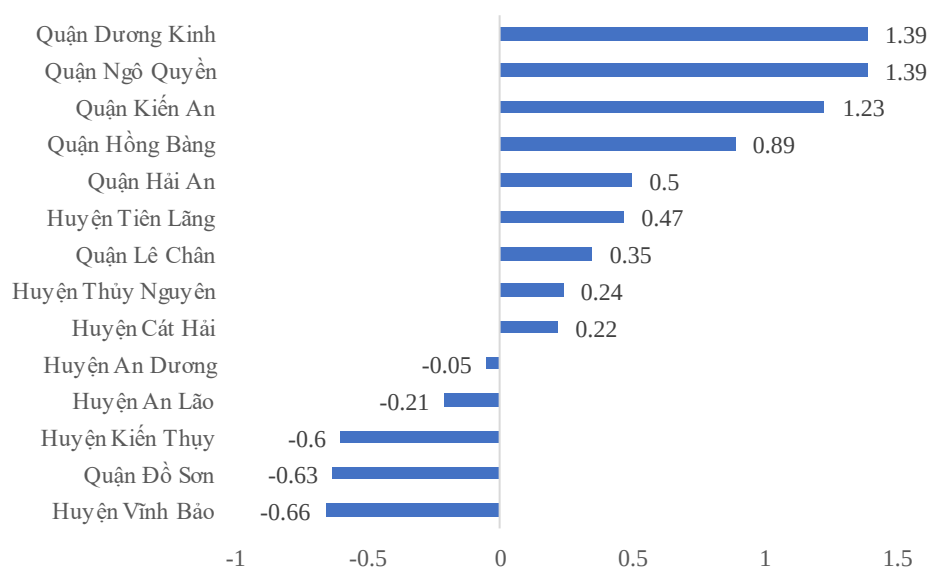
Chỉ số tiếp cận đất đai có cải thiện mạnh trong năm 2022 là do có nhiều địa phương tăng điểm đáng kể. Nhiều địa phương cải thiện tích cực ở chỉ số này là 4 quận Dương Kinh, Ngô Quyền, Kiến An và Hồng Bàng. Có 5 địa phương giảm điểm là huyện Vĩnh Bảo, quận Đồ Sơn, huyện Kiến Thụy, huyện An Lão và huyện An Dương. Việc giảm điểm này chủ yếu do các HKD nhận định khó khăn hơn trong tiếp cận đất đai so với các địa phương khác.

Biểu đồ 4.28. Điểm số CSTP tiếp cận đất đai



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

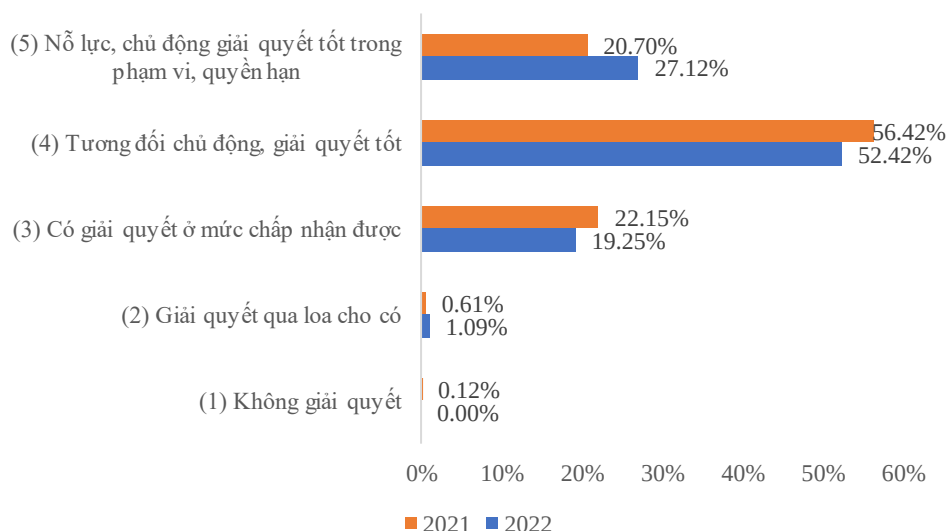
Biểu đồ 4.29. Mức thay đổi điểm số của CSTP tiếp cận đất đai ở các địa phương trong năm 2021-2022



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Đánh giá về mức độ thuận lợi để có được địa điểm kinh doanh, có 73,94% HKD cho biết tiếp cận địa điểm kinh doanh khá dễ dàng. Chỉ tiêu này đạt 7,97 điểm năm 2022, cao hơn 7,59 điểm năm 2021. Do phần lớn các HKD sử dụng mặt bằng của mình làm địa điểm sản xuất kinh doanh nên mức độ rủi ro bị thu hồi cũng khá thấp. Chỉ có khoảng 2% HKD cho rằng có khả năng bị thu hồi, giải tỏa, tập trung ở một số địa phương như huyện Vĩnh Bảo, quận Đồ Sơn, huyện An Lão và quận Dương Kinh.

Biểu đồ 4.30. Tỷ lệ HKD đánh giá tính chủ động của các địa phương trong giải quyết các vấn đề về đất đai



Nguồn: Cục Thống kê thành phố và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022

Các nội dung liên quan đến giải quyết các vấn đề về đất đai thuộc quản lý của các địa phương cũng có cải thiện đồng đều. Các HKD đánh giá tích cực về tính chủ động trong giải quyết các vướng mắc đất đai gây bức xúc ở địa phương (8,15 điểm); xác minh nguồn gốc đất đai thuận lợi (8,06 điểm) và thẩm định phương án bồi thường thỏa đáng (8,05 điểm). Hai khía cạnh khác cần các địa phương quan tâm hơn trong thời gian tới khi một số HKD cho biết vẫn gặp khó khăn trong thực hiện là tiếp cận quỹ đất sạch hoặc thuê đất tại các khu đất mới được quy hoạch và giải phóng mặt bằng chưa đúng tiến độ, nhanh chóng. Các địa phương ở nhóm cuối cùng nên lưu ý tới 2 chỉ tiêu này vì đây là các chỉ tiêu bị đánh giá còn nhiều hạn chế so với mặt bằng chung trong thành phố.

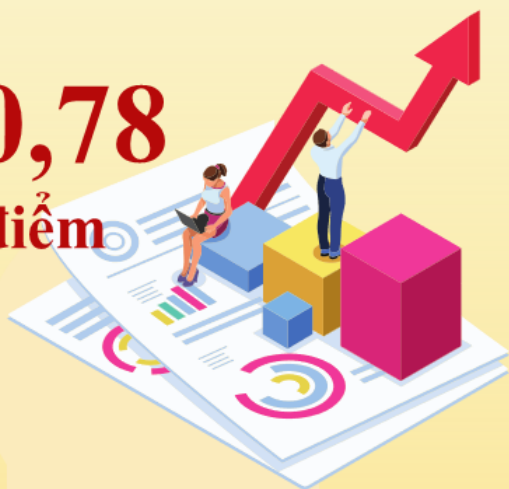
Chỉ số tiếp cận đất đai là một trong những chỉ dấu quan trọng tại các địa phương, là nền tảng cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điểm đến hấp dẫn, đáng tin cậy cho nhà đầu tư. Chỉ số này nếu được cải thiện liên tục sẽ góp phần giữ chân các nhà đầu tư và các cơ sở SXKD hoạt động hiệu quả, lâu dài tại các địa phương.



DDCI HẢI PHÒNG 2022

NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐỊA PHƯƠNG

80,78
điểm



Điểm số DDCI 2022
trung bình địa phương

Ngô Quyền

89,07
điểm

Dương Kinh

93,17
điểm



Tiên Lãng

85,94
điểm



CÁC CHỈ SỐ TĂNG ĐIỂM

Gia nhập thị trường, cấp
phép và thực hiện TTHC

Hiệu lực thực thi văn bản
chính sách, hiệu lực thiết
chế và ANTT



Tiếp cận đất đai

CÁC CHỈ SỐ CẦN CẢI THIỆN



Tính minh bạch và
ứng dụng CNTT



Hỗ trợ SXKD



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam (2015-2022), “*Báo cáo Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2015-2018 (SIPAS 2015-2018)*”.
2. CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP (2009-2021), “*Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2009-2020*”.
3. Chính phủ Việt Nam (2020a), Nghị quyết số 84/NQ-CP, ngày 29 tháng 5 “*Về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19*”
4. Chính phủ Việt Nam (2020b), Nghị quyết số 42/NQ-CP, ngày 09 tháng 4 “*Về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19*”
5. CIEM và ADB (2017), “*Chính thức hóa” hệ kinh doanh ở Việt Nam*”.
6. Cục Thống kê Hải Phòng (2019-2022), “*Niên giám thống kê Hải Phòng năm 2019-2022*”.
7. Cục Thống kê Hải Phòng (2010-2022), “*Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm 2010-2022*”.
8. Economica Vietnam (2018), “*Khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam: Năng suất và Thịnh Vượng*”
9. Edmund J. M. (2008), “*A Peek Under the Engine Hood: The Methodology of the Asia*”
10. GEM và VCCI (2016), “*Báo cáo về tinh thần khởi nghiệp toàn cầu - Việt Nam 2015/2016*”.
11. GSO (2005 - 2021), “*Niên giám thống kê các năm 2005-2021*”.
12. GSO (2012), “*Sự phát triển của doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2011*”, Nhà xuất Bản Thống kê
13. Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ (2018-2021), “*Báo cáo chỉ số Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính APCI 2018-2020*”
14. Lê Duy Bình (2017), “*Các yếu tố ảnh hưởng tới tích tụ vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam*”. Số 2, tháng Giêng, 2017 (465), tr. 63-71
15. Lê Duy Bình & Phạm Tiến Dũng (2017), “*Chuyển đổi hệ kinh doanh thành doanh nghiệp: Rào cản từ chi phí tuân thủ pháp luật, Báo Pháp luật Việt Nam*”, (36)163/9 – 2017
16. Lê Duy Bình (2017), “*Tác động của một số khoản nộp ngân sách đối tích tụ vốn tại doanh nghiệp, Tạp chí Tài chính, Bộ Tài chính, Hà Nội*”. Số 2 - tháng Giêng, 2017 (651), p 72-74
17. Lê Duy Bình (2017), “*Thúc đẩy tích tụ vốn tại các DNNVV trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành*”, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, CIEM, Số 82, Tháng 5 + 6/2017, tr. 14-25
18. MPI/ GSO (2015-2016), “*Báo cáo khảo sát lực lượng lao động*”, Tổng cục Thống kê/ Bộ KHĐT, Hà Nội, Việt Nam
19. Quốc hội Việt Nam (2020), Nghị quyết số 116/2020/QH14, ngày 19 tháng 6 “*Về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác*”
20. UBND thành phố Hải Phòng (2020-2021), “*Báo cáo kết quả năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương DDCI*”
21. UBND thành phố Hải Phòng (2015-2020), “*Báo cáo kinh tế - xã hội 2015-2021*”
22. UBND thành phố Hải Phòng (2020), “*Báo cáo tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, định hướng giai đoạn 2021-2030 của thành phố Hải Phòng*”
23. USAID/VNCI-VCCI (2006-2021), “*Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (2006-2021)*”. www.pcivietnam.org/reports.php
24. VCCI (2018-2021), “*Báo cáo dòng chảy pháp luật kinh doanh 2018-2021*”
25. VCCI (2021), “*Báo cáo thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư - đất đai - xây dựng - môi trường. Một số kết quả từ khảo sát doanh nghiệp năm 2020*”
26. VCCI (2021), “*Báo cáo nghiên cứu giải pháp cắt giảm gánh nặng chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp*”
27. VCCI (2021), “*Báo cáo: Chương trình cải cách môi trường kinh doanh Việt Nam: Góc nhìn từ doanh nghiệp*”
28. VCCI (2021), “*Báo cáo: Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về việc thực hiện thủ tục hành chính xuất nhập khẩu*”

29. VCCI (2021), “*Báo cáo: Tác động của dịch bệnh COVID-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam: Một số phát hiện chính từ điều tra*”
30. VCCI (2010-2017), *Báo cáo nghiên cứu MEI: Chỉ số hiệu quả hoạt động xây dựng và thị hành pháp luật về kinh doanh của các Bộ 2010-2017*
31. VCCI (2010-2019), “*Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam*”, NXB Chính trị Quốc gia
32. VCCI (2019), “*Báo cáo đánh giá cải cách thủ tục hành chính thuế*”, Hà Nội.
33. VCCI. (2020), “*Báo cáo đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp và thời gian thực hiện thủ tục hành chính qua cơ chế một cửa quốc gia*”, Hà Nội
34. World Bank (2018-2020), “*Doing Business 2018-2020*”
35. Bộ luật số: 45/2019/QH14, *Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019*
36. Luật số: 77/2015/QH13, *Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015.*
37. Luật số: 104/2016/QH13, *Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 04 năm 2016*
38. Luật số: 47/2019/QH14, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.*
39. Luật số: 20/VBHN-VPQH, *Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngày 15 tháng 07 năm 2020*

PHỤ LỤC

1. DDCI cấp Sở, ban, ngành

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở Xây dựng	Sở NN& PTNT	Sở GTVT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ-TB&XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT&TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BHXX TP		NHNN-HP
1-Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,82	7,31	7,24	7,22	7,27	7,43	7,47	7,43	7,26	7,54	7,42	7,55	7,11	7,9	7,63	7,2	7,53	7,33	7,75	7,49	8,09	7,47
B1. Tổng thời gian mà ông/ bà đã dành cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục gia nhập thị trường tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY là bao nhiêu lâu?	6,4	5,74	5,96	5,92	5,69	6,23	6,67	5,2	5,83	6,11	6,24	6,52	5,67	6,65	5,75	5,81	6,3	6,04	6,89	6,41	7,56	6,17
B2. Ông/bà bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ bao nhiêu lần rồi mới được chấp nhận là hồ sơ hợp lệ?	7,93	7,03	7,38	7,3	7,22	7,62	7,38	7,33	7,28	7,08	7,5	8,13	7,05	8,13	8,75	7,15	7,57	7,38	7,78	7,55	8,07	7,55
B8. Thời gian DN/HTX bỏ ra để hoàn thành TẤT CẢ các thủ tục cần thiết ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY (từ khi chính thức tìm hiểu thủ tục đến khi nhận được kết quả cuối cùng)?	7,26	6,8	6,36	6,75	6,51	7,09	6,86	6,4	6,68	7,18	6,92	7,23	6,33	7,33	7	6,7	7,29	7,02	7,51	7,17	7,93	6,97
B3N. Ông/bà đánh giá thế nào về việc hướng dẫn của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY khi yêu cầu DN phải làm việc với nhiều Sở, ban, ngành khác ngoài SỞ/BAN/NGÀNH	8,13	7,75	7,68	7,41	7,45	7,7	7,59	8,07	7,65	7,85	7,76	7,94	7,33	8,2	8,38	7,68	7,63	7,65	7,8	7,72	8,3	7,79

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở Xây dựng	Sở NN& PTNT	Sở GTVT	Sở KH& CN	Sở GD&ĐT	Sở LĐ-TB&XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT&TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BHXH TP		NHNN-HP
NÀY để bổ sung mới có thể hoàn tất hồ sơ?																						
B4. Ông/bà đánh giá tác động của những khó khăn khi thực hiện TTHC ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY đến kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp ông/bà?	7,66	7,06	7	7,22	7,49	7,5	7,38	7,4	7,3	7,5	7,42	7,06	7,51	7,35	7,5	7,01	7,4	7,31	7,53	7,13	7,71	7,36
B5. Chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX	8,34	8,06	7,82	7,67	7,92	7,74	7,9	8,27	7,74	8,19	7,84	7,75	7,49	8,45	7,88	7,83	8	7,77	8,19	7,95	8,36	7,96
B6. Thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX	8,51	8,06	7,93	7,74	7,92	7,73	8	8,47	7,77	8,23	7,84	8	7,71	8,52	7,88	7,75	8,03	7,78	8,12	7,99	8,5	8,02
B7. Quy trình, thủ tục giải quyết TTHC đúng như văn bản quy định	8,38	7,94	7,75	7,75	7,96	7,78	7,95	8,27	7,8	8,16	7,83	7,75	7,76	8,53	7,88	7,69	8	7,67	8,19	8	8,3	7,97
2-Tính minh bạch & ứng dụng công nghệ thông tin	7,72	7,34	6,99	7,07	6,99	7,18	7,34	7,13	7,24	7,51	6,98	7,08	7,52	7,74	7,94	7,33	7,48	7,4	7,73	7,47	7,61	7,37
B6. Ông/ bà hãy đánh giá mức độ thuận lợi khi tiếp cận với các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật; TTHC; cơ chế chính sách mới ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7,9	7,44	7,26	7,19	7,22	7,29	7,33	7,33	7,3	7,92	7,28	7,25	7,67	7,94	8,5	7,41	7,72	7,37	7,83	7,57	8,07	7,56

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỐ, BAN, NGÀNH																					TB
	Số KH&ĐT	Số Tài chính	Số TN& MT	Số Xây dựng	Số NN& PTNT	Số GTVT	Số KH& CN	Số GD& ĐT	Số LĐ-TB&XH	Số Công Thương	Số Tư pháp	Số TT&TT	Số Y tế	Số VH& TT	Số Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BHXH TP	NHNN-HP	
B7. Ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng công bố thông tin, hướng dẫn về thực hiện TTHC hoặc công việc có liên quan tại SỐ/BAN/NGÀNH NÀY?	8,08	7,69	7,29	7,52	7,32	7,47	7,74	7,87	7,58	8,12	7,36	7,31	7,77	8	8,63	7,65	7,8	7,58	7,99	7,75	8,14	7,74
B8. Nếu DN/HTX của ông/bà có yêu cầu SỐ/BAN/NGÀNH NÀY cung cấp thông tin, văn bản KHÔNG CÓ SẴN trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trực tiếp tại trụ sở thì ông/bà đánh giá thế nào về tính chủ động và kịp thời của SỐ/BAN/NGÀNH NÀY trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của ông/bà?	7,2	7,16	6,46	6,65	6,86	6,76	7,13	7,4	6,77	7,15	6,4	6,87	7,26	7,2	7,75	6,87	7,07	6,71	7,15	6,8	7,43	7
B9. Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: “DN/HTX của tôi KHÔNG cần phải có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để được thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng và giải quyết TTHC tại SỐ/BAN/NGÀNH này”?	7,44	7,19	6,88	7,03	7,16	6,91	6,87	6,73	6,82	7,13	7	6,75	7,26	8	7,63	6,81	7,34	6,7	7,14	6,8	7	7,08

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở Xây dựng	Sở NN& PTNT	Sở GTVT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ-TB&XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT&TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BHXX TP		NHNN-HP
B10. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ hữu ích của thông tin trên trang web của SỞ/BAN/NGÀNH này đối với DN/HTX trong việc tìm kiếm thông tin? (website có tên miền kết thúc bằng gov.vn)	8,01	7,81	7,65	7,53	7,33	7,57	7,69	7,47	7,74	7,65	7,28	6,97	7,72	7,93	8,38	7,53	7,85	7,78	7,95	7,53	7,93	7,68
B11. Mức độ thực hiện TTHC trực tuyến/ứng dụng phương thức mới của ông/bà khi thực hiện TTHC ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7,58	7	6,65	6,53	6,16	6,99	7,38	5,8	7,17	7,06	6,5	7,16	7,38	7,61	6,93	7,71	7	7,91	7,95	8,09	7,11	7,13
B12. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ ứng dụng CNTT/sử dụng nhiều phương thức mới, các xu thế của kinh tế số, chuyển đổi số, công nghiệp 4.0 (hỏi đáp trực tuyến trên trang web, email, MXH, hotline hỗ trợ...) để công khai thông tin và giải đáp thắc mắc/ ý kiến/ tham vấn của các DN/HTX tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7,55	6,71	6,43	6,69	6,49	6,97	7,03	6,6	6,96	7,04	6,48	7,06	7,02	7,33	7,38	7,07	7,28	7,45	7,77	7,49	7,36	7,05
B14. Ông/bà đánh giá mức độ minh bạch thông tin khi SỞ/BAN/NGÀNH NÀY ứng dụng CNTT để DN/HTX tra cứu	8,01	7,69	7,3	7,44	7,39	7,5	7,54	7,87	7,56	8	7,5	7,25	8,09	7,94	8,38	7,56	7,75	7,7	8,08	7,74	7,85	7,72

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở Xây dựng	Sở NN& PTNT	Sở GTVT	Sở KH& CN	Sở GD&ĐT	Sở LĐ-TB&XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT&TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BHXH TP		NHNN-HP
tình trạng và tiến độ xử lý hồ sơ?																						
3-Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,85	7,57	7,28	7,26	7,14	7,19	7,6	7,73	7,56	7,61	7,43	7,15	7,57	7,85	7,99	7,49	7,59	7,32	7,54	7,29	7,91	7,52
B17. “Thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các DN/HTX”	8,28	8,2	7,68	7,86	7,69	7,64	8,15	8,2	7,97	8,08	7,92	7,63	7,81	8,32	8,25	7,97	7,9	7,8	8	7,87	8,21	7,97
B18. “Khi quy định của Trung ương và thành phố chưa rõ ràng, SỞ/BAN/NGÀNH NÀY rất sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định, giải quyết các vấn đề phát sinh mới và tham mưu UBND thành phố các đề xuất phù hợp”	8,33	7,74	7,61	7,77	7,56	7,6	7,9	8,07	7,87	8	7,6	7,5	7,77	8,06	8,25	7,63	7,93	7,62	7,89	7,74	8,14	7,84
B19. “Không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ hay đùn đẩy trách nhiệm khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND thành phố và cấp TW”	8,42	8	7,65	7,78	7,65	7,7	7,9	8,4	7,98	8,04	7,84	7,94	7,81	8,26	8,38	8	8,09	7,78	8,04	7,89	8,21	7,99
B23. Ông/ bà đã bao giờ được mời tham gia góp ý kiến về các chính sách, quy	5,03	5,19	5,23	4,41	4,4	4,54	5,84	4,87	5,15	5,24	5,25	4,38	5,9	5,03	5,5	5,31	5,34	4,97	5,01	4,45	6,22	5,11

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỐ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Số KH&ĐT	Số Tài chính	Số TN& MT	Số Xây dựng	Số NN& PTNT	Số GTVT	Số KH& CN	Số GD& ĐT	Số LĐ-TB&XH	Số Công Thương	Số Tư pháp	Số TT&TT	Số Y tế	Số VH& TT	Số Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BHXH TP		NHNN-HP
hoạch, kế hoạch phát triển của SỐ/BAN/NGÀNH NÀY?																						
B20. “Việc thực hiện chủ trương, chính sách của ngành, thành phố trong việc tạo thuận lợi cho DN hoạt động là ổn định, nhất quán”	8,44	8,13	7,82	7,89	7,41	7,73	8,11	8,4	8,08	8,04	8,08	8	7,81	8,39	8,25	7,9	8	7,79	8,01	7,91	8,14	8,02
B21. “Lãnh đạo SỐ/BAN/NGÀNH NÀY thể hiện tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm trong việc thực thi các quy định, chính sách và tiên phong thực hiện cải cách”	8,41	7,94	7,61	7,84	7,65	7,7	8,05	8,2	8,06	8,04	7,75	7,56	7,77	8,13	8,38	7,88	8,01	7,72	8,07	7,87	8,21	7,95
B22. “Lãnh đạo SỐ/BAN/NGÀNH NÀY đã giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý các trường hợp gây nhiễu nhiễu, khó khăn cho các cơ sở SXKD”	8,37	7,73	7,53	7,82	7,63	7,66	7,95	8,21	8,05	8,04	7,75	7,63	7,76	8,33	8,5	7,78	8	7,75	8,03	7,82	8	7,92
B24. Ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng của các cuộc đối thoại, tham gia ý kiến của các SỐ/BAN/NGÀNH NÀY?	7,41	7,38	6,89	6,63	6,83	6,77	6,95	7,31	7,24	7,29	7,17	6,52	7,53	7,86	7,87	7,15	7,27	6,93	7,15	6,72	7,64	7,17
B25. Mức độ tin tưởng và ủng hộ của ông/bà đối với lãnh đạo của SỐ/BAN/NGÀNH	7,94	7,86	7,48	7,32	7,4	7,41	7,58	7,93	7,65	7,72	7,52	7,19	7,95	8,27	8,5	7,75	7,73	7,49	7,69	7,36	8,36	7,72

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																					TB
	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính	Sở TN&MT	Sở Xây dựng	Sở NN&PTNT	Sở GTVT	Sở KH&CN	Sở GD&ĐT	Sở LĐ-TB&XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT&TT	Sở Y tế	Sở VH&TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BHXH TP	NHNN-HP	
NÀY trong quá trình điều hành, cải thiện môi trường kinh doanh?																						
4-Chi phí TG thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	8,37	8,08	7,73	7,81	7,8	8,12	7,96	7,97	7,85	8,09	7,86	7,64	7,82	8,27	8,66	7,95	7,94	7,92	8,03	7,86	8,3	8
B26. Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian thực hiện TTHC tại SỞ, BAN, NGÀNH này so với quy định?	7,79	7,44	7,3	7,14	7,41	7,55	7,74	7,67	7,32	7,81	7,36	7,31	7,38	8,06	8	7,49	7,62	7,26	7,67	7,3	8,14	7,56
B30. Ông/bà đánh giá chung thế nào về các nỗ lực cải cách, sáng kiến của SỞ/BAN/NGÀNH này nhằm giảm bớt chi phí thời gian cho DN/HTX khi tuân thủ các quy định pháp luật (ví dụ như thực hiện TTHC, dịch vụ công, nộp báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định...)?	8,61	8,75	8,14	8,19	8,12	8,37	8,31	8,29	8,39	8,46	8,32	8,13	8,33	8,77	9,13	8,52	8,38	8,55	8,58	8,59	8,57	8,45
B31. Số lần thanh tra, kiểm tra RIÊNG của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY mà ông/bà phải tiếp trong năm vừa qua? (Thanh tra, kiểm tra bao gồm các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được thông báo trước, kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên ngành)	9,07	8,45	8,25	8,84	8,53	9,15	8,58	8,07	8,17	8,78	8,5	9,03	7,63	8,59	8,93	8,04	8,2	8,67	8,77	8,75	8,64	8,55

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỐ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Số KH&ĐT	Số Tài chính	Số TN& MT	Số Xây dựng	Số NN& PTNT	Số GTVT	Số KH& CN	Số GD&ĐT	Số LĐ-TB&XH	Số Công Thương	Số Tư pháp	Số TT&TT	Số Y tế	Số VH& TT	Số Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BHXH TP		NHNN-HP
B32. Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian của 1 đợt thanh tra, kiểm tra thực tế so với thời gian trong quyết định (QĐ) thanh tra, kiểm tra do SỐ/BAN/NGÀNH này ban hành?	7,93	6,86	6,57	7,05	6,37	7,69	6,7	8,09	6,67	7,44	7,13	6,57	7,5	8,29	8,67	7,42	7,49	6,76	7,24	7,05	7,6	7,29
B33. Theo kinh nghiệm của mình và quan sát từ các trường hợp từng bị thanh tra, kiểm tra, ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng của các hoạt động thanh tra, kiểm tra của SỐ/BAN/NGÀNH này?	8,05	7,64	7,56	7,17	7,48	7,86	7,6	7,62	7,56	7,84	7,63	6,46	7,89	7,74	8,55	7,51	7,58	7,18	7,3	6,97	8	7,58
B34. Theo quan sát và kinh nghiệm của mình, ông/bà đánh giá về tình trạng các cuộc thanh tra, kiểm tra của SỐ/BAN/NGÀNH NÀY tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều cho các DN/HTX?	8,52	8,09	8	8,16	8,29	8,41	8,32	8,5	8,51	8,48	8	7,54	8,22	7,81	9,67	8,54	8	8	8	7,84	8,6	8,26
B27. Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến là dễ dàng và đơn giản	8,41	8,25	7,86	7,8	7,8	7,97	8,1	7,87	8	7,69	7,6	8	7,72	8,32	8,13	8,07	8	8,13	8,15	8	8,22	8
B28. Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến tiết kiệm thời gian và chi phí so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	8,52	8,56	8,07	7,95	8,16	8,04	8,15	7,8	8,08	8,15	8,24	8	7,86	8,47	8,38	8,15	8,13	8,4	8,34	8,24	8,44	8,2

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																					TB
	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở Xây dựng	Sở NN& PTNT	Sở GTVT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ-TB&XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT&TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BHXX TP	NHNN-HP	
B29. Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến giúp DN/HTX không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh theo phương thức truyền thống	8,44	8,65	7,86	7,95	8,04	8,06	8,16	7,87	7,97	8,12	8	7,75	7,81	8,39	8,5	7,85	8,04	8,32	8,27	7,95	8,48	8,12
5-Chỉ phí không chính thức	8,6	8,31	8,21	8,19	8,21	8,25	8,37	7,96	8,28	8,57	8,38	8,52	8,09	8,58	8,95	8,48	8,3	8,28	8,44	8,41	8,59	8,38
B35. Ông/ bà đánh giá như thế nào về mức độ phổ biến của chỉ phí không chính thức (chỉ phí lót tay, chỉ phí khác ngoài quy định của Nhà nước, ví dụ như chỉ phí gặp gỡ riêng lãnh đạo/cán bộ để triển khai dự án/hoạt động kinh doanh thuận lợi, khoản hoa hồng trích lại trong các gói thầu Nhà nước) mà các DN/HTX cùng ngành như DN/HTX của ông/bà phải bỏ ra tại SỞ/BAN/NGÀNH này?	8,68	8,69	8,48	8,37	8,63	8,53	8,82	8,48	8,55	9,19	8,64	8,94	8,19	8,73	9,5	8,84	8,54	8,39	8,55	8,68	8,96	8,68
B36. Trong năm qua, ông/bà phải bỏ ra bao nhiêu phần trăm trong tổng thu nhập của cơ sở để chi các khoản không chính thức cho cán bộ của SỞ/BAN/NGÀNH này?	9,49	9,44	9,15	9,24	9,39	9,47	9,38	8,9	9,33	9,73	9,17	9,38	9,19	9,45	9,88	9,51	9,37	9,27	9,28	9,55	9,21	9,37

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỐ, BAN, NGÀNH																					TB
	Số KH&ĐT	Số Tài chính	Số TN& MT	Số Xây dựng	Số NN& PTNT	Số GTVT	Số KH& CN	Số GD& ĐT	Số LĐ-TB&XH	Số Công Thương	Số Tư pháp	Số TT&TT	Số Y tế	Số VH& TT	Số Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BHXH TP	NHNN-HP	
B37. Theo ông/bà, nếu một DN/HTX đã chi khoản chi phí không chính thức, công việc có được giải quyết đúng như họ mong muốn không?	7,35	6,21	6,41	6,63	6,35	6,68	7	6,52	6,58	6,65	7	7,54	6,45	7,33	7,07	6,65	6,72	6,73	7,01	6,67	7,09	6,79
B38. Theo ông/bà, xu thế tăng/giảm chung về chi phí không chính thức phải chi trả khi thực hiện các TTHC hoặc các công việc liên quan tại SỐ/BAN/NGÀNH NÀY có thay đổi như thế nào trong năm vừa qua?	8,88	8,9	8,79	8,5	8,47	8,33	8,26	7,93	8,65	8,69	8,7	8,23	8,55	8,79	9,38	8,91	8,57	8,73	8,91	8,74	9,08	8,67
6-Cạnh tranh bình đẳng	7,8	7,69	7,23	7,04	7,37	7,16	8	7,07	7,34	7,71	7,12	7,33	7,02	7,56	8,41	7,54	7,66	6,89	7,26	7,21	7,98	7,45
B40. “SỐ/BAN/NGÀNH NÀY ưu ái thực hiện TTHC đối với DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền so với DN nhỏ và vừa”.	7,85	7,63	7,19	7,02	7,22	7,12	8	7,13	7,31	7,73	7,2	7,31	6,98	7,55	8,38	7,51	7,68	6,9	7,24	7,22	7,93	7,43
B41. “Thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ ở SỐ/BAN/NGÀNH NÀY chỉ rơi vào tay các DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền”	7,73	7,56	7,23	6,97	7,33	7,09	7,95	6,87	7,32	7,65	6,88	7,38	7,02	7,61	8,25	7,51	7,63	6,85	7,22	7,17	8	7,39
B42. “SỐ/BAN/NGÀNH NÀY luôn ưu tiên giải quyết kiến nghị, khó khăn đối với DN FDI, DN lớn, DN thân hữu	7,77	7,75	7,16	7,05	7,37	7,26	8	7	7,3	7,65	7,12	7,31	6,98	7,48	8,5	7,55	7,66	6,88	7,25	7,25	8	7,44

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																					TB
	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính	Sở TN&MT	Sở Xây dựng	Sở NN&PTNT	Sở GTVT	Sở KH&CN	Sở GD&ĐT	Sở LĐ-TB&XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT&TT	Sở Y tế	Sở VH&TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BHXH TP	NHNN-HP	
với chính quyền so với DN nhỏ và vừa”.																						
B43. “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY thường “nhẹ tay” trong công tác thanh tra, kiểm tra với DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền so với DN nhỏ và vừa.”	7,85	7,81	7,36	7,12	7,57	7,16	8,05	7,27	7,44	7,8	7,28	7,31	7,12	7,61	8,5	7,61	7,67	6,95	7,35	7,19	8	7,52
7-Hỗ trợ SXKD	7,44	7	6,79	6,66	6,93	6,86	7,28	7,2	7,19	7,32	7,38	6,37	7,22	7,1	7,95	7,19	7,29	6,96	7,2	6,96	7,68	7,14
B43. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ cung cấp thông tin triển khai các chương trình, chính sách, sáng kiến, hoạt động (của trung ương và thành phố) dành riêng cho hỗ trợ các DN/HTX của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7,8	7,61	7,13	7,31	7,37	7,51	7,49	7,67	7,61	8,08	7,76	6,9	7,81	7,87	8,5	7,75	7,66	7,41	7,72	7,6	8,36	7,66
B44. Trong năm vừa qua, ông/bà có hay được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN/HTX (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách vay vốn...) do SỞ/BAN/NGÀNH NÀY tổ chức?	5,47	5,55	5,49	4,77	5,02	5,05	6,37	6	5,8	5,88	6,67	4,26	6,33	5,52	6,67	6,15	5,76	5,61	5,51	5,4	6,74	5,72

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở Xây dựng	Sở NN& PTNT	Sở GTVT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ-TB&XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT&TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BHXH TP		NHNN-HP
B46. Tác động của các chương trình hỗ trợ ở SỞ/BAN/NGÀNH này tới nâng cao hoạt động SXKD của DN/HTX	8,02	7,4	7,14	7,1	7,49	7,28	7,64	7,67	7,61	7,58	7,52	6,94	7,26	7,8	8,25	7,44	7,61	7,3	7,81	7,39	7,85	7,53
B47. Các biện pháp hỗ trợ trong các trường hợp chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như Covid-19)	8,19	7,53	7,25	7,27	7,57	7,29	7,64	7,47	7,71	7,81	7,58	7,06	7,3	7,87	8,13	7,62	7,73	7,44	7,78	7,51	8,07	7,61
B48. Các chương trình, chính sách cho DNNVV, DN/HTX do phụ nữ, nhóm người yếu thế làm chủ và khuyến khích các mô hình kinh tế mới, chuyển đổi mô hình kinh doanh	8,1	7,73	7,12	7,22	7,61	7,32	7,69	7,67	7,6	7,58	7,65	6,9	7,21	7,93	8,13	7,35	7,75	7,41	7,74	7,36	8	7,57
B45. Ông/bà đánh giá thế nào về thủ tục để được hưởng các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7,03	6,19	6,61	6,3	6,53	6,73	6,82	6,73	6,78	7,02	7,08	6,13	7,43	5,63	8	6,81	7,2	6,59	6,61	6,48	7,08	6,75
8-Hiệu quả thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	8,16	7,64	7,53	7,42	7,7	7,6	7,93	7,73	7,76	7,99	7,79	6,96	7,9	8,16	8,2	7,76	7,84	7,64	7,88	7,68	8,17	7,78
B49. Ông/bà đánh giá thế nào về hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật do SỞ/BAN/NGÀNH NÀY triển khai và thực thi?	8,07	7,63	7,46	7,31	7,72	7,49	7,9	7,6	7,59	7,92	7,76	7	8,05	7,94	7,88	7,68	7,78	7,67	7,93	7,57	8,14	7,72

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở Xây dựng	Sở NN& PTNT	Sở GTVT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ-TB&XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT&TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BHXH TP		NHNN-HP
B50. Ông bà đánh giá thế nào về hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật được SỞ/BAN/NGÀNH NÀY triển khai trong thời gian qua?	8,05	7,44	7,46	7,31	7,56	7,54	7,95	7,8	7,54	8	7,76	6,58	8,14	8,13	8,38	7,66	7,84	7,65	7,84	7,7	8,07	7,73
B51. “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY luôn hỗ trợ pháp lý, có kênh/cơ chế tiếp nhận thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo cho các DN/HTX khi họ có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm”	8,25	7,61	7,65	7,55	7,8	7,67	7,95	7,67	7,95	7,92	7,76	7,13	7,77	8,13	8,13	7,85	7,77	7,57	7,85	7,7	8,29	7,81
B53. “Cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, minh bạch, công bằng, không phải khiếu nại vượt cấp”	8,24	7,87	7,54	7,49	7,8	7,69	7,95	7,67	7,87	8	7,84	7,19	7,77	8,41	8,38	7,83	7,88	7,65	7,9	7,73	8,21	7,85
B52. “Hoạt động tiếp và đối thoại DN, HTX của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY hiệu quả”	8,17	7,68	7,51	7,45	7,61	7,61	7,9	7,93	7,84	8,12	7,84	6,9	7,77	8,2	8,25	7,81	7,94	7,65	7,89	7,68	8,14	7,8
Tổng	7,97	7,62	7,37	7,33	7,43	7,47	7,74	7,53	7,56	7,79	7,54	7,32	7,53	7,9	8,22	7,62	7,7	7,47	7,73	7,54	8,04	7,64

2. DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Đương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Đương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
1-Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	8,09	9,01	7,53	8,15	8,16	7,63	9,32	7,9	7,4	6,93	7,26	8,37	7,32	8,1	7,94
B1. Tổng thời gian mà ông/bà đã dành cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục hành chính (lần đầu hoặc điều chỉnh) là bao lâu?	7,16	7,48	7,5	7,82	7,48	7,93	7,71	7,19	6,24	6,2	6,35	8,1	7,41	5,13	7,12
B2. Ông/bà bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ bao nhiêu lần rồi mới được chấp nhận là hồ sơ hợp lệ?	8,8	9,18	8,04	8,62	7,06	9	8,51	7,81	6,72	6,88	7,87	8,52	7,95	7,87	8,06
B3. Đăng kí kinh doanh	7,87	9,38	7,49	8,13	8,86	7	9,65	8,15	8,29	7,2	8,29	8,87	7,12	8,4	8,19
B5. Xây dựng như giấy phép xây dựng (trong thẩm quyền của quận, huyện)...	7,69	8,93	7,19	7,75	8,04	6,73	9,65	7,78	7,31	6,52	7,16	8,48	7,01	8,6	7,78
B6. Giấy chứng nhận thực hiện các quy định an toàn thực phẩm	8,04	9,37	7,4	8,1	8,48	7,27	9,65	7,98	7,4	6,8	7,11	8,68	7,2	8,6	8,01
B7. Công Thương như giấy phép kinh doanh/giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành nghề có điều kiện thuộc lĩnh vực công thương (như sản xuất kinh doanh rượu, bia, thuốc lá, khí dầu mỏ, hóa lỏng...)...	7,82	9,4	7,33	8,21	8,64	7,33	9,65	8	7,71	6,68	7,03	8,42	7,2	8,47	7,99
B8. Tài nguyên-MT như giấy phép thực hiện các quy định về TN-MT...	7,78	9,05	7,29	8,06	7,96	7,33	9,54	7,82	6,37	6,52	6,9	7,74	6,51	8,47	7,67

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG														TB
	Quận Hong Bàng	Quận Ngô Quyên	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Đương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Đương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B15. Thời gian ông/bà bỏ ra để hoàn thành TẤT CẢ các thủ tục cần thiết (từ khi chính thức tìm hiểu thủ tục đến khi nhận được kết quả cuối cùng)?	8,13	8,23	6,82	7,87	7,63	8,33	8,11	7,76	6,88	7,1	5,26	7,74	7,76	7,13	7,48
B4. Đất đai - địa chính	7,6	8,93	7,12	7,66	6,88	6,67	9,37	7,54	5,91	5,92	6,06	7,19	5,89	8,4	7,22
B9. Nông nghiệp	8,04	9,39	7,4	8,22	8,88	7,8	9,65	8,15	7,63	6,96	7,75	8,52	7,55	8,48	8,17
B10. Văn hóa - thể thao - du lịch	8	9,42	7,36	8,27	9,04	7,8	9,65	8,17	7,8	7	7,77	8,77	7,44	8,48	8,21
B11. Chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với các cơ sở SXKD	8,84	9,4	8,02	8,59	8,72	7,73	9,77	8,24	8,26	7,36	7,94	8,84	7,68	9	8,46
B12. Thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với các cơ sở SXKD	8,76	9,48	8,23	8,49	8,2	8,07	9,77	8,27	8,49	7,52	8,1	8,77	7,76	9,07	8,5
B13. Quy trình, thủ tục giải quyết TTHC đúng như văn bản quy định	8,71	9,5	8,27	8,58	8,4	8,07	9,76	8,37	8,43	7,48	8,1	8,93	7,65	9	8,52
B14. Ông/bà đánh giá tác động của những khó khăn khi thực hiện TTHC ở quận/huyện này đến kế hoạch kinh doanh của ông/bà?	8,04	7,98	7,52	7,95	8,16	7,4	9,33	7,25	7,54	7,8	7,21	7,9	7,71	6,33	7,72
2-Tính minh bạch & ứng dụng công nghệ thông tin	7,85	8,76	7,4	7,02	7,74	6,91	9,06	7,23	6,62	6,59	6,11	7,71	6,76	7,41	7,37
B11. Văn bản quy phạm pháp luật; TTHC; cơ chế chính sách mới	8,62	9,4	7,64	8	8,8	7	9,6	7,89	7,34	7	6,61	8,48	7,31	8,27	8

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG														TB
	Quận Hong Bàng	Quận Ngô Quyên	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Đương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Đương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B12. Bản đồ, quy hoạch sử dụng đất của quận/huyện, với các thông tin công khai về giải tỏa và giá đền bù trong giải phóng mặt bằng	8,13	9,3	7,5	6,93	7,04	7,07	9,65	7,69	6,17	6,96	6,06	8,1	7,09	6,93	7,47
B13. Dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công do quận, huyện quản lý	8,09	9,28	7,29	6,4	7,08	6,93	9,65	7,47	5,71	6,92	5,21	8,2	6,75	7,13	7,29
B14. Ngân sách, đặc biệt là các khoản đóng góp của cơ sở SXKD	8,58	9,3	7,42	6,62	7,2	7	9,65	7,29	5,4	7	4,94	8,19	6,75	8,48	7,42
B15. Ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng công bố thông tin, hướng dẫn về thực hiện TTHC hoặc công việc có liên quan ở quận, huyện mình?	8,53	9,32	8,02	8,18	8,86	7,6	9,41	8,13	7,53	7,59	7,61	8,71	7,55	8,4	8,25
B16. Nếu cơ sở SXKD của ông/bà có yêu cầu chính quyền quận, huyện cung cấp thông tin, văn bản KHÔNG CÓ SẴN trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trực tiếp tại trụ sở thì ông/bà đánh giá thế nào về tính chủ động và kịp thời của chính quyền trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của ông/bà?	8,53	7,98	7,07	7,38	7,2	6,67	9,26	7,49	7,13	6,48	7,24	7,06	6,64	7,07	7,37
B17. Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: “Cơ sở SXKD của tôi KHÔNG cần phải có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để được thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin,	8,58	8	7,66	7,82	8,6	6	9,09	7,93	7,56	7	7,24	7,71	6,83	7,33	7,67

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyên	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Đương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Đương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
tài liệu quan trọng và giải quyết TTHC tại quận, huyện”?															
B18. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ hữu ích của thông tin trên trang web của quận, huyện đối với cơ sở SXKD trong việc tìm kiếm thông tin? (website có tên miền kết thúc bằng gov.vn)	8	8,95	8,08	7,33	8,76	7,13	9,26	7,54	7,03	6,92	6,56	8,03	7,31	7,8	7,76
B25. Mức độ thực hiện TTHC trực tuyến/ ứng dụng phương thức mới của ông/bà khi thực hiện TTHC ở quận, huyện?	5,33	6,63	6,29	4,86	5,79	6,73	6,29	4,74	5	3,8	3	5,25	4,8	4,47	5,21
B24. Ông/bà đánh giá mức độ minh bạch thông tin khi quận/huyện ứng dụng CNTT để DN/HTX tra cứu tình trạng và tiến độ xử lý hồ sơ?	8,13	9,32	7,77	7,42	8,2	7,67	9,24	7,35	6,82	7,04	6,94	8,27	7,59	7,47	7,8
B26. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ ứng dụng CNTT/sử dụng nhiều phương thức mới, các xu thế của kinh tế số, chuyển đổi số, công nghiệp 4.0 (hỏi đáp trực tuyến trên trang web, email, MXH, hotline hỗ trợ...) để công khai thông tin và giải đáp thắc mắc/ ý kiến/ tham vấn của các	5,82	8,88	6,63	6,22	7,64	6,2	8,63	6,04	7,09	5,76	5,76	6,77	5,76	8,13	6,81

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG														TB
	Quận Hong Bàng	Quận Ngô Quyên	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Đương Kính	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Đương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
DN/HTX tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?															
3-Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	8,16	8,64	7,51	7,62	8,39	7,74	9,24	7,73	7,46	7,53	7,28	8,3	7,41	8,02	7,93
B27. “Thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các cơ sở SXKD”	8,58	9,45	7,92	8,27	8,76	8,2	9,71	8,22	7,91	8	7,84	8,52	7,86	8,33	8,4
B28. “Khi quy định của Trung ương và thành phố chưa rõ ràng, UBND quận/huyện rất sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định, giải quyết các vấn đề phát sinh mới và tham mưu UBND thành phố các đề xuất phù hợp”	8,44	9,3	7,9	8,13	8,64	8	9,71	8,28	7,89	7,92	7,37	8,45	7,79	7,67	8,25
B29. “Không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ hay đùn đẩy trách nhiệm khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND thành phố và cấp TW”	8,36	9,45	7,92	8,4	8,84	8,13	9,71	8,22	8,17	8,36	7,81	8,35	7,89	9,2	8,49

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG														TB
	Quận Hong Bàng	Quận Ngô Quyên	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kính	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B33. Ông/ bà đã bao giờ được mời tham gia góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của quận/huyện, phường/xã, ngành?	6,8	4,03	4,65	4,18	5,6	5,67	6,34	4,87	4,54	4,54	3,52	6,26	5,23	4,27	5,04
B30. “Việc thực hiện chủ trương, chính sách của ngành, thành phố trong việc tạo thuận lợi cho cơ sở SXKD hoạt động là ổn định, nhất quán”	8,53	9,38	8,02	8,4	8,72	8,13	9,71	8,24	8,11	8,32	7,81	8,58	7,87	8,47	8,45
B31. “Lãnh đạo địa phương thể hiện tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm trong việc thực thi các quy định, chính sách và tiên phong thực hiện cải cách”	8,4	9,4	7,83	8,22	8,72	8,2	9,71	8,2	8	8,08	7,75	8,71	7,92	8,93	8,43
B32. “Lãnh đạo địa phương đã giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý các trường hợp gây những nhiễu, khó khăn cho các cơ sở SXKD”.	8,4	9,48	7,94	8,27	8,72	8,2	9,71	8,15	8,03	8,16	7,78	8,81	7,84	8,6	8,43
B34. Ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng của các cuộc đối thoại, tham gia ý kiến của các SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7,45	8,18	7,53	7,07	8,65	7,47	9,03	7,42	6,82	6,92	7,59	8,13	6,89	7,53	7,62
B35. Mức độ tin tưởng và ủng hộ của ông/bà đối với lãnh đạo của địa phương trong quá trình điều hành, cải thiện môi trường kinh doanh?	8,49	9,13	7,84	7,67	8,88	7,67	9,47	8	7,66	7,44	8,1	8,9	7,44	9,17	8,28
4-Chỉ phí TG thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	8,2	8,83	7,73	8,39	8,38	7,8	9,31	8,13	7,82	7,22	7,77	8,87	7,77	7,77	8,14

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyên	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Đương Kính	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Đương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B36. Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian thực hiện các TTHC ở quận/huyện so với quy định?	8,27	8,15	7,7	8,27	7,64	7,6	8,97	8	7,6	7,44	7,52	8,32	7,31	8	7,91
B44. Ông/ bà đánh giá chung thế nào về các nỗ lực cải cách, sáng kiến của UBND quận, huyện nhằm giảm bớt chi phí thời gian cho các cơ sở SXKD khi tuân thủ các quy định pháp luật (ví dụ như thực hiện TTHC, dịch vụ công, nộp báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định...)?	8,71	9,44	8,6	9	8,78	8,34	9,75	8,35	8,26	8,24	8,51	9,42	8,43	8,93	8,77
B45. Số lần thanh tra, kiểm tra mà cơ sở SXKD của ông/ bà phải tiếp trong năm vừa qua? (Thanh tra, kiểm tra tại địa phương bao gồm các hoạt động thanh tra, kiểm tra riêng theo kế hoạch được thông báo trước, kiểm tra đột xuất, KHÔNG THUỘC các hoạt động kiểm tra liên ngành theo kế hoạch)	7,07	9,7	7,09	9,56	9,1	7,93	8,74	8,71	8,31	6,88	8,79	9,1	8,4	9	8,46
B46. Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian của 1 đợt thanh tra, kiểm tra thực tế so với thời gian trong quyết định (QĐ) thanh tra, kiểm tra do UBND cấp quận, huyện ban hành?	7,73	7,07	7,35	6,77	9,24	7,05	8,18	7,77	6,94	7,04	6,2	8,35	7,38	6,29	7,38

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG														TB
	Quận Hong Bàng	Quận Ngô Quyên	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kính	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B47. Theo quan sát từ các trường hợp từng bị thanh tra, kiểm tra và kinh nghiệm của mình, ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng của các hoạt động thanh tra, kiểm tra của chính quyền quận, huyện?	7,89	8,13	8,12	7,85	8	7,2	9,36	7,84	7,66	6,78	6,9	8,43	7,19	7,86	7,8
B48. Theo quan sát và kinh nghiệm của mình, ông/bà đánh giá về tình trạng các cuộc thanh tra, kiểm tra của UBND quận/huyện tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều các cơ sở SXKD?	8,47	8,93	7,19	8,62	7,9	9,05	9,64	8,51	8,27	7,91	8,19	9,3	8,24	6,43	8,33
B37. Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến là dễ dàng và đơn giản	8,49	9,4	7,77	8,49	8,44	7,6	9,71	7,93	7,57	6,8	7,68	8,61	7,46	7,6	8,11
B38. Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến tiết kiệm thời gian và chi phí so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	8,67	9,32	7,9	8,49	8,16	7,67	9,71	7,96	7,83	6,88	8	9,13	7,78	7,8	8,24
B39. Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến giúp không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp thành phố theo phương thức truyền thống	8,53	9,35	7,83	8,45	8,2	7,72	9,71	8,05	7,91	7,04	8,1	9,13	7,76	8,07	8,28
5-Chỉ phí không chính thức	9,3	9,05	7,86	8,95	8,47	9,02	9,39	8,74	8,52	7,83	8,43	8,88	8,37	8,6	8,67

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG														TB
	Quận Hong Bàng	Quận Ngô Quyên	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kính	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B45. Ông/ bà đánh giá như thế nào về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức (chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định của Nhà nước, ví dụ như chi phí gặp gỡ riêng lãnh đạo/cán bộ để triển khai dự án/hoạt động kinh doanh thuận lợi, khoản hoa hồng trích lại trong các gói thầu Nhà nước) mà các HKD cùng ngành như HKD của ông/bà phải bỏ ra tại quận/huyện?	9,87	8,86	7,49	8,91	8,41	9,07	9,63	8,8	8,15	8,46	8,23	9,48	8,88	8	8,73
B46. Trong năm qua, cơ sở của ông/bà phải bỏ ra bao nhiêu phần trăm trong tổng thu nhập để chi các khoản không chính thức cho cán bộ quận/huyện?	9,91	9,95	8,84	9,91	8,35	9,6	9,88	9,4	9,45	9,1	9,6	9,71	9,57	9,87	9,51
B47. Theo ông/bà, nếu một cơ sở SXKD đã chi khoản chi phí không chính thức, công việc có được giải quyết đúng như mong muốn không?	5,91	6,28	6,75	6,93	7,63	5,86	5,12	7,94	7,84	4,79	7,17	7,38	6,29	8,13	6,72
B48. Đăng ký kinh doanh	9,6	9,42	8	9,17	8,78	9,13	9,89	8,77	9,06	8,2	8,83	8,9	8,59	9,13	8,96
B54. Đất đai - địa chính	9,47	9,06	7,35	8,47	7,36	9	9,14	8,22	7,2	7,68	7,24	7,94	7,17	7,87	8,08
B55. Xây dựng	9,47	9,19	7,35	8,47	7,72	8,8	9,94	8,44	8,71	7,63	8,16	8,48	8,14	8,27	8,48
B56. Công thương (công nghiệp, dịch vụ - thương mại)	9,6	9,44	7,94	9,26	9,04	9,33	9,94	8,78	8,91	8	8,39	8,81	8,59	9,07	8,94
B57. Nông nghiệp	9,6	9,34	8,13	9,33	9,24	9,53	9,94	9,05	9	8,08	9,14	9,48	9,07	10	9,21
B58. Tài nguyên, môi trường	9,6	9,24	7,88	9,26	8,16	9,4	9,94	8,58	8,03	7,6	7,94	8,61	8,32	8,2	8,63

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG														TB
	Quận Hong Bàng	Quận Ngô Quyên	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kính	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B59. Văn hóa - thể thao - du lịch	9,6	9,41	8,15	9,29	9,32	9,52	9,94	8,89	9,28	8,28	9,37	9,51	8,86	8,6	9,14
B55. Theo ông/bà, xu thế tăng/giảm chung về chi phí không chính thức phải chi trả khi thực hiện các TTHC hoặc các công việc liên quan tại địa phương có thay đổi như thế nào trong năm vừa qua?	9,64	9,39	8,6	9,45	9,2	9,93	9,94	9,33	8,11	8,29	8,68	9,38	8,53	7,47	9
6-Cạnh tranh bình đẳng	9	8,98	7,65	8,41	7,54	8,65	9,54	7,99	8,24	7,87	8,16	9,23	7,59	7,67	8,32
B56. “Thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ của quận/huyện chỉ rơi vào tay các cơ sở SXKD lớn, cơ sở SXKD thân hữu với chính quyền”.	8,84	8,93	7,66	8,18	7,48	8,4	9,54	7,93	8,06	7,88	7,9	9,13	7,52	7	8,18
B61. “Chính quyền địa phương chỉ ưu ái thực hiện TTHC đối với cơ sở SXKD lớn, cơ sở SXKD thân hữu với chính quyền so với cơ sở SXKD nhỏ và vừa”.	9,11	9,03	7,6	8,41	7,48	8,73	9,54	7,96	8,26	7,68	8,19	9,19	7,57	7,87	8,33
B63. “Chính quyền địa phương chỉ ưu tiên giải quyết kiến nghị, khó khăn đối với cơ sở SXKD lớn, cơ sở SXKD thân hữu với chính quyền so với cơ sở SXKD nhỏ và vừa”.	9,11	8,98	7,68	8,51	7,56	8,67	9,54	8,02	8,31	8,04	8,22	9,29	7,63	8,33	8,42
B64. “Chính quyền địa phương thường “nhẹ tay” trong công tác thanh tra, kiểm tra với các cơ sở SXKD lớn, thân hữu với chính quyền”	8,93	8,98	7,68	8,52	7,64	8,8	9,54	8,04	8,34	7,88	8,32	9,29	7,63	7,47	8,36

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG														TB
	Quận Hong Bàng	Quận Ngô Quyên	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kính	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
7-Hỗ trợ SXKD	8	8,54	7,29	7,24	8,23	7,4	9,19	7,6	7,47	7,15	6,9	8,21	7,14	7,7	7,72
B65. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ cung cấp thông tin triển khai các chương trình, chính sách, sáng kiến, hoạt động (của trung ương và thành phố) dành riêng cho hỗ trợ các cơ sở SXKD của quận, huyện?	8,09	9,07	7,86	7,78	8,56	7,4	9,26	8,06	7,01	7	6,57	8,29	7,2	6,93	7,79
B66. Trong năm vừa qua, ông/bà có hay được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ cơ sở SXKD (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách vay vốn, nước sạch, nông thôn mới...) do quận, huyện tổ chức?	6,58	3,87	4,78	4,31	5	6,2	6,63	5,76	4,83	5,88	4,95	6	5,87	6,87	5,54
B67. Hỗ trợ khởi sự kinh doanh	7,87	9,15	7,46	7,82	8,42	7,67	9,54	7,56	7,83	7	6,97	8,34	7,23	6,87	7,84
B68. Hỗ trợ các vấn đề liên quan tới thuế	8,22	9,2	7,94	7,64	8,68	7,73	9,54	7,75	7,97	7,16	6,95	8,35	7,23	8,47	8,06
B69. Xúc tiến thương mại, hỗ trợ liên kết, kết nối cung cầu, hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ, quảng bá sản phẩm	7,78	9,28	7,48	7,64	8,64	7,13	9,53	7,64	7,8	7,6	6,89	8,13	7,2	8,73	7,96
B70. Hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp và tuyển dụng lao động cho người lao động trên địa bàn	8,13	9,35	7,38	7,51	8,53	7,73	9,49	7,82	7,91	7,4	6,92	8,23	7,09	7,07	7,9
B71. Hỗ trợ về vốn vay ưu đãi, tín dụng sản xuất kinh doanh	8,09	9,13	7,5	7,78	8,36	7,73	9,54	7,76	7,86	7,52	6,86	8,61	7,25	8,4	8,03

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG														TB
	Quận Hong Bàng	Quận Ngô Quyên	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kính	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B72. Công tác thi đua, khen thưởng đối với các cơ sở SXKD có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, đóng góp cho xã hội, cộng đồng	7,78	9,07	7,4	7,47	8,76	7,73	9,49	7,78	7,91	7,52	7,05	8,72	7,19	7,47	7,95
B73. Hỗ trợ các cơ sở SXKD trong các trường hợp biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (VD như Covid -19)	8,44	9,34	7,51	7,81	8,8	7,13	9,56	7,83	7,91	7,24	7,56	8,84	7,32	8,2	8,11
B74. Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: “Chính quyền địa phương luôn quan tâm tới các cơ sở SXKD nhỏ, cơ sở do phụ nữ, người yếu thế làm chủ và có nhiều chương trình hỗ trợ hiệu quả, khuyến khích các mô hình kinh tế mới, chuyển đổi mô hình kinh doanh”?	9,2	9,25	7,35	7,82	8,9	8,2	9,49	8,24	8,09	7,92	8,36	8,61	8,08	7,67	8,37
B62. Ông/bà đánh giá thế nào về thủ tục để được hưởng các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh ở quận/huyện?	7,78	7,23	7,54	6	7,92	6,73	9,06	7,46	7	6,4	6,77	8,16	6,83	8,07	7,35
8-Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế pháp lý & ANTT	8,61	9,34	7,98	8,35	8,71	8,19	9,56	8,26	8,13	7,72	8,26	8,9	7,81	8,82	8,48
B75. Ông bà đánh giá thế nào về hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật do UBND quận, huyện triển khai và thực thi?	8,44	9,32	8	8,04	9,04	7,27	9,43	8,32	8	7,28	7,9	8,55	7,57	8,27	8,25

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG														TB
	Quận Hong Bàng	Quận Ngô Quyên	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kính	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B76. Ông bà đánh giá thế nào về hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật của UBND quận, huyện trong thời gian qua?	8,64	9,38	8,06	8	9,08	7,8	9,47	8,36	7,97	7,32	8,13	8,5	7,76	8,73	8,37
B77. “Các cơ quan cấp quận, huyện luôn hỗ trợ pháp lý, có kênh/cơ chế tiếp nhận thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo cho các cơ sở SXKD khi họ có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm”	8,4	9,35	7,73	8,27	8,6	8,2	9,6	8,07	7,8	7,8	8,19	8,65	7,84	7,47	8,28
B79. “Cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, minh bạch, công bằng, không phải vượt cấp”	8,5	9,38	7,73	8,13	8,8	8,14	9,6	8,26	7,82	7,8	7,94	8,74	7,81	8,73	8,38
B81. “UBND quận, huyện đã giải quyết hiệu quả các vụ việc liên quan tới an ninh, trật tự của các cơ sở SXKD”	8,67	9,35	8,1	8,62	8,76	8,67	9,6	8,27	8,37	7,92	8,41	9	8,08	9,6	8,67
B82. “Hiện tượng tội phạm quấy nhiễu cơ sở SXKD tại địa phương hoàn toàn không còn tồn tại”	8,84	9,3	8,06	8,67	8,6	8,67	9,6	8,29	8,54	8,04	8,54	9,29	7,81	9,73	8,71
B83. “Hoàn toàn không có hiện tượng cơ sở SXKD phải chi trả tiền cho các nhóm đối tượng để được yên ổn làm ăn”	8,89	9,32	8,11	8,73	8,57	8,67	9,6	8,42	8,57	7,88	8,83	9,26	7,87	9,8	8,75
B74. “Hoạt động tiếp và đối thoại DN, HTX, HKD của quận/huyện hiệu quả”	8,49	9,35	8,05	8,3	8,25	8,13	9,6	8,06	7,97	7,72	8,13	9,21	7,78	8,27	8,38
9-Tiếp cận đất đai	8,4	9,01	7,71	8,07	8,34	7,74	9,24	7,88	7,86	7,66	7,59	8,88	7,47	7,92	8,13

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG														TB
	Quận Hong Bàng	Quận Ngô Quyên	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kính	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B91. Ông/ bà đánh giá thế nào về mức độ khó khăn hoặc thuận lợi để có được địa điểm kinh doanh như hiện tại?	8,09	8,93	7,73	7,82	8,36	6,73	9,09	7,82	8,26	6,78	8	8,81	7,31	7,8	7,97
B92. Rủi ro mất bằng kinh doanh của ông/ bà bị thu hồi, giải tỏa có cao không?	8,84	9,03	8,62	8,82	9,06	8,4	8,57	8,66	9	8,48	9,08	9,55	7,55	9,07	8,77
B93. Ông/bà đánh giá thế nào về tính chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc ở địa phương của UBND cấp quận, huyện?	8,45	9,06	7,92	8,44	8,6	7,53	8,94	7,88	7,27	7,64	7,47	8,94	7,76	8,2	8,15
B94. “Cơ sở SXKD rất dễ dàng trong việc tiếp cận quỹ đất sạch hoặc thuê đất tại các khu đất mới được quy hoạch (cụm CN...)”	8,31	9,07	7,39	7,78	7,6	7,73	9,49	7,55	7,34	7,6	7,37	8,71	7,07	7,47	7,89
B95. “Giải phóng mặt bằng nhanh chóng, đúng tiến độ”	8,36	9,05	7,47	7,78	8,16	8,13	9,54	7,71	7,66	7,72	7,05	8,71	7,32	7,27	7,99
B96. “Việc xác minh nguồn gốc đất đai tại địa phương và giải quyết hồ sơ đất đai nhanh chóng và đúng quy định”.	8,4	8,95	7,39	7,9	8,12	7,87	9,54	7,78	7,6	7,63	7,14	8,68	7,68	8,13	8,06
B97. “Thẩm định phương án bồi thường rất thỏa đáng”	8,31	9	7,44	7,95	8,48	7,8	9,49	7,74	7,86	7,75	7,02	8,77	7,63	7,53	8,05
Tổng	8,4	8,91	7,63	8,02	8,22	7,9	9,32	7,94	7,72	7,39	7,53	8,59	7,52	8	8,08



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**



<https://haiphong.ddci.org.vn/>

